|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **1. Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Triết học Mác- Lênin** | **1.2. Tên tiếng Anh: Marxist- Leninist Philosophy** |
| **1.3. Mã học phần: MLTH.001** | **1.4. Số tín chỉ: 04** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 40 tiết |
| - Bài tập: | 20 tiết |
| - Tự học: | 120 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Trần Hương Giang |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Lương Thị Lan Huệ  ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Người học hiểu được những kiến thức lý luận cơ bản về Triết học Mác- Lênin, vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội, những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, những nội dung cơ bản về triết học Mác- Lênin trong thời đại ngày nay. Từ đó, người học xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác, cũng như nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

- Cung cấp những hiểu biết có tính căn bản, hệ thống về triết học Mác – Lênin.

**2.2.2. Về kỹ năng**

-Xây dựng thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng duy vật làm nền tảng lý luận cho việc nhận thức các vấn đề, nội dung của các môn học khác.

**2.2.3. Về thái độ**

- Nhận thức được thực chất giá trị, bản chất khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO 1 | Người học hiểu được quá trình hình thành và phát triển chủ nghĩa Mác- Lênin cũng như vai trò của triết học trong đời sống xã hội. Hiểu được vấn đề cơ bản của triết học và sự đối lập giữa chủ nghĩa duy vật với chủ nghĩa duy tâm trong việc giải quyết vấn đề cơ bản của triết học. |
| CLO 2 | Người học hiểu được khái niệm, nội dung và ý nghĩa phương pháp luận của các ngyên lý, quy luật và phạm trù của phép biện chứng duy vât. Khái niệm thực tiễn, nhận thức và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. Hiểu được con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý. |
| CLO 3 | Người học hiểu về các vấn đề của chủ nghĩa duy vật lịch sử như vai trò của sản xuất vật chất và quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng; Tồn tại xã hội quyết định ý thức XH và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội. Hiểu được hình thái kinh tế - xã hội; đấu tranh giai cấp và vai trò của nó; Hiểu được quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người. |
| CLO 4 | Người học nắm được những vai trò của triết học Mác- Lênin trong thời đại ngày nay, những yêu cầu bảo vệ và phát triển triết học Mác- Lênin, mối quan hệ giữa Triết học Mác- Lênin với các khoa học trong thời đại ngày nay. Vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay, những vấn đề đặt ra đối với sự phát triển của triết học Mác- Lênin trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay và những điều kiện để nhận thức và vận dụng có hiệu quả triết học Mác- Lênin trong giai đoạn hiện nay. |
| CLO 5 | Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá các nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật; kỹ năng nhìn nhận các nội dung của phép biện chứng duy vật có quan hệ mật thiết với nhau, bổ sung và hổ trợ nhau để thấy được sự thống nhất trong tính đa dạng và nhất quán của mỗi tư tưởng nói riêng, của toàn hệ thống nói chung. |
| CLO 6 | Rèn luyện kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá các nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử; kỹ năng nhìn nhận các nội dung của chủ nghĩa duy vật lịch sử có quan hệ mật thiết với nhau, bổ sung và hổ trợ nhau để thấy được sự thống nhất trong tính đa dạng và nhất quán của mỗi tư tưởng nói riêng, của toàn hệ thống nói chung; rèn luyện kỹ năng cập nhật và chọn lọc thông tin, kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm. |
| CLO 7 | Chủ động tìm hiểu và thể hiện sự quan tâm, lo lắng về các nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật. Xác định đúng đắn tính các mạng và khoa học của phép biện chứng duy vật trong việc giải quyết các nguyên lý, phạm trù và quy luật triết học. Vận dụng vào cuộc sống giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra. |
| CLO 8 | Xác định đúng đắn tính các mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc giải quyết các vấn đề của chủ nghĩa duy vật lịch sử . Vận dụng vào cuộc sống giải quyết các vấn đề thực tiễn đặt ra. Tích cực tham gia tuyền truyền và vận động mọi người vì sự tiến bộ của nhân loại. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | R | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 | R | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 | R | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 | R | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  | I | I | I | R | R | R |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  | I | I | I | R | R | R |  |  |  |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | I | R | R |
| CLO8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R | R | R |
| Tổng hợp học phần | R | I | I | I | I | I | R | R | R | I | R | R |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ chương 1 đến chương 4  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | Từ CLO1  đến CLO7 | Điểm danh, quan sát, theo dõi. |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 3: Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội | 25% | X | CLO 1  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 | Viết, bài tập nhóm |
| A2.2. Tuần 7: Chương 2. Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng | 25% | X | CLO 2  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 |
| A2.3. Tuần 11: Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử | 25% | X | CLO 3  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 |
| A2.4. Tuần 15: Chương 4. Triết học Mác- Lênin trong thời đại ngày nay | 25% | X | CLO 4  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Bao quát toàn bộ nội dung các chương |  | X | Từ CLO 1  đến CLO 8 | Viết hoặc vấn đáp |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **(4 tiết/b)** | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV | Tên bài  đánh giá  (ở cột 3 bảng 5.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Triết học và vai trò của triết học trong đời sống xã hội  1.1. Triết học và vấn đề cơ bản của triết học  1.1.1. Khái lược về triết học  1.1.1.1. Nguồn gốc của triết học  1.1.1.2. Khái niệm triết học  1.1.1.3. Vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử  1.1.1.4. Triết học- hạt nhân lý luận của thế giới quan | 3 LT- 1 BT | - Trình bày được khái niệm triết học và vấn đề cơ bản của triết học, nguồn gốc của triết học, vấn đề đối tượng của triết học trong lịch sử.  - Phân tích được triết học- hạt nhân lý luận của thế giới quan. | CLO 1  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr4-8.  - Phần CB trên lớp:  - Bài tập: Trình bày nguồn gốc ra đời của triết học. |  |
| 2 | 1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học  1.1.2.1. Nội dung vấn đề cơ bản của triết học  1.1.2.2. Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm  1.1.2.3. Thuyết có thể biết (Thuyết Khả tri) và thuyết không thể biết (Thuyết bất Khả tri)  1.1.3. Biện chứng và siêu hình  1.1.3.1. Khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử  1.1.3.2. Các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử | 3 LT- 1 BT | - Trình bày được nội dung vấn đề cơ bản của triết học.  - Phân biệt được chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa duy tâm; Thuyết có thể biết và thuyết không thể biết; Biện chứng và siêu hình.  - Phân biệt khái niệm biện chứng và siêu hình trong lịch sử, các hình thức của phép biện chứng trong lịch sử. | CLO 1  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr9-13.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: giải quyết vấn đề cơ bản của triết học, triết học chia ra những trường phái nào? |  |
| 3 | 1.2. Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – lênin trong đời sống xã hội  1.2.1. Sự ra đời phát triển của Triết học Mác – Lênin  1.2.1.1. Những điều kiện lịc sử của sự ra đời triết học Mác  1.2.1.2. Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của Triết học Mác  1.2.1.3. Thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện  1.2.1.4. Giai đoạn Lênin trong sự phát triển Triết học Mác | 3LT- 1BT | - Ghi nhớ được Triết học Mác – Lênin và vai trò của triết học Mác – lênin trong đời sống xã hội  - Trình bày được những điều kiện lịch sử của sự ra đời triết học Mác; Những thời kỳ chủ yếu trong sự hình thành và phát triển của Triết học Mác.  - Phân tích được thực chất và ý nghĩa cuộc cách mạng trong triết học do C.Mác và Ph.Ăngghen thực hiện  - Trình bày được giai đoạn Lênin trong sự phát triển Triết học Mác. Hiểu được vai trò của Lênin trong việc bảo vệ và phát triển triết học Mác. | CLO 1  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr14-26.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Bối cảnh lịch sử thời kỳ Lênin có điểm gì mới so với thời kỳ của Mác. | A.2.1 |
| 4 | 1.2.2. Đối tượng và chức năng của Triết học Mác – Lênin  1.2.2.1. Khái niệm triết học Mác – Lênin  1.2.2.2. Đối tượng của triết học Mác – Lênin  1.2.2.3. Chức năng của triết học Mác – Lênin  1.2.3. Vai trò của triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội và sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện  1.2.3.1. Triết học Mác – Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn  1.2.3.2. Triết học Mác – Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ.  1.2.3.3. Triết học Mác – Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | 3 LT- 1 BT | - Trình bày được khái niệm, đối tượng, chức năng và vai trò của Triết học Mác – Lênin.  - Phân tích được Triết học Mác – Lênin là thế giới quan, phương pháp luận khoa học và cách mạng cho con người trong nhận thức và thực tiễn.  - Phân tích được Triết học Mác – Lênin là cơ sở thế giới quan và phương pháp luận khoa học và cách mạng để phân tích xu hướng phát triển của xã hội trong điều kiện cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại phát triển mạnh mẽ. Triết học Mác – Lênin là cơ sở lý luận khoa học của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | CLO 1  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr27-29.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Phân tích khái niệm triết học Mác- Lênin. |  |
| 5 | Chương 2. Chủ nghĩa duy vật biện chứng  2.1. Vật chất và ý thức  2.1.1. Vật chất và các hình thức tồn tại của vật chất  2.1.1.1. Quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước C.Mác về phạm trù vật chất  2.1.1.2. Cuộc cách mạng khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất  2.1.1.3. Quan niệm của triết học Mác – Lênin về vật chất  2.1.1.4. Các hình thức tồn tại của vật chất  2.1.1.5. Tính thống nhất vật chất của thế giới  2.1.2. Nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức  2.1.2.1. Nguồn gốc của ý thức  2.1.2.2. Bản chất của ý thức  2.1.2.3. Kết cấu của ý thức  2.1.3. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức  2.1.3.1. Quan điểm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật siêu hình  2.1.3.2. Quan điểm của chủ nghĩa duy vật biện chứng | 2 LT- 2 BT | - Trình bày được quan niệm của chủ nghĩa duy tâm và chủ nghĩa duy vật trước C.Mác về phạm trù vật chất.  - Phân tích được cuộc cách mạng khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất.  - Trình bày được quan niệm của triết học Mác – Lênin về vật chất; Các hình thức tồn tại của vật chất; Tính thống nhất vật chất của thế giới.  - Trình bày được nguồn gốc, bản chất và kết cấu của ý thức, mối quan hệ giữa vật chất và ý thức. | CLO 2  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr30-37.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: cuộc cách mạng khoa học tự nhiên cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX và sự phá sản của các quan điểm duy vật siêu hình về vật chất như thế nào? |  |
| 6 | 2.2. Phép biện chứng duy vật  2.2.1. Hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật  2.2.1.1. Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan  2.2.1.2. Khái niệm phép biện chứng duy vật  2.2.2. Nội dung của phép biện chứng duy vật  2.2.2.1. Hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật. | 3 LT- 1 BT | - Trình bày được hai loại hình biện chứng và phép biện chứng duy vật; Biện chứng khách quan và biện chứng chủ quan.  - Phân tích được hai nguyên lý của phép biện chứng duy vật cũng như những nguyên tắc phương pháp luận được rút ra từ hai nguyên lý. | CLO 2  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr38-44.  - Phần CB trên lớp:  - Bài tập: Đảng cộng sản Việt Nam đã vận nguyên tắc toàn diện vào đường lối lãnh đạo như thế nào? |  |
| 7 | 2.2.2.2. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật  2.2.2.3. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật  2.3.5. Tính chất của chân lý | 2 LT- 2 BT | - Trình bày được các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật.  - Phân tích được các luật cơ bản của phép biện chứng duy vật và các nguyên tắc phương pháp luận rút ra từ các quy luật đó.  - Trình bày được tính chất của chân lý. | CLO 2  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr45-72.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Lấy ví dụ về ba quy luật. | A.2.2 |
| 8 | 2.3. Lý luận nhận thức  2.3.1. Các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng  2.3.2. Nguồn gốc, bản chất của nhận thức  2.3.3. Thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức  2.3.4. Các giai đoạn của quá trình nhận thức | 3 LT- 1 BT | - Trình bày được các nguyên tắc của lý luận nhận thức duy vật biện chứng, nguồn gốc, bản chất của nhận thức  - Phân tích được thực tiễn và vai trò của thực tiễn đối với nhận thức, các giai đoạn của quá trình nhận thức | CLO 2  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr73-80.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Phân tích vai trò của thực tiễn đối với nhận thức. |  |
| 9 | Chương 3. Chủ nghĩa duy vật lịch sử  3.1. Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội  3.1.1. Sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội  3.1.2. Biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất  3.1.2.1. Phương thức sản xuất  3.1.2.2. Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất  3.1.3. Biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội  3.1.3.1. Khái niệm cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội  3.1.3.2. Quy luật về mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội  3.1.4. Sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên  3.1.4.1. Phạm trù hình thái kinh tế - xã hội  3.1.4.2. Tiến trình lịch sử - tự nhiên của xã hội loài người  3.1.4.3. Giá trị khoa học bền vững và ý nghĩa cách mạng | 3 LT- 1 BT | - Trình bày được sản xuất vật chất là cơ sở của sự tồn tại và phát triển xã hội.  - Phân tích được mối quan hệ biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất.  - Phân tích được quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất.  - Trình bày được mối quan hệ biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội.  - Phân tích được sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên. | CLO 3  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr81-90.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: tại sao nói sự phát triển của các hình thái kinh tế xã hội là một quá trình lịch sử- tự nhiên? |  |
| 10 | 3.2. Giai cấp và dân tộc  3.2.1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp  3.2.1.1. Giai cấp  3.2.1.2. Đấu tranh giai cấp  3.2.1.3. Đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản  3.2.2. Dân tộc  3.2.2.1. Các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc  3.2.2.2. Dân tộc – hình thức cộng đồng người phổ biến hiện nay  3.2.3. Mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại  3.2.3.1. Quan hệ giai cấp – dân tộc  3.2.3.2. Quan hệ giai cấp, dân tộc với nhân loại | 2LT – 2 BT | - Trình bày được vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp.  - Phân tích được các hình thức cộng đồng người trước khi hình thành dân tộc  - Phân tích được mối quan hệ giai cấp – dân tộc – nhân loại. | CLO 3  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr93-107.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa giai cấp, dân tộc và nhân loại. |  |
| 11 | 3.3. Nhà nước và cách mạng xã hội  3.3.1. Nhà nước  3.3.1.1. Nguồn gốc của nhà nước  3.3.1.2. Bản chất của nhà nước  3.3.1.3. Đặc trưng cơ bản của nhà nước  3.3.1.4. Chức năng cơ bản của nhà nước  3.3.1.5. Các kiểu và hình thức nhà nước  3.3.2. Cách mạng xã hội  3.3.2.1. Nguồn gốc của cách mạng xã hội  3.3.2.2. Bản chất của cách mạng xã hội  3.3.2.3. Phương pháp cách mạng  3.3.2.4. Vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay | 3LT – 1 BT | - Trình bày được nguồn gốc của nhà nước, bản chất của nhà nước, đặc trưng cơ bản của nhà nước, chức năng cơ bản của nhà nước, các kiểu và hình thức nhà nước.  - Phân tích được nguồn gốc của cách mạng xã hội, bản chất của cách mạng xã hội, phương pháp cách mạng, vấn đề cách mạng xã hội trên thế giới hiện nay. | CLO 3  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr110-115.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Thế nào là nhà nước nguyên nghĩa, và nhà nước nửa nhà nước. | A.2.3 |
| 12 | 3.4. Tồn tại xã hội và ý thức xã hội  3.4.1. Khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội  3.4.1.1. Khái niệm tồn tại xã hội  3.4.1.2. Các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội  3.4.2. Ý thức xã hội và kết cấu của ý thức xã hội  3.4.2.1. Khái niệm ý thức xã hội  3.4.2.2. Kết cấu của ý thức xã hội  3.4.2.3. Tính giai cấp của ý thức xã hội  3.4.2.4. Quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội  3.4.2.5. Các hình thái ý thức xã hội | 3 LT – 1 BT | - Trình bày được khái niệm tồn tại xã hội và các yếu tố cơ bản của tồn tại xã hội.  - Trình bày được khái niệm ý thức xã hội, kết cấu của ý thức xã hội, tính giai cấp của ý thức xã hội  - Phân tích được mối quan hệ biện chứng giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội.  - Trình được các hình thái ý thức xã hội. | CLO 3  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr120-128.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Phân tích và lấy ví dụ làm rõ về tính lạc hậu và tính vượt trước của tồn tại xã hội và ý thức xã hội. |  |
| 13 | 3.5. Triết học về con người  3.5.1. Khái niệm con người và bản chất con người  3.5.1.1. Con người là thực thể sinh học xã hội  3.5.1.2. Con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người  3.5.1.3. Con người vừa là chủ thể của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử  3.5.1.4. Bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội  3.5.2. Hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người  3.5.2.1. Thực chất của hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa  3.5.2.2. “Vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức”  3.5.2.3. “Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”  3.5.3. Quan điểm của triết học Mác – Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử  3.5.3.1. Quan hệ giữa cá nhân và xã hội  3.5.3.2. Vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử  3.5.4. Vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam | 3 LT – 1 BT | - Trình bày được khái niệm con người và bản chất con người; con người là thực thể sinh học xã hội; con người là sản phẩm của lịch sử và của chính bản thân con người; con người vừa là chủ thể của lịch sử, vừa là sản phẩm của lịch sử; bản chất con người là tổng hòa các quan hệ xã hội.  - Phân tích được hiện tượng tha hóa con người và vấn đề giải phóng con người; thực chất của hiện tượng tha hóa con người là lao động của con người bị tha hóa; “Vĩnh viễn giải phóng toàn thể xã hội khỏi ách bóc lột, ách áp bức”.  - Phân tích được “Sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người”; quan điểm của triết học Mác – Lênin về quan hệ cá nhân và xã hội, về vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử; quan hệ giữa cá nhân và xã hội; vai trò của quần chúng nhân dân và lãnh tụ trong lịch sử; vấn đề con người trong sự nghiệp cách mạng ở Việt Nam. | CLO 3  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr140- 145.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Phân tích “bản chất con người là tống hoà các mối quan hệ xã hội.” |  |
| 14 | Chương 4. Triết học Mác- Lênin trong thời đại ngày nay  4.1 Bối cảnh lịch sử và yêu cầu bảo vệ, phát triển triết học Mác- Lênin trong thời đại ngày nay  4.4.1. Bối cảnh quốc tế và trong nước  4.1.2. Những yêu cầu bảo vệ và phát triển triết học Mác- Lênin  4.2. Mối quan hệ giữa Triết học Mác- Lênin với các khoa học trong thời đại ngày nay  4.2.1. Mối quan hệ giữa triết học Mác- Lênin với khoa học tự nhiên- công nghệ hiện đại và những vấn đề đặt ra đối với sự phát triển triết học  4.4.2. Mối quan hệ giữa triết học Mác- Lênin với khoa học xã hội- nhân văn và những vấn đề đặt ra đối với sự phát triển triết học | 2 LT – 2 BT | - Ghi nhớ được bối cảnh lịch sử và yêu cầu bảo vệ, phát triển triết học Mác- Lênin trong thời đại ngày nay  - Trình bày được mối quan hệ giữa Triết học Mác- Lênin với các khoa học trong thời đại ngày nay, mối quan hệ giữa triết học Mác- Lênin với khoa học tự nhiên- công nghệ hiện đại và những vấn đề đặt ra đối với sự phát triển triết học Mác- Lênin. | CLO 4  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr150-153.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Trình bày bối cảnh lịch sử và yêu cầu bảo vệ, phát triển triết học Mác- Lênin trong thời đại ngày nay |  |
| 15 | 4.3. Vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay  4.3.1. Vấn đề bảo vệ môi trường  4.3.2. Vấn đề chiến tranh và hòa bình  4.3.3. Vấn đề phát triển bền vững  4.4. Vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay  4.4.1. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay  4.4.2. Những vấn đề đặt ra đối với sự phát triển của triết học Mác- Lênin trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay  4.5. Điều kiện để nhận thức và vận dụng có hiệu quả triết học Mác- Lênin trong giai đoạn hiện nay  4.5.1. Về tri thức lý luận  4.5.2. Về tri thức khoa học cụ thể  4.5.3. Về kinh nghiệm thực tiễn  4.5.4. Về phẩm chất chính trị, đạo đức | 2LT – 2 BT | - Phân tích được vai trò của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay: vấn đề bảo vệ môi trường, vấn đề chiến tranh và hòa bình, vấn đề phát triển bền vững.  - Trình bày được vai trò thế giới quan và phương pháp luận của triết học Mác- Lênin trong đời sống xã hội và trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay; những vấn đề đặt ra đối với sự phát triển của triết học Mác- Lênin trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay; điều kiện để nhận thức và vận dụng có hiệu quả triết học Mác- Lênin trong giai đoạn hiện nay. | CLO 4  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr155-158.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Điều kiện để nhận thức và vận dụng có hiệu quả triết học Mác- Lênin trong giai đoạn hiện nay. | A.2.4 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  |  |  |  | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia. | 2021 | Giáo trình Triết học Mác – Lênin | Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội |
| 2 | Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn giáo trình quốc gia các môn khoa học Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh | 1999 | Giáo trình Triết học Mác – Lênin | Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 3 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2010 | Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin | Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội |
| 4 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2010 | Giáo trình Triết học | Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |
| 5 | Đào Đức Doãn, Trần Đăng Sinh | 2006 | Triết học - những vấn đề nghiên cứu và giảng dạy | Nxb. Đại học sư phạm, Hà Nội. |
| 6 | Vương Tất Đạt, Nguyễn Thị Vân Hà | 2007 | Phương cách trả lời các câu hỏi ôn tập môn Triết học Mác - Lênin | Nxb. Đại học Kinh tế quốc dân. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** | |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường A hoặc C | Bảng, phấn, máy chiếu | 1 | Chương 1 đến chương 4 |

**9. Rubric đánh giá:**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |  |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2. Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |  |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với  yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý,  đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3. Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
| **T.S Nguyễn Văn Duy Th.s Lương Thị Lan Huệ** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Kinh tế chính trị Mác – Lênin** | **1.2. Tên tiếng Anh: Political economy Marxism Leninism** |
| **1.3. Mã học phần: MLKTCT.139** | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 20 tiết |
| - Bài tập | 25 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Hương Liên |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phan Thị Thu Hà;  ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần hệ thống hoá những kiến thức lý luận sâu của Kinh tế chính trị Mác – Lênin, hình thành kỹ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và xây dựng lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác - Lênin.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống tri thức lý luận cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác – Lênin trong bối cảnh phát triển mới của Việt Nam và thế giới ngày nay. Đảm bảo tính hệ thống, khoa học, cập nhật tri thức mới, gắn với thực tiễn, sáng tạo, tư duy, phẩm chất người học, tính liên thông, khắc phục trùng lắp, tăng cường tích hợp nội dung phù hợp với đối tượng sinh viên chuyên lý luận chính trị bậc đại học.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Hình thành cho sinh viên tư duy lý luận, kĩ năng phân tích, đánh giá và nhận diện bản chất của các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Từ đó, xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm và cuộc sống sau khi ra trường.

**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành cho sinh viên lập trường, ý thức hệ tư tưởng Mác-Lênin, đối với sinh viên, góp phần hình thành lý luận nền tảng Chủ nghĩa Mác-Lênin để sau khi tốt nghiệp, sinh viên tham gia tốt các hoạt động nghiên cứu lý luận và quản lý kinh tế - xã hội.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Ghi nhớ các kiến thức liên quan đến hệ thống tri thức cốt lõi của kinh tế chính trị. |
| CLO2 | Hiểu được những tri thức mới, tích hợp các nội dung phù hợp với chuyên ngành lý luận bậc đại học. |
| CLO3 | Vận dụng tư duy quan sát, phân tích, đánh giá các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội. |
| CLO4 | Xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm sau này. |
| CLO5 | Có ý thức hệ tư tưởng vững vàng, có thái độ, lối sống tích cực trong cuộc sống và học tập. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | I |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO 2 |  | R |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  | M |  |
| CLO 4 | R |  | R |  |  | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  | A |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần | R |  | R |  | M | M | R | I | R | M |  | R |

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% |  |  |  | Từ CLO 1 đến CLO 5 | Điểm danh, quan sát, đánh giá qua ý thức tích cực tham gia xây dựng phát biểu bài, làm bài tập, hăng say đóng góp ý kiến thảo luận |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 5: Bài Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường | 30% |  | CLO 1 và CL O 2 | Viết, bài tập nhóm |
| A2.2. Tuần 10: Bài Đặc trưng của của kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | 30% |  | CLO 3 |
| A2.3. Tuần 15: Bài Tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam | 40% |  | CLO 4 và CLO 5 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Bao quát toàn bộ nội dung các chương |  |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | Tự luận, vấn đáp |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **(3 tiết/b)** | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV | Tên bài đánh giá  (ở cột 3 bảng 5.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác- Lênin  1.1. Kinh tế chính trị Mác-Lênin trong dòng chảy tư tưởng kinh tế của nhân loại  1.2. Đối tượng, mục đích nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác - Lênin  1.3. Chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin  Chương 2: Kinh tế thị trường và các quy luật kinh tế cơ bản của kinh tế thị trường  2.1. Sản xuất hàng hóa: Cơ sở hình thành Kinh tế thị trường | 2 LT- 1 BT | Chương 1:  1.1. Nắm được lịch sử hình thành của Kinh tế chính trị Mác - Lênin  1.2. Hiểu được đối tượng, mục đích nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác-Lênin; Phương pháp nghiên cứu của Kinh tế chính trị Mác-Lênin  1.3. Nắm được chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin: Chức năng nhận thức; Chức năng thực tiễn; Chức năng tư tưởng; Chức năng phương pháp luận  Chương 2  2.1. Hiểu được được khái niệm sản xuất hàng hoá, hàng hoá, tiền, dịch vụ và một số loại hàng hoá đặc biệt | *CLO1*  *CLO1*  *CLO3*  *CLO3* | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  - Trả lời câu hỏi: Trình bày đối tượng nghiên cứu của kinh tế chính trị?  - Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên (T8 và 10) |  |
| 2 | 2.2. Kinh tế thị trường và một số mô hình kinh tế thị trường trên thế giới  2.3. Các quy luật kinh tế cơ bản của kinh tế thị trường | 1LT- 2BT | 2.2. Nắm được khái niệm và đặc trưng kinh tế thị trường  - Hiểu được một số mô hình kinh tế thị trường điển hình trên thế giới  2.3. Nắm được các quy luật kinh tế cơ bản của kinh tế thị trường | CLO4  CLO4 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung và trả lời các câu hỏi (C2,3) (tài liệu [1])  - Phần chuẩn bị trên lớp:  - Đọc hiểu và trả lời các câu hỏi của giảng viên (T11 và 16) |  |
| 3 | Chương 3: Lý luận của C.Mác về giá trị thặng dư và các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư  3.1. Lý luận giá trị thặng dư của C.Mác | 1LT – 2BT | 3.1. Nắm được sự sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường Tư bản chủ nghĩa  - Nắm được các phương pháp sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường Tư bản chủ nghĩa | CLO 3 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  - Trả lời câu hỏi: Trình bày công thức chung của tư bản?  - Phần chuẩn bị trên lớp:  + Làm bài tập nhóm. Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên (T12 và 15) |  |
| 4 | 3.2. Các hình thức biểu hiện của giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường | 2LT- 1BT | 3.2. Hiểu được các khái niệm và nêu được ví dụ minh hoạ về lợi nhuận, lợi nhuận bình quân, lợi nhuận thương nghiệp, lợi tức, địa tô | CLO5. | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  - Trả lời câu hỏi: thế nào là tư bản cho vay?  - Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên (T16 và 19) |  |
| 5 | Chương 4: Tích lũy và tái sản xuất trong nền kinh tế thị trường  4.1. Tích lũy trong nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa  4.2. Tái sản xuất trong nền kinh tế thị trường | 2LT – 1 BT | 4.1. Hiểu được khái niệm tích luỹ, làm các bài tập tìm quy mô sản xuất  4.2. Nắm được tái sản xuất giản đơn, mở rộng, mục đích của tái sản xuất | CLO 3 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  - Trả lời câu hỏi: trình bày công thức tính quy mô tư bản?  - Phần chuẩn bị trên lớp:  + Làm bài tập theo nhóm. Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên (T18 và 20) | A2.1 |
| 6 | Chương 4: Tích lũy và tái sản xuất trong nền kinh tế thị trường  4.3. Khủng hoảng kinh tế trong nền kinh tế thị trường | 1LT – 2 BT | 4.3. Nắm được các giai đoạn khủng hoảng kinh tế  - Liên hệ với các quốc gia | CLO4 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  - Trả lời câu hỏi: nêu các cuộc khủng hoảng kinh tế về các mặt trên thế giới mà em từng biết?  - Trả lời câu hỏi  - Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên (T20 và 24) |  |
| 7 | Cạnh tranh, độc quyền và vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường  5.1. Quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường  5.2. Lý luận của Lênin về độc quyền và độc quyền Nhà nước trong nền kinh tế thị trường | 2 LT – 1 BT | 5.1. Nắm được quan hệ giữa cạnh tranh và độc quyên  5.2. Hiểu được những đặc điểm của chủ nghĩa tư bản độc quyền | CLO 2  CLO2 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  Trả lời câu hỏi: nêu các loại cạnh tranh?  - Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên (T24 và 25) |  |
| 8 | Chương 5: Cạnh tranh, độc quyền và vai trò của Nhà nước trong nền kinh tế thị trường  5.2. Lý luận của Lênin về độc quyền và độc quyền Nhà nước trong nền kinh tế thị trường  5.3. Vai trò Nhà nước trong nền kinh tế thị trường | 1LT – 2 BT | 5.2. Nắm được đặc điểm kinh tế và biểu hiện của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước  5.3. Hiểu được các vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường | CLO 2  CLO 3 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  Trả lời câu hỏi: nêu các đặc điểm của độc quyền?  - Phần chuẩn bị trên lớp:  + Làm bài tập nhóm, Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên (T27 và 29) |  |
| 9 | Chương 6: Lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  6.1. Khái niệm và tính tất yếu khách quan của phát triển kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  6.2. Đặc trưng của của kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | 1 LT – 2 BT | 6.1. Hiểu được khái niệm và tính tất yếu khách quan của phát triển kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.  6.2. Phân biệt các đặc trưng của của kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và kinh tế thị trường Tư bản chủ nghĩa. | CLO 4  CLO 5 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  Trả lời câu hỏi: Thế nào là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?  - Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên (T39 và 35) |  |
| 10 | Lý luận về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  6.3. Thể chế kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | 1LT – 2 BT | 6.3. Hiểu được khái niệm thể chế, thể chế kinh tế thị trường  - Nắm rõ các giải pháp để hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | CLO 1 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  Trả lời câu hỏi: một số biện pháp hoàn thiện kinh tế thị trường ở Việt Nam?  - Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên (T36 và 39) | A2.2 |
| 11 | Chương 7: Lợi ích kinh tế và đảm bảo hài hòa lợi ích kinh tế trong phát triển ở Việt Nam  7.1. Lý luận về lợi ích kinh tế và vai trò của lợi ích kinh tế trong phát triển | 1 LT – 2 BT | 7.1.1. Khái niệm lợi ích kinh tế  7.1.2. Những đặc trưng cơ bản của lợi ích kinh tế  7.1.3. Vai trò của lợi ích kinh tế trong phát triển  7.1.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến lợi ích kinh tế | CLO1  CLO 2  CLO4  CLO5 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  - Phần chuẩn bị trên lớp: + Làm bài tập nhóm, Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên (T41 và 44) |  |
| 12 | 7.2. Quan hệ lợi ích kinh tế trong nền kinh tế thị trường  7.3. Đảm bảo hài hòa các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển ở Việt Nam  Chương 8: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam  8.1. Khái quát cách mạng công nghiệp và công nghiệp hóa | 1LT- 2BT | 7.2. Nắm được quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển ở Việt Nam  - Hiểu được những định hướng chung đảm bảo sự hài hòa các lợi ích kinh tế trong phát triển ở Việt Nam  - Nắm được việc đảm bảo hài hòa lợi ích trong một số quan hệ lợi ích cụ thể trong phát triển kinh tế ở Việt Nam  8.1. Nắm được khái niệm và liên hệ với Việt Nam ứng dụng các cuộc cách mạng công nghiệp vào đời sống | CLO 5  CLO 4 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  Trả lời câu hỏi: Thế nào là lợi ích nhóm, thế nào là nhóm lợi ích?  - Phần chuẩn bị trên lớp:  + Làm bài tập nhóm. Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên (T45 và 50) |  |
| 13 | Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam  8.2. Tính tất yếu khách quan và nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam  8.3. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thức tư | 2 LT -1 BT | 8.2. Nắm được các lý do tiến hành công nghiệp hoá và nội dung công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam  8.3. Hiểu được quan điểm về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam trong bối cảnh cách mạng công nghiệp lần thức tư  - Liên hệ được công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam thích ứng với cách mạng công nghiệp lần thứ tư | CLO1  CLO 2 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  Trả lời câu hỏi: Công nghiệp hoá xuất hiện ở Việt Nam vào giai đoạn nào?  - Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên (T52 và 57) |  |
| 14 | Hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ  9.1. Hội nhập kinh tế quốc tế và tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam | 1 LT – 2 BT | 9.1. Hiểu được Khái niệm và các hình thức hội nhập kinh tế quốc tế  - Nắm được tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đến phát triển của Việt Nam | CLO 2 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  Trả lời câu hỏi: Nêu ảnh hưởng tích của Hội nhập đến sự phát triển kinh tế của Việt Nam?  - Phần chuẩn bị trên lớp:  + Làm bài tập nhóm. Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên (T65 và 67) |  |
| 15 | Hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ  9.2. Xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ | 1 LT – 2 BT | 9.2. Nắm được nhận thức về độc lập, tự chủ và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ  - Hiểu được cách xây dựng nền kinh tế Việt Nam độc lập, tự chủ | CLO2  CLO 5 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn Phương pháp giảng dạy: Thuyết trình nêu vấn đề, tình huống, sắm vai… | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  - Phần chuẩn bị trên lớp:  + Làm bài tập nhóm  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên (T70 và 75) | A1.3 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  |  |  |  | A4 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Hội đồng Trung ương biên soạn giáo trình Quốc gia | 2021 | Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin | Chính trị Quốc gia, Hà Nội |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Viện kinh tế chính trị học | 2007 | Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế | Lý luận chính trị, Hà Nội |
| 3 | V.I. Lênin | 2005 | Toàn tập | Chính trị Quốc gia, Hà Nội |
| 4 | C. Mác và Ăngghen | 2007 | Toàn tập | Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | Giảng đường A | Bảng, phấn, máy chiếu | 1 | Chương 1 đến chương 9 |
| *2* | Giảng đường C | Bảng, phấn, máy chiếu | 1 | Chương 1 đến chương 9 |

**9. Rubric đánh giá:**

* 1. **Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy  định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài  tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy  đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với  yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa  hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp  lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý,  đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính  toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

|  |
| --- |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Chủ nghĩa xã hội khoa học** | **1.2. Tên tiếng Anh:****Science socialism** |
| **1.3. Mã học phần: MLCNXH.126** | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 20 tiết |
| - Bài tập: | 10 tiết |
| - Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Triết học Mác-Lênin |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Kinh tế chính trị Mác-Lênin |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Trang bị cho sinh viên chuyên ngành Giáo dục chính trị một cách hệ thống các kiến thức cơ bản, cốt lõi và chuyên sâu về CNXHKH, từ đó hình thành các kỹ năng cơ bản và kỹ năng chuyên ngành để phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về chính trị - xã hội lên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Đồng thời hình thành và phát triển thái độ tích cực, năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với các hoạt động của cộng đồng xã hội.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Hình thành cho sinh viên chuyên ngành những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất, mở rộng và chuyên sâu về chủ nghĩa xã hội khoa học, một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác – Lênin.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Hình thành cho sinh viên năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị, xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**2.2.3. Về thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng Cộng sản Việt Nam nói chung; Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội; Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu một cách hệ thống và cốt lõi về các vấn đề của chủ nghĩa xã hội khoa học, đó là sự ra đời, các giai đoạn phát triển của CNXHKH, ý nghĩa của việc học tập, nghiên cứu CNXHKH, một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác-Lênin; Sứ mệnh lịch sử của GCCN; CNXHKH và TKQĐ lên CNXHKH; Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN; Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH; Vấn đề dân tộc trong TKQĐ lên CNXH; Vấn đề tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH; Vấn đề gia đình trong TKQĐ lên CNXH. |
| CLO2 | Phân tích, đánh giá được các vấn đề lý luận về xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời áp dụng kiến thức liên ngành, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để lí giải, đánh giá các hiện tượng thực tiễn phát sinh trong TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam hiện nay. |
| CLO3 | Có kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.  Có kỹ năng thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập.  Có kỹ năng giao tiếp.  Có kỹ năng tổ chức các hoạt động nhóm.  Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này.  Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, thích nghi làm việc trong các môi trường khác nhau.  Có kỹ năng lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lí thông tin. |
| CLO4 | Có kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành CNXHKH để nhận diện, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học.  Có kỹ năng tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. |
| CLO5 | Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.  Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.  Có ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương. |
| CLO6 | Có năng lực tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận: biết bảo vệ những quan điểm khoa học và biết phê phán những quan điểm sai trái.  Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội.  Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| Tổng hợp học phần | R | R | R | M | M | M | M | R | R | M | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 8  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | Điểm danh  Quan sát, theo dõi |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 7:  Chương 4: Dân chủ XHCN và Nhà nước XHCN | 50% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 | - Bài kiểm tra viết (cá nhân)  - Bài tập |
| A2.2. Tuần 14:  Chương 8: Vấn đề gia đình trong TKQĐ lên CNXH | 50% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | - Bài kiểm tra cuối kỳ:  Đánh giá toàn bộ nội dung chương trình  (8 chương) |  |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | - Thi tự luận  - Thi vấn đáp |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/BT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Nhập môn Chủ nghĩa xã hội khoa học  1.1. Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học  1.1.1. Chủ nghĩa xã hội khoa học – một trong ba bộ phận hợp thành chủ nghĩa Mác - Lênin  1.1.2. Hoàn cảnh lịch sử ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học  1.1.3. Vai trò của C Mác và Ph. Ăngghen  1.2. Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học  1.2.1. C.Mác và Ph. Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học  1.2.2. V.I.Lênin vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học trong điều kiện mới  1.2.3. Sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi V.I.Lênin qua đời  1.3. Đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu Chủ nghĩa xã hội khoa học  1.3.1. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học  1.3.2. Phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học  1.3.3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học | 2LT/0BT | 1.1. Hiểu được sự ra đời của CNXHKH  1.2. Nhớ được các giai đoạn phát triển của CNXHKH  1.3. Hiểu được đối tượng, phương pháp, ý nghĩa của việc nghiên cứu CNXHKH | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước Chương 1 (tài liệu [1], tr7-31). Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản)  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 2 | - Chương 1: (tiếp theo)  Bài tập: Nêu, phân tích, phản bác những luận điệu phủ nhận lý luận CNXHKH từ sau khi chế độ XHCN ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ?  - Chương 2: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  2.1. Quan niệm giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  2.1.1. Quan niệm và đặc điểm của giai cấp công nhân  2.2.2. Nội dung và đặc điểm sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  2.2.3. Những điều kiện quy định và thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân | 1BT/1LT | - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin.  2.1. Hiểu được khái niệm Giai cấp công nhân và SMLS của GCCN.  Phân tíchđược nội dung, đặc điểm SMLS của GCCN, những đk quy định và thực hiện SMLS của GCCN. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr32-44; CB sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, phản biện. |  |
| 3 | - Chương 2: (Tiếp theo)  2.2. Giai cấp công nhân và việc thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay  2.2.1. Giai cấp công nhân hiện nay  2.2.2. Thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trên thế giới hiện nay  2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam  2.3.1. Đặc điểm của giai cấp công nhân Việt Nam  2.3.2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam  2.3.3. Phương hướng và một số giải pháp chủ yếu để xây dựng GCCN VN hiện nay  2.3.4. Phê phán một số quan điểm sai trái, xuyên tạc sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân hiện nay.  - Bài tập: Phê phán những luận điệu sai trái phủ nhận SMLS của GCCN hiện nay | 1LT/1BT | 2.2. Phân tích được những điểm tương đồng, những biến đổi khác biệt của GCCN hiện nay so với GCCN thế kỷ XIX.  2.3. Trình bày được đặc điểm, nội dung, phương hướng và giải pháp chủ yếu để xây dựng GCCN VN hiện nay.  - Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr44-61; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 4 | Chương 3: Chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  3.1. Chủ nghĩa xã hội  3.2. Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  3.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  3.2.2. Đặc điểm của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  3.3. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  3.3.1. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa | 2LT/0BT | 3.1. Nhớ được 4 nghĩa về CNXH.  3.2. Phân tích được tính tất yếu KQ của TKQĐ lên CNXH, đặc điểm TKQĐ lên CNXH.  3.3. Hiểu được bản chất của việc quá độ lên CNXH bỏ qua chế độ TBCN ở VN. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr62-75.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 5 | Chương 3: (tiếp theo)  3.3.2. Những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội Việt Nam và phương hướng xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  - Bài tập: Phân tích làm rõ những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện những nhiệm vụ của TKQĐ lên CNXH ở nước ta và định hướng giải quyết? | 1LT/1BT | 3.3.2. Phân tích và vận dụng sáng tạo CN Mác-Lênin vào đk cụ thể của VN (đặc trưng, phương hướng)  - Phân tích đượcnhững thuận lợi, khó khăn trong thực hiện những nhiệm vụ của TKQĐ lên CNXH ở nước ta và định hướng giải quyết. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr 75-81; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 6 | Chương 4: Dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội xã hội chủ nghĩa  4.1. Dân chủ và dân chủ xã hội chủ nghĩa  4.1.1. Dân chủ và sự ra đời, phát triển của dân chủ  4.1.2. Dân chủ xã hội chủ nghĩa  4.2. Nhà nước xã hội chủ nghĩa  4.2.1. Sự ra đời, bản chất, chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa  4.2.2. Mối quan hệ giữa dân chủ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước xã hội chủ nghĩa  4.3. Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  4.3.1. Dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam  4.3.2. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam  4.3.3. Phát huy dân chủ, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay | 2LT/0BT | 4.1. Hiểu được sự ra đời, phát triển, bản chất của dân chủ và dân chủ XHCN.  4.2. Hiểu được sự ra đời, bản chất, chức năng của Nhà nước XHCN  4.3. Vận dụng và phân tích được dân chủ XHCN và Nhà nước pháp quyền XHCN ở Việt Nam. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr82-106; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 7 | Chương 4: (tiếp theo)  - Bài tập: Liên hệ trách nhiệm bản thân trong việc góp phần xây dựng nền dân chủ XHCN, nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay? | 0LT/2BT | - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm cá nhân trong việc góp phần xây dựng nền dân chủ XHCN, nhà nước pháp quyền XHCN ở nước ta hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. | A2.1 |
| 8 | Chương 5: Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp trong TKQĐ lên CNXH  5.1. Cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  5.1.1. Cơ cấu xã hội  5.1.2. Cơ cấu xã hội – giai cấp  5.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  5.2.1. Tính tất yếu của liên minh giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  5.2.2. Nội dung của liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | 2LT/0BT | 5.1. Hiểu được khái niệm cơ cấu xã hội, cơ cấu XH-GC. Phân tích được sự biến đổi có tính quy luật của cơ cấu XH-GC trong TKQĐ lên CNXH.  5.2. Trình bày được tính tất yếu của liên minh GC trong TKQĐ lên CNXH ở VN, nội dung của liên minh GC, TL trong TKQĐ lên CNXH. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 5,TL [1], tr107-117; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi |  |
| 9 | - Chương 5: (tiếp theo)  5.3. Cơ cấu xã hội – giai cấp và liên minh giai cấp, tầng lớp ở Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  5.3.1. Cơ cấu xã hội – giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  5.3.2. Liên minh giai cấp, tầng lớp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  - Bài tập: Trách nhiệm của SV trong việc góp phần tăng cường khối liên minh GC,TL và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở VN hiện nay? | 1LT/1BT | 5.3. Vận dụng, phân tích cơ cấu XH-GC và liên minh GC, TL ở Việt Nam trong TKQĐ lên CNXH.  - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong việc góp phần tăng cường khối liên minh GC,TL và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân ở VN hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 5,TL [1], tr117-125; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 10 | Chương 6: Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  6.1. Quan điểm mác xít về dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc  6.1.1. Khái niệm dân tộc và đặc trưng của dân tộc  6.1.2. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc  6.1.3. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lê nin  6.1.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc và quan hệ dân tộc  6.2. Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  6.2.1. Khái quát đặc điểm dân tộc Việt Nam  6.2.2. Quan điểm của Đảng về vấn đề dân tộc ở Việt Nam  6.2.3. Nội dung chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay | 2LT/0BT | 6.1. Hiểu được khái niệm và đặc trưng của dân tộc. Phân tích được hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc. Trình bày được CLDT của CN Mác-Lênin, TT HCM về dân tộc và quan hệ dân tộc.  6.2. Vận dụng, phân tích vấn đề dân tộc trong TKQĐ lên CNXH ở VN | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 6,TL [1], tr127-149; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 11 | - Chương 6: (tiếp theo)  Bài tập: Vận dụng, phân tích vấn đề phát triển dân tộc ở Việt Nam, ở địa phương hiện nay.  - Chương 7: Tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH  7.1. Bản chất, nguồn gốc và tính chất của tôn giáo  7.1.1. Khái niệm và bản chất của tôn giáo  7.1.2. Nguồn gốc, tính chất, chức năng của tôn giáo | 1BT/1LT | - Vận dụng được vào thực tiễn xã hội, địa phương.  7.1. Hiểu được khái niệm, bản chất, nguồn gốc, tính chất, chức năng của tôn giáo. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 7,TL [1], tr150-158; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 12 | Chương 7: (tiếp theo)  7.2. Giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  7.2.1. Nguyên nhân tồn tại của tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  7.2.2. Nguyên tắc cơ bản ứng xử với vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  7.3. Vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  7.3.1. Đặc điểm cơ bản của vấn đề tôn giáo ở Việt Nam  7.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam đối với tôn giáo, tín ngưỡng | 2LT/0BT | 7.2. Phân tích được nguyên nhân tồn tại của tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH. Trình bày được nguyên tắc cơ bản ứng xử với vấn đề tôn giáo trong TKQĐ lên CNXH.  7.3. Vận dụng, phân tích được đặc điểm cơ bản của vấn đề tôn giáo ở VN; TT HCM, quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước VN đối với tôn giáo, tín ngưỡng. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 7,TL [1], tr158-171.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; |  |
| 13 | - Chương 7: (tiếp theo)  Bài tập: Trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến quan điểm, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo ở VN hiện nay?  - Chương 8: Vấn đề gia đình trong TKQĐ lên CNXH  8.1. Khái niệm, vị trí, chức năng của gia đình  8.1.1. Khái niệm gia đình và các hình thức gia đình trong lịch sử | 1BT/1LT | - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến quan điểm, chính sách về tín ngưỡng, tôn giáo ở VN hiện nay.  8.1. Hiểu được khái niệm, vị trí, chức năng và các hình thức gia đình trong lịch sử. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 8,TL [1], tr172-174. ; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 14 | Chương 8: (tiếp theo)  8.1.2. Vị trí của gia đình trong xã hội  8.1.3. Chức năng cơ bản của gia đình  8.2. Cơ sở xây dựng gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  8.2.1. Cơ sở kinh tế - xã hội  8.2.2. Cơ sở chính trị - xã hội  8.2.3. Cơ sở văn hóa  8.2.4. Chế độ hôn nhân tiến bộ  8.3. Xây dựng gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  8.3.1. Những yếu tố tác động đến gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  8.3.2. Sự biến đổi của gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội  8.3.3. Phương hướng cơ bản xây dựng và phát triển gia đình Việt Nam trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | 2LT/0BT | 8.1.2. Trình bày được vị trí, chức năng cơ bản của gia đình  8.2. Phân tích được cơ sở xây dựng gia đình trong TKQĐ lên CNXH.  8.3. Vận dụng, phân tích vấn đề xây dựng gia đình Việt Nam trong TKQĐ lên CNXH | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 8,TL [1], tr175-193.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; | A2.2 |
| 15 | - Chương 8: (tiếp theo)  Bài tập: Trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam hiện nay? | 0LT/2BT | - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam hiện nay | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  |  |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2021 | Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học – chuyên LLCT) | NXB CTQGST, Hà Nội. |
| 2 | Nguyễn Thị Như Nguyệt | 2021 | TLBG Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học – chuyên LLCT) | Lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Quảng Bình |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Đảng Cộng sản Việt Nam | 2011 | Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ qúa độ lên chủ nghĩa xã hội | NXB CTQG,  Hà Nội |
| 3 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2001 | Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |
| 4 | Nguyễn Thị Thanh | 2011 | Về chủ nghĩa Mác – Lênin chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | NXB Chính trị – Hành chính. |
| 5 | Hoàng Tùng | 1997 | Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Tuyên ngôn khoa học và cách mạng | NXB Chính trị Quốc gia. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường A hoặc  Giảng đường C | Máy tính, projector | 1 | Chương 1 đến chương 8 |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |

**9. Rubric đánh giá**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |

**9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy  định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài  tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa  hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý,  đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính  toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày tháng năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
| **TS. Nguyễn Văn Duy ThS. Lương Thị Lan Huệ ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: ĐH Giáo dục chính trị** | **Mã số:** 7140205 |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Tư tưởng Hồ Chí Minh** | **1.2. Tên tiếng Anh: Ho Chi Minh thought** |
| **1.3. Mã học phần:** MLTHCM.02 | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 20 tiết |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 10 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | TS.GVC. Nguyễn Văn Duy |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Trương Thị Thu Hà |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Triết học |
| Kinh tế chính trị |
| Chủ nghĩa xã hội khoa học |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

- Góp phần nâng cao nhận thức cho sinh viên về vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam; làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ nước ta.

- Giúp người học củng cố lập trường cách mạng, kiên định mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với CNXH; góp phần giáo dục đạo đức, tư cách, phẩm chất cách mạng, đóng góp thiết thực và hiệu quả cho sự nghiệp cách mạng.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Sinh viên nắm được những kiến thức cơ bản về khái niệm, đối tượng, phương pháp, nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh; Sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, đánh giá, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh vào giải quyết các vẫn đề trong thực tiễn đời sống, học tập, công tác.

**2.2.3. Về thái độ**

Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, với chủ nghĩa Mác - Lênin , tư tưởng Hồ Chí Minh; nhận thức được vai trò, giá trị, tài sản tinh thần vô giá của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với Đảng và dân tộc Việt Nam; thấy được trách nhiệm của bản thân trong việc học tập và rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ Quốc.

1. **Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| ***3.1. Về kiến thức*** | |
| CLO1 | Hiểu và trình bày được được khái niệm, nguồn gốc, quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh; Những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người; Thấy được sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và cách mạng xã hội chủ nghĩa. |
| CLO2 | Nắm vững vai trò, vị trí của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam; làm cho tư tưởng của Người ngày càng giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của thế hệ trẻ nước ta. |
| ***3.2. Về kỹ năng*** | |
| CLO3 | Có kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.  Có kỹ năng thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập.  Có kỹ năng giao tiếp.  Có kỹ năng tổ chức các hoạt động nhóm.  Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này.  Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, thích nghi làm việc trong các môi trường khác nhau.  Có kỹ năng lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lí thông tin. |
| CLO4 | Có kỹ năng vận dụng kiến thức môn học để nhận diện, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học.  Có kỹ năng tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. |
| ***3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*** | |
| CLO5 | Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học tư tưởng Hồ Chí Minh và nền tảng tư tưởng của Đảng ta nói chung.  Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.  Có ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương. |
| CLO6 | Có năng lực tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận: biết bảo vệ những quan điểm khoa học và biết phê phán những quan điểm sai trái.  Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội.  Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| CLO 1 | I |  |  |  | M |  |  |  |  | R |  |
| CLO 2 |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M |  |  | R | I | M |  |  |
| CLO 4 |  |  | R |  |  | M |  |  |  |  |  |
| CLO 5 |  | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | I |
| Tổng hợp học phần | I | M | R | M | M | M | R | I | M | R | I |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% |  |  | X |  | Điểm danh  Quan sát, theo dõi |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 25% | A2.1. Tuần 7:  Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội. | 50% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 | - Bài kiểm tra viết (cá nhân)  - Bài tập |
| A2.2. Tuần 14:  Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, đạo đức, con người. | 50% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 70% | - Bài kiểm tra cuối kỳ:  Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh.  Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh  Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội.  Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân.  Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết toàn dân tộc và Đoàn kết quốc tế  Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, con người  Chương 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức |  |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - Thi tự luận  - Thi vấn đáp |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/BT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR | Hoạt động học của SV(\*) | Tên bài  đánh giá  (ở cột 3 bảng 5.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| Tuần 1 | **Chương 1: Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh**  1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh  1.1.1. Khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh  1.1.2. Quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh.  1.2. Đối tượng nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh.  1.3. Phương pháp nghiên cứu  đời.  1.3.1. Phương pháp luận của việc nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh.  1.3.2. Một số phương pháp cụ thể.  1.4. Ý nghĩa của việc học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh.  1.4.1. Góp phần nâng cao năng lực tư duy lý luận.  1.4.2. Giáo dục và thực hành đạo đức cách mạng, củng cố niềm tin khoa học gắn liền với trau dồi tình cảm cách mạng, bồi dưỡng lòng yêu nước.  1.4.3. Xây dựng, rèn luyện phương pháp và phong cách công tác. | 1LT/1BT | 1.1. **Hiểu được** khái niệm tư tượng Hồ Chí Minh  1.2. Nắm được đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh  1.3. **Hiểu được** ý nghĩa của việc nghiên cứu môn học tư tưởng Hồ Chí Minh | CLO1  CLO 2  CLO3  CLO4  CLO5 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước Chương 1 (tài liệu [1], tr5-18).  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. | *A1.* |
|  | **- Chương 1**: (tiếp theo)  Bài tập 1: Qua nhận thức nội hàm khái niệm Tư tưởng Hồ Chí Minh, hãy đưa ra nhận xét về quá trình nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về tư tưởng Hồ Chí Minh  Bài tập 2: Phân tích tầm quan trọng của việc sử dụng các phương pháp nghiên cứu môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh  Bài tập 3: Phân tích giá trị, ý nghĩa môn học Tư tưởng Hồ Chí Minh | 1BT | - **Hiểu được** khái niệm tư tưởng Hồ Chí Minh  - Nắm được vai trò các phương pháp nghiên cứu để làm rõ được những nội dưng tư tưởng Hồ Chí Minh  - Ý nghĩa việc học tập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | GV nêu vấn đề, bài tập cho SV  - SV thuyết trình hoặc phân nhóm trả lời các câu hỏi  - GV tổng kết, giúp SV hiểu nắm nội dung bài học | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2, TL [1], tr17; CB sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, phản biện. |  |
| Tuần 2 | **Chương 2: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh** | **2LT/2BT** |  |  |  |  |  |
| I. Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh  1.1. Cơ sở thực tiễn  1.1.1. Thực tiễn Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX  1.1.2. Thực tiễn thế giới cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX  1.2. Cơ sở lý luận  1.2.1. Giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc Việt Nam  1.2.2. Tinh hoa văn hóa nhân loại  1.2.3. Chủ nghĩa Mác – Lênin  1.3. Nhân tố chủ quan  1.3.1. Phẩm chất Hồ Chí Minh  1.3.2. Tài năng hoạt động, tổng kết thực tiễn phát triển lý luận  II. Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh  2.1. Thời kỳ trước ngày 5-6-1911  2.2. Thời kỳ từ giữa năm 1911 đến cuối năm 1920  2.3. Thời kỳ từ cuối năm 1920 đến đầu năm 1930  2.4. Từ đầu năm 1930 đến đầu năm 1941  2.5. Thời kỳ từ đầu năm 1941 đến tháng 9-1969 | 1. Nắm được cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh | CLO1  ClO2  CLO3  CLO4  CLO4  CLO5 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề…  - Cho sinh viên xem video để hiểu các nội dung sắp học  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước Chương 1 (tài liệu [1], tr33-49).  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
|  |  | 2. Quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước Chương 1 (tài liệu [1], tr50-64).  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
|  | III. Giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh  3.1. Đối với cách mạng Việt Nam  3.1.1 Tư tưởng Hồ Chí Minh đưa cách mạng giải phóng dân tộc Việt nam đến thắng lợi và bắt đaià xây dựng một xã hội mới trên đất nước ta.  3.1.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng và kim chỉ nan cho cách mạng Việt Nam  3.2. Đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại  3.2.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần mở ra cho các dân tộc thuộc địa con đường giải phóng dân tộc gắn liền với sự tiến bộ xã hội  3.2.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ, hòa bình, hợp tác và phát triển trên thế giới. |  | 3. Nắm được giá trị tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam và đối với sự phát triển tiến bộ của nhân loại. |  | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước Chương 1 (tài liệu [1], tr65-71).  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| Tuần 3 | - Chương 2: (Tiếp theo)  Bài tập:  **Câu 1:** Phân tích cơ sở khách quan hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; chỉ ra tiền đề lý luận giữ vai trò quyết định trong việc hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh | 2BT | - Hiểu và nắm được những cơ sở khách quan hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh  - Chỉ rõ được tiền đề nào giữ vai trò quyết định trong việc hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | GV nêu vấn đề, bài tập cho SV  - SV thuyết trình hoặc phân nhóm trả lời các câu hỏi  - GV tổng kết, giúp SV hiểu nắm nội dung bài học |  |  |
| **Câu 2:** Phân tích những bước tiến trong nhận thức, những dấu mốc cơ bản trong quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. Tại sao đó là những bước tiến trong nhận thức, là những dấu mốc cơ bản trong quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh. |  | - Sinh viên nắm rõ các giai đoạn gắn với thay đổi nhận thức, dấu mốc trong quá trình hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Giải thích được những bước tiến trong nhận thức là những dấu mốc nào? |  |  |  |  |
| **Câu 3:** Hãy phân tíchnhững phẩm chất cá nhân, mối quan hệ giữa hoạt động lý luận và hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; ý nghĩa sự ra đời tư tưởng Hồ Chí Minh. |  | - Nêu được vai trò phẩm chất cá nhân trong quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh.  - Nêu ý nghĩa của sự ra đời tư tưởng Hồ Chí Minh. |  |  |  |  |
| Tuần 4 | **Chương 3: Tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội** | **3 LT/2BT** |  |  |  |  |  |
| 3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Độc lập dân tộc  3.1.1. Vấn đề độc lập dân tộc  3.1.1.1. Độc lập, tự do là quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm của tất cả các dân tộc  3.1.1.2. Độc lập dân tộc phải gắn liền với tự do, hạnh phúc của nhân dân.  3.1.1.3. Độc lập dân tộc phải là nền độc lập thật sự, hoàn toàn và triệt để.  3.1.1.4. Độc lập dân tộc gắn liền với thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ.  3.2. Cách mạng giải phóng dân tộc  3.2.1. Cách mạng giải phóng dân tộc muốn thắng lợi phải đi theo con đường cách mạng vô sản  3.2.2. Cách mạng giải phóng dân tộc trong điều kiện Việt Nam, muốn thắng lợi phải do Đảng Cộng sản lãnh đạo.  3.2.3. Cách mạng GPDT phải dựa trên lực lượng đại đoàn kết dân tộc, lấy liên minh công nông làm nền tảng  3.2.4. Cách mạng giải phóng dân tộc cần chủ động, sáng tạo, có khả năng giành thắng lợi trước cách mạng vô sản ở chính quốc. | 1LT | 1. **Hiểu được** độc lập dân tộc theo tư tưởng Hồ Chí Minh là như thế nào?  - Nắm được tính sáng tạo của Hồ Chí Minh trong cách mạng GPDT  - Chống lại những luận điểm sai trái, chống phá xuyên tạc về tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐLDT | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr73-92; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| Tuần 5 | Chương 3: (tiếp theo)  3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.  3.3.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội  3.3.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh xây dựng CNXH ở Việt Nam  3.3.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam  3.4. Tư tưởng Hồ Chí Minh về mối quan hệ giữa ĐLDT và CNXH  3.4.1. ĐLDT là cơ sở là tiền đề để tiến lên CNXH  3.4.2. CNXH là điều kiện để đảm bảo nền ĐLDT  3.4.3. Điều kiện để đảm bảo nên ĐLDT gắn liền với CNXH  3.5. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐLDT gắn liền với CNXH trong sự nghiệp cách mạng Việt Nam hiện nay.  3.5.1. Kiên định mục tiêu và con đường cách mạng mà Hồ Chí Minh đã xác định  3.5.2. Phát huy sức mạnh dân chủ xã hội chủ nghĩa  3.5.3. Củng cố, kiện toàn, phát huy sức mạnh và hiệu quả hoạt động của toàn bộ hệ thống chính trị  3.5.4. Đấu tranh chống những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống và tự diễn biến, tự chuyển hóa trong nội bộ. | 2LT | - Hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về CNXH và thời kỳ quá độ đi lên CNXH; xây dựng CNXH ở Việt Nam.  - Nắm tính quy luật của cách mạng Việt Nam: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội  - Giúp sinh viên thêm tự hào về sức mạnh của dân tộc, tin tưởng sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr92-118; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| Tuần 6 | Chương 3: tiếp theo  Câu 1: Phân tính đúng đắn và sáng tạo trong tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐLDT và CNXH  Câu 2: Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về thời kỳ quá độ đi lên CNXH  Câu 3: Nêu bối cảnh của Việt Nam hiện nay và những yêu cầu cơ bản trong việc vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về ĐLDT gắn liền với CNXH | 2 BT | - Nêu được tính sáng tạo của Hồ Chí Minh về ĐLDT và CNXH  - Nêu được những tính chất, đặc điểm, nhiệm vụ, nguyên tắc xây dựng thời kỳ quá độ ở Việt Nam;  - Bối cảnh đất nước Việt Nam hiện nay và vận dụng tư tuưởng Hồ Chí minh về ĐLDT gắn liền CNXH | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | GV nêu vấn đề, bài tập cho SV  - SV thuyết trình hoặc phân nhóm trả lời các câu hỏi  - GV tổng kết, giúp SV hiểu nắm nội dung bài học | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| Tuần 7 | **Chương 4: Tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân** | 3LT/2BT |  |  |  |  |  |
| 4.1. Tính tất yếu và vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam  4.2. Đảng phải trong sạch và vững mạnh  4.2.1. Đảng là đạo đức, là văn minh  4.2.2. Những nguyên tắc trong hoạt động của Đảng  4.2.3. Xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên  4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân.  4.2.1. Nhà nước dân chủ  4.2.2. Nhà nước pháp quyền | 1LT | - Nắm và hiểu được vì sao Đảng Cộng sản Việt Nam lại là cơ quan lãnh đạo.  - Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.  - Yêu cầu đối với Đảng phải tromng sạch và  - Hiểu được tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr123-141; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. | A2.1 |
|  |
| Tuần 8 | Chương 4: (tiếp theo)  4.3. Nhà nước pháp quyền  4.3.1. Nhà nước hợp hiến, hợp pháp  4.3.2. Nhà nước thượng tôn pháp luật  4.3.3. Nhà nước nhân nghĩa  4.4. Nhà nước trong sạch vững mạnh  4.4.1. Kiểm soát quyền lực nhà nước  4.4.2. Phòng chống tiêu cực trong nhà nước  4.5. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh vào công tác xây dựng Đảng và Nhà nước  4.5.1. Xây dựng Đảng thật sự trong sạch vững mạnh  4.5.2. Xây dựng Nhà nước | 2LT | - Nắm rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước trong sạch vững mạnh thông qua kiểm soát quyền lực và phòng chống tiêu cức trong nhà nước.  - Vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh trong xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch vững mạnh. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL [142- 167], chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. | A2.1 |
| Tuần 9 | Chương 4: tiếp theo  Câu 1: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản Việt Nam để phân tích vấn đề phòng, chống các vấn đề tiêu cực trong Đảng hiện nay.  Câu 2: Phân tích những điểm đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Nhà nước Việt Nam | 2BT | - Từ nội tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản, sinh viên vận dụng để phòng chống tiêu cực trong Đảng | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | GV nêu vấn đề, bài tập cho SV  - SV thuyết trình hoặc phân nhóm trả lời các câu hỏi  - GV tổng kết, giúp SV hiểu nắm nội dung bài học |  |  |
|  | **Chương 5: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế** | 3LT/2BT |  |  |  |  |  |
| Tuần 10 | 5.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc  5.1.1. Vai trò của đại đoàn kết dân tộc  5.1.2. Lực lượng khối đại đoàn kết dân tộc  5.1.3. Điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc  5.1.4. Hình thức, nguyên tắc tổ chức của khối đại đoàn kết toàn dân tộc – Mặt trận dân tộc thống nhất  5.1.5. Phương thức xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc. | 1LT | - Hiểu và phân tích được vai trò của đại đoàn kết dân tộc; lực lượng khối đại đoàn kết dân tộc; điều kiện để xây dựng khối đại đoàn kết dân tộc; Mặt trận dân tộc thống nhất là khối đại đoàn kết dân tộc. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL [169- 204], chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| Tuần 11 | 5.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đoàn kết quốc tế  5.2.1. Sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế  5.2.2. Lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức  5.2.3. Nguyên tắc đoàn kết quốc tế  5.3. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về Đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay | 2LT | - Hiểu và phân tích được sự cần thiết đoàn kết quốc tế. Nêu được lực lượng đoàn kết quốc tế và hình thức tổ chức. Nguyên tắc của đoàn kết quốc tế.  - Vận dụng được tư tưởng Hồ Chí Minh Đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế trong giai đoạn hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL [169- 204], chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| Tuần 12 | Chương 5: tiếp theo  Câu 1: Phân tích tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết toàn dân tộc và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.  Câu 2: Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về nguyên tắc, phương thức đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay.  Câu 3: Phân tích quan điểm Hồ Chí Minh về sự cần thiết phải đoàn kết quốc tế và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. | 2BT | - Nêu được nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc.  - Vận dụng được nguyên tắc, phương thức đại đoàn kết dân tộc trong giai đoạn hiện nay.  - Nêu được vai trò của đoàn kết quốc tế và sự vận dụng của Đảng Cộng sản Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | GV nêu vấn đề, bài tập cho SV  - SV thuyết trình hoặc phân nhóm trả lời các câu hỏi  - GV tổng kết, giúp SV hiểu nắm nội dung bài học |  |  |
|  | **Chương 6: Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa, con người** | `3LT/2BT |  |  |  |  |  |
| Tuần 13 | 6.1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về văn hóa  6.1.1. Một số nhận thức chung về văn hóa và quan hệ giữa văn hóa với các lĩnh vực khác.  6.1.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về vai trò của văn hóa  6.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về đạo đức  6.2.1. Đạo đức là gốc, là nền tảng tinh thần của xã hội, của con người cách mạng  6.2.2. Quan điểm Hồ Chí Minh về những chuẩn mực đạo đức cách mạng  6.2.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về những nguyên tắc xây dựng đạo đức cách mạng | 1LT | - Hiểu một số khái niệm về văn hóa và mối quan hệ văn hóa và các lĩnh vực khác  - Nắm rõ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò văn hóa  - Nắm rõ nội dung tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN.  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 6,TL [1], tr127-149; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| Tuần 14 | Chương 6 Tiếp theo  6.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về con người  6.3.1. Quan niệm của Hồ Chí Minh về con người  6.3.2. Quan niệm của Hồ Chí Minh về vai trò của con người  6.3.3. Quan điểm của Hồ Chí Minh về xây dựng con người.  6.4. Xây dựng văn hóa, đạo đức con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh  6.4.1. Xây dựng và phát triển văn hóa, con người.  6.4.2. Xây dựng đạo đức cách mạng.  Câu 1: Phân tích những yếu tố tác động đến việc xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay.  Câu 2: Phân tích quan điểm của Hồ Chí Minh về chuẩn mực, nguyên tắc đạo đức cách mạng? Liên hệ tới sự nghiệp đổi mới hiện nay ở Việt Nam.  Câu 3: Phân tích những yêu cầu căn bản đối với sinh viên hiện nay trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. | 2LT | - Trình bày được tư tưởng Hồ Chí Minh về con người, vai trò của con người, xây dựng con người.  - Hiểu và vận dụng Xây dựng văn hóa, đạo đức, con người Việt Nam hiện nay theo tư tưởng Hồ Chí Minh | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN.  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 6,TL [1], tr127-149; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. | A2.2 |
|  | **Chương 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức** | 3LT/1BT |  |  |  |  |  |
| Tuần 15 | Chương 7: Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức  7.1. Hồ Chí Minh về nền đạo đức mới Việt Nam  7.2. Nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức  7.3. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh |  | - Trình bày được Hồ Chí Minh về nền đạo đức mới Việt Nam; Nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức; Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh  - Hiểu và vận dụng Hồ Chí Minh về nền đạo đức mới Việt Nam; Nội dung cơ bản của Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức; Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | GV nêu vấn đề, bài tập cho SV  - SV thuyết trình hoặc phân nhóm trả lời các câu hỏi  - GV tổng kết, giúp SV hiểu nắm nội dung bài học |  |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Bộ Giáo dục Đào tạo | 2021 | Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh  *(Dành cho bậc đại học chuyên lý luận chính trị)* | Chính trị Quốc gia Sự thật |
| 2 | TS.GVC. Nguyễn Văn Duy | 2021 | **Bài giảng tư tưởng Hồ Chí Minh**  *(Dành cho bậc đại học chuyên lý luận chính trị)* | Trung tâm học liệu |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 3 | Đại học Quốc gia Hà nội | 2008 | Một số chuyên đề tư tưởng Hồ Chí Minh | Nhà xuất bản lý luận chính trị |
| 4 | TS.GVC. Nguyễn Văn Duy | 2021 | **Bài giảng tư tưởng Hồ Chí Minh**  *(Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị)* | Trung tâm học liệu |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** | **Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6,7.** |
| *1* | *Giảng đường A* | *Máy tính* | *01* |
| *2* |  | *Máy chiếu* | *01* |
|  |  | *Loa* | *01* |

**9. Rubric đánh giá**

**Rubric 1:**

**ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN, THÁI ĐỘ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN**

- Sinh viên: ……………………………………………………………………............

- Lớp: ………………………………………………………………………………….

- Thời gian quan sát: từ…………………………. đến……………………………….

- Người đánh giá: …………………………………………………………………….

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt** | | |
| **Chưa hoàn thành** | **Hoàn thành** | **Hoàn thành tốt** |
| *1. Đi học chuyên cần* | Không tham gia học trên lớp >20% số tiết HP | Tham gia học trên lớp từ 20%-70% số tiết HP | Tham gia học trên lớp từ 71%-100% số tiết HP |
| Thang điểm: 20 | < 5 | 15 - 25 | 20 |
| *2. Chăm chú nghe giảng* | Chưa chăm chú nghe giảng, thường xuyên nói chuyện riêng. | Chăm chú nghe giảng, đôi khi còn nói chuyên riêng. | Thường xuyên chăm chú nghe giảng |
| Thang điểm: 20 | < 5 | 15 - 20 | 20 |
| *3. Phát biểu xây dựng bài* | Chỉ phát biểu ý kiến khi GV yêu cầu. | Phát biểu ý kiến khi GV yêu cầu; đôi khi chủ động xin được phát biểu ý kiến | Tích cực phát biểu ý kiến xây dựng bài. |
| Thang điểm: 30 | < 5 | 15 - 25 | 30 |
| *4. Tôn trọng nội quy trường, lớp* | Không tôn trọng thầy cô, bạn bè, nội quy trường, lớp | Tôn trọng thầy cô, bạn bè nhưng đôi khi không thực hiện đúng nội quy trường, lớp | Tôn trọng thầy cô, bạn bè; chấp hành đúng nội quy trường, lớp |
| Thang điểm: 30 | < 5 | 15 - 20 | 30 |
| **Tổng điểm:** | **< 5** | **60 - 90** | **100** |

**Rubric 2:**

**ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HỌC TẬP TRÊN LỚP**

- Sinh viên:…………………………………………………………………………..

- GV nhận xét:……………………………………………………………………….

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt** | | | |
| **Chưa hoàn thành** | **Hoàn thành** | **Hoàn thành tốt** | **Hoàn thành rất tốt** |
| 1. Nêu được… | Không nêu được | Nêu được… nhưng còn sơ sài, chưa chính xác… | Nêu được đầy đủ, chính xác… | Nêu được đầy đủ, chính xác…; nêu được VD minh họa. |
| **Thang điểm: 5** | **0** | **2** | **3** | **5** |
| 2. Trình bày được… | Không trình bày được. | Trình bày được nhưng còn sơ sài. | Trình bày được đầy đủ, rõ ràng | Trình bày được đầy đủ, rõ ràng, phân tích được VD để minh chứng. |
| **Thang điểm: 5** | **0** | **3** | **4** | **5** |
| 3. Giải thích được… | Không giải thích được | Giải thích rõ ràng và chưa đầy đủ | Giải thích rõ ràng nhưng chưa đầy đủ | Giải thích rõ ràng và đầy đủ |
| **Thang điểm: 10** | **0** | **5** | **7** | **10** |
| 4. Nhận biết được trách nhiệm của SV… | Không nhận biết được | Nhận biết được nhưng chưa đầy đủ | Nhận biết đầy đủ | Nhận biết đầy đủ, có ý thức về trách nhiệm của SV… |
| **Thang điểm: 15** | **0** | **5** | **9** | **15** |
| 5. Thực hiện được những việc làm thể hiện… | Không thực hiện được | Thực hiện được nhưng không thường xuyên | Thường xuyên thực hiện được | Thường xuyên thực hiện và nhắc nhở người khác thực hiện |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **14** | **20** |
| 6. Đánh giá được… | Không đánh giá được | Đánh giá được nhưng còn đơn giản; đôi khi mang tính chủ quan | Đánh giá được một cách sâu sắc; đôi khi mang tính chủ quan | Đánh giá sâu sắc, khách quan, công bằng |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **14** | **20** |
| 7. Phê phán được… | Không phê phán được | Phê phán được; đôi khi không thường xuyên | Thường xuyên phê phán được; đôi khi chưa thuyết phục | Thường xuyên phê phán thẳng thắn, thuyết phục |
| **Thang điểm: 25** | **0** | **15** | **19** | **25** |
| **Tổng điểm: 100** | **0** | **50** | **70** | **100** |

**Rubric 3:**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC Ở NHÀ**

- Sinh viên:…………………………………………………………………………..

- GV nhận xét:……………………………………………………………………….

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt** | | | |
| **Chưa hoàn thành** | **Hoàn thành** | **Hoàn thành tốt** | **Hoàn thành rất tốt** |
| 1. Chuẩn bị tài liệu | Không chuẩn bị | Có chuẩn bị nhưng còn sơ sài | Chuẩn bị đầy đủ, phù hợp | Chuẩn bị đầy đủ, phù hợp, có các tài liệu khác liên quan |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **15** | **20** |
| 2. Nghiên cứu trước bài học | Không đọc trước bài học | Có đọc trước bài học nhưng không cẩn thận | Đọc kỹ trước bài học | Đọc kỹ trước bài học và có những trao đổi liên quan đến bài học |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **15** | **20** |
| 3. Làm bài tập | Không làm bài tập | Có làm bài tập nhưng không đầy đủ | Làm bài tập đầy đủ | Làm bài tập đầy đủ, đúng yêu cầu, có sáng tạo |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **16** | **20** |
| 4. Năng lực khai thác và ứng dụng CNTT | Không khai thác và ứng dụng CNTT | Có khai thác và ứng dụng CNTT nhưng không hiệu quả | Có khai thác và ứng dụng CNTT hiệu quả | Có khai thác và ứng dụng CNTT hiệu quả, sáng tạo |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **17** | **20** |
| 5. Năng lực cập nhật các thông tin thời sự liên quan | Không cập nhật các thông tin thời sự liên quan | Có cập nhật các thông tin thời sự liên quan nhưng không phù hợp | Có cập nhật các thông tin thời sự liên quan phù hợp | Có cập nhật các thông tin thời sự liên quan phù hợp, phong phú |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **17** | **20** |
| **Tổng điểm: 100** | **0** | **50** | **80** | **100** |

**Rubric 4:**

**ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG HOẠT ĐỘNG NHÓM**

- Nhóm sinh viên:…………………………………………………………………………..

- GV nhận xét:………………………………………………………………………………

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt** | | | |
| **Chưa hoàn thành** | **Hoàn thành** | **Hoàn thành tốt** | **Hoàn thành rất tốt** |
| 1. Tinh thần hợp tác trong nhóm | Hợp tác không tốt | Hợp tác tốt nhưng đôi khi còn một vài hạn chế | Thường xuyên hợp tác tốt nhưng đôi khi hiệu quả chưa cao | Luôn luôn hợp tác, biết tổ chức và thuyết phục người khác |
| **Thang điểm: 15** | **0** | **8** | **12** | **15** |
| 2. Thái độ làm việc của nhóm | Không tự giác, không tích cực, không sôi nổi | Đã quan tâm đến nhiệm vụ nhưng chưa tích cực, chưa tự giác | Tự giác, tích cực, sôi nổi | Tự giác, tích cực, sôi nổi, có hiệu quả tốt |
| **Thang điểm: 15** | **0** | **8** | **13** | **15** |
| 3. Sản phẩm | Không đạt yêu cầu | Đạt yêu cầu nhưng chưa độc đáo, chưa phong phú | Đạt yêu cầu, độc đáo, phong phú | Đạt yêu cầu, độc đáo, phong phú, có giá trị lý luận và thực tiễn cao |
| **Thang điểm: 15** | **0** | **8** | **12** | **15** |
| 4. Năng lực thuyết trình, báo cáo | Không thuyết trình, báo cáo | Có thuyết trình, báo cáo nhưng chưa đầy đủ, chưa hấp dẫn | Thuyết trình, báo cáo đầy đủ, hấp dẫn | Thuyết trình, báo cáo đầy đủ, hấp dẫn, chất lượng, có ý nghĩa giáo dục cao |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **9** | **15** | **20** |
| 5. Tương tác với các nhóm khác | Không tương tác với các nhóm khác | Có tương tác với các nhóm khác nhưng chưa nhiệt tình | Có tương tác với các nhóm khác rất nhiệt tình, hăng say | Tương tác nhiệt tình, hăng say với các nhóm khác mang lại hiệu quả cao cho bài học |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **9** | **15** | **20** |
| 6. Năng lực khai thác và ứng dụng CNTT, cập nhật thông tin | Không khai thác và ứng dụng CNTT, không cập nhật thông tin | Có khai thác và ứng dụng CNTT, có cập nhật thông tin nhưng không thường xuyên, còn sơ sài | Thường xuyên khai thác và ứng dụng CNTT, cập nhật thông tin đa dạng, phong phú | Luôn luôn khai thác và ứng dụng CNTT, cập nhật thông tin đáp ứng hiệu quả, chất lượng sản phẩm nhóm |
| **Thang điểm: 15** | **0** | **8** | **13** | **15** |
| **Tổng điểm: 100** | **0** | **50** | **80** | **100** |

**Rubric 5:**

***(Phiếu này dùng cho sinh viên và nhóm sinh viên tự đánh giá)***

ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN TRONG NHÓM

- Sinh viên tự đánh giá::……………………………….. Nhóm:…………………………

- Nhóm đánh giá:………………………………………………………………………….

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt** | | | |
| **Chưa hoàn thành** | **Hoàn thành** | **Hoàn thành tốt** | **Hoàn thành rất tốt** |
| 1. Tham gia họp nhóm | Không họp buổi nào | Có mặt 2/3 số buổi họp; một số buổi họp vắng mặt không có lí do chính đáng | Có mặt trong hầu hết các cuộc họp. Đôi khi vắng mặt có lí do chính đáng | Có mặt đầy đủ |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **15** | **20** |
| 2. Tham gia đóng góp ý kiến | Không buổi nào | Một vài buổi | Thường xuyên | Tích cực |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **16** | **20** |
| 3. Lắng nghe ý kiến của các thành viên khác | Không lắng nghe ý kiến của các thành viên trong nhóm | Lắng nghe ý kiến và phản hồi của các thành viên khác trong nhóm, nhưng không thường xuyên | Thường xuyên lắng nghe ý kiến của các thành viên khác | Thường xuyên lắng nghe và phản hồi ý kiến của các thành viên khác |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **15** | **20** |
| 4. Hoàn thành công việc của nhóm giao đúng thời hạn, có chất lượng | Không hoàn thành | Hoàn thành nhưng không đúng thời hạn, chất lượng trung bình | Hoàn thành với chất lượng tốt nhưng đôi khi không đúng thời hạn | Luôn luôn hoàn thành đúng thời hạn và chất lượng xuất sắc |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **17** | **20** |
| 5. Có ý tưởng mới, hay, sáng tạo | Không có ý tưởng mới | Thỉnh thoảng có ý tưởng mới | Thường xuyên có ý tưởng mới nhưng đôi khi chưa phù hợp | Luôn luôn có ý tưởng mới và sáng tạo |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **17** | **20** |
| **Tổng điểm: 100** | **0** | **50** | **80** | **100** |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | *Quảng Bình, ngày 23 tháng 06 năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **P.Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | | | **ThS.GVC. Nguyễn Thị Thùy Vân TS.GVC. Nguyễn Văn Duy TS.GVC. Nguyễn Văn Duy** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số:** 7140205 |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **1. Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** | **1.2. Tên tiếng Anh:** (THEMATIC HISTORY OF THE COMMUNIST PARTY OF VIETNAM) |
| **1.3. Mã học phần: MLLSĐV.128** | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 15 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | TS.GVC. Nguyễn Văn Duy, ThS. Hoàng Thanh Tuấn |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Trương Thị Thu Hà |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Triết học |
| Kinh tế chính trị |
|  | Chủ nghĩa xã hội khoa học |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Cung cấp những tri thức có tính chất hệ thống, cơ bản về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thiết lập chính quyền dân chủ nhân dân (1930-1945), các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1975-2021) và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng (1930 - 2021).

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Cung cấp những tri thức có tính chất hệ thống, cơ bản về: sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam (1920-1930), sự lãnh đạo của Đảng đối với cuộc đấu tranh giành độc lập dân tộc, thiết lập chính quyền dân chủ nhân dân (1930-1945), các cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975), đối với công cuộc xây dựng, bảo vệ tổ quốc thời kỳ cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1975-2021) và những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng (1930 - 2021).

**2.2.2. Về kỹ năng**

- Hình thành cho sinh viên khả năng tư duy độc lập, phân tích, và có khả năng bình luận, đánh giá trong giải quyết những vấn đề chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội theo đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Sinh viên có khả năng, vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng vào giải quyết các vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập, công tác.

**2.2.3. Về thái độ**

Sinh viên được nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, với chủ nghĩa Mác – Lênin , tư tưởng Hồ Chí Minh.

Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| **Về kiến thức** | |
| CLO1 | Sinh viên nắm, hiểu sâu nội dung về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam. |
| CLO2 | Sự lãnh đạo của Đảng đối với dân tộc từ năm 1930 đến nay. |
| **Về kỹ năng** | |
| CLO3 | Nâng cao bản lĩnh chính trị, yêu nước, trung thành với mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, với chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. |
| CLO4 | Sinh viên biết vận dụng sáng tạo đường lối của Đảng vào giải quyết những vấn đề trong thực tiễn đời sống, học tập và công tác. |
| **Về năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm** | |
| CLO5 | Có ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương. Thực hiện nghiêm túc đường lối, chính sách của Đảng. |
| CLO6 | Tích cực, chủ động đấu tranh phê phán những quan điểm sai trái, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | I | I |
| Tổng hợp học phần | I | I | I | I |  |  |  |  |  | I | I | I |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên. |  | X |  | Điểm danh  Quan sát, theo dõi |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 10% | A1.1. Tuần 4  Bài: Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng |  | X | CLO 1 | Bài kiểm tra từng cá nhân sinh viên |
| A3. Bài tập lớn | 10% | A1.2. Tuần 13: kinh nghiệm của Đảng về kháng chiến chóng Pháp |  | X | CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | - Làm bài tập lớn khoảng, chia nhóm 5 -7 sinh viên |
| A5. Đánh giá cuối kỳ | 70% | - Chuyên đề 1: Lịch sử Đảng giai đoạn 1930-1945  - Chuyền đề 2: Lịch sử Đảng giai đoạn 1945-1975  - Chuyên đề 3: Lịch sử Đảng giai đoạn 1975-2021  - Chuyên đề 4: Những bài học lớn về sự lãnh đạo của Đảng |  |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | - Thi tự luận  - Làm bài trắc nghiệm |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV(\*) | Tên bài  đánh giá  (ở cột 3 bảng 5.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Chương mở đầu: ĐỐI TƯỢNG, CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP LỊCH SỬ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**   * 1. Đối tượng nghiên cứu môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam   2. Chức năng, nhiệm vụ của môn học lịch sử đảng cộng sản việt nam      1. Chức năng của khoa học lịch sử Đảng      2. Nhiệm vụ của khoa học lịch sử Đảng   3. Phương pháp nghiên cứu, học tập môn học lịch sử đảng cộng sản việt nam      1. Quán triệt phương pháp luận sử học      2. Các phương pháp cụ thể | **3 LT** | 1. Hiểu tổng quan những nội dung học phần, tiếp cận tinh thần, thái độ học tập môn học. | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3*  *CLO4*  *CLO5*  *CLO6* | PP thuyết trình, |  |  |
| 2 | **Chương 1: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI VÀ LÃNH ĐẠO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945)**  1.1. Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời và Cương Lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng  1.1.1. Bối cảnh lịch sử.  1.1.2. Nguyễn Ái Quốc chuẩn bị các điều kiện để thành lập Đảng.  1.1.3. Thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương Lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng.  1.1.4. Ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.  1.2. Đảng lãnh đạo quá trình đấu tranh giành chính quyền (1930-1945)  1.2.1. Phong trào cách mạng 1930-1935 và khôi phục phong trào (1932-1935)  1.2.2. Phong trào dân chủ (1936-1939)  1.2.3. Phong trào giải phóng dân tộc (1939-1945)  1.2.4.Tính chất, ý nghĩa và kinh nghiệm của cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945. | **6LT/3TT** | 1. Hiểu Cung cấp cho sinh viên những nội dung khách quan, chân thực về quá trình ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam, giá trị lý luận và thực tiễn của Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng; Bối cảnh lịch sử và vai trò lãnh đạo của Đảng trong 15 năm tiến hành cách mạng giải phóng dân tộc và đấu tranh giành chính quyền (1930-1945).  2. Nắm được nội dung Cương lĩnh Chính trị đầu tiên của Đảng. Từ những kiến thức lịch sử của quá trình chuẩn bị những điều kiện để thành lập Đảng và lãnh đạo đấu tranh giải phóng dân tộc (1930-1945), góp phần củng cố niềm tin của thế hệ trẻ vào con đường cách mạng mà Đảng Cộng sản Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã lựa chọn.  3. Trang bị cho sinh viên phương pháp nhận thức biện chứng, khách quan từ các sự kiện lịch sử Đảng, góp phần nâng cao năng lực nhận thức đúng đắn về tiến trình Đảng ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam. | *CLO1*  *CLO3*  *CLO4*  *CLO5*  *CLO6* | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | **- Phần chuẩn bị ở nhà:**  **Đọc trước nội dung và**  **(C9,10) (tài liệu [1])**  **- Phần chuẩn bị trên lớp:**  **- Đọc hiểu và Bài tập Multiple choice(T11 và 16)** |  |
| 3 | **Chương 2: ĐẢNG LÃNH ĐẠO HAI CUỐC KHÁNG CHIẾN, HOÀN THÀNH GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1945-1975)**  2.1. Đảng lãnh đạo xây dựng, bảo vệ chính quyền cách mạng và kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954)  2.1.1. Xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng (1945-1946)  2.1.2. Đường lối khánh chiến toàn quốc và quá trình tổ chức thực hiện (1945 – 1950)  2.1.3. Đẩy mạnh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và can thiệp Mỹ đến thắng lợi (1951-1954)  2.1.4. Ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của Đảng trong lãnh đạo kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ  2.2. Đảng lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước (1954-1975)  2.2.1. Sự lãnh đạo của Đảng với cách mạng hai miền Nam – Bắc (1954-1965)  2.2.2. Đảng lãnh đạo cách mạng cả nước (1965-1975)  2.2.3. Ý nghĩa kinh nghiệm lãnh đạo của Đảng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975 | **7LT/3TT** | 1. Cung cấp cho sinh viên những nội dung lịch sử cơ bản, hệ thống, khách quan về sự lãnh đạo của Đảng đối với hai cuộc kháng chiến chống chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ thời kỳ 1945-1975.  Giúp sinh viên hiểu rõ những vấn đề lý luận và thực tiễn về nội dung đường lối và quá trình chỉ đạo thực hiện đường lối kháng chiến giành độc lập hoàn toàn, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ miền Bắc (1945-1975).  2. Nhận thức đúng đắn thực tiễn lịch sử và những kinh nghiệm rút ra từ quá trình Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống ngoại xâm thời kỳ 1945-1975.  Tăng cường lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sức mạnh đoàn kết của toàn dân trong sự nghiệp cách mạng của dân tộc, thống nhất đất nước và ý thức phê phán những nhận thức sai trái về lịch sử các cuộc kháng chiến dưới sự lãnh đạo của Đảng.  3. Trang bị kỹ năng tìm chọn tài liệu nghiên cứu, năng lực phân tích sự kiện, phương pháp đúc rút kinh nghiệm lịch sử về sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng.  Nâng cao khả năng vận dụng các kiến thức, kinh nghiệm lịch sử vào thực tiễn của người học trong quá trình học tập, nghiên cứu, giảng dạy và công tác có liên quan đến chuyên môn Lịch sử Đảng. | *CLO2*  *CLO3*  *CLO4*  *CLO5*  *CLO6* | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | **- Phần chuẩn bị ở nhà:**  **Đọc trước nội dung và**  **(C9,10) (tài liệu [1])**  **- Phần chuẩn bị trên lớp:**  **- Đọc hiểu và Bài tập Multiple choice(T11 và 16)** |  |
| 4 | **Chuơng 3: ĐẢNG LÃNH ĐẠO CẢ NƯỚC QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ TIẾN HÀNH CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1975-2021)**  3.1. Đảng lãnh đạo cả nước xây dựng chủ nghĩa xã hội và bao vệ tổ quốc (1975-1986)   * + 1. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1981)     2. Xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc (1975-1981)   1. Lãnh đạo công cuộc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1986-2018)      1. Đổi mới toàn diện, đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội 1986-1996      2. Tiếp tục công việc đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế (1996-2018)      3. Thành tựu, hạn chế, kinh nghiệm của công cuộc đổi mới | **7LT/3TT** | 1. Giúp sinh viên nắm được Cương lĩnh, đường lối, và những tri thức có hệ thống về quá trình phát triển đường lối và lãnh đạo của Đảng đưa cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tiến hành công cuộc đổi mới từ sau ngày thống nhất đất nước năm 1975 đến nay.  2. Củng cố niềm tin của sinh viên về những thắng lợi của Đảng trong lãnh đạo đưa cả nước quá độ xây dưng chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018), củng cố niềm tin và lòng tự hào vào sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng hiện nay.  3. Rèn luyện cho học viên phong cách tư duy lý luận gắn liền với thực tiễn, phát huy tính năng động, sáng tạo của người học; vận dụng những tri thức về sự lãnh đạo của Đảng vào thực tiễn cuộc sống. | CLO2  *CLO3*  *CLO4*  *CLO5*  *CLO6* | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | **- Phần chuẩn bị ở nhà:**  **Đọc trước nội dung và**  **(C9,10) (tài liệu [1])**  **- Phần chuẩn bị trên lớp:**  **- Đọc hiểu và Bài tập Multiple choice(T11 và 16)** |  |
| 5 | **Chương 4**  **NHỮNG BÀI HỌC LỚN VỀ SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG**  I. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội  1. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là lý tưởng, mục tiêu, là nguồn gốc sức mạnh của cách mạng, của Đảng và của dân tộc Việt Nam  2. Quá trình phát triển nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội  3. Kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong thời đại ngày nay  II. Sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân  1. Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân dân  2. Nội dung bài học  3. Ý nghĩa bài học  III. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế  1. Chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết  2. Nội dung bài học  3. Ý nghĩa bài học  IV. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế  1. Vai trò của sức mạnh dân tộc và sức thời đại  2. Nội dung bài học  3. Ý nghĩa bài học  V. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam | **7LT/3TT** | 1. Nắm vững ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội là lý tưởng, mục tiêu, là nguồn gốc sức mạnh của cách mạng, của Đảng và của dân tộc Việt Nam. Quá trình phát triển nhận thức của Đảng Cộng sản Việt Nam về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội. Kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong thời đại ngày nay  2. Hiểu được ự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về vai trò của nhân dân. Không ngừng củng cố, tăng cường đoàn kết toàn Đảng, đoàn kết dân tộc, đoàn kết quốc tế. Chủ nghĩa Mác- Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết.  3. Kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, sức mạnh trong nước và sức mạnh quốc tế. Sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của cách mạng Việt Nam. Lý luận Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về Đảng Cộng sản |  |  |  |  |
| 6 | **Ôn tập và kiểm tra** | 3 t |  |  | ……… | ……… |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  |  |  |  |  |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7***) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).**

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Bộ Giáo dục Đào tạo | 2021 | Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  *(Dành cho bậc đại học chuyên lý luận chính trị)* | Chính trị Quốc gia Sự thật |
| 2 | TS.GVC. Nguyễn Văn Duy | 2021 | Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  *(Dành cho bậc đại học chuyên lý luận chính trị)* | Trung tâm học liệu |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 3 | Bộ Giáo dục Đào tạo | 2021 | Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  *(Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị)* | Chính trị Quốc gia Sự thật |
| 4 | TS.GVC. Nguyễn Văn Duy | 2021 | Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam  *(Dành cho bậc đại học không chuyên lý luận chính trị)* | Trung tâm học liệu |
| 5 | Hội đồng Trung ương chỉ đạo biên soạn Giáo trình Quốc gia các môn Khoa học Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh | 2018 | *Giáo trình Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam* (tái bản có sửa chữa, bổ sung) | Nxb.Chính trị Quốc gia, Hà Nội |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | *Giảng đường A* | *Máy tính* | *01* |  |
| *2* | *Máy chiếu* | *01* |
| *3* | *Loa* | *01* |

**9. Rubric đánh giá**

**Rubric 1:**

**ĐÁNH GIÁ CHUYÊN CẦN, THÁI ĐỘ HỌC TẬP CỦA SINH VIÊN**

- Sinh viên: ……………………………………………………………………............

- Lớp: ………………………………………………………………………………….

- Thời gian quan sát: từ…………………………. đến……………………………….

- Người đánh giá: …………………………………………………………………….

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt** | | |
| **Chưa hoàn thành** | **Hoàn thành** | **Hoàn thành tốt** |
| *1. Đi học chuyên cần* | Không tham gia học trên lớp >20% số tiết HP | Tham gia học trên lớp từ 20%-70% số tiết HP | Tham gia học trên lớp từ 71%-100% số tiết HP |
| Thang điểm: 20 | < 5 | 15 - 25 | 20 |
| *2. Chăm chú nghe giảng* | Chưa chăm chú nghe giảng, thường xuyên nói chuyện riêng. | Chăm chú nghe giảng, đôi khi còn nói chuyên riêng. | Thường xuyên chăm chú nghe giảng |
| Thang điểm: 20 | < 5 | 15 - 20 | 20 |
| *3. Phát biểu xây dựng bài* | Chỉ phát biểu ý kiến khi GV yêu cầu. | Phát biểu ý kiến khi GV yêu cầu; đôi khi chủ động xin được phát biểu ý kiến | Tích cực phát biểu ý kiến xây dựng bài. |
| Thang điểm: 30 | < 5 | 15 - 25 | 30 |
| *4. Tôn trọng nội quy trường, lớp* | Không tôn trọng thầy cô, bạn bè, nội quy trường, lớp | Tôn trọng thầy cô, bạn bè nhưng đôi khi không thực hiện đúng nội quy trường, lớp | Tôn trọng thầy cô, bạn bè; chấp hành đúng nội quy trường, lớp |
| Thang điểm: 30 | < 5 | 15 - 20 | 30 |
| **Tổng điểm:** | **< 5** | **60 - 90** | **100** |

**Rubric 2:**

**ĐÁNH GIÁ MỨC ĐỘ HỌC TẬP TRÊN LỚP**

- Sinh viên:…………………………………………………………………………..

- GV nhận xét:……………………………………………………………………….

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt** | | | |
| **Chưa hoàn thành** | **Hoàn thành** | **Hoàn thành tốt** | **Hoàn thành rất tốt** |
| 1. Nêu được… | Không nêu được | Nêu được… nhưng còn sơ sài, chưa chính xác… | Nêu được đầy đủ, chính xác… | Nêu được đầy đủ, chính xác…; nêu được VD minh họa. |
| **Thang điểm: 5** | **0** | **2** | **3** | **5** |
| 2. Trình bày được… | Không trình bày được. | Trình bày được nhưng còn sơ sài. | Trình bày được đầy đủ, rõ ràng | Trình bày được đầy đủ, rõ ràng, phân tích được VD để minh chứng. |
| **Thang điểm: 5** | **0** | **3** | **4** | **5** |
| 3. Giải thích được… | Không giải thích được | Giải thích rõ ràng và chưa đầy đủ | Giải thích rõ ràng nhưng chưa đầy đủ | Giải thích rõ ràng và đầy đủ |
| **Thang điểm: 10** | **0** | **5** | **7** | **10** |
| 4. Nhận biết được trách nhiệm của SV… | Không nhận biết được | Nhận biết được nhưng chưa đầy đủ | Nhận biết đầy đủ | Nhận biết đầy đủ, có ý thức về trách nhiệm của SV… |
| **Thang điểm: 15** | **0** | **5** | **9** | **15** |
| 5. Thực hiện được những việc làm thể hiện… | Không thực hiện được | Thực hiện được nhưng không thường xuyên | Thường xuyên thực hiện được | Thường xuyên thực hiện và nhắc nhở người khác thực hiện |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **14** | **20** |
| 6. Đánh giá được… | Không đánh giá được | Đánh giá được nhưng còn đơn giản; đôi khi mang tính chủ quan | Đánh giá được một cách sâu sắc; đôi khi mang tính chủ quan | Đánh giá sâu sắc, khách quan, công bằng |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **14** | **20** |
| 7. Phê phán được… | Không phê phán được | Phê phán được; đôi khi không thường xuyên | Thường xuyên phê phán được; đôi khi chưa thuyết phục | Thường xuyên phê phán thẳng thắn, thuyết phục |
| **Thang điểm: 25** | **0** | **15** | **19** | **25** |
| **Tổng điểm: 100** | **0** | **50** | **70** | **100** |

**Rubric 3:**

**ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG TỰ HỌC Ở NHÀ**

- Sinh viên:…………………………………………………………………………..

- GV nhận xét:……………………………………………………………………….

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt** | | | |
| **Chưa hoàn thành** | **Hoàn thành** | **Hoàn thành tốt** | **Hoàn thành rất tốt** |
| 1. Chuẩn bị tài liệu | Không chuẩn bị | Có chuẩn bị nhưng còn sơ sài | Chuẩn bị đầy đủ, phù hợp | Chuẩn bị đầy đủ, phù hợp, có các tài liệu khác liên quan |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **15** | **20** |
| 2. Nghiên cứu trước bài học | Không đọc trước bài học | Có đọc trước bài học nhưng không cẩn thận | Đọc kỹ trước bài học | Đọc kỹ trước bài học và có những trao đổi liên quan đến bài học |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **15** | **20** |
| 3. Làm bài tập | Không làm bài tập | Có làm bài tập nhưng không đầy đủ | Làm bài tập đầy đủ | Làm bài tập đầy đủ, đúng yêu cầu, có sáng tạo |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **16** | **20** |
| 4. Năng lực khai thác và ứng dụng CNTT | Không khai thác và ứng dụng CNTT | Có khai thác và ứng dụng CNTT nhưng không hiệu quả | Có khai thác và ứng dụng CNTT hiệu quả | Có khai thác và ứng dụng CNTT hiệu quả, sáng tạo |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **17** | **20** |
| 5. Năng lực cập nhật các thông tin thời sự liên quan | Không cập nhật các thông tin thời sự liên quan | Có cập nhật các thông tin thời sự liên quan nhưng không phù hợp | Có cập nhật các thông tin thời sự liên quan phù hợp | Có cập nhật các thông tin thời sự liên quan phù hợp, phong phú |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **17** | **20** |
| **Tổng điểm: 100** | **0** | **50** | **80** | **100** |

**Rubric 4:**

**ĐÁNH GIÁ KĨ NĂNG HOẠT ĐỘNG NHÓM**

- Nhóm sinh viên:…………………………………………………………………………..

- GV nhận xét:……………………………………………………………………….

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt** | | | |
| **Chưa hoàn thành** | **Hoàn thành** | **Hoàn thành tốt** | **Hoàn thành rất tốt** |
| 1. Tinh thần hợp tác trong nhóm | Hợp tác không tốt | Hợp tác tốt nhưng đôi khi còn một vài hạn chế | Thường xuyên hợp tác tốt nhưng đôi khi hiệu quả chưa cao | Luôn luôn hợp tác, biết tổ chức và thuyết phục người khác |
| **Thang điểm: 15** | **0** | **8** | **12** | **15** |
| 2. Thái độ làm việc của nhóm | Không tự giác, không tích cực, không sôi nổi | Đã quan tâm đến nhiệm vụ nhưng chưa tích cực, chưa tự giác | Tự giác, tích cực, sôi nổi | Tự giác, tích cực, sôi nổi, có hiệu quả tốt |
| **Thang điểm: 15** | **0** | **8** | **13** | **15** |
| 3. Sản phẩm | Không đạt yêu cầu | Đạt yêu cầu nhưng chưa độc đáo, chưa phong phú | Đạt yêu cầu, độc đáo, phong phú | Đạt yêu cầu, độc đáo, phong phú, có giá trị lý luận và thực tiễn cao |
| **Thang điểm: 15** | **0** | **8** | **12** | **15** |
| 4. Năng lực thuyết trình, báo cáo | Không thuyết trình, báo cáo | Có thuyết trình, báo cáo nhưng chưa đầy đủ, chưa hấp dẫn | Thuyết trình, báo cáo đầy đủ, hấp dẫn | Thuyết trình, báo cáo đầy đủ, hấp dẫn, chất lượng, có ý nghĩa giáo dục cao |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **9** | **15** | **20** |
| 5. Tương tác với các nhóm khác | Không tương tác với các nhóm khác | Có tương tác với các nhóm khác nhưng chưa nhiệt tình | Có tương tác với các nhóm khác rất nhiệt tình, hăng say | Tương tác nhiệt tình, hăng say với các nhóm khác mang lại hiệu quả cao cho bài học |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **9** | **15** | **20** |
| 6. Năng lực khai thác và ứng dụng CNTT, cập nhật thông tin | Không khai thác và ứng dụng CNTT, không cập nhật thông tin | Có khai thác và ứng dụng CNTT, có cập nhật thông tin nhưng không thường xuyên, còn sơ sài | Thường xuyên khai thác và ứng dụng CNTT, cập nhật thông tin đa dạng, phong phú | Luôn luôn khai thác và ứng dụng CNTT, cập nhật thông tin đáp ứng hiệu quả, chất lượng sản phẩm nhóm |
| **Thang điểm: 15** | **0** | **8** | **13** | **15** |
| **Tổng điểm: 100** | **0** | **50** | **80** | **100** |

**Rubric 5:**

***(Phiếu này dùng cho sinh viên và nhóm sinh viên tự đánh giá)***

ĐÁNH GIÁ CÁ NHÂN TRONG NHÓM

- Sinh viên tự đánh giá::………………………………..Nhóm:…………………………

- Nhóm đánh giá:………………………………………………………………………..

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Mức độ đáp ứng yêu cầu cần đạt** | | | |
| **Chưa hoàn thành** | **Hoàn thành** | **Hoàn thành tốt** | **Hoàn thành rất tốt** |
| 1. Tham gia họp nhóm | Không họp buổi nào | Có mặt 2/3 số buổi họp; một số buổi họp vắng mặt không có lí do chính đáng | Có mặt trong hầu hết các cuộc họp. Đôi khi vắng mặt có lí do chính đáng | Có mặt đầy đủ |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **15** | **20** |
| 2. Tham gia đóng góp ý kiến | Không buổi nào | Một vài buổi | Thường xuyên | Tích cực |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **16** | **20** |
| 3. Lắng nghe ý kiến của các thành viên khác | Không lắng nghe ý kiến của các thành viên trong nhóm | Lắng nghe ý kiến và phản hồi của các thành viên khác trong nhóm, nhưng không thường xuyên | Thường xuyên lắng nghe ý kiến của các thành viên khác | Thường xuyên lắng nghe và phản hồi ý kiến của các thành viên khác |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **15** | **20** |
| 4. Hoàn thành công việc của nhóm giao đúng thời hạn, có chất lượng | Không hoàn thành | Hoàn thành nhưng không đúng thời hạn, chất lượng trung bình | Hoàn thành với chất lượng tốt nhưng đôi khi không đúng thời hạn | Luôn luôn hoàn thành đúng thời hạn và chất lượng xuất sắc |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **17** | **20** |
| 5. Có ý tưởng mới, hay, sáng tạo | Không có ý tưởng mới | Thỉnh thoảng có ý tưởng mới | Thường xuyên có ý tưởng mới nhưng đôi khi chưa phù hợp | Luôn luôn có ý tưởng mới và sáng tạo |
| **Thang điểm: 20** | **0** | **10** | **17** | **20** |
| **Tổng điểm: 100** | **0** | **50** | **80** | **100** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày 23 tháng 06 năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **P.Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
| **ThS.GVC. Nguyễn Thị Thùy Vân TS.GVC. Nguyễn Văn Duy TS.GVC. Nguyễn Văn Duy** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Pháp luật đại cương** | **1.2. Tên tiếng Anh:** **General law** |
| **1.3. Mã học phần: MLPLDC.044** | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 20 tiết |
| - Bài tập: | 10 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Phan Thị Thu Hiền |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phùng Thị Loan  ThS. Phan Phương Nguyên  ThS. Dương Thị Hồng Thuận |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Biết được những vấn đề lý luận chung về nhà nước, pháp luật; hiểu, áp dụng được các quy định cơ bản của hệ thống pháp luật Việt Nam; khai thác được các cơ sở dữ liệu pháp luật phổ biến; trang bị khả năng tự cập nhật kiến thức pháp luật cơ bản; hình thành ý thức pháp luật, có trách nhiệm công dân.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Hiểu được những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật, những vấn đề cơ bản về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam để thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Sinh viên có kỹ năng tiếp cận thực tiễn, có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để tìm hiểu, nghiên cứu và độc lập phân tích các hoạt động, các hiện tượng chính trị - pháp lý trong xã hội.

**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành ý thức sống và làm việc theo pháp luật, biết cách ứng xử, chấp hành tốt các chính sách của nhà nước cũng như các quy định của pháp luật, có ý thức đầy đủ về bổn phận và nghĩa vụ của một công dân đối với quốc gia, góp phần bảo đảm trật tự xã hội.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu và lý giải được những vấn đề cơ bản về nhà nước và pháp luật. |
| CLO2 | Phân tích được kiến thức cơ bản liên quan đến quy phạm pháp luật, cơ chế điều chỉnh của pháp luật. |
| CLO3 | Vận dụng được kiến thức về hệ thống pháp luật Việt Nam hiện nay; các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn. |
| CLO4 | Nhận diện, đánh giá được các tình huống pháp lý; kỹ năng tư duy logic và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời |
| CLO5 | Thái độ tôn trọng và chấp hành tôn trọng pháp luật; có ý thức trách nhiệm công dân. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLOvà PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 |  |  | I |  |  |  |  |  |  | I |  | M |
| CLO2 | I |  | R |  |  |  | R |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  | M |  |
| CLO4 | R |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |
| CLO5 | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần | M |  | R |  | M |  | R | M |  | I | M | M |

**5. Đánh giá**

***a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá***

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 5  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5 | - Điểm danh  - Quan sát,theo dõi |
| A2. Đánh giá quá trình | 35% | A2.1. Tuần 7:  Chương 4. Cơ chế điều chỉnh của pháp luật | 50% | X | CLO2, CLO4, CLO5 | - Bài kiểm tra viết hoặc bài tập  (Đáp ứng yêu cầu về nộp bài tập, hình thức trình bày và nội dung). |
| A2.2. Tuần 14  Chương 5. Hệ thống pháp luật Việt Nam | 50% | CLO3, CLO4, CLO5 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | - Chương 1. Những kiến thức cơ bản về nhà nước  - Chương 2. Những kiến thức cơ bản về pháp luật  - Chương 3. Quy phạm pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay  - Chương 4. Cơ chế điều chỉnh của pháp luật  - Chương 5. Hệ thống pháp luật Việt Nam |  |  | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5 | - Thi viết hoặc vấn đáp.  (Đáp ứng đáp án, thang điểm) |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/BT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Những kiến thức cơ bản về nhà nước  1.1 Nguồn gốc, dấu hiệu và bản chất của nhà nước  1.1.1 Nguồn gốc của nhà nước  1.1.2 Bản chất và chức năng của nhà nước  1.1.3 Những dấu hiệu cơ bản của nhà nước  1.2 Các kiểu và hình thức nhà nước  1.2.1 Các kiểu nhà nước  1.2.2 Các hình thức nhà nước  1.3 Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  1.3.1 Bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  1.3.2 Chức năng của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  1.3.3 Hình thức Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  1.3.4 Bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 2LT | - Hiểu được khái niệm nhà nước, các nguyên nhân dẫn đến sự ra đời của nhà nước cũng như dấu hiệu và bản chất của nhà nước.  - Hiểu được các kiểu và hình thức nhà nước  - Phân tích được bản chất của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. | CLO1  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 2, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 2 | Chương 2. Những vấn đề cơ bản về pháp luật  2.1 Khái niệm, bản chất của pháp luật  2.1.1 Nguồn gốc của pháp luật  2.1.2 Khái niệm pháp luật  2.1.3 Bản chất của pháp luật  2.2 Các kiểu pháp luật  2.2.1 Pháp luật chủ nô  2.2.2 Pháp luật phong kiến  2.2.3 Pháp luật tư sản | 2LT | - Phân tích được khái niệm và bản chất của pháp luật.  - Hiểu rõ đặc điểm và bản chất của các kiểu pháp luật trong lịch sử. | CLO1  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 3, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 3 | Chương 3. Quy phạm pháp luật, các loại văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay  3.1 Quy phạm pháp luật  3.1.1 Khái niệm quy phạm pháp luật  3.1.2 Cơ cấu của quy phạm pháp luật  3.2 Các văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay  3.2.1 Khái niệm văn bản quy phạm pháp luật  3.2.2 Các loại văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay  3.2.3 Hiệu lực của văn bản quy phạm pháp luật | 1LT,1BT | - Phân tích được khái niệm, dấu hiệu của quy phạm pháp luật.  - Hiểu rõ được hệ thống văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam hiện nay. | CLO2  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 4, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Lấy ví dụ về quy phạm pháp luật và phân tích cơ cấu của quy phạm pháp luật đó. |  |
| 4 | Chương 4. Cơ chế điều chỉnh của pháp luật  4.1 Quan hệ pháp luật  4.1.1 Khái niệm  4.1.2 Đặc điểm của quan hệ pháp luật  4.1.3 Phân loại quan hệ pháp luật  4.1.4 Thành phần của quan hệ pháp luật  4.1.5 Khách thể của quan hệ pháp luật | 1LT,1BT | - Phân tích được khái niệm và thành phần của quan hệ pháp luật. | CLO2  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 4, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Lấy ví dụ về quan hệ pháp luật. Phân tích thành phần của quan hệ pháp luật đó. |  |
| 5 | Chương 4: (tiếp theo)  4.2 Thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lý  4.2.1 Thực hiện pháp luật | 1LT,1BT | - Hiểu, đánh giá chính xác vai trò của thực hiện pháp luật. | CLO2  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 4, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Lấy ví dụ về các hình thức thực hiện pháp luật. |  |
| 6 | Chương 4: (tiếp theo)  4.2.2 Vi phạm pháp luật  4.2.3 Trách nhiệm pháp lý | 1LT,1BT | - Vận dụng được những hiểu biết về vi phạm pháp luật để xác định hành vi như thế nào là vi phạm pháp luật, từ đó xác định được trách nhiệm pháp lý. | CLO2  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 4, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Lấy ví dụ về vi phạm pháp luật. |  |
| 7 | Chương 4: (tiếp theo)  4.3 Ý thức pháp luật  4.3.1 Khái niệm  4.3.2 Cấu trúc của ý thức pháp luật XHCN  4.3.3 Mối quan hệ giữa ý thức pháp luật với pháp luật | 2LT | - Hình thành ý thức pháp luật để thực hiện tốt trách nhiệm của công dân đối với xã hội. | CLO2  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 4, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. | A2.1 |
| 8 | Chương 4: (tiếp theo)  4.4 Cơ chế điều chỉnh pháp luật  4.4.1 Khái niệm  4.4.2 Các yếu tố của cơ chế điều chỉnh pháp luật | 2LT | - Hiểu rõ các yếu tố tạo nên cơ chế điều chỉnh pháp luật. | CLO2  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 4, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. |  |
| 9 | Chương 5. Hệ thống pháp luật Việt Nam  5.1 Hệ thống pháp luật Việt Nam  5.1.1 Khái niệm  5.1.2 Căn cứ để phân định ngành luật  5.2 Các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam  5.2.1 Luật hiến pháp | 1LT,1BT | - Phân tích được các yếu tố tạo nên hệ thống pháp luật Việt Nam.  - Vận dụng được kiến thức về Luật hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn. | CLO3  CLO4  CLO5 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 5, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp:  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Phân tích các căn cứ phân định ngành luật. |  |
| 10 | Chương 5: (tiếp theo)  5.2.2 Luật hành chính | 1LT,1BT | - Vận dụng được kiến thức về Luật hành chính trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn. | CLO3  CLO4  CLO5 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 5, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Phân tích dấu hiệu của vi phạm hành chính. Lấy ví dụ minh họa. |  |
| 11 | Chương 5: (tiếp theo)  5.2.3 Luật dân sự | 1LT,1BT | - Vận dụng được kiến thức về Luật dân sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn. | CLO3  CLO4  CLO5 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 5, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Phân tích đặc điểm của quan hệ pháp luật dân sự. |  |
| 12 | Chương 5: (tiếp theo)  5.2.4 Luật hôn nhân và gia đình | 1LT,1BT | - Vận dụng được kiến thức về Luật hôn nhân và gia đình trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn. | CLO3  CLO4  CLO5 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 5, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Phân tích điều kiện kết hôn theo quy định của văn bản pháp luật hiện hành. |  |
| 13 | Chương 5: (tiếp theo)  5.2.5. Luật lao động  5.2.6 Luật hình sự | 1LT,1BT | - Vận dụng được kiến thức về Luật lao động và Luật hình sự trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn. | CLO3  CLO4  CLO5 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 5, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Lấy ví dụ về các loại tội phạm. |  |
| 14 | Chương 5: (tiếp theo)  5.2.7 Pháp luật về tố tụng | 1LT,1BT | - Vận dụng được kiến thức pháp luật về tố tụng trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn. | CLO3  CLO4  CLO5 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 5, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: So sánh tố tụng dân sự và tố tụng hình sự. | A2.2 |
| 15 | Chương 5: (tiếp theo)  5.2.8 Một số ngành luật khác | 2LT | - Vận dụng được kiến thức về Luật đất đai, kinh tế, quốc tế... trong hệ thống pháp luật Việt Nam để giải quyết các tình huống phát sinh trong thực tiễn. | CLO3  CLO4  CLO5 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 5, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  | - Hiểu được những kiến thức về nhà nước và pháp luật.  - Vận dụng được các quy định cơ bản của hệ thống pháp luật Việt Nam vào giải quyết các tình huống trong thực tiễn. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |  | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Phùng Thị Loan | 2020 | Pháp luật đại cương | Giáo trình lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 1 | Mai Hồng Quý | 2013 | Pháp luật đại cương | NXB ĐHSP, Hà Nội |
| 2 | Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan (Chủ biên) | 2019 | Lý luận nhà nước và pháp luật | NXB CAND, Hà Nội |
| 3 | Nguyễn Thị Việt Hương (chủ biên) | 2012 | Lý luận nhà nước và pháp luật | NXB CAND, Hà Nội |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chínhphục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường A, C | Projector, máy tính cá nhân | 1 | Từ Chương 1 đến Chương 5 |

**9. Rubric đánh giá:**

**Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |  |
| Chuyên  cần | Không đi học  (<30%). | Đi học không chuyên cần  (<50%). | Đi học khá chuyên cần (<70%). | Đi học chuyên cần (<90%). | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần  (100%). | **50%** |
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **50%** |

**Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập | Nộp 70% số lượng bài tập được giao. Thời gian nộp chậm hơn quy định 96 giờ trở lên. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 48 giờ. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 24 giờ. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
| Trình bày bài tập | Không có bài tập | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giảndòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp. | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước). | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡchữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý. | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sửdụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý. | **30%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót  . | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Trình bày đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

*Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **TS. Nguyễn Văn Duy** | **Trưởng bộ môn**  **ThS. Phùng Thị Loan** | **Người biên soạn**  **ThS. Phùng Thị Loan** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa: Khoa học cơ bản** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục Chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| * 1. **Tên học phần:**   **Cơ sở văn hóa Việt Nam** | * 1. **Tên tiếng Anh:**   **Introduction to Vietnamese Culture** |
| **1.3. Mã học phần: VACSVH.113** | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 22 tiết |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 08 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Hoàng Thị Ngọc Bích |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Thị Hoài An |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Nắm vững những kiến thức cơ bản về văn hóa để đánh giá, phân tích điều kiện hình thành, các thành tựu văn hóa, bản sắc của văn hoá Việt Nam.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận về văn hóa, điều kiện hình thành và các thành tựu của văn hóa Việt Nam trên các phương diện, từ đó có nhận thức đúng đắn về vai trò của văn hóa trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc cũng như đối với sự phát triển của quốc gia.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Có kỹ năng nhận biết, phân tích, đánh giá và nghiên cứu về một số vấn đề văn hóa cụ thể, từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc.

**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành ở sinh viên niềm tự hào dân tộc, có ý thức giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Thông hiểu những vấn đề lý luận về văn hóa, trình bày được tiến trình, các vùng văn hóa và loại hình văn hóa |
| CLO2 | Phân tích những biểu hiện, dấu ấn văn hóa trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội, từ đó, chỉ ra sự giao lưu, tiếp biến văn hóa. |
| CLO3 | Sử dụng ngôn ngữ và giao tiếp, ứng xử chuẩn mực, phù hợp với đặc trưng văn hóa dân tộc. |
| CLO4 | Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề văn hóa -xã hội. Lý giải, phân tích các vấn đề trong đời sống xã hội dưới góc nhìn toàn diện, đa chiều. |
| CLO5 | Thể hiện ý thức giữ gìn, phát huy di sản văn hóa, đồng thời kiên quyết loại trừ những yếu tố lệch lạc, phi văn hóa. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 |  |  |  | I |  |  | I |  |  |  |  |  |
| CLO 2 | I |  |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 | I |  |  | M |  |  | I |  |  | M |  | R |
| CLO 4 | R |  | R | R |  |  | R |  |  | M |  | R |
| CLO 5 | R |  | R | M |  |  | R |  |  | M |  | M |
| Tổng hợp học phần | R |  | R | M |  |  | R |  |  | M |  | R |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu,có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…;M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

***a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá***

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 10% | - Đánh giá toàn bộ quá trình  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên | 100% |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 30% | A2.1. Tuần 8: Tiến trình văn hóa Việt Nam | 50% |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3 | Đáp ứng đáp án, thang điểm |
| A2.2. Tuần 15: Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội | 50% |  | CLO 4  CLO 5 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ  Chương 1  Chương 2 | 100% |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | Bài kiểm tra cuối kỳ có thể theo các hình thức: Tự luận, vấn đáp, bài tập lớn  Đáp ứng đáp án, thang điểm |
|  |  |  |  |  |  | Đáp ứng đáp án, thang điểm |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR*** | ***Hoạt động học của SV(\*)*** | ***Tên bài***  ***đánh giá***  ***(ở cột 3 bảng 5.1*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Đại cương về văn hóa học và văn hóa Việt Nam  1.1. Một số vấn đề dẫn luận | 2 | Nắm được những vấn đề lý luận về văn hóa: khái niệm văn hóa, đặc trưng và chức năng văn hóa, cấu trúc văn hóa, phân biệt văn hóa với một số khái niệm liên quan. | CLO1 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 1  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 2 | Chương 1: Đại cương về văn hóa học và văn hóa Việt Nam  1.2. Định vị văn hóa Việt Nam | 2 | Phân tích được các đặc trưng của loại hình văn hóa gốc nông nghiệp; chủ thể văn hóa Việt Nam | CLO1  CLO2 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 1  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 3 | Chương 1: Đại cương về văn hóa học và văn hóa Việt Nam  1.2. Định vị văn hóa Việt Nam (tiếp) | 2 | Nắm được nội dung về không gian văn hóa, đặc trưng văn hóa của các vùng văn hóa Việt Nam | CLO1  CLO2 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 2  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 4 | Thực hành 1: Phân tích đặc trưng của một vùng văn hóa (có 6 vùng văn hóa) | 2 | Vận dụng kiên thức đã học để phân tích đặc trưng của một vùng văn hóa trên tất cả các phương diện (tự chọn) | CLO2  CLO3 | - GV Kiểm tra kết quả đọc chéo, phân tích và kết luận. | - Chuẩn bị ở nhà: Soạn sẵn nội dung vào giấy.  - Hoạt động trên lớp: Chia nội dung theo nhóm để đọc chéo, thảo luận và trình bày. |  |
| 5 | Chương 1: Đại cương về văn hóa học và văn hóa Việt Nam   * 1. . Tiến trình văn hóa Việt Nam | 2 | Nắm được thời gian tồn tại và thành tựu của lớp văn hóa bản địa | CLO2  CLO5 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 1  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 6 | Chương 1: Đại cương về văn hóa học và văn hóa Việt Nam  1.3. Tiến trình văn hóa Việt Nam (tiếp) | 2 | Nắm được thời gian tồn tại và thành tựu của lớp văn hóa giao lưu với Trung Hoa và khu vực | CLO2  CLO5 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 1  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 7 | Chương 1: Đại cương về văn hóa học và văn hóa Việt Nam  1.3. Tiến trình văn hóa Việt Nam (tiếp) | 2 | Nắm được thời gian tồn tại và thành tựu của lớp văn hóa giao lưu với phương Tây | CLO2  CLO5 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 8 | Thực hành 2: Hệ thống lại thành tựu văn hóa Việt Nam; | 2 | Sinh viên liệt kê được những thành tựu nổi bật của văn hóa Việt Nam theo tiến trình. Phân tích sâu một thành tựu văn hóa | CLO2  CLO3  CLO5 | - GV kiểm tra kết quả đọc chéo, phân tích và kết luận. | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Sinh viên hệ thống lại thành tựu văn hóa Việt Nam vào giấy.  - Hoạt động trên lớp: Sinh viên đọc chéo, thảo luận.  Làm bài KTTX1 tại lớp: Phân tích sâu một thành tựu văn hóa. | A2.1 |
| 9 | Chương 2: Các thành tố văn hóa Việt Nam  2.1. Văn hóa nhận thức | 2 | Nắm được các nội dung: triết lý âm dương, cấu trúc không gian của vũ trụ, cấu trúc thời gian của vũ trụ. | CLO2  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 2  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 10 | Chương 2: Các thành tố văn hóa Việt Nam  2.2. Văn hóa tổ chức đời sống tập thể | 2 | Nắm được các nội dung: tổ chức nông thôn, tổ chức quốc gia và tổ chức đô thị. | CLO2  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 2  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 11 | Chương 2: Các thành tố văn hóa Việt Nam  2.3. Văn hóa tổ chức đời sống cá nhân | 2 | Nắm được các nội dung: văn hóa phong tục và tín ngưỡng, văn hóa giao tiếp và nghệ thuật ngôn từ, nghệ thuật thanh sắc và hình khối. | CLO2  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 3  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 12 | Thực hành 3: chọn một nội dung về văn hóa phong tục, tín ngưỡng để phân tích. | 2 | Sinh viên trình bày và phân tích được đặc điểm, ý nghĩa của phong tục, tín ngưỡng (tự chọn) | CLO2  CLO3  CLO4 | - SV trình bày, liên hệ thực tế; GV phân tích và kết luận. | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Sinh viên soạn trước nội dung (tự chọn) vào giấy.  - Hoạt động trên lớp: Sinh viên trình bày, liên hệ thực tế và trả lời câu hỏi của GV. |  |
| 13 | Chương 2: Các thành tố văn hóa Việt Nam  2.4. Văn hóa ứng xử với môi trường tự nhiên | 2 | Nắm được các đặc điểm về văn hóa ăn, mặc, ở và đi lại của người Việt Nam. | CLO2  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 2  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 14 | Chương 2: Các thành tố văn hóa Việt Nam  2.5. Văn hóa ứng xử với môi trường xã hội | 2 | Nắm được nguồn gốc của các tư tưởng, tôn giáo được du nhập vào Việt Nam, từ đó rút ra vai trò, ý nghĩa của các tư tưởng, tôn giáo trong đời sống. | CLO2  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 2  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 15 | Thực hành 4: Thực hành soạn thảo, thuyết trình theo nhóm về một đề tài văn hóa (tự chọn) | 2 | Sinh viên làm việc theo nhóm, xây dựng đề cương theo yêu cầu của giảng viên; các thành viên của nhóm đều tham gia thuyết trình, trả lời câu hỏi của giảng viên. | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | - GV, SV sử dụng máy tính và projector | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Soạn sẵn nội dung sẽ trình bày trên phần mềm Powerpoint.  - Hoạt động trên lớp lấy điểm KTTX2: Thuyết trình cá nhân, trả lời câu hỏi của GV. | A2.2 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  | - Phân tích những đặc trưng của văn hóa Việt Nam trên tất cả các phương diện của đời sống xã hội. Từ đó, rút ra những giá trị thuộc về bản sắc văn hóa  - Vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề văn hóa - xã hội.  - Thể hiện ý thức giữ gìn, phát huy di sản văn hóa của dân tộc. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | Bài kiểm tra cuối kỳ có thể theo các hình thức: Tự luận, vấn đáp, bài tập lớn,  đáp ứng đáp án, thang điểm |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Trần Ngọc Thêm | 1999 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | NXB Giáo dục |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Trần Quốc Vượng | 1997 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | NXB Giáo dục |
| 3 | Đặng Đức Siêu | 2006 | Cơ sở văn hóa Việt Nam | NXB ĐH Sư phạm |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |
| 1 | Giảng đường A, C | Projector, máy tính cá nhân | 01 | Chương 1, 2 |

**9. Rubric đánh giá:** Không

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa sư phạm** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần:**  **Xã hội học đại cương** | **1.2. Tên tiếng Anh:**  **Introduction to sociology** |
| **1.3. Mã học phần:** MLXHDC.086 | **1.4. Số tín chỉ:**02 |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Như Hương |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Trần Thị Ánh Tuyết |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Cung cấp các kiến thức cơ bản để tìm hiểu, nghiên cứu và giải quyết các vấn đề xã hội.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

- Có kiến thức cơ bản liên quan học phần xã hội học đại cương như: khái niệm xã hội học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu, các chức năng, nhiệm vụ.

**2.2.2. Về kỹ năng**

- Có kỹ năng để điều tra xã hội học một số vấn đề xã hội.

**2.2.3. Về thái độ**

- Có nhận thức, thái độ đúng đắn khi tìm hiểu các vấn đề xã hội, có ý thức giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Biết đối tượng, chức năng và nhiệm vụ của xã hội học, lịch sử hình thành, sự phát triển của xã hội học qua các đóng góp của những bậc tiền bối sáng lập xã hội học |
| CLO2 | Giải thích được một số khái niệm và phạm trù trong xã hội học |
| CLO3 | Vận dụng được một số phương pháp, kỹ thuật trong điều tra xã hội học |
| CLO4 | Vận dụng được các kỹ năng để xây dựng được đề cương nghiên cứu xã hội học |
| CLO5 | Có thái độ khách quan, tôn trọng khi tìm hiểu, nhìn nhận các vấn đề xã hội và trung thực, nghiêm túc khi thực hiện các điều tra xã hội học |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLOvà PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R | I | I | M | M | I | R | R | I | M | M | M |
| CLO 2 | M | I | I | M | M | I | R | R | I | M | M | M |
| CLO 3 | M | I | M | M | M | R | R | R | R | M | M | M |
| CLO 4 | M | I | R | M | R | R | R | R | R | R | M | M |
| CLO 5 | M | I | I | M | R | I | R | R | R | M | M | M |
| Tổng hợp học phần | M | I | R | M | M | I | R | R | R | M | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu,có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 10% | - Đánh giá toàn bộ quá trình  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên | 100% |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học, hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 40% | A2.1. Tuần 8: Phân tích các phạm trù trong xã hội học và cho ví dụ minh họa. | 50% |  | CLO 1  CLO 2 | Đáp ứng đáp án, thang điểm |
| A2.2. Tuần 15: Phân tích ưu và nhược điểm các phương pháp trong điều tra xã hội học | 50% |  | CLO 3  CLO 4 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 50% | Bài kiểm tra cuối kỳ: viết, tiểu luận, vấn đáp. | 100% |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | Đáp ứng đáp án, thang điểm |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/ TH/ TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR** | ***PP giảng dạy, tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR*** | ***Hoạt động học của SV(\*)*** | ***Tên bài***  ***đánh giá***  ***(cột 3 bảng 3)*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Đối tượng - Chức năng của xã hội học  1.1. Các quan điểm khác nhau về xã hội học  1.2. Đối tượng nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu và mối quan hệ giữa xã hội học và các khoa học khác | 2 | - Trình bày được khái niệm và các quan điểm khác nhau về xã hội học - Giải thích được các mối quan hệ giữa xã hội học và các khoa học khác | CLO1 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 2 | Chương 1. Đối tượng - Chức năng của xã hội học  1.3. Chức năng của xã hội học 1.4. Nhiệm vụ của xã hội học | 2 | - Trình bày được chức năng và nhiệm vụ của xã hội học. | CLO1 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 3 | Chương 2. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học  2.1. Sự ra đời của xã hội học là một nhu cầu tất yếu  2.2. Những đóng góp của các bậc tiền bối sáng lập ra xã hội học | 2 | - Trình bày được sự ra đời của xã hội học | CLO1 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 4 | Chương 2. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học  2.2. Những đóng góp của các bậc tiền bối sáng lập ra xã hội học | 2 | - Trình bày được những đóng góp của các nhà sáng lập ra xã hội học | CLO1 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 5 | Chương 2. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học  2.2. Những đóng góp của các bậc tiền bối sáng lập ra xã hội học | 2 | - Trình bày được những đóng góp của các nhà sáng lập ra xã hội học | CLO1 | - GV sử dụng tài liệu [1], thao tác trên máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 6 | Chương 2. Khái quát lịch sử hình thành và phát triển của xã hội học  2.2. Những đóng góp của các bậc tiền bối sáng lập ra xã hội học  2.3. Xã hội học Mác - Lênin | 2 | - Trình bày được những đóng góp của các nhà sáng lập ra xã hội học  - Trình bày được nội dung của xã hội học Mác - Lênin | CLO1 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 7 | Chương 3. Một số phạm trù và khái niệm trong xã hội học  3.1. Các phạm trù trong xã hội học | 2 | - Giải thích được các phạm trù trong xã hội học | CLO2 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 8 | Chương 3. Một số phạm trù và khái niệm trong xã hội học  3.1. Các phạm trù trong xã hội học | 2 | - Giải thích được các phạm trù trong xã hội học | CLO2 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV. Làm bài kiểm tra | A2.1. |
| 9 | Chương 3. Một số phạm trù và khái niệm trong xã hội học  3.2. Một số khái niệm cơ bản | 2 | - Giải thích được một số khái niệm cơ bản | CLO2 | - GV sử dụng tài liệu [2], thao tác trên máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 10 | Chương 3. Một số phạm trù và khái niệm trong xã hội học  3.2. Một số khái niệm cơ bản | 2 | - Giải thích được một số khái niệm cơ bản | CLO2 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 11 | Chương 4. Một số phương pháp và kỹ thuật điều tra xã hội học  4.1. Lập chương trình và kế hoạch nghiên cứu | 2 | - Vận dụng được kỹ thuật lập kế hoạch nghiên cứu | CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C4 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 12 | Chương 4. Một số phương pháp và kỹ thuật điều tra xã hội học  4.2. Phương pháp thu thập thông tin | 2 | - Vận dụng được phương pháp thu thập thông tin xã hội học | CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [2], thao tác trên máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C4 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 13 | Chương 4. Một số phương pháp và kỹ thuật điều tra xã hội học  4.2. Phương pháp thu thập thông tin | 2 | - Vận dụng được phương pháp thu thập thông tin xã hội học | CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [2], thao tác trên máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C4 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 14 | Chương 4. Một số phương pháp và kỹ thuật điều tra xã hội học  4.3. Phương án xử lý thông tin và thực nghiệm xã hội học | 2 | - Vận dụng được phương án xử lý thông tin trong điều tra xã hội học | CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C4 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  |
| 15 | Chương 4. Một số phương pháp và kỹ thuật điều tra xã hội học  4.3. Phương án xử lý thông tin và thực nghiệm xã hội học | 2 | - Vận dụng được phương án xử lý thông tin trong điều tra xã hội học | CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [2], thao tác trên máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C4 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV Làm bài Kiểm tra | A2.2. |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kỳ | - |  | CLO1CLO2  CLO3CLO4  CLO5 | - GV giao nội dung và hướng dẫn ôn tập | Làm bài viết/ tiểu luận/ vấn đáp | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Như Hương | 2018 | Bài giảng Xã hội học đại cương | Trường Đại học Quảng Bình |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Nguyễn Sinh Huy | 2008 | Xã hội học đại cương | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội |
| 3 | Nguyễn Sinh Huy, Vũ Minh Tâm và Nguyễn Văn Lê | 2005 | Xã hội học đại cương | NXB Đại học Sư phạm Hà Nội |
| 4 | Nguyễn Xuân Nghĩa | 2004 | Phương pháp và kỹ thuật trong nghiên cứu xã hội học | NXB Trẻ |
| 5 | Trường Cao đẳng Lao động - Xã hội | 2001 | Nhập môn xã hội học | NXB Lao động xã hội, Hà Nội |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |
| 1 | Giảng đường A, C | Projector, máy tính cá nhân | 01 | Chương 1, 2, 3, 4 |

**9. Rubric đánh giá:** Không có

*Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **TS. Dương Thị Ánh Tuyết** | **KT. Trưởng bộ môn**  **Phó Trưởng bộ môn**  **ThS. Phạm Thị Yến** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Thị Như Hương**   |  |  | | --- | --- | | **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** | | **Khoa Sư phạm** | **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | | **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | | | **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục Chính trị** | **Mã số: 7140205** |  |  |  | | --- | --- | | **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | | | **1.1. Tên học phần:**  **Tâm lý học** | **1.2. Tên tiếng Anh:**  Psychology | | **1.3. Mã học phần:** TMTALY. 099 | **1.4. Số tín chỉ:** 03 | | **1.5. Phân bố thời gian:** |  | | **-** Lý thuyết: | 35 tiết | | - Bài tập | 10 tiết | | - Tự học: | 90 tiết | | **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  | | - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Thùy Vân | | - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyên Thị Diễm Hằng  ThS. Nguyễn Thị Xuân Hương  ThS. Nguyễn Thị Như Phượng  ThS. Hoàng Thị Tường Vi | | **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  | | **-** Học phần tiên quyết: | Triết học Mác - Lênin | | - Học phần học trước: | Không có | | - Học phần song hành: | Không có |   **2. Mục tiêu**  **2.1. Mục tiêu chung**  - Tâm lý học đại cương trình bày khái quát về khoa học tâm lý; nguồn gốc, bản chất, quy luật và các yếu tố tác động đến sự hình thành và biểu hiện của các hiện tượng tâm lý người.  - Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm cung cấp những kiến thức cơ bản về: lý luận chung về sự phát triển tâm lý người theo các giai đoạn lứa tuổi, trong đó đi sâu vào đặc điểm tâm lý lứa tuổi HS THPT; cơ sở tâm lý của hoạt động dạy học, hoạt động giáo dục và nhân cách người giáo viên ở trường phổ thông  **2.2. Mục tiêu cụ thể**  **2.2.1. Về kiến thức**  Cung cấp những kiến thức cơ bản về bản chất, quy luật, đặc điểm của các hiện tượng tâm lý người; lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em, đặc điểm tâm lý của lứa tuổi học sinh trung học, cơ sở tâm lý của hoạt động dạy học và giáo dục.  **2.2.2. Về kỹ năng**  Hình thành kỹ năng vận dụng kiến thức tâm lý trong quá trình thực hiện các bài tập thực hành, giải thích các hiện tượng tâm lý, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, tìm hiểu đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh trung học để tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục ở phổ thông đạt hiệu quả.  **2.2.3. Về thái độ**  Hình thành, bồi dưỡng lòng yêu nghề, ý thức học tập rèn luyện nâng cao phẩm chất và năng lực nghề nghiệp.  **3. Chuẩn đầu ra (CLO)**  **Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**  Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:   |  |  | | --- | --- | | **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** | | CLO1 | Trình bày được bản chất, quy luật và đặc điểm của các hiện tượng tâm lý người. | | CLO2 | Phân tích được sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức và nhân cách | | CLO3 | Giải thích được các hoạt động tâm lý cơ bản (nhận thức, ngôn ngữ, trí nhớ, tình cảm, ý chí) | | CLO4 | Phân tích được quy luật sự phát triển tâm lý trẻ em, đặc điểm phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh THCS và THPT | | CLO5 | Giải thích được bản chất của hoạt động dạy học và giáo dục; các tiêu chuẩn đánh giá hành vi đạo đức; đặc điểm lao động sư phạm cũng như uy tín đối với sự phát triển nhân cách của người giáo viên (Tâm lý hoạt động dạy học, giáo dục, nhân cách người giáo viên) | | CLO6 | Vận dụng kiến thức tâm lý trong quá trình thực hiện các bài tập thực hành, giải thích các hiện tượng tâm lý, rèn luyện nghiệp vụ sư phạm, tìm hiểu đặc điểm tâm lý lứa tuổi học sinh trung học để tổ chức hoạt động dạy học, giáo dục ở phổ thông đạt hiệu quả. | | CLO7 | Hình thành, bồi dưỡng lòng yêu nghề, ý thức học tập rèn luyện nâng cao phẩm chất và năng lực nghề nghiệp. |   **4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**  Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:  **Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | | CLO 1 | I |  | R |  |  |  |  | M |  | R | I | I | | CLO 2 | I |  | R |  |  |  |  | M |  | R | I | I | | CLO 3 | I |  | R |  |  |  |  | M |  | R | I | I | | CLO 4 | I |  | R |  |  |  |  | M |  | M | I | I | | CLO 5 | I |  | R |  |  |  |  | M |  | M | I | I | | CLO 6 | I |  | M |  |  |  |  | M |  | M | R | R | | CLO 7 | I |  | R |  |  |  |  | M |  | M | R | R | | Tổng hợp học phần | I |  | R |  |  |  |  | M |  | M | I | I |   **5. Đánh giá**  *a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*  **Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** | | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* | | A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá toàn bộ quá trình  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên | 100% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động trong giờ học. | | A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 30% | A2.1. Tuần 5: Chương 4. Hoạt động nhận thức | 33% | X | CLO 3  CLO 6 | Đáp ứng đáp án, thang điểm | | A2.2. Tuần 11: Chương 9. TLH lứa tuổi HS THPT | 33% | CLO4  CLO 5  CLO 6 | | A2.3. Tuần 15: Chương 12. TLH nhân cách người giáo viên | 34% | CLO 4  CLO 5  CLO 6 | | A3. Đánh giá cuối kỳ | 65% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Tự luận hoặc Trắc nghiệm | 100% |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | Đáp ứng đáp án, thang điểm |   ***b. Yêu cầu đối với học phần***  *Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*  **6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**  **Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**   |  |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/ b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/ TH/ TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR** | PP giảng dạy, tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV(\*) | Tên bài  đánh giá  (cột 3 bảng 3) | | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | | 1 | Chương 1. Tâm lý học là một khoa học  1.1. Đối tượng, nhiệm vụ, vị trí và ý nghĩa của tâm lý học  1.2. Bản chất, chức năng, phân loại các hiện tượng tâm lý  1.3. Các nguyên tắc và phương pháp nghiên cứu tâm lý | 3 | Trình bày được bản chất, quy luật và đặc điểm của các hiện tượng tâm lý người. | CLO1 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  | | 2 | Chương 2. Cơ sở TN và XH của TL người  2.1. Cơ sở tự nhiên  2.2. Cơ sở xã hội  Bai tập: Phân tích chức năng giao tiếp  Chương 3. Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức và nhân cách  3.1. Sự hình thành và phát triển tâm lý, ý thức | 3 | Trình bày được bản chất, quy luật và đặc điểm của các hiện tượng tâm lý người. | CLO1  CLO2 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  | | 3 | Chương 3 (TT) 3.2. Nhân cách và sự hình thành nhân cách  Bài tập: Phân tích đặc điểm nhân cách | 3 | Phân tích được sự hình thành, phát triển tâm lý, ý thức, và nhân cách. | CLO2 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C3, tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  | | 4 | Chương 4. Hoạt động nhận thức  4.1. Nhận thức cảm tính | 3 | Giải thích được các hoạt động tâm lý cơ bản | CLO3  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C4 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  | | 5 | Chương 4. Hoạt động nhận thức  4.2. Nhận thức lý tính  Bài tập: Phân tích đặc điểm của tư duy | 3 | Giải thích được các hoạt động tâm lý cơ bản | CLO3  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C4 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm bài tập kiểm tra | A2.1 | | 6 | Chương 5. Ngôn ngữ và trí nhớ  5.1. Ngôn ngữ  5.2. Trí nhớ | 3 | Giải thích được các hoạt động tâm lý cơ bản | CLO3  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C5 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  | | 7 | Chương 6. Tình cảm và ý chí  6.1. Tình cảm  6.2. Ý chí  Bài tập: Phân tích các quy luật tình cảm | 3 | Giải thích được các hoạt động tâm lý cơ bản | CLO3  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C6 tài liệu [1])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  | | 8 | Chương 7. Những vấn đề chung về TLHLT và TLHSP  7.1. Khái quát về tâm học lứa tuổi và tâm lí học sư phạm  7.2. Lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em  7.3. Sự phân chia các giai đoạn phát triển tâm lý | 3 | Phân tích được quy luật sự phát triển tâm lý trẻ em, đặc điểm phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh THCS và THPT | CLO4  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C7 tài liệu [2])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  | | 9 | Chương 8. TLH lứa tuổi học sinh THCS  8.1.Vị trí, ý nghĩa của giai đoạn phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh trung học cơ sở  8.2. Những điều kiện và sự phát triển tâm lí ở học sinh THCS  8.3. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ học sinh THCS | 3 | Phân tích được quy luật sự phát triển tâm lý trẻ em, đặc điểm phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh THCS và THPT | CLO4  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C8 tài liệu [2])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  | | 10 | Chương 8 (TT)  8.4. Hoạt động giao tiếp ở lứa tuổi học sinh THCS  8.5. Sự phát triển nhân cách ở học sinh THCS  \*Bài tập: Phân tích đặc điểm tâm lý học sinh THCS  Chương 9. TLH lứa tuổi học sinh THPT  9.1. Những yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành phát triển tâm lý học sinh THPT | 3 | Phân tích được quy luật sự phát triển tâm lý trẻ em, đặc điểm phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh THCS và THPT | CLO4  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C9 tài liệu [2])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  | | 11 | Chương 9 (TT)  9.2. Hoạt động học tập và sự phát triển trí tuệ học sinh THPT  9.3. Sự phát triển nhân cách ở học sinh THPT | 3 | Phân tích được quy luật sự phát triển tâm lý trẻ em, đặc điểm phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh THCS và THPT | CLO4  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C9 tài liệu [2])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm bài tập kiểm tra | A2.2 | | 12 | Chương 9 (TT)  9.4. Hoạt động lao động và sự lựa chọn nghề nghiệp của học sinh THPT  9.5. Vấn đề giáo dục học sinh THPT  \*Bài tập: Phân tích đặc điểm tâm lý học sinh THPT | 3 | Phân tích được quy luật sự phát triển tâm lý trẻ em, đặc điểm phát triển tâm lý lứa tuổi học sinh THCS và THPT | CLO4  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C9 tài liệu [2])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  | | 13 | Chương 10. TLH dạy học  10.1. Hoạt động dạy  10.2. Hoạt động học  10.3. Sự hình thành khái niệm, kỹ năng, kỹ xảo học tập  10.4. Dạy học và sự phát triển trí tuệ  \*Bài tập: Phân tích bản chất của hoạt động học | 3 | Giải thích được bản chất của hoạt động dạy học và giáo dục; các tiêu chuẩn đánh giá hành vi đạo đức; đặc điểm lao động sư phạm cũng như uy tín đối với sự phát triển nhân cách của người giáo viên | CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C10 tài liệu [2])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm bài tập kiểm tra. | A2.3 | | 14 | Chương 11. TLH giáo dục  11.1. Đạo đức và hành vi đạo đức  11.2. Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức  11.3. Nhân cách là chủ thể hành vi đạo đức 11.4. Vấn đề giáo dục đạo đức cho học sinh phổ thông  Bài tập: Phân tích các tiêu chuẩn đánh giá hành vi đạo đức | 3 | Giải thích được bản chất của hoạt động dạy học và giáo dục; các tiêu chuẩn đánh giá hành vi đạo đức; đặc điểm lao động sư phạm cũng như uy tín đối với sự phát triển nhân cách của người giáo viên | CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C11 tài liệu [2])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV |  | | 15 | Chương 12. TLH nhân cách người giáo viên  12.1. Sự cần thiết trau dồi nhân cách người giáo viên  12.2. Đặc điểm lao động của người giáo viên  12.3. Cấu trúc nhân cách của người giáo viên  12.4. Sự hình thành uy tín người giáo viên  Bài tập:- Phân tích đặc điểm lao động của người giáo viên | 3 | Giải thích được bản chất của hoạt động dạy học và giáo dục; các tiêu chuẩn đánh giá hành vi đạo đức; đặc điểm lao động sư phạm cũng như uy tín đối với sự phát triển nhân cách của người giáo viên | CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector | - Chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (C12 tài liệu [2])  - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm bài tập kiểm tra | A2.2 | | Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kỳ | - |  | CLO1CLO2  CLO3CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - | Hoàn thành bài thi | A3 |   **7. Học liệu**  **Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** | |  | **Giáo trình chính** | | | | | 1 | Nguyễn Quang Uẩn (chủ biên), Nguyễn Văn Lũy, Đinh Văn Vang (2014), | 2014 | Giáo trình Tâm lý học đại cương | NXB ĐHSP, Hà Nội | | 2 | Lê Văn Hồng (chủ biên) Lê Ngọc Lan, Nguyễn Văn Thàng | 1997 | Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm | NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội | |  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | | | 3 | Nguyễn Kế Hào  (chủ biên), Nguyễn Quang Uẩn | 2004 | Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm | NXB ĐHSP, Hà Nội | | 4 | Phan Trọng Ngọ | 2005 | Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn Tâm lý học đại cươn | NXB ĐHSP, Hà Nội | | 5 | Phan Trọng Ngọ (chủ biên) | 2005 | Bộ câu hỏi ôn tập và đánh giá kết quả học tập môn Tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư  phạm | NXB ĐHSP, Hà Nội | | 6 | Trần Trọng Thuỷ (chủ biên) |  | Bài tập thực hành Tâm lý học, | NXB ĐHQG, Hà Nội |   **8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**  **Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** | | **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** | | 1 | Giảng đường A, C | Projector, máy tính cá nhân | 01 | Chương 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 |   **9. Rubric đánh giá:**  **Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** | | **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** | | Chuyên  cần | Không đi học  (<30%). | Đi học không chuyên cần  (<50%). | Đi học khá chuyên cần (<70%). | Đi học chuyên cần (<90%). | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần  (100%). | **50%** | | Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **50%** |     **Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**   | **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** | | Nộp bài tập | Không nộp bài tập | Nộp 70% số lượng bài tập được giao. Thời gian nộp chậm hơn quy định 96 giờ trở lên. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 48 giờ. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 24 giờ. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** | | Trình bày bài tập | Không có bài tập | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp. | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước). | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý. | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý. | **30%** | | Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót  . | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Trình bày đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |   *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa**  **TS. Dương Thị Ánh Tuyết** | **Trưởng bộ môn**  **ThS. Hoàng Thị Tường Vi** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Thị Như Phượng** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **KHOA KT - CNTT** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành:** | **Mã số:** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Tin học** | **1.2. Tên tiếng Anh: Informatics** |
| **1.3. Mã học phần:** TITINDC.002 | **1.4. Số tín chỉ:02** |
| **1.5. Phân bố thời gian: [[1]](#footnote-1)** |  |
| **-** Lý thuyết: | 15 tiết |
| - Thực hành: | 15 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| Danh sách giảng viên giảng dạy: | Giảng viên bộ môn CNTT |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức về khái niệm về thông tin, xử lý thông tin; Hệ điều hành Windows; Các kỹ năng soạn thảo và trình bày văn bản Word; Sử dụng thành thạo bảng tính Excel giải quyết các bài toán. Thông qua các bài lý thuyết và thực hành sinh viên nắm chắc và thấy rõ sự cần thiết của công nghệ thông tin trong cuộc sống.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về Tin học và máy tính điện tử, trang bị các kiến thức cơ bản về ứng dụng soạn thảo văn bản Word và bảng tính Excel.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Rèn luyện kỹ năng quản lý máy tính, khai thác các ứng dụng tin học trong văn phòng.

**2.2.3. Về thái độ**

Có thái độ nghiêm túc trong học tập, có ý thức nâng cao kiến thức về máy tính điện tử và các phần mềm ứng dụng trong văn phòng.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu các khái niệm về thông tin, xử lý thông tin, cơ bản về máy tính điện tử, Hệ điều hành Windows. |
| CLO2 | Biết sử dụng thành thạo và có kỹ năng soạn thảo và trình bày văn bản bằng phần mềm Microsoft Word. |
| CLO3 | Biết sử dụng thành thạo bảng tính Microsoft Excel giải quyết các bài toán. |
| CLO4 | Vận dụng các kiến thức đã học vào khai thác máy tính điện tử, soạn thảo văn bản và giải quyết các bài toán thực tế bằng MS Word và MS Excel. |
| CLO5 | Có ý thức tự học, tự nhiên cứu và ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLOvà PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| CLO 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu,có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% |  |  | X | CLO5 | Theo Rubric 1 |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 15% | A2.1: Các kiến thức về khái niệm về thông tin, xử lý thông tin; Hệ điều hành Windows. | 30% |  | CLO1  CLO4 | Chấm theo đáp án/hướng dẫn chấm |
| A2.2: Các kỹ năng soạn thảo và trình bày văn bản Word. | 35% |  | CLO2  CLO4 |
| A2.3: Sử dụng thành thạo bảng tính Excel giải quyết các bài toán. | 35% |  | CLO3  CLO4 |
| A3. Thực hành | 25% |  |  | X | CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | Theo Rubric 2 |
| A4. Đánh giá cuối kỳ | 55% | Bài ktra cuối kỳ: Thi thực hành |  | X | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | Chấm theo hướng dẫn chấm |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương)** | **Số tiết (LT/TH/BT/TL)** | **CĐR của bài học (chương)/chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
|  | Chương 1 Các khái niệm cơ bản và hệ điều hành Windows  1. Thông tin và xử lý Thông tin  2. Tin học  3. Các thành phần của hệ thống máy tính  4. Mạng máy tính.  5. Các khái niệm Hệ điều hành  6. Hệ điều hành Windows  7. Windows Explorer | 10  5/5/0/0 | 1.1. Hiểu các khái niệm về thông tin, xử lý thông tin, tin học.  1.2. Hiểu các khách niệm về máy tính, các thành phần của máy tính, mạng máy tính.  1.3. Hiểu các khái niệm về hệ điều hành, hệ điều hành Windows. | CLO1  CLO4 | - Thuyết trình, đàm thoại gợi mở  - Bài giảng của giảng viên  - Bài tập thực hành  - Sử dụng máy tính và projector | - Nghe giảng, ghi chú  - Trả lời câu hỏi  - Làm bài tập thực hành | A2.1 |
|  | Chương 2 Microsoft Word  1. Giới thiệu Microsoft Word  2. Các thành phần của cửa sổ Microsoft Word  3. Các thao tác cơ bản về soạn thảo văn bản  4. Định dạng và xữ lý văn bản  5. Chèn các đối tượng và đồ họa.  6. Xử lý bảng biểu  7. Các chức năng tiện ích  8. Tạo công thức toán học  9. In ấn. | 5/5/0/0 | 2.1. Biết sử dụng thành thạo và có kỹ năng soạn thảo và trình bày văn bản bằng phần mềm Microsoft Word. | CLO2  CLO4 | - Thuyết trình, đàm thoại gợi mở  - Bài giảng của giảng viên  - Bài tập thực hành  - Sử dụng máy tính và projector | - Nghe giảng, ghi chú  - Trả lời câu hỏi  - Làm bài tập thực hành | A2.2 |
|  | Chương 3 Microsoft Excel  1. Giới thiệu Microsoft Excel  2. Các thao tác xử lý dữ liệu bảng tính.  3. Các chức năng tiện ích  4. Hàm số và tính toán trên Excel  5. Chèn các đối tượng và đồ họa.  6. Cơ sở dữ liệu trong Excel  7. In ấn. | 10  5/5/0/0 | 3. Biết sử dụng thành thạo bảng tính Microsoft Excel giải quyết các bài toán. | CLO3  CLO4 | - Thuyết trình, đàm thoại gợi mở  - Bài giảng của giảng viên  - Bài tập thực hành  - Sử dụng máy tính và projector | - Nghe giảng, ghi chú  - Trả lời câu hỏi  - Làm bài tập thực hành | A2.3 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  |  |  |  | A4 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Hàn Viết Thuận | 2012 | Giáo trình Tin học ứng dụng | NXB KTQD |
| 2 | Hồ Sĩ Đàm |  | Giáo trình Tin học | NXB ĐHQG |
|  | Đào Kiến Quốc | 2006 | Giáo trình Tin học cơ sở | NXB ĐHQGHN |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 3 | Trí Việt | 2011 | Tin học văn phòng 2010 tự học Microsoft Word 2010 | NXB Hồng Bàng |
| 4 | Nguyễn Sơn Hải | 2005 | Giáo trình xử lý văn bản | NXB Hà Nội |

**8.Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chínhphục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
|  | Giảng đường A | Projector, máy tính cá nhân, phòng thực hành | 1 | Chương 1 |
|  | Giảng đường A | Projector, máy tính cá nhân, phòng thực hành | 1 | Chương 2 |
|  | Giảng đường A | Projector, máy tính cá nhân, phòng thực hành | 1 | Chương 3 |

**9. Rubric đánh giá**

Theo Phụ lục 1

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày 1 tháng 8 năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa**  **TS. Phạm Xuân Hậu** | **Trưởng bộ môn**  **TS. Trần Văn Cường** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Nương Quỳnh** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số:** 7140205 |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Kinh tế học đại cương** | **1.2. Tên tiếng Anh:**General economics |
| **1.3. Mã học phần:** LLMLN.004 | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 20 tiết |
| - Bài tập | 10 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Hương Liên |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phan Thị Thu Hà  ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | **Không** |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần hệ thống hóa các vấn đề kinh tế cơ bản về cung, cầu hàng hóa và dịch vụ trên thị trường. Hành vi kinh tế của cá nhân và các hãng sản xuất về sự lựa chọn các nguồn tài nguyên cho sản xuất kinh doanh cũng như sử dụng thu nhập cho tiêu dùng sao cho có lợi nhất. Kinh tế học đại cương cũng đề cập đến các vấn đề kinh tế mở rộng về các loại thị trường, tổng cung, tổng cầu và các quan hệ kinh tế đối ngoại. Từ đó nâng cao khả năng phân tích các quan hệ kinh tế của sinh viên

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức Kinh tế học, hiểu nội dung cơ bản về hành vi kinh tế của các chủ thể tham gia kinh tế thị trường và cách thức lựa chọn sản xuất và tiêu dùng sao cho tối ưu. Từ đó, phân tích được các vấn đề kinh tế của quốc gia.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng những kiến thức đã được học để giải quyết các bài tập kinh tế. Phát triển khả năng phân tích, giải thích các quan hệ kinh tế phục vụ cho nghề nghiệp chuyên môn.

**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành cho sinh viên xác định được ý nghĩa của môn học, có ý thức trách nhiệm đối với môn học và từ đó có được hứng thú, say mê đối với môn học. Từ nhận thức lý luận về các vấn đề kinh tế từ vi mô đến vĩ mô sinh viên có thái độ đúng đắn với các trong học tập nâng cao tri thức, đồng thời xây dựng ý thức trách nhiệm trong công tác sau khi tốt nghiệp.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Ghi nhớ các vấn đề cơ bản của kinh tế học và nội dung cơ bản về hành vi kinh tế của các chủ thể tham gia kinh tế thị trường, cách thức lựa chọn sản xuất và tiêu dùng sao cho tối ưu |
| CLO2 | Trình bày, Phân tích được các vấn đề kinh tế của quốc gia. Giải quyết các bài tập kinh tế |
| CLO3 | Vận dụng sáng tạo, hình thành tư duy phân tích, tổng hợp những kiến thức đã học, giải thích những vấn đề kinh tế diễn ra trên thế giới. |
| CLO4 | Có ý thức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao trong học tập; |
| CLO5 | Có niềm tin vào chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M | M | M |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  | M | A | A | A | A | A | M | M | M |
| CLO 5 |  | R | M | A | M | M |  |  |  | A | M | M |

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 7  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; | Quan sát, theo dõi, điểm danh |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 35% | A2.1. Tuần 7  Chương 1: Nhập môn Kinh tế học đại cương  Chương 2: Cung - cầu  Chương 3: Lý thuyết người tiêu dùng  Chương 4: Lý thuyết về hãng  Chương 5: Cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền | 50% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4. | Kiểm tra viết (cá nhân)  Bài tập nhóm |
| A2.2. Tuần 14  Chương 6: Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo  Chương 7: Tổng cung và tổng cầu  Chương 8: Lạm phát và thất nghiệp  Chương 9: Kinh tế học trong nền kinh tế mở | 50% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ (Thi kết thúc học phần) | 60% | Đánh giá toàn bộ nội dung chương trình (9 chương) |  |  | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; | - Thi tự luận  - Thi vấn đáp |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

***Sinh viên phải tham dự > = 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được thi kết thúc HP.***

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **(3 tiết/b)** | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/T)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Nhập môn Kinh tế học đại cương  1.1. Một số nét đại cương về các vấn đề kinh tế học  1.2. Vai trò kinh tế của chính phủ | 2LT | 1.1 - Hiểu được sự khác nhau giữa kinh tế học thực chứng và kinh tế học chuẩn tắc  1.2. Nhớ được khái niệm kinh tế học, nắm được vai trò của chính phủ trong phát triển kinh tế | CLO1  CLO2,CL03;CLO4 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 5-10  Trả lời câu hỏi: phân tích vai trò kinh tế của chính phủ  Phần chuẩn bị trên lớp:  Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên | A2.1. |
| 2 | Chương 2: Cung - cầu  2.1. Cung  2.2. Cầu  2.3. Cân bằng thị trường | 2BT | 2.1. Hiểu biết về khái niệm: cung, trình bày được ví dụ minh hoạ cụ thể  2.2. Biết được khái niệm: Cầu, trình bày ví dụ minh hoạ cụ thể  2.3. Phân tích và giải bài toán cân bằng thị trường | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4; CLO5;  CLO6. | Phương pháp quan sát; phân tích; phương pháp hình mẫu; thuyết trình, hỏi đáp  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tài liệu [1], trang 12-17  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học: Thế nào là cung, cầu?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp | A2.1. |
| 3 | Chương 3: Lý thuyết người tiêu dùng  3.1. Lý thuyết về lợi ích | 1LT/1BT | 3.1. Phân tích và hiểu được khái niệm lợi ích trên phương diện kinh tế học  - Hiểu được các loại lợi ích | CLO3; CLO4;  CLO5;  CLO6 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tài liệu  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học: Định nghĩa người tiêu dùng và trách nhiệm của người tiêu dùng đối với nền sản xuất xã hội?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp | A2.1. |
| 4 | 3.2. Lựa chọn sản phẩm và tiêu dùng tối ưu | 2LT | 3.2. Phân tích được cách lựa chọn sản phẩm và tiêu dùng tối ưu  - Hiểu là làm được bài toán ví dụ minh hoạ về tiêu dùng tối ưu | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp tiếp sức. phương pháp hỏi đáp  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  Trả lời câu hỏi: ví dụ minh hoạ về lựa chọn sản phẩm và tiêu dùng tối ưu?  Phần chuẩn bị trên lớp:  Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên | A2.1. |
| 5 | Chương 4: Lý thuyết về hãng  4.1. Lý thuyết về hãng | 1LT/1BT | 4.1. Trình bày được khái niệm: hãng, người tiêu dung  - Phân tích các lý thuyết liên quan | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp sơ đồ mạng nhện.  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tài liệu  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học: Thế nào là hãng sản xuất? Trách nhiệm của các hãng sản xuất đối với nền sản xuất xã hội?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp | A2.1. |
| 6 | 4.2. Lợi nhuận | 2LT | 4.2. Hiểu khái niệm, mục tiêu và cách tìm kiếm lợi nhuận của các hàng  - Vận dụng lý thuyết lợi nhuận để giải toán | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  Trả lời câu hỏi: ví dụ minh hoạ về lợi nhuận của một doanh nghiệp sản xuất?  Phần chuẩn bị trên lớp:  Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên | A2.1. |
| 7 | Chương 5: Cạnh tranh hoàn hảo và độc quyền  5.1. Cạnh tranh hoàn hảo | 2BT | 5.1. Trình bày được các lý thuyết liên quan đến cạnh tranh hoàn hảo | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tài liệu  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học: Phân tích cạnh tranh hoàn hảo?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp | A2.1. |
| 8 | 5.2. Độc quyền | 2LT | 5.2. Phân tích được khái niệm: độc quyền  - Hiểu được tính tất yếu của độc quyền và tác dụng của độc quyền | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp nghiên cứu tài liệu;phương pháp tổng hợp; so sánh; phương pháp tiếp sức. phương pháp hỏi đáp  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  Trả lời câu hỏi: đặc điểm của độc quyền?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên | A2.1 |
| 9 | Chương 6: Thị trường cạnh tranh không hoàn hảo  6.1. Đặc điểm  6.2. Thị trường cạnh tranh độc quyền | 1LT/1BT | 6.1. Hiểu biết về khái niệm, đặc điểm của thị trường cạnh tranh không hoàn hảo  6.2. Phân tích được các đặc điểm của thị trường cạnh tranh độc quyền | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tài liệu  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học: đặc điểm của cạnh tranh không hoàn hảo?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp |  |
| 10 | 6.2. Thị trường cạnh tranh độc quyền (tiếp)  6.3. Thị trường thiểu số độc quyền | 2LT | 6.2. Vận dụng lý thuyết để lấy ví dụ minh hoạ và phân tích ví dụ  6.3. Phân tích được khái niệm, đặc điểm của thị trường thiểu số độc quyền | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  Trả lời câu hỏi: ví dụ về thị trường thiểu số độc quyền?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên | A2.2. |
| 11 | Chương 7: Tổng cung và tổng cầu  7.1. Tổng cung  7.2. Tổng cầu | 1LT; 1BT | 7.1. Hiểu biết về khái niệm tổng cung, phân tích mô hình tổng cung  7.2. Trình bày được khái niệm tổng cầu, phân tích mô hình tổng cầu | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp sơ đồ mạng nhện.  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tài liệu  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học: thế nào là tổng cung, tổng cầu?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp | A2.2. |
| 12 | 7.2. Tổng cầu (tiếp)  7.3. Mô hình đường tổng cầu, tổng cung | 2LT | 7.2. Hiểu được các công thức tính tổng cầu, giải các bài toán minh hoạ  7.3. Phân tích được sơ đồ và vẽ được cân bằng tổng cung – tổng cầu. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp nghiên cứu tài liệu;phương pháp tổng hợp; so sánh; phương pháp tiếp sức. phương pháp hỏi đáp  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  Trả lời câu hỏi: vẽ mô hình tổng cung, tổng cầu theo bài toán cho sẵn?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên | A2.2. |
| 13 | Chương 8: Lạm phát và thất nghiệp  8.1. Thất nghiệp và tỉ lệ thất nghiệp  8.2. Lạm phát | 1LT; 1 BT | 8.1. Phân tích được khái niệm thất nghiệp, tính được tỉ lệ thất nghiệp và vận dụng vào thực tiễn của Việt Nam để đưa ra giải pháp hạn chế những tác động tiêu cực của thất nghiệp  8.2. Hiểu được khái niệm lạm phát. Hậu quả của lạm phát đối với cá nhân, doanh nghiệp và nền kinh tế. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp hình mẫu; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp trò chơi; đóng vai; thảo luận.  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tài liệu  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học: ảnh hưởng của thất nghiệp và lạm phát đối với đời sống xã hội?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp | A2.2. |
| 14 | Chương 9: Kinh tế học trong nền kinh tế mở  9.1. Lý thuyết về lợi thế so sánh  9.2. Cán cân thương mại quốc tế | 2LT | 9.1. Trình bày được cái lợi trong trao đổi thương mại quốc tế  9.2. Hiểu về cán cân thương mại quốc tế.  - Phân tích được những tác dụng của cán cân thương mại quốc tế | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  Trả lời câu hỏi: cán cân thương mại của Việt Nam 5 năm gần đây?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên | A2.2. |
| 15 | 9.3. Cán cân thanh toán quốc tế  9.4. Tỉ giá hối đoái | 2BT | 9.3. Phân tích và vận dụng làm bài tập minh hoạ về cán cân thanh toán quốc tế  9.4. Hiểu được khái niệm và phân tích tỉ giá hối đoái. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp hình mẫu; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp trò chơi; đóng vai; thảo luận.  GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1])  Ví dụ minh hoạ về tỉ giá hối đoái?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên  - Thực hành lập kế hoạch | A2.2 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Hương Liên | | 2021 | Bài giảng Kinh tế học đại cương | Lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Quảng Bình |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | | | |
| 1 | PGS. TS. Trần Quang Lâm | 2016 | | Giáo trình Kinh tế vĩ mô, | NXB Tư pháp, Hà Nội. |
| 2 | PGS.TS Lê Thế Giới | 2008 | | Kinh tế thị trường | NXB Giáo dục, Hà Nội. |
| 3 | Trần Thị Lan Hương | 2009 | | Kinh tế học đại cương, | NXB Giáo dục, Hà Nội. |
| 4 | Đinh Hữu Tài | 2014 | | Những vấn đề cơ bản của kinh tế vĩ mô, | NXB Giáo dục, Hà Nội. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường A, C | Projector, máy tính cá nhân | 1 | Chương 1 đến chương 9 |

**9. Holistic Rubric đánh giá**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |

**9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy  định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài  tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy  đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với  yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa  hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp  lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý,  đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính  toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa**  **TS. Nguyễn Văn Duy** | **Trưởng bộ môn**  **ThS. Lương Thị Lan Huệ** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Thị Hương Liên** | |
|  |

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TRƯỜNG ĐH QUẢNG BÌNH Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Quảng Bình, ngày tháng năm 2021*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành:** | **Mã số:** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Tiếng Anh 1** | **1.2. Tên tiếng Anh:** English 1 |
| **1.3. Mã học phần: …………………….** | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 10 tiết |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 20 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Mai Thị Thuỳ Dung |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | Giảng viên Bộ môn tiếng Anh |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: |  |
| - Học phần song hành: |  |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung:** Giúp sinh viên phát triển kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh trình độ tiền B1.

**2.2. Mục tiêu cụ thể:**

***2.2.1. Về kiến thức:***

- Nội dung học phần nhằm đào tạo sinh viên đạt được kiến thức tiếng Anh cơ bản trình độ tiền B1.

- Sinh viên có thể lĩnh hội được kiến ngữ pháp, từ vựng, cú pháp, ngữ nghĩa, cách sử dụng tiếng Anh áp dụng trong các tình huống liên quan tới học tập, cuộc sống và công việc thường ngày.

***2.2.2. Về kỹ năng:***

Sinh viên có khả năng:

- phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh theo dạng đề thi PET gồm 4 phần cụ thể khác nhau, tập trung vào phần 1 và phần 2 của đề thi PET.

- đọc hiểu các bảng biểu, bài báo, truyện ngắn thông qua các hoạt động đọc trên lớp và bài đọc thêm ở nhà;

- viết câu ngắn, viết thư về các nội dung giao tiếp cơ bản trong cuộc sống như xin lỗi, cảm ơn, thư mời tham gia sự kiện, thư yêu cầu, phàn nàn....

- nghe hiểu, ghi chú, chép chính tả để chọn lựa được ngôn từ phù hợp cho phần điền từ vào chỗ trống và lựa chọn đáp án đúng;

- giao tiếp, nói chuyện, thảo luận về các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống.

- làm việc theo cặp đôi, nhóm hay cá nhân và kết hợp phát triển kỹ năng đọc, nói, viết ở trình độ trung cấp.

***2.2.3. Về thái độ:***

- Sinh viên có ý thức kỷ luật tốt, thái độ học tập và lao động đúng đắn; tính nghiêm túc trong công việc, giờ giấc; có ý thức tự nghiên cứu; tâm lý vững vàng để có thể tự tin trong công việc trong tương lai.

**3. Chuẩn đầu ra học phần:**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
|  | ***Về kiến thức*** |
| CLO1 | - Nắm được nội dung kiến thức tiếng Anh về từ vựng, ngữ pháp có thể áp dụng trong bốn kỹ năng giao tiếp cơ bản nghe, nói, đọc viết ở trình độ tiền B1 (bậc 3 KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam). |
| CLO 2 | - Áp dụng được một số chiến lược học để phát triển đồng thời 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, trình độ tiền B1. |
|  | ***Về kỹ năng*** |
| CLO 3 | Kỹ năng nghe:  - Có thể nghe được thông tin chính, thông tin chi tiết, nhận biết thái độ người nói qua giọng điệu và ngôn ngữ. |
| CLO 4 | Kỹ năng đọc:  - Có kỹ năng đọc lướt nắm ý chính, kỹ năng đọc rà soát tìm thông tin chi tiết, kỹ năng phân tích ý chính và nhận biết thái độ người viết. |
| CLO 5 | Kỹ năng viết:  - Có kỹ năng viết thư cảm ơn, xin lỗi, trình bày sự việc, thư chúc mừng; điền đơn, mẫu, phiếu; luyện viết câu ngắn. |
| CLO 6 | Kỹ năng nói:  - Có kỹ năng giao tiếp nói cơ bản trong các tình huống quen thuộc hằng ngày: giới thiệu bản thân, mô tả về gia đình, bạn bè, sở thích, các hoạt động giải trí; có kỹ năng giao tiếp tương tác khi thảo luận cặp, nhóm và thuyết trình. |
|  | ***Về thái độ Về thái độ (mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm)*** |
| CLO 7 | - Hình thành tính nghiêm túc, kỷ luật và chăm chỉ trong việc học cũng như các hoạt động đoàn thể khác. |
| CLO 8 | - Ý thức được các phép lịch sự và có cách ứng xử phù hợp theo vai và tình huống giao tiếp hằng ngày ở trường và nơi làm việc. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| CLO 1 |  |  |  |  |  | I |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  |  |  |  |  | I |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  |  |  | I |  |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  |  |  | I |  |  |  |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  | I |  |  |  |  |  |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  | I |  |  |  |  |  |  |
| CLO 7 |  |  |  |  |  | I |  |  |  |  |  |  |
| CLO 8 |  |  |  |  |  | I |  |  |  |  |  |  |

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 2. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần** | **Trọng số** | **Bài đánh giá/Thời gian đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| **Đánh giá** | **(đánh dấu X nếu có)** |
| -1 | -2 | -3 | -4 | -5 | -6 | *-7* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 10% | Xuyên suốt học phần |  | X  (Rubric) | CLO 8,9 | Sử dụng rubric 1 |
|
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 40% | A2.1. Tuần 5 (Tổng hợp kiến thức) | 75% |  | CLO 1,2,3  4,5 | A2.1. Thi trắc nghiệm Nghe đọc Viết |
|
| A2.2. Từ tuần 8 | 25% |  | CLO 7 | A2.2. Kiểm tra vấn đáp dựa trên nội dung, mục tiêu và chuẩn đầu ra của các bài đang học. |
|
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 50% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Nghe, đọc, viết |  |  | CLO 1, 2, 3  4, 5 | Sử dụng rubric 3 (Định dạng đề thi Part 1, 2 – PET) |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**5. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 3. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/  Buổi) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 3)** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| **1** | **UNIT 1:** Chủ đề về thông tin cá nhân, gia đình, con người  **Lesson 1:** Personal information (3 tiết)  - Writing (Điền mẫu đơn)  - Speaking (Giới thiệu bản thân, gia đình, bạn bè)  - Listening (Nghe thông tin về cá nhân, gia đình)  **Lesson 2:** A regular thing (2 tiết)  - Vocabulary: mô tả về thói quen cá nhân, các động tả hoạt động hằng ngày  - Reading: Đọc nắm ý chính  - Writing: Điền phiếu câu hỏi, phiếu khảo sát, mẫu đơn  **Lesson 3: (3 tiết)**  Pratice test  PET 1-2-3-4 part 1 | 8 | **Sau khi kết thúc bài 1, sinh viên có thể:**  **Kiến thức:**  **- N**ắm vững chiến lược học và làm bài thi dạng đề PET, part 1 để phát triển đồng thời 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, hướng đến trình độ B1; Học từ vựng về con người, bạn bè, gia đình, các đồ vật trong trường học và nơi làm việc; Học ngữ pháp về thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, các cấu trúc mô tả ý kiến cá nhân;  **Kỹ năng nói:** Có thể giới thiệu bản thân, giới thiệu về gia đình bạn bè, công việc hàng ngày, mô tả về con người; Có thể mô tả các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi và các sở thích cá nhân;  **Kỹ năng nghe:** Nghe hiểu thông tin chung và thông tin chi tiết mô tả về cá nhân, con người, gia đình, cụ thể là nghề nghiệp, tuổi tác, sở thích, kinh nghiệm….  **Kỹ năng đọc:** Có thể đọc nắm ý chính của đoạn, đọc hiểu các bảng biểu, thông báo, ghi chú trong dạng bài tập luyện đọc đề PET;  **Kỹ năng viết:** Có thể điền các mẫu đơn, phiếu đăng ký, lý lịch cá nhân.  **Thái độ học tập:** Tham gia vào việc học một cách chủ động, tích cực, áp dụng các kiến thức được học để phát triển kỹ năng nói tiếng Anh; Hình thành tính nghiêm túc, kỷ luật và chăm chỉ trong việc học cũng như các hoạt động đoàn thể khác; Ý thức được các phép lịch sự và có cách ứng xử phù hợp theo vai và tình huống giao tiếp hằng ngày ở trường và nơi làm việc. | *LCO 1*  *CLO 2*  *CLO6*  *CLO3*  *CLO4*  *CLO6*  *CLO6CLO7* | PP chủ đạo chi phối các hoạt động dạy học của học phần là PP tiếp cận giao tiếp, dạy học dựa trên các hoạt động và PP dạy học lấy người học làm trung tâm. Tuỳ vào yêu cầu chuẩn đầu ra của từng đơn vị bài học, GV sẽ áp dụng các PP dạy học khác nhau, cụ thể như sau:  - PP thuyết trình tích cực sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học và có sự tương tác trong lớp học;  - PP brainstorming;  - PP dạy học tương tác: sinh viên giao tiếp, trao đổi thông tin theo cặp, nhóm;  - PP làm mẫu-tái tạo (có sử dụng video mẫu);  - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên | - Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập;  Đọc trước nội dung và tra từ mới;  - Phần chuẩn bị trên lớp:  Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động dạy học do giảng viên hương dẫn, triển khai. | A1 |
| 2 | **UNIT 2:** Chủ đề về sở thích và môi trường sống, học tập và làm việc  **Lesson 1:** You live and learn (3 tiết)  - Vocabulary: các hoạt động trong thời gian rảnh, sở thích cá nhân  - Writing: Viết câu ngắn mô tả ý kiến cá nhân  **Lesson 2:** All the best books (2 tiết)  - Reading: Đọc hiểu các bảng biểu, thông báo, ghi chú  - Writing: Viết thư cho bạn bè, gia đình  **Lesson 3: (2 tiết)**  Pratice test PET 1-2-3-4 part 2  Middle Test (1 tiết) | 8 | **Sau khi kết thúc bài 2, sinh viên có thể học được:**  **Kiến thức:**  **-** Nắm vững chiến lược học và làm bài thi dạng đề PET, part 1 để phát triển đồng thời 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, hướng đến trình độ B1; Học từ vựng về các đồ vật, sự việc trong trường học và nơi làm việc; Học ngữ pháp về thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, các cấu trúc mô tả ý kiến cá nhân;  **Kỹ năng nói:** Có thể mô tả các hoạt động trong thời gian rảnh rỗi và các sở thích cá nhân; Mô tả về việc học tiếng Anh, cách sử dụng tiền hiệu quả;  **Kỹ năng nghe: N**ghe hiểu thông tin thông tin chi tiết, nghe chia sẽ học tập, các khoá học môn học;  **Kỹ năng đọc:** Có thể đọc nắm ý chính của đoạn, đọc hiểu các bảng biểu, thông báo, ghi chú trong dạng bài tập luyện đọc đề PET  **Kỹ năng viết:** Viết thư cho bạn bè gia đình;  **Thái độ học tập:** Tham gia vào việc học một cách chủ động, tích cực, áp dụng các kiến thức được học để phát triển kỹ năng nói tiếng Anh; Hình thành tính nghiêm túc, kỷ luật và chăm chỉ trong việc học cũng như các hoạt động đoàn thể khác; Ý thức được các phép lịch sự và có cách ứng xử phù hợp theo vai và tình huống giao tiếp hằng ngày ở trường và nơi làm việc. | *LCO 1*  *CLO 2*  *CLO6*  *CLO3*  *CLO4*  *CLO6*  *CLO6CLO7* | - PP thuyết trình tích cực sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học và có sự tương tác trong lớp học;  - PP thảo luận, giải quyết vấn đề.  - PP làm mẫu-tái tạo  - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên | Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập;  Đọc trước nội dung và tra từ mới;  - Phần chuẩn bị trên lớp:  Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động dạy học do giảng viên hương dẫn, triển khai. | A1 |
| 3 | **UNIT 3**: Chủ đề về hoạt động trải nghiệm, công việc  **Lesson 1**: Holiday adventures (2 tiết)  - Reading: Đọc hiểu bảng biểu, ghi chú, đọc nắm ý chính của đoạn và bài đọc  - Speaking: Mô tả về kỳ nghỉ, lễ hội, du lịch  - Grammar: Thì quá khứ đơn, liên từ nối  **Lesson 2:** Just the job (2 tiết)  - Vocabulary: Từ vụng về công việc, nghề nghiệp  - Listening: Nghe nắm thông tin chi tiết, nghe về công việc  **Lesson 3: (2 tiết)**  Pratice test  PET 5-6 part 1, 2  **Formative assessment:** Kiểm tra vấn đáp | 8 | **Sau khi kết thúc bài 3, sinh viên có thể học được về:**  **Kiến thức:**  **- N**ắm vững chiến lược học và làm bài thi dạng đề PET, part 2 để phát triển đồng thời 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, hướng đến trình độ B1; Học từ vựng về thế giới tự nhiên, động vật, cây cối, địa lý; từ vựng về kỳ nghỉ, du lịch; Học ngữ pháp về thì quá khứ đơn, quá khứ hoàn thành; các từ nối, liên từ  **Kỹ năng nói:** Có thể mô tả về kỳ nghỉ, lễ hội, du lịch  **Kỹ năng nghe:** Nghe hiểu thông tin chi tiết, nghe về công việc nghề nghiệp.  **Kỹ năng đọc:** Có thể đọc hiểu các bảng biểu, thông báo, ghi chú trong dạng bài tập luyện đọc đề PET  **Kỹ năng viết:** Có thể điền các mẫu đơn, phiếu đăng ký, lý lịch cá nhân.  **Thái độ học tập:** Tham gia vào việc học một cách chủ động, tích cực, áp dụng các kiến thức được học để phát triển kỹ năng nói tiếng Anh; Hình thành tính nghiêm túc, kỷ luật và chăm chỉ trong việc học cũng như các hoạt động đoàn thể khác; Ý thức được các phép lịch sự và có cách ứng xử phù hợp theo vai và tình huống giao tiếp hằng ngày ở trường và nơi làm việc. | *LCO 1*  *CLO 2*  *CLO6*  *CLO3*  *CLO4*  *CLO6*  *CLO6CLO7* | - PP thuyết trình tích cực sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học và có sự tương tác trong lớp học;  - PP brainstorming;  - PP dạy học tương tác: sinh viên giao tiếp, trao đổi thông tin theo cặp, nhóm;  - PP dự án: sinh viên thiết kế PP, làm việc nhóm thảo luận nội dung thuyết trình;  - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên. | Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập;  Đọc trước nội dung và tra từ mới;  - Phần chuẩn bị trên lớp:  Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động dạy học do giảng viên hương dẫn, triển khai. | A1  A2.1 |
| 4 | **UNIT** **4**: Luyện bài tập theo dạng đề PET  **Lesson 1: 3 tiết**  Pratice testPET 7-8 part 1, 2  **Lesson 2: 3 tiết**  Pratice testPET extra part 1, 2 | 6 | **Sau khi kết thúc bài 4, sinh viên có thể học được về:**  **Kiến thức:**  **- N**ắm vững chiến lược học và làm bài thi dạng đề PET, part 1, 2 để phát triển đồng thời 4 kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, hướng đến trình độ B1;  **Thái độ học tập:** Tham gia vào việc học một cách chủ động, tích cực, áp dụng các kiến thức được học để phát triển kỹ năng nói tiếng Anh; Hình thành tính nghiêm túc, kỷ luật và chăm chỉ trong việc học cũng như các hoạt động đoàn thể khác; Ý thức được các phép lịch sự và có cách ứng xử phù hợp theo vai và tình huống giao tiếp hằng ngày ở trường và nơi làm việc. | *LCO 1*  *CLO 2*  *CLO3*  *CLO4*  *CLO5*  *CLO6CLO7* | - PP thuyết trình tích cực sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học và có sự tương tác trong lớp học;  - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên |  | A1 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  | CLO 1,2, 3, 4, 5, 6 |  |  | A4 |

**6. Học liệu**

**Bảng 4. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | N. Kenny, và Kelly | 2007 | Ready for PET: Coursebook | MacMillan Publishers Limited |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 1 | J. Quintana | 2010 | PET Result, Student’s book | Oxford University Press |
| 2 | O.Clive & L. K.Christina | 2008 | American English File 3, Student's book. | Oxford University Press |
| 3 | C. Richards Jack & David Bohlke | 2012 | Four corners 3,4 – Student’s book | Cambridge University Press |

**7. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 5. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | Phòng học ngoại ngữ có ghế xếp | Projector, loa, màn hình máy chiếu | 01 | Tất cả các bài học |

**8. Rubric đánh giá**

**a. Đánh giá chuyên cần (Attendance Check) Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định | | | | | Trọng số |
| MỨC F  (0-3,9) | MỨC D  (4,0-5,4 | MỨC C  (5,5-6,9) | MỨC B  (7,0-8,4 | MỨC A  (8,5-10) |
| Chuyên cần | Không đi học  (<30%) | Đi học không chuyên cần  (<50%) | Đi học khá chuyên cần (<70%) | Đi học chuyên cần (<90%) | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>90%) | 50% |
| Đóng góp tại lớp | Không tham gia họa động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp tại lớp. Đóng góp không hiệu quả | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. phát biểu ít khi có hiệu quả | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả | 50% |

**b. Trọng số điểm của các phần trong bài thi kết thúc học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| Phần nghe | 20% |
| Phần đọc | 40% |
| Phần viết | 40% |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày 7 tháng 9 năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

**TS. Nguyễn Đình Hùng** **TS. Lê Thị Hằng ThS. Mai Thị Thuỳ Dung**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Ngoại ngữ** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành:** | **Mã số:** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần:** Tiếng Anh 2 | **1.2. Tên tiếng Anh:** English 2 |
| **1.3. Mã học phần: …………………….** | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 20 tiết |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 10 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | Giảng viên Bộ môn tiếng Anh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | Giảng viên Bộ môn tiếng Anh |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Đã học xong học phần Tiếng Anh 1 |
| - Học phần học trước: | Tiếng Anh 1 |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung:** Giúp sinh viên cũng cố, phát triển kiến thức và kỹ năng tiếng Anh ở trình độ tiền B1.

**2.2. Mục tiêu cụ thể:**

***2.2.1. Về kiến thức:***

Học phần Tiếng Anh 2 được thiết kế nhằm tiếp tục cung cấp cho sinh viên kiến thức ngôn ngữ Tiếng Anh ở trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu. Sau khi kết thúc học phần, sinh viên cần đạt những yêu cầu sau:

- Có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc về gia đình, nhà cửa, du lịch, cuộc sống ở thành phố, thời trang, mua sắm v.v...

- Có đủ vốn từ để có thể miêu tả những tình huống không thể đoán trước, giải thích các điểm chính của vấn đề với độ chính xác hợp lý và thể hiện những suy nghĩ về các chủ đề mang tính trừu tượng hay văn hóa như gia đình, nhà cửa, du lịch, cuộc sống thành phố…

- Có thể nhận diện mạch lập luận của văn bản đang đọc, dù không nhất thiết phải thật chi tiết.

- Kiểm soát tốt lượng từ vựng ở trình độ sơ cấp. Tuy vậy vẫn có những lỗi lớn khi diễn đạt những ý nghĩ phức tạp hay những chủ đề và tình huống không quen thuộc

- Nắm được các kiến thức ngữ pháp tiếng Anh cơ bản như Thì, giới từ, cụm tính từ, động từ, các cấu trúc so sánh, cấu trúc mô tả…

***2.2.2. Về kỹ năng:***

Học phần Tiếng Anh 2 được thiết kế nhằm tiếp tục rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở trình độ B1 theo khung tham chiếu Châu Âu CEFR. Kết thúc học phần này sinh viên có thể:

- Xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó.

- Đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình.

- Viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm như tin nhắn, bưu thiếp, email, thư xã giao...

- Mô tả được vị trí các đồ vật trong phòng, trang phục ưa thích, mua sắm trả giá các mặt hàng, nói về các phương triện đi lại và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến của mình.

- Phát triển kỹ năng nghe để trả lời các câu hỏi đúng/ sai, trắc nghiệm, điền từ vào đoạn văn.

***2.2.3. Về thái độ:***

Học phần giúp sinh viên ý thức được vị trí của môn học, tham gia vào quá trình học một cách tích cực, áp dụng các kiến thức học được vào thực tiễn học tập và sử dụng tiếng Anh.

Ngoài ra, học phần còn giúp sinh viên có tinh thần kỷ luật tốt, thái độ học tập, lao động đúng đắn; nghiêm túc trong công việc, giờ giấc; có khả năng tự nghiên cứu, làm việc nhóm.

**3. Chuẩn đầu ra học phần:**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
|  | ***Về kiến thức*** |
| CLO1 | Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc về gia đình, nhà cửa, du lịch, cuộc sống ở thành phố, thời trang, mua sắm v.v... |
| CLO 2 | Đủ vốn từ để có thể miêu tả những tình huống không thể đoán trước, giải thích các điểm chính của vấn đề với độ chính xác hợp lý và thể hiện những suy nghĩ về các chủ đề mang tính trừu tượng hay văn hóa như gia đình, nhà cửa, du lịch, cuộc sống thành phố… |
| CLO 3 | Nhận diện mạch lập luận của văn bản đang đọc, dù không nhất thiết phải thật chi tiết. |
| CLO4 | Kiểm soát tốt lượng từ vựng ở trình độ sơ cấp. Tuy vậy vẫn có những lỗi lớn khi diễn đạt những ý nghĩ phức tạp hay những chủ đề và tình huống không quen thuộc |
| CLO 5 | Nắm được các kiến thức ngữ pháp tiếng Anh cơ bản như Thì, giới từ, cụm tính từ, động từ, các cấu trúc so sánh, cấu trúc mô tả… |
|  | ***Về kỹ năng*** |
| CLO 6 | Xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó |
| CLO 7 | Đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình. |
| CLO 8 | Viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm như tin nhắn, bưu thiếp, email, thư xã giao... |
| CLO 9 | Mô tả được vị trí các đồ vật trong phòng, trang phục ưa thích, mua sắm trả giá các mặt hàng, nói về các phương triện đi lại và trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến của mình. |
| CLO 10 | Có thể phát triển kỹ năng nghe để trả lời các câu hỏi đúng/ sai, trắc nghiệm, điền từ vào đoạn văn. |
|  | ***Về thái độ Về thái độ (mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm)*** |
| CLO11 | Ý thức được vị trí của môn học, tham gia vào quá trình học một cách tích cực, ứng dụng các kiến thức học được vào thực tiễn học tập và sử dụng tiếng Anh. |
| CLO 12 | Có tinh thần kỷ luật tốt, thái độ học tập, lao động đúng đắn; nghiêm túc trong công việc, giờ giấc; có khả năng tự nghiên cứu, làm việc nhóm. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| CLO 1 |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |
| CLO 7 |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |
| CLO 8 |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |
| CLO 9 |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |
| CLO 10 |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |
| CLO 11 |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |
| CLO 12 |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |  |

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% |  |  |  |  | Sử dụng rubric |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 25% | A2.1. Tuần 5 (Tổng hợp kiến thức) | 50% |  | CLO 2  CLO 4  CLO 8 | A2.1. Kiểm tra vấn đáp  Kiểm tra kỹ năng nói phần 3, 4 trong khung B1    A2.2 Kiểm tra Nghe, Đọc, Viết  Kiểm tra Nghe (Part 3, 4), đọc (Part 3,4,5), viết (Part 3) |
| A2.2. Tuần 10  (Các bài trong quá trình học) | 50% |  | CLO 1  CLO 3  CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8  CLO9 |
| A4. Đánh giá cuối kỳ | 70% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Viết |  |  | CLO 1-12 | Sử dụng rubric |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR*** | ***Hoạt động học của SV(\*)*** | ***Tên bài***  ***đánh giá***  ***(ở cột 3 bảng 5.1*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **UNIT 1: HOUSE AND HOME** (6 tiết)  I. Listening: Part 3  II. Speaking: Part 3  III. Reading: Part 3  IV. Writing: Part 3 | 4 | **Sinh viên có khả năng:**  Nắm được các từ vựng liên quan đến các phòng trong nhà, và các vật dụng quen thuộc  Sử dụng các cấu trúc mô tả vị trí một cách linh hoạt để nói về một địa điểm, một căn phòng yêu thích  Nghe chọn đáp án theo hình thức trắc nghiệm trên cơ sở hiểu sâu nội dung của bài nghe  Viết thư kể về những người bạn mới quen  Đọc lấy thông tin để trả lời câu hỏi trắc nghiệm (phần 4) | CLO3  CLO4  CLO5 | - PP dạy học tương tác: sinh viên giao tiếp, trao đổi thông tin theo cặp, nhóm;  - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên | Sinh viên mô tả căn phòng trong nhà  Sinh viên làm việc theo nhóm thực hành vận dụng các cụm từ phỏng đoán để mô tả tranh |  |
| 2 | **UNIT 2: PLACES OF INTEREST** (6 tiết)  I. Listening: Part 3  II. Speaking: Part 3  III. Reading: Part 4  IV. Writing: Part 3 | 4 | **Sinh viên có khả năng:**  Nghe lấy thông tin để điền từ vào đoạn văn hoặc đoạn tóm tắt (phần 3)  Đọc xác nhận thông tin đúng sai dựa trên nội dung của bài đọc  Vận dụng linh hoạt các cụm cấu trúc mô tả, các cụm từ mang tính phỏng đoán để lột tả được nội dung của một bức tranh  Luyện viết câu trả lời cho một mẫu điều tra phỏng vấn | CLO3  CLO4  CLO5 | - PP dạy học tương tác: sinh viên giao tiếp, trao đổi thông tin theo cặp, nhóm;  - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên | Sinh viên làm việc độc lập trong phần nghe  Sinh viên làm việc theo cặp trong các hoạt động nói, đọc, viết |  |
| 3 | **UNIT 3: WHAT A BARGAIN!** (6 tiết)  I. Listening: Part 4  II. Speaking: Part 4  III. Reading: Part 5  IV. Writing: Part 3 | 4 | **Sinh viên có khả năng**  Phát triển các từ vựng liên quan đến trang phục  Luyện viết thư phần 3, thể hiện lời mời bạn cùng tham gia một hoạt động  Nghe lấy thông tin chính điền vào đoạn văn tóm tắt  Sử dụng linh hoạt các cụm từ, tính từ và các cấu trúc phỏng đoán để mô tả tranh | CLO3  CLO4  CLO5 | - PP dạy học tương tác: sinh viên giao tiếp, trao đổi thông tin theo cặp, nhóm;  - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên | Sinh viên thực hành viết thư và trao đổi thư  Sinh viên làm việc theo nhóm để thực hiện các hoạt động nói, đọc |  |
| 4 | **UNIT 4: PRACTICE TEST**  (6 tiết)  I. Listening: Part 3, Part 4  II. Speaking: Part 3, Part 4  III. Reading: Part 3, Part 4, Part 5  IV. Writing: Part 3 | 4 | Luyện các dạng bài liên qua tới các phần 3, 4 của tất cả 4 kỹ năng | CLO6  CLO7  CLO8 | PP thuyết trình tích cực có sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học, diễn giải và tương tác với sinh viên  GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên | Sinh viên làm việc độc lập hoặc theo nhóm và làm theo các dạng đề bài do giảng viên giao | A1.1. |
| 5 | **UNIT 5: PRACTICE TEST**  (6 tiết)  I. Listening: Part 3, Part 4  II. Speaking: Part 3, Part 4  III. Reading: Part 3, Part 4, Part 5  IV. Writing: Part 3 | 5 | Luyện các dạng bài liên quan tới các phần 3, 4 của tất cả 4 kỹ năng | CLO3  CLO4  CLO5  CLO7 | - PP thuyết trình tích cực có sử dụng các phương tiện, thiết bị dạy học, diễn giải và tương tác với sinh viên;  - PP thảo luận, giải quyết vấn đề.  - PP làm mẫu-tái tạo  - GV sử dụng tài liệu, máy tính, loa và projector để hướng dẫn, giảng dạy sinh viên | Sinh viên làm việc độc lập hoặc theo nhóm và làm theo các dạng đề bài do giảng viên giao |  |
| 6 | **Ôn tập và kiểm tra tín chỉ** | 4 |  |  |  | Sinh viên thực hiện bài Nói 3 và bài viết gồm 3 kỹ năng nghe, đọc, viết | A2 |
| 7 | Kiểm tra cuối kì |  |  |  |  | Kiểm tra 3 kỹ năng nghe, đọc, viết | A4 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Kenny. N & Kelly. A | 2007 | *Ready for PET.* Course book | MacMillan Education |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Cambridge ESOL | 2013 | *Cambridge Preliminary English Test 4* | Cambridge university press. |
| 3 | Cambridge ESOL | 2013 | *Cambridge Preliminary English Test 5* | Cambridge university press. |
| 4 | Cambridge ESOL | 2013 | *Cambridge Preliminary English Test 6* | Cambridge university press. |
| 5 | Jenny Quintana | 2010 | *PET Result, Student’s Book* | Oxford University Press |
| 6 | Tim Falla & Paul A.D. | 2008 | Solutions – Intermediate level | Oxford University Press |
| 7 | Ashton-Thomas | 2006 | *PET Practice Test Plus* | Pearson Longman |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | Phòng học ngoại ngữ có ghế xếp | Projector, loa, màn hình máy chiếu | 01 | Tất cả các bài học |

**9. Rubric đánh giá**

**a. Đánh giá chuyên cần (Attendance Check) Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí đánh giá | Mức độ đạt chuẩn quy định | | | | | Trọng số |
| MỨC F  (0-3,9) | MỨC D  (4,0-5,4 | MỨC C  (5,5-6,9) | MỨC B  (7,0-8,4 | MỨC A  (8,5-10) |
| Chuyên cần | Không đi học  (<30%) | Đi học không chuyên cần  (<50%) | Đi học khá chuyên cần (<70%) | Đi học chuyên cần (<90%) | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (>90%) | 50% |
| Đóng góp tại lớp | Không tham gia họa động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp tại lớp. Đóng góp không hiệu quả | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. phát biểu ít khi có hiệu quả | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả | 50% |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **b. Kiểm tra và thi viết**   |  |  | | --- | --- | | Phần nghe | 20% | | Phần đọc | 40% | | Phần viết | 40% |   *Quảng Bình, ngày 7 tháng 9 năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

**TS. Nguyễn Đình Hùng** **TS. Lê Thị Hằng ThS. Nguyễn Thọ Phước Thảo**

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Ngoại ngữ** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: CĐ, ĐH** | **Ngành: ……………** | **Mã số:** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **1. Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần:** Tiếng Anh 3 | **1.2. Tên tiếng Anh:** English 3 |
| **1.3. Mã học phần: …………………….** | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 18 tiết |
| - Bài tập và Thảo luận nhóm: | 27 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Hoàng Thị Mỹ Hạnh |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | Giảng viên Bộ môn tiếng Anh |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Tiếng Anh 3 |
| - Học phần học trước: | Tiếng Anh 2 |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung:** Sau khi kết thúc học phần, sinh viên có năng lực tiếng Anh ở trình độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (KNLNNVN).

**2.2. Mục tiêu cụ thể:**

***2.2.1. Về kiến thức:***

Kết thúc học phần sinh viên có kiến thức về từ vựng và cấu trúc tiếng Anh để có thể nghe hiểu hoặc miêu tả những tình huống không thể đoán trước, giải thích các điểm chính của vấn đề với độ chính xác hợp lý và thể hiện những suy nghĩ về các chủ đề như ẩm thực, sức khoẻ, môi trường - tự nhiên, sở thích cá nhân, giải trí, và các phương tiện giao tiếp. Ngoài ra, sinh viên được cung cấp các kiến thức văn hoá, khoa học và xã hội nhằm hỗ trợ cho việc nâng cao năng lực đọc hiểu các văn bản ngắn cũng như viết được đoạn văn có cấu trúc rõ ràng liên quan đến các chủ đề được học trong học phần.

***2.2.2. Về kỹ năng:***

Học phần Tiếng Anh 3 được thiết kế nhằm tiếp tục rèn luyện thêm cho sinh viên các kĩ năng ngôn ngữ đã phát triển ở học phần tiếng Anh 2, giúp sinh viên có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc như: ẩm thực, sức khoẻ, môi trường - tự nhiên, sở thích cá nhân, giải trí, và các phương tiện giao tiếp. Sinh viên có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra, viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm và mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình.

***2.2.3. Về thái độ:***

- Sinh viên ý thức được vị trí của môn học, tham gia vào quá trình học một cách tích cực, áp dụng các kiến thức học được vào thực tiễn học tập và sử dụng tiếng Anh.

- Ngoài ra, sinh viên có tinh thần kỷ luật tốt, thái độ học tập, lao động đúng đắn; nghiêm túc trong công việc, giờ giấc; có khả năng tự nghiên cứu, làm việc nhóm.

**3. Chuẩn đầu ra học phần:**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, sinh viên có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung chuẩn đầu ra của đề cương học phần (CLO)** |
|  | ***Về kiến thức*** |
| CLO 1 | Có đủ vốn từ vựng để có thể miêu tả những tình huống không thể đoán trước, giải thích các điểm chính của vấn đề với độ chính xác hợp lý và thể hiện những suy nghĩ về các chủ đề mang tính trừu tượng hay văn hóa như ẩm thực, giải trí, môi trường-tự nhiên. |
| CLO 2 | Có đủ vốn từ vựng để diễn đạt mong muốn bản thân với một chút do dự hay viết lòng vòng về các chủ đề như sở thích, du lịch, bảo vệ môi trường, các sự kiện đang diễn ra. |
| CLO 3 | Sử dụng các cấu trúc ngôn ngữ phù hợp để diễn đạt ý trong các loại hình giao tiếp khác nhau và theo từng hoàn cảnh xã hội. |
|  | ***Về kỹ năng*** |
| CLO 4 | **Kỹ năng nghe**: - Hiểu được những thông tin từ các bài hội thoại, độc thoại và phỏng vấn được diễn đạt bởi những người nói tiếng Anh đến từ các nước khác nhau; xác định được ý chính trong các bài nói được trình bày rõ ràng về những chủ đề thường gặp trong cuộc sống như ẩm thực, nơi ở và chỗ sinh hoạt riêng tư, môi trường, thiên nhiên và giải trí. |
| CLO 5 | **Kỹ năng nói:**  - Giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, công việc, gần gũi thiên nhiên, các hoạt động giải trí xung quanh. |
| CLO 6 | **Kỹ năng đọc:** - Đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình. |
| CLO 7 | **Kỹ năng viết:** - Viết thư từ hoặc một câu chuyện với độ dài nhất định nhằm cung cấp thông tin cá nhân, trình bày suy nghĩ về những chủ đề liên quan đến công việc, học tập và các chủ đề về văn hóa, ẩm thực, giải trí. |
|  | ***Về thái độ (mức độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm)*** |
| CLO 8 | - Ý thức được vị trí của môn học, tham gia vào quá trình học một cách tích cực, áp dụng các kiến thức học được vào thực tiễn học tập và sử dụng tiếng Anh. |
| CLO 9 | Có tinh thần kỷ luật tốt, thái độ học tập, lao động đúng đắn; nghiêm túc trong công việc, giờ giấc; có khả năng tự nghiên cứu, làm việc nhóm. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | **1** | **2** | **3** | **4** | **5** | **6** | **7** | **8** | **9** | **10** | **11** | **12** |
| CLO 1 |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO 7 |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO 8 |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO9 |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  |  |

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Liên quan đến CĐR nào ở**  **Bảng 3.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% |  |  | X | CLO 1  CLO 8  CLO 9 | Quan sát, điểm danh, yêu cầu trả lời câu hỏi hoặc nêu ý kiến cá nhân |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 45% | A2.1. Tuần 5 Kiểm tra kỹ năng Nghe - Nói | 30% |  | CLO 1  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 8 | **A2.1. Thi viết** : Nghe một bài phỏng vấn và điền từ còn thiếu vào các câu cho sẵn.  **Thi vấn đáp**: Quan sát bức tranh và miêu tả sơ lược.  (theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn) |
| Tuần 10. Kiểm tra kỹ năng Đọc – Viết | 30% |  | CLO 1  CLO 2  CLO 6  CLO 7  CLO 8 | **A2.2. Thi viết:**  - Đọc 1 bài viết và chọn câu trả lời  đúng cho câu hỏi.  - Viết một bức thư phúc đáp hoặc kể lại 1 câu chuyện với chủ đề cho sẵn (dài 100 từ)  (theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn) |
| Tuần 15: Kiểm tra kỹ năng Nghe – Đọc – Viết | 40% |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 6  CLO 7  CLO 8 | A2.3. Thi viết:  - Nghe 1 đoạn hội thoại và chọn câu trả lời Đúng – Sai.  - Đọc 1 đoạn văn và chọn đáp đúng để điền vào chỗ trống.  - Viết một bức thư phúc đáp hoặc kể lại 1 câu chuyện với chủ đề cho sẵn (dài 100 từ)  (theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn) |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 50% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Thi vấn đáp |  | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 5  CLO 8  CLO 9 | **A3. Thi Vấn đáp**  - Thi theo định dạng đề thi nói ở trình độ B1 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam. |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR nào ở bảng 3.1** | ***PP giảng dạy , tài  liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR*** | ***Hoạt động học của SV(\*)*** | ***Tên bài***  ***đánh giá***  ***(ở cột 3 bảng 5.3*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
|  | UNIT 1:  FOOD AND DRINK  1. Speaking: Foods, ingredients, recipe: Part 1,3  2. Writing: Part 1 | 4 | Sinh viên có khả năng:  1. nắm được những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh, năng lực viết và nói tiếng Anh ở trình độ B1 (bậc4 KNLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam).  2. thể hiện quan điểm cá nhân, sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, rõ ràng và chính xác trong các cuộc đàm thoại hoặc trao đổi thông tin về các món ăn, cách chế biến món ăn. | *CLO1*  *CLO3*  *CLO5*    *CLO7*    *CLO8*  *CLO9* | - PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng  - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động | *A1* |
| 2, 3 | UNIT 2:  YOUR  OWN SPACE  1. Reading:                    Part 4, 5  2. Listening: Part 4 | 4 | Sinh viên có khả năng:  1. sử dụng thành thạo và áp dụng linh hoạt vốn từ vựng ở trình độ B1.  2.  đọc hiểu văn bản, chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống để có một đoạn văn hoàn chỉnh, đồng thời hiểu rõ nội dung văn bản để có thể trả lời các câu hỏi liên quan.  3. nghe hiểu và xác định được ý chính trong các bài nói về chủ đề thường gặp trong cuộc sống | *CLO1*    *CLO2*    *CLO4*    *CLO6*    *CLO8* | - PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính, loa và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng  - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động | *A1* |
| 3, 4 | UNIT 3: CLOSE TO NATURE  1. Speaking: environment, weather, animals: Part 3,4  2. Listening: Part 2 | 4 | Sinh viên có khả năng:  1. thể hiện quan điểm cá nhân, sử dụng ngôn ngữ linh hoạt, rõ ràng và chính xác để trình bày ý kiến của mình về thiên nhiên, thời tiết và các hoạt động thường ngày.  2. nghe hiểu và xác định được ý chính của các nhân vật trong bài phỏng vấn. | *CLO3*    *CLO4* | - PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng  - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động | A1 |
| 5 | **Ôn tập và kiểm tra kết thúc tín chỉ 1** | 3 | Sinh viên có khả năng:  1. nắm được những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh, năng lực nghe và nói tiếng Anh ở trình độ B1. (Part 2, 4) | CLO1 | Kiểm tra vấn đáp và tự luận | Ôn tập tốt và nghiêm túc làm bài | A1  A2.1 |
| 6, 7 | UNIT 4: THE WIDE WORLD  1. Reading: Part 3  2. Writing:                   Part 1, 2 | 4 | Sinh viên có khả năng:  1. sử dụng thành thạo và áp dụng linh hoạt vốn từ vựng ở trình độ B1, viết một bức thư ngắn trình bày quan điểm của mình.  2. đọc hiểu văn bản và các ý chín của bài để chọn câu trả lời đúng sai, và giải thích được lí do cho lựa chọn của mình. | *CLO1*  *CLO2*  *CLO6*  *CLO7*  *CLO8* | - PP thuyết trình, giao tiếp.  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng  - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động | A1 |
| 7, 8 | UNIT 5:  FREE TIME  Speaking: Sports, free-time activity: Part 3,4  2. Reading: Part 2 | 4 | Sinh viên có khả năng:  1. nắm được thêm  loại bài tập đọc hiểu khác trong định dạng đề thi B1.  2. nắm vững kiến thức ngôn ngữ Anh về từ vựng và các cấu trúc câu để diễn đạt ý kiến của mình, mô tả tranh và thảo luận về các hoạt động thể thao – giải trí. | *CLO1*  *CLO3*    *CLO5*  *CLO6*  *CLO8*  *CLO9* | - PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng  - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động | A1 |
| 8, 9 | UNIT 6:  GET WELL SOON  Reading: Part 3  Writing:              Part 1, 3 | 4 | Sinh viên có khả năng:  1. nắm được những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh để có thể đọc hiểu và nắm được các ý được trình bày trong một đoạn văn có độ dài nhất định.  2. Nắm vững kiến thức về từ vựng và cấu trúc câu để chuyển đổi linh hoạt các cách diễn đạt khác nhau nhưng cùng một ý chính, đồng thời viết một bức thư với độ dài nhất định trình bày quan điểm của mình. | *CLO1*    *CLO2*    *CLO6*  *CLO7*    *CLO8* | - PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng  - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động | A1 |
| 10 | **Ôn tập và kiểm tra kết thúc tín chỉ 2** | 3 | Sinh viên có khả năng:  1. nắm được những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh, năng lực đọc (Part 4, 5) và viết (Part 3) tiếng Anh ở trình độ B1. | *CLO1*  *CLO2*  *CLO6*  *CLO7*  *CLO8* | Kiểm tra tự luận | Nghiêm túc làm bài | A2.2 |
| 11, 12 | UNIT 7: ENTERTAINMENT  1. Listening:                   Part 1, 3  2. Writing: Part 3 | 4 | Sinh viên có khả năng:  1. nghe hiểu và nắm bắt được ý người nói khi nghe các đoạn hội thoại ngắn cũng như các bài phỏng vấn dài trên đài phát thanh.  2. nắm vững kiến thức về từ vựng và cấu trúc câu để viết một câu chuyện ngắn có tính liên kết về một chủ đề quen thuộc. | *CLO1*  *CLO2*  *CLO4*  *CLO7*  *CLO8* | - PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính, loa và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng  - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động | A1 |
| 12, 13 | UNIT 8: THE AGE OF  COMMUNICATION  1. Speaking:                     Part 3, 4  2. Reading: Part 5 | 4 | Sinh viên có khả năng:  1. nắm vững kiến thức ngôn ngữ Anh về từ vựng và các cấu trúc câu để diễn đạt ý kiến của mình, mô tả tranh và thảo luận về các hình thức giao tiếp và liên lạc.  2. đọc hiểu ý chính của văn bản, chọn từ thích hợp để điền vào chỗ trống để có một văn bản hoàn chỉnh. | *CLO1*  *CLO3*  *CLO5*  *CLO6*  *CLO8*  *CLO9* | - PP thuyết trình, giao tiếp, làm việc cặp.  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Tài liệu học tập; Đọc trước nội dung và tra từ mới; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi, đề xuất khi nghe giảng  - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học, sẵn sàng tham gia các hoạt động | A1 |
| 13, 14, 15 | Ôn tập, kiểm tra thử và kiểm tra kết thúc tín chỉ 3 | 7 | Sinh viên có khả năng:  1. nắm vững những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh và sử dụng kiến thức vào thực hành kỹ năng nghe, đọc và viết tiếng Anh ở trình độ B1 (bậc 4 KNLNN 6 bậc dùng cho VN). | *CLO1*  *CLO2*  *CLO3*  *CLO4*  *CLO6*  *CLO7*  *CLO8* | - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính, loa và projector để hướng dẫn      Kiểm tra tự luận | - Phần chuẩn bị ở nhà: tự luyện tập theo tài liệu GV đã cung cấp; Chuẩn bị các ý kiến để hỏi khi ôn tập.  - Phần chuẩn bị trên lớp: Tích cực và chủ động trong việc học.  Làm bài nghiêm túc | A1    A2.3 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  | Sinh viên có khả năng nắm vững những kiến thức ngôn ngữ tiếng Anh và sử dụng vào thực hành kỹ năng nói tiếng Anh ở trình độ B1 | *CLO1 CLO3*  *CLO5*  *CLO8*  *CLO9* | Kiểm tra vấn đáp | Ôn bài cẩn thận  Làm bài nghiêm túc | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | | |
| 1 | Kenny, N., & Kelly, A | 2007 | Ready for PET: Coursebook | MacMillan Publishers Limited |  |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | | |
| 2 | Quintana, J. | 2010 | PET Result: Student’s book | Oxford University Press |  |
| 3 | Falla, T., & Davies, P. A | 2008 | Solutions Intermediate: Student’s book | Oxford University Press |  |
| 4 | Clive. O., & Christina, L. K. | 2008 | American English File 3: Student's book | Oxford University Press |  |
| 5 | Laurie, F., & Robin, M | 2009 | Northstar 3 (3rd Eds.). | Pearson Education, Inc. USA. |  |
| 6 | University of Cambridge ESOL Examinations | 2008 | Preliminary English Test 5 | Oxford University Press |  |
| 7 | University of Cambridge ESOL Examinations | 2008 | Preliminary English Test 6 | Oxford University Press |  |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | Phòng học ngoại ngữ có ghế xếp | Projector, loa, màn hình máy chiếu | 01 | Tất cả các bài học |

**9. Rubric đánh giá**

**a. Đánh giá chuyên cần (Attendance Check)**

**Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |  |
|
|
| Chuyên  cần | Không đi học  (<30%). | Đi học không chuyên cần  (<50%). | Đi học khá chuyên cần (<70%). | Đi học chuyên cần (<90%). | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần  (>=90 %). | **50%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **50%** |

**b. Đánh giá bài thi**

**Rubric 5: Thi vấn đáp (Oral Exam)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |  |
|
|
| Thái độ trả  lời câu hỏi | Thái độ giao tiếp, trả lời thô lỗ, không hợp tác, thiếu tôn trọng trong giao tiếp. Sử dụng thuật ngữ không phù hợp, gióng nói khó nghe. | Thái độ giao tiếp, trả lời câu hỏi lễ độ. Sử dụng các thuật ngữ trong câu trả lời phức tạp, khó hiểu. Giọng nói nhỏ, thiếu tự tin. | Thái độ giao tiếp, trả lời nhẹ nhàng, hòa nhã. Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời lời phù hợp, dễ hiểu. | Thái độ trong câu trả lời tự tin, từ tốn, nhẹ nhàng, điềm đạm. Thuật ngữ sử dụng trong câu trả lời đơn giản, dễ hiểu. Giọng nói lưu loát, rõ ràng. | Thái độ giao tiếp, trả lời rất tự tin, Giọng nói rõ ràng,  lưu loát. thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác  tốt với người nghe. | **20%** |
| Nội dung trả lời | Các câu trả lời hoàn toàn không liên quan đến câu hỏi. | Các câu trả lời không rõ ràng, gần như không liên,  không tập trung vào trọng tâm của câu hỏi. | Các câu trả lời đúng trọng tâm  câu hỏi, liên quan đến câu hỏi nhưng thiếu tự tin trong các câu trả lời. | Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan đến câu hỏi yêu cầu. Thể hiện sự  tự tin về sự hiểu biết trong câu trả lời, lập luận giải thích chưa thuyết phục. | Các câu trả lời ngắn gọn, rõ ràng, đầy đủ, liên quan trực tiếp đến câu hỏi yêu cầu; tự  tin trong câu trả lời; lập luận, giải thích cho câu hỏi  hoàn toàn thuyết phục. | **80%** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày 7 tháng 9 năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

**TS. Nguyễn Đình  Hùng**              **TS. Lê Thị Hằng          ThS. Hoàng Thị Mỹ Hạnh**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Giáo dục quyền con người** | **1.2. Tên tiếng Anh: Educating human rights** |
| **1.3. Mã học phần: MLGDCN.116** | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết |
| - Bài tập: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Trần Hương Giang |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Lương Thị Lan Huệ  ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Người học hiểu được những kiến thức lý luận cơ bản về quyền con người; Luật quốc tế về quyền con người; Lịch sử phát triển và quan điểm, chính sách cơ bản của Đảng, Nhà nước Việt Nam về quyền con người; Pháp luật và cơ chế thực hiện, thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam. Từ đó, người học vận dụng kiến thức để tăng cường sự tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người, góp phần thay đổi thái độ, nhận thức, hành vi của sinh viên trong việc bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người của bản thân và của người khác.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

- Người họccó kiến thức lý luận tổng quát về vấn đề quyền con người trong lịch sử phát triển khoa học pháp lý hiện đại; hiểu đúng về bản chất của mối liên hệ cá nhân - nhà nước – xã hội; tư tưởng vì con người, cơ chế bảo đảm quyền con người, quyền công dân trong xã hội dân chủ.

**2.2.2. Về kỹ năng**

-Người học biết vận dụng kiến thức để tăng cường sự tôn trọng các quyền và tự do cơ bản của con người; Phát triển đầy đủ nhân phẩm và ý thức về phẩm chất của con người; Thúc đẩy sự hiểu biết, khoan dung, bình đẳng giới và tình hữu nghị giữa các quốc gia, các nhóm dân tộc, chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ; Tạo điều kiện cho tất cả mọi người tham gia một cách hiệu quả vào các hoạt động xã hội; Hỗ trợ các hoạt động của Liên hợp quốc cũng như ở Việt Nam về duy trì hòa bình và an ninh xã hội.

**2.2.3. Về thái độ**

- Góp phần thay đổi thái độ, nhận thức, hành vi của người học trong việc bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người của bản thân và của người khác. Đồng thời, môn học cũng góp phần hình thành ý thức trách nhiệm của người học với sự tồn tại và phát triển hòa bình của cộng đồng, dân tộc mình và toàn nhân loại thông qua việc phổ biến những giá bình đẳng, khoan dung, nhân đạo, tôn trọng, hiểu biết lẫn nhau và tình hữu nghị giữa các quốc gia, dân tộc, chủng tộc và các nhóm xã hội.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO 1 | Người học nắm được tầm quan trọng của việc giáo dục quyền con người hiện nay. Mục tiêu của môn học. Đối tượng và nội dung của môn học. Phương pháp nghiên cứu. |
| CLO 2 | Người học nắm được các kiến thức về khái niệm, nguồn gốc, tính chất và đặc điểm của quyền con người. Lịch sử phát triển của tư tưởng về quyền con người. Phân loại quyền con người. Vấn đề nghĩa vụ quốc gia trong việc bảo đảm quyền con người. Quyền con người và một số phạm trù có liên quan. Một số khía cạnh mới của quyền con người. Thực tế và triển vọng của quyền con người. |
| CLO 3 | Người học nắm được bộ luật quốc tế về quyền con người và các văn kiện quốc tế khác về quyền con người, các quyền con người trong luật quốc tế, các cơ chế quốc tế và khu vực thúc đẩy, bảo vệ quyền con người. |
| CLO 4 | Người học nắm được sự phát triển tư tưởng về quyền con người trong lịch sử Việt Nam, quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người, chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người. |
| CLO 5 | Người học nắm được quyền dân sự và chính trị trong pháp luật Việt Nam, quyền kinh tế, xã hội và hóa trong pháp luật Việt Nam, quyền của một số nhóm dễ bị tổn thương trong pháp luật Việt Nam. Khái quát cơ chế thực hiện và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam |
| CLO 6 | Người học có kỹ năng tìm, đọc, hiểu và vận dụng các văn bản trong lĩnh vực luật quốc về quyền con người để đưa ra cách giải quyết các vấn đề thực tế phát sinh. |
| CLO 7 | Thái độ đúng đắn và nghiêm túc đối với các vấn đề nảy sinh trong đời sống liên quan đến quyền con người. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 | R |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  | I | I | I | R | R | R |  |  |  |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R | R | R |
| Tổng hợp học phần | R | I | I | I | I | I | R | R | R | R | R | R |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ chương 1 đến chương 5  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | Từ CLO1  đến CLO7 | Điểm danh, quan sát, theo dõi. |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 5: Chương 1. Nhập môn lý luận về quyền con người. Chương 2. Khái quát về quyền con người. | 30% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 6  CLO 7 | Viết, bài tập nhóm |
| A2.2. Tuần 10: Chương 3. Luật quốc tế về quyền con người. Chương 4. Lịch sử phát triển và quan điểm, chính sách cơ bản của Đảng, Nhà nước Việt Nam về quyền con người. | 30% | X | CLO 3  CLO 4  CLO 6  CLO 7 |
| A2.3. Tuần 15: Chương 5. Pháp luật và cơ chế thực hiện, thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam. | 40% | X | CLO 5  CLO 6  CLO 7 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Bao quát toàn bộ nội dung các chương |  | X | Từ CLO1  đến CLO7 | Viết hoặc vấn đáp |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **(3 tiết/b)** | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV | Tên bài  đánh giá  (ở cột 3 bảng 5.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Nhập môn lý luận về quyền con người  1.1 Tầm quan trọng của việc giáo dục quyền con người hiện nay.  1.2 Mục tiêu của môn học | 2 LT- 1 BT | - Ghi nhớ được tầm quan trọng của việc giáo dục quyền con người hiện nay và mục tiêu của môn học. | CLO1  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr2-3.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Nếu không có kiến thức về quyền con người sẽ như thế nào? |  |
| 2 | 1.3 Đối tượng và nội dung của môn học  1.4 Phương pháp nghiên cứu | 2 LT- 1 BT | - Trình bày được đối tượng, nội dung, phương pháp nghiên cứu của môn học. | CLO 1  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr3-4.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  Bài tập: Phương pháp nghiên cứu môn học? |  |
| 3 | Chương 2. Khái quát về quyền con người  2.1 Khái niệm quyền con người  2.2 Nguồn gốc của quyền con người | 2LT-1BT | - Ghi nhớ và phân tích được khái niệm, nguồn gốc quyền con người. | CLO 2  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr5-6.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  Bài tập: So sánh khái niệm quyền con người và quyền công dân. |  |
| 4 | 2.3 Tính chất và đặc điểm của quyền con người  2.4 Lịch sử phát triển của tư tưởng về quyền con người | 2 LT- 1 BT | - Phân tích được tính chất và đặc điểm của quyền con người.  - Trình bày được được lịch sử phát triển của tư tưởng về quyền con người. | CLO 2  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr6-11.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  Bài tập: Phân tích tính phổ biến và tính không thể tước bỏ của quyền con người. |  |
| 5 | 2.5 Phân loại quyền con người  2.6 Vấn đề nghĩa vụ quốc gia trong việc bảo đảm quyền con người | 2 LT- 1 BT | - Ghi nhớ được cách loại quyền con người.  - Trình bày được vấn đề nghĩa vụ quốc gia trong việc bảo đảm quyền con người | CLO 2  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr11-13.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: So sánh quyền tuyệt đối và quyền có điều kiện. | A.2.1 |
| 6 | 2.7 Quyền con người và một số phạm trù có liên quan  2.8 Một số khía cạnh mới của quyền con người  2.9 Thực tế và triển vọng của quyền con người | 2 LT- 1 BT | - Trình bày được quyền con người và một số phạm trù có liên quan, một số khía cạnh mới của quyền con người, thực tế và triển vọng của quyền con người. | CLO 2  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr14-19.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: So sánh quyền con người và quyền công dân. |  |
| 7 | Chương 3. Luật quốc tế về quyền con người  3.1 Khái quát pháp luật quốc tế về quyền con người | 2 LT- 1 BT | - Ghi nhớ và trình bày được khái quát pháp luật quốc tế về quyền con người. | CLO 3  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr20.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi  Bài tập: So sánh luật nhân quyền quốc tế và luật nhân đạo quốc tế. |  |
| 8 | 3.2 Bộ luật quốc tế về quyền con người và các văn kiện quốc tế khác về quyền con người | 2 LT- 1 BT | - Trình bày được bộ luật quốc tế về quyền con người và các văn kiện quốc tế khác về quyền con người. | CLO 3  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr22.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  Bài tập: Trình bày hiểu biết về hiến chương liên hợp quốc |  |
| 9 | 3.3 Các quyền con người trong luật quốc tế | 2 LT- 1 BT | - Phân tích được các quyền con người trong luật quốc tế. | CLO 3  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr24-24.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi  - Bài tập: Tìm hiểu về quyền của nhóm người dễ bị tổn thương. |  |
| 10 | 3.4 Các cơ chế quốc tế và khu vực thúc đẩy, bảo vệ quyền con người | 2LT – 1 BT | - Ghi nhớ và áp dụng được các cơ chế quốc tế và khu vực thúc đẩy, bảo vệ quyền con người | CLO 3  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr25-28.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Phân biệt cơ chế liên hợp quốc và cơ chế khu vực về bảo vệ và thúc đẩy quyền con người. | A.2.2 |
| 11 | Chương 4. Lịch sử phát triển và quan điểm, chính sách cơ bản của Đảng, Nhà nước Việt Nam về quyền con người.  4.1 Khái lược sự phát triển tư tưởng về quyền con người trong lịch sử Việt Nam  4.2 Quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người | 2LT – 1 BT | - Ghi nhớ được sự phát triển tư tưởng về quyền con người trong lịch sử Việt Nam.  - Trình bày được quan điểm của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người. | CLO 4  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr29-33.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Phân tích tư tưởng về quyền con người trong thời kỳ Pháp thuộc ở Việt Nam. |  |
| 12 | 4.3 Chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người | 2 LT – 1 BT | - Trình bày được chính sách cơ bản của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quyền con người | CLO 4  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr29-36.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi  - Bài tập: Phân tích chính sách thúc đẩy và bảo vệ quyền con người về phương diện đối nội của Đảng, nhà nước Việt Nam. |  |
| 13 | Chương 5. Pháp luật và cơ chế thực hiện, thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam  5.1 Quyền dân sự và chính trị trong pháp luật Việt Nam | 2LT – 1 BT | - Ghi nhớ và phân tích được quyền dân sự và chính trị trong pháp luật Việt Nam. | CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 5,TL [1], tr37-41.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Trình bày quyền tự do và an ninh cá nhân. |  |
| 14 | 5.2 Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa trong pháp luật Việt Nam | 2 LT – 1 BT | - Ghi nhớ và phân tích được quyền kinh tế, xã hội và văn hóa trong pháp luật Việt Nam | CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 5,TL [1], tr42-43.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Trình bày quyền được bảo trợ xã hội trong pháp luật Việt Nam. |  |
| 15 | 5.3 Quyền của một số nhóm dễ bị tổn thương trong pháp luật Việt Nam  5.4 Khái quát cơ chế thực hiện và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam | 2LT – 1 BT | - Ghi nhớ và vận dụng được quyền của một số nhóm dễ bị tổn thương trong pháp luật Việt Nam  - Vận dụng được cơ chế thực hiện và thúc đẩy quyền con người ở Việt Nam. | CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 5,TL [1], tr43-53.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi  - Bài tập: Trình bày quyền của trẻ em trong pháp luật Việt Nam. | A.2.3 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  |  |  |  | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Trường Đại học Quảng Bình - Khoa Luật | 2021 | Giáo trình Giáo dục quyền con người | Trường Đại học Quảng Bình |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Khoa Luật – Đại học quốc gia Hà Nội | 2009 | Giáo trình Lý luận và pháp luật về Quyền con người | Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội |
| 3 | Wolfgang Benedek (chủ biên) | 2008 | Tìm hiểu về quyền con người – Tài liệu hướng dẫn về giáo dục quyền con người, | Nxb. Tư pháp, Hà Nội |
| 4 | Liên hợp quốc | 2002 | Những nội dung cơ bản về Quyền con người | Trung tâm nghiên cứu Quyền con người – Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội |
| 5 | Trung tâm thông tin Nhân quyền Châu Á – TBD | 2005 | Giáo án về quyền con người – Dành cho các trường phổ thông ở Đông Nam Á | NXB Đại học sư phạm, Hà Nội; |
| 6 | Trung tâm nghiên cứu Quyền con người - Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh | 2002 | Các văn kiện quốc tế cơ bản về quyền con người | Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | A, C | Bảng, phấn, máy chiếu | 1 | Chương 1 đến chương 5 |

**9. Rubric đánh giá:**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài  tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung hơp lý, chi tiết và rõ ràng. | **50%** |

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, trắc nghiệm, vấn đáp**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

*Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |

TS.GVC. Nguyễn Văn Duy ThS.GVC. Lương Thị Lan Huệ ThS.GVC. Trần Hương Giang

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **1. Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần:** Logic học | **1.2. Tên tiếng Anh: Scientific logic** |
| **1.3. Mã học phần: MLLOGIC.014** | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết |
| - Bài tập: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Trần Hương Giang |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Trần Đức Hiền  ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Người học hiểu được những kiến thức cơ bản về logic học: các hình thức của tư duy (khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ, giả thuyết) và các quy luật lôgic của tư duy (luật đồng nhất, luật cấm mâu thuẫn, luật bài trung, luật lý do đầy đủ). Từ đó, người học vận dụng kiến thức đã học để nhận dạng được những dạng lỗi lôgic của tư duy khi vi phạm vào các quy tắc và quy luật của tư duy, có khả năng tìm kiếm, phát hiện và khắc phục những lỗi của tư duy khi vi phạm vào các quy luật và quy tắc của tư duy.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

- Sinh viên nắm vững những kiến thức về: đối tượng nghiên cứu của khoa học Logic hình thức, các hình thức cơ bản của tư duy như: khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh, bác bỏ và giả thuyết, các quy luật lôgic cơ bản của tư duy tác động trong tư duy hình thức.

**2.2.2. Về kỹ năng**

-Sinh viên biết nhận dạng được những dạng lỗi lôgic của tư duy khi vi phạm vào các quy tắc và quy luật của tư duy, có khả năng tìm kiếm, phát hiện và khắc phục những lỗi của tư duy khi vi phạm vào các quy luật và quy tắc của tư duy, xây dựng được cho mình phương pháp tư duy đúng đắn trong hoạt động nghiên cứu khoa học và thực tiễn.

**2.2.3. Về thái độ**

- Có ý thức học tập, nghiên cứu tài liệu, tham gia đầy đủ các buổi học, xây dựng bài. Tích cực làm đầy đủ các bài tập mà giảng viên đưa ra.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO 1 | Người học nắm được kiến thức chung về logic học, đối tượng và mục đích nghiên cứu của logic học, hiểu thế nào là logic hình thức, logic biện chứng. |
| CLO 2 | Người học nắm vững kiến thức về các quy luật logic của tư duy như quy luật đồng nhất, quy luật cấm mâu thuẫn, quy luật lý do đầy đủ, quy luật bài trung. |
| CLO 3 | Người học nắm được kiến thức về khái niệm, sử dụng được các thao tác logic về khái niệm như các thao tác định nghĩa khái niệm, phân chia khái niệm, mối quan hệ giữa các khái niệm, nội hàm và ngoại diên của khái niệm. |
| CLO 4 | Người học nắm vững kiến thức về phán đoán, nắm được cách phân tích logic về mặt phán đoán, cấu trúc, phân loại phán đoán, tính chu diên của các thuật ngữ trong phán đoán, mối quan hệ giữa các phán đoán trên hình vuông logic, tính đẳng trị của các phán đoán phức hợp. |
| CLO 5 | Người học nắm vững kiến thức về suy luận, cấu trúc suy luận, các loại suy luận, cấu trúc và các quy tắc chung của tam đoạn luận, các loại suy luận diễn dịch và suy luận quy nạp. |
| CLO 6 | Người học nắm vững kiến thức về chứng minh và bác bỏ, cấu trúc, các quy tắc và các phương pháp chứng minh và bác bỏ. |
| CLO 7 | Người họ có đầy đủ các kỹ năng trong việc suy nghĩ và lập luận có logic để ứng xử các tình huống đặt ra trong cuộc sống. Người học có kỹ năng hình thành thói quen lập luận tuân theo các quy luật, sử dụng khái niệm và phạm trù một cách chuẩn xác. Người học có kĩ năng bác bỏ những luận điểm sai lầm của người khác khi tranh luận. |
| CLO 8 | Người học có thái độ đúng đắn và chuẩn mực trước các vấn đề gặp phải trong cuộc sống, biết phân định đúng sai, biết phát hiện ra các sai lầm logic và ứng xử hợp lý trước những sai lầm đó của người khác. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | I | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO7 |  |  |  | I | I | I | I | R | I |  |  |  |
| CLO8 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | R | R | R |
| Tổng hợp học phần | I | I | I | I | I | I | I | R | I | R | R | R |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ chương 1 đến chương 7  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | Từ CLO 1  đến CLO 8 | Điểm danh, quan sát, theo dõi. |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 5: Chương 1. Đại cương về logic học. Chương 2. Những quy luật cơ bản của tư duy hình thức | 30% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 7  CLO 8 | Viết, bài tập nhóm |
| A2.2. Tuần 10: Chương 3. Khái niệm. Chương 4. Phán đoán | 30% | X | CLO 3  CLO 4  CLO 7  CLO 8 |
| A2.3. Tuần 15: Chương 5. Suy luận. Chương 6. Chứng minh và bác bỏ. | 40% | X | CLO 5  CLO 6  CLO 7  CLO 8 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Bao quát toàn bộ nội dung các chương |  | X | Từ CLO 1  đến CLO 8 | Viết hoặc vấn đáp |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **(3 tiết/b)** | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV | Tên bài  đánh giá  (ở cột 3 bảng 5.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Đại cương về logic học  1.1 Logic học là gì?  1.1.1 Thuật ngữ lôgic  1.1.2. Quá trình nhận thức  1.1.3. Đối tượng và nhiệm vụ của logic học  1.2 Logic hình thức và logic biện chứng  1.2.1 Logic hình thức  1.2.2. Logic biện chứng  1.2.3. Mối quan hệ giữa logic hình thức và logic biện chứng  1.3 Lịch sử phát triển của logic học  1.4 Ý nghĩa của việc nghiên cứu logic học | 2 LT- 1 BT | - Ghi nhớ khái niệm Logic học  - Phân tích được sự khác nhau giữa Logic hình thức và logic biện chứng*.*  - Trình bày được lịch sử phát triển của logic học  - Trình bày được ý nghĩa của việc nghiên cứu logic học. | CLO 1  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr1-9.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Phân biệt logic hình thức và logic biện chứng. |  |
| 2 | Chương 2. Những quy luật cơ bản của tư duy hình thức  2.1 Quy luật và đặc điểm chung của các quy luật logic của tư duy  2.1.1. Định nghĩa quy luật, các loại quy luật  2.1.2 Đặc điểm chung của các quy luật lôgic của tư duy  2.2 Những quy luật cơ bản của logic hình thức  2.2.1 Quy luật đồng nhất | 2 LT- 1 BT | - Ghi nhớ được quy luật và đặc điểm chung của các quy luật logic của tư duy.  - Trình bày được quy luật đồng nhất để vận dụng làm bài tập phát hiện các lỗi logic do vi phạm quy luật đồng nhất. | CLO 2  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr11-14.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Lấy một số ví dụ về vi phạm quy luật đồng nhất. |  |
| 3 | 2.2.2 Quy luật cấm mâu thuẫn. | 2 LT- 1 BT | - Trình bày được quy luật cấm mâu thuẫn đề vận dụng làm bài tập phát hiện các lỗi logic do vi phạm quy luật cấm mâu thuẫn. | CLO 2  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr14-15.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Lấy một số ví dụ về vi phạm quy luật cấm mâu thuẫn. |  |
| 4 | 2.2.3 Quy luật bài trung  2.2.4 Quy luật lý do đầy đủ | 2 LT- 1 BT | - Trình bày được quy luật bài trung đề vận dụng làm bài tập phát hiện các lỗi logic do vi phạm quy luật bài trung.  - Trình bày được quy luật lý do đầy đủ đề vận dụng làm bài tập phát hiện các lỗi logic do vi phạm quy luật lý do đầy đủ. | CLO 2  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr15-17.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Lấy một số ví dụ về vi phạm quy luật bài trung và quy luật lý do đầy đủ. |  |
| 5 | Chương 3. Khái niệm  3.1 Khái niệm là gì? mối quan hệ giữa khái niệm và từ  3.1.1. Khái niệm và đặc điểm của khái niệm  3.1.2. Mối quan hệ giữa khái niệm và từ  3.2 Cấu trúc của khái niệm  3.2.1. Nội hàm của khái niệm  3.2.2. Ngoại diên của khái niệm  3.3 Phân loại khái niệm  3.3.1. Khái niệm chung và khái niệm đơn nhất  3.3.2. Khái niệm cụ thể và trừu tượng  3.3.3 Khái niệm khẳng định và khái niệm phủ định  3.3.4. Khái niệm quan hệ, khái niệm không quan hệ  3.3.5. Khái niệm thực và khái niệm ảo | 2 LT- 1 BT | - Ghi nhớ được khái niệm, mối quan hệ giữa khái niệm và từ.  - Trình bày được cấu trúc của khái niệm bao gồm nội hàm và ngoại diên.  - Trình bày được cách phân loại khái niệm. | CLO 1  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, th uyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr18-21.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Lấy một số ví dụ về nội hàm và ngoại diên của khái niệm. | A.2.1 |
| 6 | 3.4 Quan hệ giữa các khái niệm  3.4.1. Quan hệ đồng nhất  3.4.2. Quan hệ bao hàm (quan hệ phụ thuộc)  3.4.3. Quan hệ giao nhau  3.4.4. Quan hệ mâu thuẫn  3.4.5. Quan hệ đối chọi | 2LT- 1BT | - Phân tích được mối quan hệ giữa các khái niệm. Từ đó vận dụng để vẽ được sơ đồ mối quan hệ giữa các khái niệm. | CLO 2  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr21-23.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Xác định mối quan hệ giữa các khái niệm thông qua một số khái niệm đã cho. |  |
| 7 | 3.5 Các thao tác logic đối với khái niệm  3.5.1. Mở rộng và thu hẹp khái niệm  3.5.2. Định nghĩa khái niệm, các kiểu định nghĩa khái niệm và các quy tắc định nghĩa khái niệm  3.5.3. Phân chia khái niệm và các quy tắc phân chia khái niệm  3.5.4. Phân loại khái niệm | 2 LT- 1 BT | - Trình bày được và vận dụng thành thạo 4 thao tác logic đối với khái niệm. | CLO 2  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr23-27.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Làm một số bài tập về mở rộng và thu hẹp khái niệm, định nghĩa khái niệm, phân chia khái niệm, phân loại khái niệm. |  |
| 8 | Chương 4. Phán đoán  4.1 Phán đoán và kết cấu của phán đoán  4.4.1. Phán đoán là gì?  4.1.2. Cấu trúc của phán đoán  4.2 Phân loại phán đoán  4.2.1. Phán đoán đơn  4.2..2 Tính chu diên của các thuật ngữ trong phán đoán đơn | 2 LT- 1 BT | - Ghi nhớ được phán đoán và kết cấu của phán đoán  - Trình bày được cách phân loại phán đoán đơn và phán đoán phức.  - Phân tích được tính chu diên của các thuật ngữ trong phán đoán đơn; để từ đó biết vận dụng để thực hành làm bài tập về xác định tính chu diên của S và P. | CLO 2  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr28-32.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: xác định tính chu diên của S và P trong các phán đoán đã cho. |  |
| 9 | 4.2.3. Quan hệ giữa các phán đoán cơ bản, bàn cờ lôgic | 2 LT- 1 BT | - Phân tích được mối quan hệ giữa các phán đoán cơ bản trên bàn cờ logic, để từ đó vận dụng làm các bài tập xây dựng các phán đoán còn lại và xác định giá trị logic của chúng từ phán đoán đã cho. | CLO 2  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr33-36.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Xây dựng các phán đoán còn lại từ phán đoán đã cho. |  |
| 10 | 4.2.4. Phán đoán phức hợp | 2 LT- 1 BT | - Phân tích được tính đẳng trị của các phán đoán phức hợp. Nắm vững các công thức đẳng trị để vận dụng làm bài tập xác định tính đẳng trị của các phán đoán phức cơ bản. | CLO 3  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr37-41.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: từ một phán đoán cho trước, tìm các đẳng trị với phán đoán đó. | A2.2 |
| 11 | Chương 5. Suy luận  5.1 Suy luận và cấu trúc của suy luận  5.1.1. Suy luận là gì?  5.1.2. Cấu trúc lôgic của suy luận  5.1.3. Phân loại suy luận | 2 LT- 1 BT | - Trình bày được suy luận và cấu trúc của suy luận, phân loại suy luận. | CLO 3  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 5,TL [1], tr42-43.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Trình bày cấu trúc logic của suy luận. |  |
| 12 | 5.2 Suy luận suy diễn (diễn dịch)  5.2.1. Suy luận suy diễn trực tiếp  5.2.2. Tam đoạn luận (Suy luận suy diễn gián tiếp)  5.2.3. Suy luận có điều kiện  5.2.4. Suy luận phân liệt | 2 LT- 1 BT | - Phân tích được hình thức suy luận diễn dịch để từ đó vận dụng thành thạo làm các bài tập. | CLO 3  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 5,TL [1], tr43-55.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Bài tập về xác định các loại hình tam đoạn luận. |  |
| 13 | 5.3 Suy luận quy nạp  5.3.1. Suy luận quy nạp là gì ?  5.3.2. Các loại suy luận quy nạp  5.3.3. Quy nạp khoa học dựa trên phương pháp thiết lập mối liên hệ nhân quả | 2LT - 1 BT | - Phân tích được hình thức suy luận quy nạp để từ đó vận dụng thành thạo làm các bài tập. | CLO 3  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 5,TL [1], tr53-56.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: phân tích các loại suy luận quy nạp. |  |
| 14 | Chương 6. Chứng minh và bác bỏ  6.1 Chứng minh  6.1.1. Chứng minh là gì?  6.1.2. Cấu trúc của chứng minh  6.1.3. Các phương pháp chứng minh  6.1.4. Các quy tắc chứng minh | 2LT –  1 BT | - Trình bày được các cách chứng minh từ đó vận dụng làm các bài tập về chứng minh. | CLO 5  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 6,TL [1], tr57-59.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Chứng minh một mệnh đề cho trước. |  |
| 15 | 6.2 Bác bỏ  6.2.1. Định nghĩa  6.2.2. Các loại bác bỏ | 2 LT - 1 BT | - Trình bày được các cách bác bỏ, từ đó vận dụng làm các bài tập về bác bỏ. | CLO 5  CLO 7  CLO 8 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 6,TL [1], tr59-60.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: bác bỏ một mệnh đề cho trước. | A.2.3 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  |  |  |  | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Trường Đại học Quảng Bình - Khoa Luật | 2021 | Tài liệu bài giảng Logic học | Trường Đại học Quảng Bình |
| 2 | Vương Tất Đạt | 2001 | Logic học đại cương | NXB Đại học quốc gia, Hà Nội. |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 3 | Nguyễn Như Hải | 2007 | Giáo trình Logic học đại cương | NXB Giáo dục, Hà Nội. |
| 4 | Phan Trọng Hòa | 2006 | Logic học | NXB Đại học quốc gia TP. Hồ Chí Minh. |
| 5 | Lê Doãn Tá | 2004 | Giáo trình Logic học | NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. |
| 6 | Nguyễn Thúy Vân | 2003 | Nhập môn Logic học | NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội. |
| 7 | Vũ Ngọc Pha | 2002 | Nhập môn Logic học | NXB Giáo dục, Hà Nội. |
| 8 | Nguyễn Anh Tuấn | 2010 | Hỏi và đáp Logic học đại cương | NXB Đại học quốc gia, Hà Nội. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | A, C | Bảng, phấn, máy chiếu | 1 | Chương 1 đến chương 6 |

**9. Rubric đánh giá:**

**9.1. Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểuít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2. Rubric 3: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3. Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

*Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |

TS.GVC. Nguyễn Văn Duy ThS.GVC. Lương Thị Lan Huệ ThS.GVC. Trần Hương Giang

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Giáo dục chính trị Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **1. Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Luật hiến pháp Việt Nam** | **1.2. Tên tiếng Anh:Viet Vam Constitutional Law** |
| **1.3. Mã học phần: LUHIPH.044** | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 20 tiết |
| - Bài tập: | 10 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Phan Phương Nguyên |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phùng Thị Loan  ThS. Phan Thị Thu Hiền  ThS. Dương Thị Hồng Thuận |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Biết được những vấn đề lý luận về lịch sử hình thành Hiến pháp, vai trò quan trọng của Hiến pháp trong hệ thống pháp luật của nước Việt Nam, các quy định cơ bản của Hiến pháp; khai thác được các cơ sở dữ liệu pháp luật phổ biến; trang bị khả năng tự cập nhật kiến thức pháp luật cơ bản; hình thành ý thức pháp luật, có trách nhiệm công dân.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức lý luận chung về ngành Luật hiến pháp và nội dung cơ bản về các chế định của ngành Luật Hiến pháp. Những kiến thức nền tảng về ngành luật gốc sẽ giúp sinh viên nắm vững được kiến thức của các ngành luật khác, nhận biết và giải quyết các vấn đề chuyên môn trong thực tiễn công việc.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Rèn luyện cho sinh viên kĩ năng đánh giá, phân tích các nội dung của các chế định trong ngành luật hiến pháp. Trên cơ sở đó người học có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quan hệ pháp luật Hiến pháp. Đồng thời sau khi tốt nghiệp sinh viên có khả năng tự nghiên cứu và lập luận, biết vận dụng các kiến thức, kỹ năng vào nhận diện và giải quyết các vấn đề pháp lí trong thực tiễn.

**2.2.3.Về thái độ**

Giúp sinh viên có thái độ đúng đắn khi đánh giá, phân tích các chế định của luật hiến pháp, nhận thức rõ tầm quan trọng của ngành luật hiến pháp là là ngành luật chủ đạo trong hệ thống pháp luật Việt Nam, điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội, địa vị pháp lý của công dân, tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Người học có ý thức sống và làm việc theo Hiến pháp, pháp luật và biết bảo vệ công bằng, lẽ phải.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu được những vấn đề cơ bản về luật Hiến pháp, vai trò của luật Hiến pháp trong hệ thống pháp luật Việt Nam, kiến thức cơ bản liên quan đến Luật hiến pháp |
| CLO2 | Hiểu được kiến thức cơ bản liên quan đến Luật hiến pháp như: khái niệm, đặc trưng, các giai đoạn phát triển, chức năng, cấu trúc, phân loại... của Luật hiến pháp; quá trình lịch sử hình thành và phát triển của Luật hiến pháp Việt Nam |
| CLO3 | Hiểu được kiến thức về chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường;chính sách đối ngoại, quốc phòng và an ninh quốc gia; vấn đề quốc tịch Việt Nam; quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân. Cơ cấu và hoạt động của bộ máy nhà nước |
| CLO4 | Nhận diện, đánh giá được các tình huống pháp lý; kỹ năng tư duy logic và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời |
| CĐR5 | Thái độ đúng đắn và nghiêm túc đối với các vấn đề liên quan đến Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | I |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO2 |  | R |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  | M |  |
| CLO4 | R |  | R |  |  | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |
| Tổng hợp học phần | R |  | R |  | M | M | R | I | R | M |  | R |

**5. Đánh giá**

***a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá***

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ chương 1 đến chương 8  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5 | - Điểm danh  - Quan sát,theo dõi |
| A2. Đánh giá quá trình | 35% | A2.1. Tuần 7:  Chương 4. Chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường | 50% | X | CLO2, CLO4, CLO5 | - Bài kiểm tra viết, bài tập.  Đáp ứng yêu cầu về nộp bài tập, hình thức trình bày và nội dung |
| A2.2. Tuần 14  Chương 8. Bộ máy nhà nước | 50% |  | CLO3, CLO4, CLO5 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Chương 1. Những vấn đề cơ bản về hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam  Chương 2. Sự ra đời và phát triển của hiến pháp trong lịch sử  Chương 3. Chế độ chính trị  Chương 4. Chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường  Chương 5. Chính sách đối ngoại, quốc phòng và an ninh quốc gia  Chương 6. Quốc tịch Việt Nam  Chương 7. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân  Chương 8. Bộ máy nhà nước |  |  | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5 | - Thi viết hoặc vấn đáp.  Đáp ứng đáp án, thang điểm |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/BT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Những vấn đề cơ bản về hiến pháp và lịch sử lập hiến Việt Nam  1.1. Khái niệm, nguồn gốc, bản chất của hiến pháp  1.2. Lịch sử lập hiến | 1LT-1BT | - Hiểu được các khái niệm liên quan đến nguồn gốc, bản chất,vai trò của hiến pháp; Lịch sử lập hiến của Việt Nam | CLO1  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 2, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Trình bày lịch sử lập hiến của Việt Nam. |  |
| 2 | Chương 2. Sự ra đời và phát triển của hiến pháp trong lịch sử  2.1. Sự phát triển của hiến pháp trong xã hội tư sản | 1LT-1BT | - Hiểu được sự phát triển của hiến pháp trong xã hội tư sản | CLO2  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 2, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Phân tích quá trình hình thành của hiến pháp trong xã hội tư sản. |  |
| 3 | Chương 2. (tiếp theo)  2.2. Sự ra đời và phát triển của hiến pháp xã hội chủ nghĩa | 1LT-1BT | - Phân tích được sự ra đời và phát triển của hiến pháp xã hội chủ nghĩa | CLO2  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 2, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Phân tích quá trình hình thành của hiến pháp trong xã hội tư sản. |  |
| 4 | Chương 2 (tiếp theo)  2.2. Sự ra đời và phát triển của hiến pháp xã hội chủ nghĩa  Chương 3. Chế độ chính trị  3.1. Khái niệm chế độ chính trị | 2LT | - Hiểu được sự ra đời và phát triển của hiến pháp xã hội chủ nghĩa; chế độ chính trị của Nhà nước CHXHCN Việt Nam. | CLO2  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 3, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. |  |
| 5 | Chương 3 (tiếp theo)  3.2. Bản chất của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  3.3. Hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 2LT | - Hiểu bản chất của nhà nước VN; Hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | CLO3  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 3, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. |  |
| 6 | Chương 3. (tiếp theo)  3.1. Khái niệm chế độ chính trị  3.2. Bản chất của nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  3.3. Hệ thống chính trị của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam  Chương 4. Chính sách kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, khoa học, công nghệ và môi trường  4.1. Chính sách kinh tế  4.2 .Chính sách xã hội | 1LT-1BT | - Hiểu được chính sách kinh tế và chính sách xã hội của nhà nước CHXHCN Việt Nam. | CLO3  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 4, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Trình bày chính sách kinh tế của Việt Nam. |  |
| 7 | Chương 4. (tiếp theo)  4.3. Chính sách văn hóa  4.4. Chính sách giáo dục  4.5. Chính sách khoa học và công nghệ  4.6. Chính sách môi trường | 2LT | Hiểu được chính sách giáo dục; Chính sách khoa học và công nghệ; Chính sách môi trường | CLO3  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 5, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. | A2.1 |
| 8 | Chương 5. Chính sách đối ngoại, quốc phòng và an ninh quốc gia  5.1, Khái quát về chính sách đối ngoại của Nhà nước CHXHCN Việt Nam  5.2. Chính sách đối ngoại của Nhà nước CHXHCN Việt Nam | 2LT | - Trình bày được chính sách đối ngoại của Nhà nước CHXHCN Việt Nam | CLO3  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 5, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. |  |
| 9 | Chương 5 (tiếp theo)  5.3. Chính sách an ninh và quốc phòng  Chương 6. Quốc tịch Việt Nam  6.1. Khái niệm quốc tịch  6.2. Một số vấn đề cơ bản trong nội dung pháp luật về quốc tịch trên thế giới | 2LT | - Hiểu được khái niệm quốc tịch; Một số vấn đề cơ bản trong nội dung pháp luật về quốc tịch trên thế giới. | CLO3  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 6, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. |  |
| 10 | Chương 6. Quốc tịch Việt Nam (tiếp theo)  6.3. Những vấn đề cơ bản trong pháp luật quốc tịch Việt Nam | 1LT,1BT | - Phân tích được những vấn đề cơ bản trong pháp luật quốc tịch Việt Nam | CLO3  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 7, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Ý nghĩa của việc quy định pháp luật về quốc tịch? |  |
| 11 | Chương 7. Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân  7.1. Khái niệm quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân | 2LT | - Phân tích được các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân | CLO3  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 7, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. |  |
| 12 | Chương 7. (tiếp theo)  7.2. Những nguyên tắc hiến pháp của chế định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam | 2LT | - Hiểu được những nguyên tắc hiến pháp của chế định quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân Việt Nam | CLO3  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 7, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. |  |
| 13 | Chương 7. (tiếp theo)  7.3. Phân loại các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo hiến pháp năm 2013  Chương 8. Bộ máy nhà nước  8.1. Khái niệm về bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 1LT-1BT | - Hiểu được cách phân loại các quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo hiến pháp năm 2013; Khái niệm về bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | CLO3  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 8, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Ý nghĩa chế định quyền và nghĩa vụ của công dân? |  |
| 14 | Chương 8 (tiếp theo)  8.2. Các nguyên tắc và tổ chức của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 2LT | - Phân tích được các nguyên tắc và tổ chức của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | CLO3  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 8, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. |  |
| 15 | Chương 8 (tiếp theo)  8.3. Quá trình hình thành và phát triển của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 1LT-1BT | - Phân tích được quá trình hình thành và phát triển của bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | CLO3  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Nêu các gai đoạn hình thành của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam. | A2.2 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  | - Hiểu được những kiến thức về Luật hiến pháp.  - Vận dụng được các quy định luật hiến pháp vào giải quyết các tình huống trong thực tiễn. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |  | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (chủ biên) | 2014 | Giáo trình Luật Hiến pháp Việt Nam, | NXB Công an nhân dân, Hà Nội. |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 1 | Trần Việt Dũng | 2011 | Tài liệu hướng dẫn học tập môn Hiến pháp Việt Nam | NXB Đại học Huế. |
| 2 | Phạm Hồng Thái | 2012 | Sửa đổi, bổ sung Hiến pháp 1992 | NXB. Hồng Đức, Hà Nội. |
| 3 | Trần Thị Cúc | 2012 | Hỏi đáp về Nhà nước và pháp luật | NXB Chính trị - Hành chính, Hà nội. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chínhphục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường A, C | Projector, máy tính cá nhân | 1 | Từ Chương 1 đến Chương 8 |

**9. Rubric đánh giá**

**Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Chuyên  cần | Không đi học  (<30%). | Đi học không chuyên cần  (<50%). | Đi học khá chuyên cần (<70%). | Đi học chuyên cần (<90%). | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần  (100%). | **50%** |
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **50%** |

**Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập | Nộp 70% số lượng bài tập được giao. Thời gian nộp chậm hơn quy định 96 giờ trở lên. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 48 giờ. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 24 giờ. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
| Trình bày bài tập | Không có bài tập | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giảndòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp. | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước). | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡchữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý. | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sửdụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý. | **30%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót  . | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Trình bày đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Chính trị học** | **1.2. Tên tiếng Anh: General** |
| **1.3. Mã học phần: MLGDCN.116** | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 20 tiết |
| - Bài tập: | 10 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Phan Thị Thu Hà |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Lương Thị Lan Huệ  ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần trang bị những kiến thức lý luận cơ bản về chính trị học; kiến thức cơ bản liên quan đến quá trình phát triển của lịch sử tư tưởng chính trị phương Đông cổ đại và thời kỳ cận đại; các tư tưởng chính trị thời kỳ cổ đại,trung đại và cận đại trong tư tưởng chính trị phương Tây. Từ đó, người học người học hiểu và vận dụng được chủ nghĩa Mác-lê nin về quan hệ chính trị - kinh tế, quan hệ chính trị với kinh tế trong hiện thực lịch sử và áp dụng chính trị với kinh tế trong cộng cuộc đổi mới của nước Việt Nam hiện nay.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Học phần trang bị kiến thức một cách hệ thống và thực chất về chính trị, góp phần đào tạo một đội ngũ cán bộ có bản lĩnh chính trị, kiên định, vững vàng, có tri thức và kỹ năng về các môn khoa học Mác-Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xử lý đúng đắn các tình huống chính trị trong công tác của mình.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Biết vận dụng kiến thức đac học để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, xã hội theo đường lối, chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước ta.

**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành cho sinh viên ý thức tự nghiên cứu, học hỏi. Nâng cao nhận thức chính trị, giữ vững và kiên định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của đất nước.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO 1 | Hiểu được khái niệm ,đối tượng và nội dung nghiên cứu của chính trị học đồng thời nắm vững phương pháp nghiên cứu, đặc điểm,chức năng và nhiệm vụ của chính trị học Việt Nam. |
| CLO 2 | Vận dụng được kiến thức cơ bản liên quan đến quá trình phát triển của lịch sử tư tưởng chính trị phương Đông cổ đại và thời kỳ cận đại |
| CLO 3 | Hiểu rõ và xác định được các tư tưởng chính trị thời kỳ cổ đại,trung đại và cận đại trong tư tưởng chính trị phương Tây. |
| CLO 4 | Hiểu được quyền lực là gì và mở rộng thêm khái niệm quyền lực chính trị. |
| CLO 5 | Hiểu và vận dụng được chủ nghĩa Mác-lê nin về quan hệ chính trị - kinh tế, quan hệ chính trị với kinh tế trong hiện thực lịch sử và áp dụng chính trị với kinh tế trong cộng cuộc đổi mới của nước Việt Nam hiện nay. |
| CLO 6 | Có kỹ năng tìm, đọc, hiểu và vận dụng các nội dung về quan hệ chính trị - kinh tế, quan hệ chính trị với kinh tế trong hiện thực lịch sử và áp dụng chính trị với kinh tế trong cộng cuộc đổi mới của nước Việt Nam hiện nay. |
| CLO 7 | Có thái độ đúng đắn và nghiêm túc đối với các vấn đề nảy sinh trong đời sống liên quan đến chính trị học. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | I |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO2 |  | R |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  | M |  |
| CLO4 | R |  | R |  |  | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  | R |  |  |  |  |  | M |  | M |  |
| CLO7 |  |  |  |  | R | M |  |  |  | R |  |  |
| Tổng hợp học phần | R |  | R |  | M | M | R | I | R | M |  | R |

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ chương 1 đến chương 5  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  |  | Từ CLO1  đến CLO7 | Điểm danh, quan sát, theo dõi. |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 7: Chương 3. Lịch sử tư tưởng chính trị Phương Tây. Chương 4. Quyền lực chính trị | 50% |  | CLO 3  CLO 4 | - Bài kiểm tra viết (cá nhân)  - Bài tập |
| A2.2. Tuần 14: Chương 5. Chính trị với kinh tế. Chương 6 Văn hóa chính trị | 50% |  | CLO5 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Bao quát toàn bộ nội dung các chương |  |  | Từ CLO1  đến CLO7 | Viết hoặc vấn đáp |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **(3 tiết/b)** | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV | Tên bài  đánh giá  (ở cột 3 bảng 5.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu chính trị học  1.1 Khái niệm  1.2 Đối tượng và nội dung nghiên cứu của Chính trị học | 1LT | - Hiểu được khái niệm chính trị học và mốt số khái niệm liên quan  - Phân tích được đối tượng và nội dung nghiên cứu của Chính trị học | CLO1  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr2-3.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. | A.1.1 |
| 2 | 1.3 Phương pháp nghiên cứu của Chính trị học  1.4 Đặc điểm, chức năng và nhiệm vụ của Chính trị học Việt Nam | 2 LT- 1 BT | - Nắm được các phương pháp nghiên cứu của môn học.  - Nắm được đặc điểm, chức năng và nhiệm vụ của Chính trị học Việt Nam | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr3-4.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  Bài tập: Làm rõ chức năng và nhiệm vụ của Chính trị học Việt Nam |  |
| 3 | Chương 2. Lịch sử tư tưởng chính trị phương Đông  2.1 Lịch sử tư tưởng chính trị phương Đông cổ đại | 1LT- 2BT | - Nắm được nội dung Lịch sử tư tưởng chính trị phương Đông cổ đại (Trung Quốc)  - Nắm được quá trình phát triển của lịch sử tư tưởng chính trị phương Đông cổ đại và thời kỳ cận đại | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr5-6.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  Bài tập: Vận dụng học thuyết chính trị về Nhân-Lễ-Chính danh của Khổng Tử |  |
| 4 | 2.2 Thời kỳ cận đại | 2BT | - Vận dụng được quá trình phát triển của lịch sử tư tưởng chính trị phương Đông thời kỳ cận đại ( phong trào Duy Tân, tư tưởng chính trị của Tôn Trung Sơn | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr5-6.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  Bài tâp: Làm rõ tư tưởng chính trị của Tôn Trung Sơn |  |
| 5 | Chương 3. Lịch sử tư tưởng chính trị phương Tây  3.1 Tư tưởng chính trị thời kỳ cổ đại | 2 LT | - Nắm được tư tưởng chính trị thời kỳ cổ đại (Tư tưởng chính trị của Platon, Arixtot) | CLO 2  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr6-12.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 6 | 3.2 Tư tưởng chính trị thời Trung cổ | 1LT | - Hiểu được tư tưởng chính trị thời Trung cổ  - Nắm được những nội dung lý thuyết của Oguytxtanh, Tomat Dacanh.. | CLO 2  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr12-14.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 7 | 3.3 Tư tưởng chính trị thời cận đại | 2 LT- 1 BT | - Nắm được tư tưởng chính trị thời cận đại (tư tưởng chính trị của Locco, Mongtecxkio, Rutxo và Heghen | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr14-19.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi  Bài tập: Phân tích nội dung tư tưởng của Rutxo | A.2.1 |
| 8 | Chương 4. Quyền lực chính trị  4.1 Quyền lực | 2 LT- 1 BT | - Nắm được khái niệm quyền lực, phương thức và mục tiêu của quyền lực, cấu trúc của quyền lực | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr20.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi  Bài tập: Vận dụng cấu trúc quyền lực chính trị hiện nay ở Việt Nam |  |
| 9 | 4.2 .Quyền lực chính trị | 1LT | - Nắm được khái niệm quyền lực chính trị  - Nắm được những đặc trưng cơ bản của quyền lực chính trị  - Hiểu được đặc điểm hệ thống chính trị trong thời kỳ quá độ ở nước ta | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr22.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi |  |
| 10 | Chương 5. Chính trị với kinh tế  5.1 Chủ nghĩa Mác-Lênin về quan hệ chính trị - kinh tế | 2 LT- 1 BT | -Nắm được các khái niệm chính trị, kinh tế, mối quan hệ kinh tế và chính trị | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr24-24.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi  Bài tập: Làm rõ quan điểm của CNMLN về kinh tế và chính trị. |  |
| 11 | 5.2 Quan hệ kinh tế với chính trị trong hiện thực lịch sử | 2LT – 1 BT | - Nắm được kinh tế với chính trị trong CNTB  - Hiểu được chính trị với kinh tế trong CNXH hiện thực | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr25-28.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  Bài tập: Vận dụng về MQH giữa kinh tế với chính trị. |  |
| 12 | 5.3 Chính trị với kinh tế trong công cuộc đổi mới ở nước ta hiện nay | 1LT – 1 BT | - Nắm được quá trình đổi mới tư duy về quan hệ chính trị với kinh tế  - Nắm được sự đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước trong việc giải quyết quan hệ chính trị với kinh tế | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr29-33.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi  Bài tập: Làm rõ quá trình đổi mới tư duy về MQH kinh tế với chính trị |  |
| 13 | Chương 6 Văn hóa chính trị  6.1 Một số vấn đề cơ bản về văn hóa chính trị | 2 LT | - Hiểu được các khái niệm: văn hóa, văn hóa chính trị  - Nắm đươc cấu trúc của văn hóa chính trị  - Nắm được đặc điểm cơ bản của văn hóa chính trị | CLO4  CLO7  CLO5  CLO6 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr29-36.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi |  |
| 14 | 6.2 Văn hóa chính trị Việt Nam trong sự nghiệp đổi mới hiện nay | 1LT | - Nắm được sự hình thành văn hóa chính trị Việt Nam  - Nắm được thực trạng văn hóa chính trị Việt Nam hiện nay | CLO5  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr37-41.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi | A.2.2 |
| 15 | Tổng kết ôn tập | 1LT |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 |  |  |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  |  |  |  |  |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Trường Đại học Quảng Bình - Khoa Luật | 2021 | Giáo trình Chính trị học | Trường Đại học Quảng Bình |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Nguyễn Văn Long | 2012 | Giáo trình Chính trị học | Nxb. ĐHSP, Hà Nội |
| 3 | Nguyễn Đăng Dung | 2010 | Giáo trình Chính trị học | Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội |
| 4 | Nguyễn Đăng Dung  (chủ biên) | 2010 | Giáo trình Chính trị học | Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội |
| 5 | Nguyễn Văn Long  (chủ biên) | 2012 | Giáo trình Chính trị học | NXB Đại học sư phạm, Hà Nội; |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | A, C | Bảng, phấn, máy chiếu | 12 | Chương 1 đến chương 6 |

**9. Rubric đánh giá:**

**9.I. Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |

**9.2. Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẵn

*Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số:** 7140205 |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Giáo dục kĩ năng sống** | **1.2. Tên tiếng Anh:** *Education life skills* |
| **1.3. Mã học phần:** TMGDKN.100 | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết |
| - Bài tập: | 5 tiết |
| - Thực hành: | 10 tiết (10 x2 =20 tiết) |
| - Tự học: | **90** |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Lương Thị Lan Huệ |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà  ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt  ThS. Trần Hương Giang |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | **Không** |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần giới thiệu những vấn đề chung về kĩ năng sống; giáo dục kĩ năng sống và hệ thống các kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh THPT.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Sinh viên hiểu được các nội dung về kỹ năng sống, giáo dục kỹ năng sống; hiểu được tâm sinh lý lứa tuổi THPT và các nguyên tắc giáo dục kỹ năng sống cho học sinh và hệ thống các kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh THPT.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Biết vận dụng linh hoạt kiến thức đã học vào thực tiễn giảng dạy, công tác; có khả năng lồng ghép các nội dung kỹ năng sống qua bài dạy môn GDCD; biết hướng dẫn cho học sinh tự nghiên cứu và rèn luyện kỹ năng sống.

**2.2.3. Về thái độ**

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác giáo dục kỹ năng sống, bồi dưỡng niềm say mê nghề nghiệp, chức trách người giáo viên giảng dạy GDCD góp phần giúp học sinh hình thành, rèn luyễn kỹ năng sống.

Có ý thức học tập, nghiên cứu tài liệu, tham gia đầy đủ các buổi học, xây dựng bài.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Người học hiểu, trình bày được khái niệm kỹ năng sống và các khái niệm khác liên quan như giá trị sống, kỹ năng mềm, giáo dục kỹ năng sống. |
| CLO2 | Phân tích được vai trò của giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT; nội dung các kỹ năng sống cần giáo dục cho học sinh THPT. |
| CLO3 | Biết được các cách thức và phương pháp giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT |
| CLO4 | Có kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn dạy học ở địa phương. |
| CLO5 | Có kỹ năng thiết kế, tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống cho học sinh THPT. |
| CLO6 | Có thái độ, lối sống tích cực trong cuộc sống và học tập. |
| CLO7 | Nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, cư xử đúng mực trong các mối quan hệ. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | I |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  |  |  |  | A | A | A |  |  |  |
| CLO 4 |  | R |  |  |  |  | A | A | A |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  | A | A | A |  | M |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  | M |
| CL0 7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 3  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6;  CLO7 | Quan sát, theo dõi, điểm danh |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 35% | A2.1. Tuần 5  - Chương 1. Những vấn đề chung về giáo dục kĩ năng sống | 30% | X | CLO1; CLO2. | Viết, bài tập  Thực hành |
| A2.2. Tuần 10  Chương 2. Hệ thống các kĩ năng cần giáo dục cho học sinh | 30% | X | CLO3; CLO4; CLO5 |
| A2.3. Tuần 14  Chương 3. Phương pháp và hình thức giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT | 40% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6;  CLO7 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ (Thi kết thúc học phần) | 60% | - Chương 1. Những vấn đề chung về giáo dục kĩ năng sống  - Chương 2. Hệ thống các kĩ năng cần giáo dục cho học sinh  - Chương 3. Phương pháp và hình thức giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6;  CLO7 | Tự luận, vấn đáp |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

***Sinh viên phải tham dự > = 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được thi kết thúc HP.***

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/T)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Những vấn đề chung về giáo dục kĩ năng sống  1.1 Khái niệm  1.1.1 Kĩ năng sống  1.1.2 Giáo dục kĩ năng sống  1.2 Đặc điểm của công tác giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT  1.2.1 Đặc điểm phát triển tâm sinh lý của học sinh THPT | (02 LT  01BT) | **- Hiểu được** khái niệm kĩ năng sống, giáo dục kĩ năng sống  **- Phân tích được** đặc điểm tâm sinh lý học sinh THPT. | CLO1  CLO2,CL03 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  Hình thức: Lên lớp, trải nghiệm  Phương pháp: Thuyết trình nêu vấn đề, thảo luận, làm bài tập, tự học | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Bài tập:  Đặc điểm phát triển tâm sinh lý của học sinh THPT. |  |
| 2 | 2.2.2 Nguyên tắc công tác giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT  1.3 Vai trò, ý nghĩa của giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT | (02 LT  01BT) | **- Hiểu được** các nguyên tắc công tác giáo dục kĩ năng sống co học sinh THPT.  - **Phân tích được** vai trò, ý nghĩa của giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT. | CLO1; CLO2; CLO3 | Phương pháp nêu vấn đề; phương pháp thuyết trình; phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp hỏi đáp; phương pháp kể chuyện; phương pháp tình huống. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Bài tập:  Nêu vai trò, ý nghĩa của giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT. Cho ví dụ minh họa. |  |
| 3 | 1.4 Sự cần thiết và nhiệm vụ của công tác giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT  1.4.1 Sự cần thiết phải giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT  1.4.2 Nhiệm vụ của công tác giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT | (02 LT  01TH) | - **Hiểu được** sự cần thiết phải giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT.  **- Phân tích được** nhiệm vụ của công tác giáo dục kĩ năng sống cho học sinh.. | CLO1;  CLO2;  CLO3. | Phương pháp thuyết trình, phương pháp làm việc nhóm, phương pháp điển cứu, phương pháp hỏi đáp, đóng vai. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  Bài học phần sự cần thiết và nhiệm vụ của công tác giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Nghiên cứu trường hợp điển cứu |  |
| 4 | Chương 2. Hệ thống các kĩ năng sống cần giáo dục cho học sinh THPT  2.1 Kĩ năng tự nhận thức giá trị của bản thân  2.1.1 Khái niệm  2.1.2 Nội dung kĩ năng tự nhận thức giá trị bản thân  2.1.3 Một số hoạt động giúp học sinh hình thành, phát triển kĩ năng tự nhận thức giá trị bản thân  2.2 Kĩ năng giao tiếp  2.2.1 Khái niệm  2.2.2. Nội dung kĩ năng giao tiếp  2.2.3 Những yếu tố góp phần hình thành, phát triển kĩ năng giao tiếp | (02 LT  01BT) | - **Hiểu được** nội dung kĩ năng tự nhận thức giá trị của bản thân; kĩ năng giao tiếp.  **- Có kỹ năng** xử lý tình huống, kĩ năng tự nhận thức giá trị bản thân.  **- Áp dụng** được trong làm bài tập trải nghiệm. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Phương pháp thu thập thông tin; phương pháp hỏi đáp; phương pháp thuyết trình | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  Kĩ năng tự nhận thức giá trị bản thân, kĩ năng giao tiếp.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Tổ chức các trò chơi, hoạt động góp phần hình thành kĩ năng tự nhận thức bản thân, kĩ năng giao tiếp. |  |
| 5 | 2.2 Kĩ năng giao tiếp (Tiếp)  2.3 Kĩ năng đồng cảm  2.3.1 Khái niệm  2.3.2 Nội dung kĩ năng đồng cảm  2.3.3 Một số yếu tó góp phần hình thành, phát triển kĩ năng đồng cảm | (02 LT; 01 TH) | **- Hiểu, biết** cách thức giáo dục kĩ năng giao tiếp, kĩ năng đồng cảm cho học sinh.  **- Áp dụng được** trong hoạt động trải nghiệm.  **- Có kỹ năng** giao tiếp, kĩ năng đồng cảm. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Phương pháp thuyết trình nêu vấn đề, phương pháp trò chơi, phương pháp hỏi đáp | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  Kĩ năng giao tiếp, kĩ năng đồng cảm.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Tổ chức các trò chơi, hoạt động góp phần hình thành kĩ năng kĩ năng giao tiếp; kĩ năng đồng cảm | A2.1 |
| 6 | 2.4 Kĩ năng ra quyết định  2.4.1 Khái niệm  2.4.2 Nội dung kĩ năng ra quyết định  2.4.3 Một số yếu tó góp phần hình thành, phát triển kĩ năng ra quyết định  2.5 Kĩ năng ứng phó với stress  2.5.1 Khái niệm  2.5.2 Nội dung kĩ năng ứng phó với stress  2.5.3 Một số yếu tó góp phần hình thành, phát triển kĩ năng ứng phó với stress | (02 LT, 01 TH) | **- Trình bày, phân tích được** nội dung kĩ năng ra quyết định, kĩ năng ứng phó với stress.  **- Có kỹ năng** ra quyết định, kĩ năng ứng phó với stress.  **- Áp dụng được** trong thực tiễn cuộc sống. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Phương pháp thuyết trình, phương pháp trò chơi, phương pháp đóng vai, phương pháp hỏi đáp | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  Kĩ năng ra quyết định, kĩ năng ứng phó với stress.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Thực hành phương pháp thu thập thông tin để tìm hiẽu xem học sinh thường gặp các stress nào..  HS thảo luận tìm ra cách ứng phó với stress |  |
| 7 | 2.5 Kĩ năng ứng phó với stress (tiếp)  2.6 Kĩ năng hợp tác  2.6.1 Khái niệm  2.6.2 Nội dung kĩ năng hợp tác  2.6.3 Một số yếu tó góp phần hình thành, phát triển kĩ năng hợp tác | (02 LT, 01 BT) | **- Trình bày, phân tích được** nội dung kĩ năng ứng phó với stress, kĩ năng hợp tác.  **- Có kỹ năng** ra quyết định, kĩ năng hợp tác.  **- Áp dụng được** trong thực tiễn cuộc sống. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Phương pháp đàm thoại, phương pháp thuyết trình, phương pháp trò chơi, phương pháp đóng vai. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  Kĩ năng ra quyết định, kĩ năng hợp tác.  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Bài tập:  Xây dựng tình huống và đóng vai về kĩ năng hợp tác. Từ đó rút ra ý nghĩa phương pháp luận. |  |
| 8 | 2.7 Kĩ năng giải quyết xung đột  2.7.1 Khái niệm  2.7.2 Nội dung kĩ năng giải quyết xung đột  2.7.3 Một số yếu tó góp phần hình thành, phát triển kĩ năng giải quyết xung đột  2.8 Kĩ năng lãnh đạo  2.8.1 Khái niệm  2.8.2 Nội dung kĩ năng lãnh đạo  2.8.3 Một số yếu tó góp phần hình thành, phát triển kĩ năng lãnh đạo | (2 LT, 01TH) | **- Phân tích được** nội dung kĩ năng giải quyết xung đột, kĩ năng lãnh đạo.  **- Biết được** các yếu tố góp phần hình thành và phát triển kĩ năng giải quyết xung đột, kĩ năng lãnh đạo.  **- Có kỹ năng** giải quyết xung đột, kĩ năng lãnh đạo. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Phương pháp thuyết trình, hỏi đáp, phương pháp trò chơi, phương pháp đóng vai. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  Kĩ năng giải quyết xung đột, kĩ năng lãnh đạo.  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Thực hành kĩ năng lãnh đạo. (đóng vai làm nhóm trưởng chỉ đạo buổi họp lớp. |  |
| 9 | 2.9 Kĩ năng lựa chọn nghề nghiệp  2.9.1 Khái niệm  2.9.2 Nội dung kĩ năng lựa chọn nghề nghiệp  2.9.3 Một số yếu tó góp phần hình thành, phát triển kĩ năng lựa chọn nghề nghiệp | (2 LT, 01 TH) | **- Hiểu được** một số khái niệm liên quan đến hướng nghiệp.  **- Trình bày được** nội dung kĩ năng lựa chọn nghề nghiệp. **Nắm bắt được** thông tin nghề nghiệp, thị trường lao động hiện nay.  **- Áp dụng** được trong giải quyết tình huống liên quan đến lựa chọn nghề nghiệp cho bản thân. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Phương pháp thu thập thông tin, phương pháp thuyết trình, hỏi đáp, dự án. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Thu thập thông tin về thị trường lao động. Ý tưởng lựa chọn nghề nghiệp của bản thân. |  |
| 10 | 2.10 Kĩ năng làm việc nhóm  2.10.1 Khái niệm  2.10.2 Nội dung kĩ năng làm việc nhóm  2.10.3 Một số yếu tó góp phần hình thành, phát triển kĩ năng làm việc nhóm | (02 LT;  01BT) | **- Hiểu, biết** về kĩ năng làm việc nhóm.  **- Áp dụng** được trong học tập, cuộc sống.  - **Có kĩ năng** làm việc nhóm. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Phương pháp làm việc nhóm, phương pháp thuyết trình, hỏi đáp, phương pháp trò chơi, đóng vai. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Bài tập:  Thảo luận về thái độ làm việc nhóm trong học tập của học sinh. | A2.2 |
| 11 | Chương 3: Phương pháp và hình thức giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT  3.1 Một số trò chơi giáo dục kĩ năng sống  3.1.1 Bó đũa kì diệu  3.1.2 Tôi tin bạn  3.1.3 Lá bài định mệnh | (2 LT,  01 TH) | - **Ghi nhớ, hiểu được** nội dung các trò chơi góp phần giáo dục kĩ năng sống cho học sinh.  **- Áp dụng được** các trò chơi trong học tập.. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Phương pháp làm việc nhóm, phương pháp thuyết trình, hỏi đáp, phương pháp trò chơi, đóng vai. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Bài tập:  Thảo luận về thái độ làm việc nhóm trong học tập của học sinh. |  |
| 12 | 3.2 Một số phương pháp giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT  3.2.1 Phương pháp động não  3.2.2 Phương pháp thảo luận  3.2.3 Phương pháp đóng vai | (2 LT,  01 TH) | **- Hiểu được** nội dung các phương pháp giáo dục kĩ năng sống cho học sinh: động não, thảo luận, đóng vai..  **- Áp dụng được** các phương pháp giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trong môi trường thực tiễn. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Phương pháp động não, phương pháp thảo luận, phương pháp đóng vai | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Thực hành phương pháp thảo luận, đóng vai, động não trong giáo dục kĩ năng sống cho học sinh. |  |
| 13 | 3.2.4 Phương pháp nghiên cứu tình huống  3.2.5 Phương pháp trò chơi  3.2.6 Phương pháp dự án | (02 LT,  01 TH ) | **- Hiểu được** nội dung các phương pháp giáo dục kĩ năng sống cho học sinh: nghiên cứu tình huống, trò chơi, dự án.  **- Áp dụng được** các phương pháp giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trong môi trường thực tiễn. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Phương pháp động não, phương pháp trò chơi, phương pháp dự án. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Thực hành phương pháp nghiên cứu tình huống, trò chơi, dự án trong giáo dục kĩ năng sống cho học sinh. |  |
| 14 | 3.3 Các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT  3.3.1 Hoạt động câu lạc bộ  3.3.2 Tổ chức trò chơi  3.3.3 Tổ chức diễn đàn  3.3.4 Sân khấu tương tác  3.3.5 Tham quan, dã ngoại | (02 LT;  01TH) | **- Có kỹ năng** thiết kế tổ chức các hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho học sinh..  **- Áp dụng được** các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trong môi trường thực tiễn. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Phương pháp động não, thuyết trình, hỏi đáp, phương pháp trò chơi. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Thực hành tổ chức trò chơi, diễn đàn trong giáo dục kĩ năng sống cho học sinh. | A2.3 |
| 15 | 3.3.6 Hội thi  3.3.7 Tổ chức sự kiện  3.3.8 Tổ chức giao lưu  3.3.9 Hoạt động chiến dịch  3.3.10 Hoạt động nhân đạo | (02LT;  01TH) | **- Hiểu, biết** các hình thức tổ chức giáo dục kĩ năng sống cho học sinh.  **- Áp dụng được** các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục kĩ năng sống cho học sinh trong môi trường thực tiễn. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Phương pháp động não, thuyết trình, hỏi đáp, phương pháp đóng vai. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Thực hành tổ chức sự kiện, giao lưu trong giáo dục kĩ năng sống cho học sinh. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì | 90 phút | - Nhớ được các kiến thức cơ bản về kĩ năng sống, giáo dục kĩ năng sống.  - Trình bày, phân tích được hệ thống các kĩ năng sống cần giáo dục cho học sinh THPT.  - Biết được cách thức tổ chức, thực hiện giáo dục kĩ năng sống cho học sinh THPT.  - Thực hành tốt trong môi trường giả định. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Thi viết hoặc vấn đáp, thực hành | Thi theo lịch của nhà trường | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | | |
| 1 | Lương Thị Lan Huệ | 2021 | Bài giảng giáo dục kĩ năng sống, | Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình. |
| 2 | Nguyễn Thanh Bình | 2014 | Giáo trình giáo dục dục kỹ năng | NXB ĐHSP, Hà Nội |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | | |
| 1 | Nguyễn Công Khanh | 2016 | Phương pháp giáo dục giá trị sống, kĩ năng sống, | NXB ĐHSP, Hà Nội |
| 2 | Nguyễn Thị Oanh | 2008 | Giáo dục kĩ năng sống cho lứa tuổi vị thành niên | NXB Trẻ Hà Nội |
| 3 | Hà Nhật Thăng | 1997 | Tổ chức hoạt động giáo dục | NXB Giáo dục Hà Nội |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | **Giảng đường A, C** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Chương 1 – chương 3* |

**9. Holistic Rubric đánh giá làm việc nhóm qua bài tập lớn**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**-**

**9.2 Rubric 2: Tham gia thực hành (Practice Attendance)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Ý thức, thái độ | Không có ý thức thực hành hoặc thường xuyên vắng mặt | GV còn phải nhở trong thực hiện nhiệm vụ và không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng ít tương tác với GV, SV | Rất có ý thức thực hành và tương tác tốt với GV, SV | **30%** |
|
| Thực hiện nhiệm vụ được giao | Không hoàn thành (<30%) | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 30-50% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 51-70% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 71-90% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt >90% khối lượng công việc thực hành | **70%** |
|
|
|
|

**9.3 Rubric 3: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nọi dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | **50%** |

**9.4. Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

*Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*

**Trưởng khoa Trưởng bộ môn Người biên soạn**

GVC.T.S Nguyễn Văn Duy GVC.Th.s Lương Thị Lan Huệ GVC.Th.s Lương Thị Lan Huệ

|  |  |
| --- | --- |
| TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Lịch sử các học thuyết kinh tế** | **1.2. Tên tiếng Anh: History of economic theory** |
| **1.3. Mã học phần: MLHTKT.022** | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| -Lý thuyết | 30 |
| -Bài tập | 15 |
| - Tự học | 90 |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Phan Thị Thu Hà |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Thị Hương Liên  ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần hệ thống hóa nội dung lịch sử các học thuyết kinh tế, hiểu và vận dụng được kiến thức chủ yếu của môn học, đồng thời nắm đựơc các quan điểm cơ bản của các lý thuyết kinh tế. Người học được trang bị đầy đủ hệ thống kiến thức về Lịch sử các học thuyết kinh tế. Bao gồm lịch sử các học thuyết kinh tế từ thời cổ đại, trung cổ; Lịch sử kinh tế trọng thương, trọng nông, tư sản cổ điển và nhiều trường phái kinh tế hiện đại như Samuelson, Keynes…và lý thuyết kinh tế đối với các nước có nền kinh tế đang phát triển như Việt Nam.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

- Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử các học thuyết kinh tế, hiểu được các quan điểm cơ bản của các lý thuyết kinh tế. Sinh viên rút ra ý nghĩa phương pháp luận và tư duy kinh tế, vận dụng các quan điểm kinh tế của các trường phái kinh tế phù hợp với thực tiễn của đất nước.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Hình thành cho sinh viên kỹ năng vận dụng những kiến thức đã học để có sự so sánh giữa các trường phái kinh tế và vận dụng vào thực tiễn.

**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành cho sinh viên ý thức tìm tòi nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kỹ nằng. Nâng cao ý thức trách nhiệm đối với môn học, tạo sự hứng thú, say mê với môn học. Từ đó, rút ra ý nghĩa phương pháp luận và tư duy kinh tế, vận dụng các quan điểm kinh tế của các trường phái kinh tế phù hợp với thực tiễn của đất nước.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO 1 | Vận dụng được đối tượng nghiên cứu,phương pháp nghiên cứu cũng như chức năng lịch sử các học thuyết kinh tế. |
| CLO 2 | Phân tích được kiến thức cơ bản về các tư tưởng kinh tế thời cổ đại và trung cổ. |
| CLO 3 | Hiểu được sự phát sinh,phát triển và suy thoái của kinh tế chính trị học tư sản cổ điển từ giữa thế kỷ XV đến thế kỷ XIX,đặc biệt là các học thuyết kinh tế... |
| CLO 4 | Vận dụng được kinh tế chính trị học tiểu tư sản trong đó tiêu biểu là lý thuyết kinh tế của Sismondi và lý thuyết kinh tế của J.Proudhon. |
| CLO 5 | Hiểu được sự phát sinh và phát triển kinh tế chính trị học Mác – Lê Nin. Nắm được học thuyết kinh tế của trường phái tân cổ điển |
| CLO6 | Vận dụng được học thuyết kinh tế của trường phái Keynes. Nắm được học thuyêt kinh tế của trường phái chính hiện đại |
| CLO7 | Có kỹ năng tìm, đọc, hiểu về lịch sử các học thuyết kinh tế. Có kỹ năng tư duy logic và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời. |
| CLO 8 | Có ý thức tự chủ, chủ động trong học tập. Có thái độ tiếp thu và hiểu rõ các vấn đề liên quan đến môn học |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | I |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO2 |  | R |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  | M |  |
| CLO4 | R |  | R |  |  | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 | R |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |
| CLO7 | R |  |  | M |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO8 |  | R |  |  |  | M |  |  |  | M |  |  |
| Tổng hợp học phần | R |  | R |  | M | M | R | I | R | M |  | R |

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ chương 1 đến chương 9  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  |  | Từ CLO1  đến CLO7 | Điểm danh, quan sát, theo dõi. |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 5: Chương 1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế  Chương 2. Các tư tương kinh tế thời cổ đại và trung cổ  Chương 3. Sự phát sinh, phát triển và sự suy thoái của kinh tế chính học tư sản cổ điển từ giữa thế kỷ XV đến thế kỉ XIX | 30% |  | CLO 1  CLO 2 | Viết, bài tập nhóm |
| A2.2. Tuần 10: Chương 4. Kinh tế chính trị học tiểu tư sản  Chương 5. Học thuyết kinh tế chính trị Mác - Lênin  Chương 6. Học thuyết kinh tế của trường phái tân cổ điển | 30% |  | CLO 3  CLO 4 |
| A2.3. Tuần 14: Chương 7. Học thuyết kinh tế của trường phái Keynes  Chương 8. Học thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại  Chương 9. Một số lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế | 40% |  | CLO5 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Bao quát toàn bộ nội dung các chương |  |  | Từ CLO1  đến CLO12 | Viết hoặc vấn đáp |
|  |  |  |  |  |  |  |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **(3 tiết/b)** | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế  1.1 Đối tượng nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế  1.2 Phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế  1.3.Chức năng của lịch sử các học thuyết kinh tế | 2 LT- 1BT | - Hiểu được đối tượng và phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế  - Biết vận dụng các Phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử các học thuyết kinh tế  - Phân tích được các chức năng của lịch sử các học thuyết kinh tế | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr2-3.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  Bài tập: Phân tích các chức nắng của lịch sử các học thuyết kinh tế |  |
| 2 | Chương 2. Các tư tương kinh tế thời cổ đại và trung cổ  2.1 Hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm cơ bản  2.2. Tư tưởng kinh tế thời cổ đại | 2LT- 1BT | - Hiểu được hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm cơ bản của các các tư tương kinh tế thời cổ đại và trung cổ  - Vận dụng được tư tưởng kinh tế thời cổ đại | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr5-6.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  Bài tập: Phân tích tư tưởng kinh tế thời cổ đại |  |
| 3 | 2.3. Tư tưởng kinh tế thời trung cổ | 2LT- 1BT | - Phân tích được tư tưởng kinh tế thời trung cổ | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr5-8.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  Bài tập: Vận dụng TT kinh tế thời trung cổ. |  |
| 4 | Chương 3. Sự phát sinh, phát triển và sự suy thoái của kinh tế chính học tư sản cổ điển từ giữa thế kỷ XV đến thế kỉ XIX  3.1. Hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm cơ bản  3.2. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng thương | 2 LT- 1 BT | - Hiểu được hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm cơ bản của của kinh tế chính học tư sản cổ điển từ giữa thế kỷ XV đến thế kỉ XIX  - Vận dụng được các nội dung lý thuyết của của chủ nghĩa trọng thương | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr9-12.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi  Bài tập: làm rõ nội dung kinh tế của CNTT |  |
| 5 | 3.3. Học thuyết kinh tế của chủ nghĩa trọng nông  3.4. Học thuyết kinh tế tư sản cổ điển | 2 LT- 1 BT | - Phân tích được các nội dung lý thuyết của chủ nghĩa trọng nông  - Vận dụng các nội dung lý thuyết của kinh tế tư sản cổ điển |  | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr13-15.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi | A2.1 |
| 6 | 3.5. Học thuyết kinh tế hậu cổ điển | 2 LT- 2 BT | - Hiểu và vận dụng nội dung lý thuyết của kinh tế hậu cổ điển | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr13-15.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi  Bài tập: Làm rõ nội dung kinh tế hậu cổ điển |  |
| 7 | Chương 4. Kinh tế chính trị học tiểu tư sản  4.1. Hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm cơ bản  4.2. Lý thuyết kinh tế của Sismondi | 2LT | - Hiểu được hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm cơ bản của kinh tế chính trị tư sản cổ điển  - Vận dụng nội dung lý thuyết của Sismondi | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr16-20.  - Phần CB trên lớp: n |  |
| 8 | 4.3. Lý thuyết kinh tế của J. Proudhon | 2LT | - Làm rõ nội dung lý thuyết của J. Proudhon | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr21-25.  - Phần CB trên lớp: n |  |
| 9 | Chương 5. Học thuyết kinh tế chính trị Mác - Lênin  5.1. Hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm cơ bản  5.2. Quá trình xây dựng và phát triển kinh tế chính trị Mác – Lênin | 2 LT 2BT | - Phân tích được hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm cơ bản của học thuyết kinh tế chính trị Mác – Lênin  - Hiểu và vận dụng được  quá trình xây dựng và phát triển kinh tế chính trị Mác – Lênin | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr26-30.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi  Bài tập: Vận dụng được  quá trình xây dựng và phát triển kinh tế chính trị Mác – Lênin |  |
| 10 | 5.3. Những đóng góp của Mác và Ăngghen trong lịch sử các học thuyết kinh tế  5.4. V.I.Lênin phát triển kinh tế chính trị của Mác | 2LT – 1BT | - Phân tích được những đóng góp của Mác và Ăngghen trong lịch các học thuyết kinh tế  - Vận dụng được sự phát triển kinh tế chính trị Mác Lênin của Lênin | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr31-34.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  Bài tập: Làm rõ sự vận dụng của Leenin trong học thuyết kinh tế | A2.2 |
| 11 | Chương 6. Học thuyết kinh tế của trường phái tân cổ điển  6.1. Hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm cơ bản  6.2. Lý thuyết cơ bản của phái thành Viene (Áo) | 2LT | - Hiểu được hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm cơ bản của học thuyết kinh tế của trường phái tân cổ điển  - Vận dụng nội dung lý thuyết cơ bản của phái thành Viene (Áo) | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr35-38.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi |  |
| 12 | Chương 7. Học thuyết kinh tế của trường phái Keynes  7.1. Hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm cơ bản  7.2. Nội dung học thuyết kinh tế của Keynes | 2LT-2BT | - Nắm được hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm cơ bản của học thuyết kinh tế của trường phái Keynes  - Phân tích nội dung học thuyết kinh tế của Keynes | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr39-46.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi  Bìa tập: Phân tích nội dung lý thuyết của Keynes |  |
| 13 | 7.3. Đánh giá học thuyết kinh tế của Keynes | 2LT | -Đánh giá được học thuyết kinh tế của Keynes | CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr47-52.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi |  |
| 14 | Chương 8. Học thuyết kinh tế của trường phái chính hiện đại  8.1. Hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm cơ bản  8.2. Một số lý thuyết trong kinh tế học của trường phái chính hiện đại | 2LT-1BT | -Hiểu được hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm cơ bản  - Vận dụng một số lý thuyết trong kinh tế học của trường phái chính hiện đại | CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr53-58.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi | A2.3 |
| 15 | Chương 9. Một số lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế  9.1. Một số khái niệm  9.2. Các lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế đối với các nước đang phát | 2LT-2BT | -Hiểu được một số khái niệm về lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế  - Vận dụng lý thuyết tăng trưởng và phát triển kinh tế đối với các nước đang phát | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr59-65.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  Bài tập: Phân tích nội dung lý thuyết phát triển kinh tế của các nước đang phát triển. |  |
|  | Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  |  |  |  |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Phan Thị Thu Hà | 2021 | Lịch sử các học thuyết kinh tế | Trường Đại học Quảng Bình lưu hành nội bộ |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Đại học Đà Nẵng | 2006 | Lịch sử các học thuyết kinh tế | NXB Đà Nẵng. |
| 3 | Trường Đại học kinh tế Quốc dân | 2003 | Lịch sử các học thuyết kinh tế | NXB Thống Kê, Hà Nội. |
| 4 | Mai Ngọc Cường | 1991 | Lý thuyết hiện đại về kinh tế thị trường | Viện thông tin khoa học xã hội, Hà nội. |
| 5 | Chu Văn Cấp | 1997 | Lịch sử các học thuyết kinh tế | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | A | Bảng, phấn, máy chiếu | 12 | Chương 1 đến chương 5 |
| 2 | C | Bảng, phấn, máy chiếu | 12 | Chương 1 đến chương 5 |

**9. Rubric đánh giá**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |

**9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | **50%** |

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

*Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số:** 7140205 |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Thực tế chuyên môn Giáo dục chính trị** | **1.2. Tên tiếng Anh:** Reality of political education |
| **1.3. Mã học phần:** MLTTCM.121 | **1.4. Số tín chỉ: 01** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 2 tiết |
| - Thực hành: | 13 tiết (13 x2 =26 tiết) |
| - Tự học: | **90** |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Lương Thị Lan Huệ |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phan Thị Thu Hà  ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên  ThS. Nguyễn Thị Hương Liên |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | **Không** |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về tình hình kinh tế - xã hội địa phương, di tích lịch sử, làng nghề truyền thống. Qua đó giáo dục lòng yêu quê hương đất nước, lòng tự tôn dân tộc cũng như ý thức về nghĩa vụ công dân đối với quê hương, Tổ quốc.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Củng cố kiến thức phần đạo đức, phần pháp luật, phương pháp giảng dạy GDCD ở THPT.

Tạo điều kiện cho sinh viên được tham quan những di tích lịch sử giúp các em phát triển tình cảm, nhận thức và năng lực chuyên môn. Giáo dục lòng yêu quê hương đất nước, tính tự cường và tự hào dân tộc đồng thời rèn luyên kỹ năng vận dụng và xử lý những tình huống trong cuộc sống.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Biết vận dụng linh hoạt kiến thức đã học vào thực tiễn cuộc sống; Có kỹ năng thiết lập mối quan hệ tốt với các cơ sở đến tham quan, học tập thực tế; có kỷ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề.

**2.2.3. Về thái độ**

Nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động tham quan, học tập thực tế đối với việc nâng cao kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ; Sinh viên phải trật tự lắng nghe hướng dẫn viên du lịch ở các địa điểm được tham quan thuyết trình. Trong quá trình đi thực tế tuân thủ nghiêm túc sự chỉ đạo của trưởng đoàn. Phải giữ im lặng ở những nơi tôn nghiêm.

Có ý thức học tập, nghiên cứu tài liệu, tham gia đầy đủ đợt thực tế chuyên môn.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Người học hiểu được tầm quan trọng của hoạt động thực tế chuyên môn đối với việc nâng cao kiến thức và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. |
| CLO2 | Người học hiểu rõ về các địa điểm thực tế; trách nhiệm của sinh viên trong việc tuân thủ các quy định của đoàn, của cơ sở tham quan học tập thực tế. |
| CLO3 | Người học biết được cách thức viết báo cáo thu hoạch sau khi kết thúc đợt thực tế chuyên môn. |
| CLO4 | Có kĩ năng thu thập, xử lý thông tin trong quá trình tham quan thực tế. |
| CLO5 | Người học có kỹ năng thiết kế kế hoạch thực tế của bản thân và thiết lập mối quan hệ tốt đẹp với nhân viên ở cơ sở đến tham quan, học tập thực tế chuyên môn. |
| CLO6 | Người học có ý thức tập thể, tuân thủ tính kỷ luật. |
| CLO7 | Người học luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, cư xử đúng mực trong các mối quan hệ. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | I |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  |  |  |  | A | A | A |  |  |  |
| CLO 4 |  | R |  |  |  |  | A | A | A |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  | A | A | A |  | M |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  | M |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 40% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 3  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia chuyến đi thực tế.  + Có ý thức đoàn kết, tinh thần tập thể, tính kỉ luật.  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;  CLO5; CLO6; CLO7 | Quan sát, theo dõi, điểm danh |
| A2. Báo cáo thu hoạch (Thay thế thi kết thúc HP) | 60% | - Lý do, thời gian, địa điểm hoạt động thực tế chuyên môn.  - Nội dung thực tế chuyên môn  - Cảm nghĩ, vận dụng trong học tập, cuộc sống. |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;  CLO5; CLO6; CLO7 | Viết báo cáo |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

***Sinh viên phải tham dự > = 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được thi kết thúc HP.***

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/T)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| Tuần 1 | Nội dung 1: Giảng viên phổ biến kế hoạch thực tế chuyên môn  1.1 Giảng viên thông qua Kế hoạch thực tế chuyên môn  1.2 Giảng viên quán triệt các yêu cầu, nhiệm vụ cho từng sinh viên  1.3 Giảng viên và sinh viên thảo luận về chuyến thực tế chuyên môn.  Nội dung 2: - Thực tế chuyên môn  2.1 - Thực tế chuyên môn theo kế hoạch | (02 LT; 10 TH) | **- Hiểu biết** về văn hóa, kinh tế - xã hội ở cộng đồng nơi tham quan thực tế.  **- Có kĩ năng** thiết lập mối quan tốt đẹp.  **- Áp dụng được** lỹ thuyết vào thực tiễn công việc tại cơ sở tham quan thực tế. | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;  CLO5; CLO6; CLO7. | Hình thức: Lên lớp phổ biến kế hoạch thực hành; Sinh viên đi thực tế tại các cộng đồng trong tỉnh nơi đang triển khai các dự án phát triển cộng đồng.  Phương pháp quan sát; thu thập thông tin; điều tra thực tế. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Tìm hiểu trước địa điểm, nội dung công việc thực hành tại cơ sở.  - Lập Kế hoạch thực hành.  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Sinh viên có 02 tiết tập trung tại lớp để nghe giảng viên thông qua Kế hoạch, nội dung, yêu cầu đối với sinh viên trong quá trình thực hành tại cơ sở.  - Sinh viên chia nhóm về các cơ sở thực hành. | A2.1 |
| Tuần 2 | 2.2 Viết Báo cáo thu hoạch | (0LT; 08 TH) | **- Trình bày được** các nội dung công việc trong chuyến tham quan thực tế.  **- Phân tích được** mặt thuận lợi, khó khăn, mặt mạnh, mặt hạn chế của bản thân trong quá trình thực tế.  **- Trình bày được** lịch sử,ý nghĩa của các địa danh, cơ sở kinh tê – xã hội đã đến tham quan.  **- Nêu được** ý nghĩa của hoạt động thực tế.  **- Có kĩ năng** viết Báo cáo.  **- Có ý thức** cầu thi, trách nhiệm trong tham quan thực tế. | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;  CLO5; CLO6; CLO7. | Sinh viên ở nhà viết Báo cáo thu hoạch | Phần chuẩn bị của sinh viên:  - Thu thập thông tin về cơ sở, lịch trình, nội dung công việc...  - Viết Báo cáo thu hoạch theo các nội dung sau:  1. Lý do, thời gian, địa điểm thực tế chuyên môn.  2. Nội dung thực tế (nội dung công việc, khó khăn, thuận lợi, kết quả, lịch sử, ý nghĩa của các địa danh, cơ sở kih tế - xã hội đã đến tham quan.  3. Ý nghĩa, vận dụng vào học tập, cuộc sống. | A2.2 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | | |
| 1 | Lương Thị Lan Huệ | 2021 | Kế hoạch thực tế chuyên môn ngành GDCT | Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình. |
| 2 | Trần Quốc Thành | 2011 | Tâm lí học xã hội | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |
| 3 | Nguyễn Mạnh Quân | 2007 | Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty | NXB Kinh tế Quốc dân, Hà Nội. |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | | |
| 1 | Nguyễn Nghĩa Dân | 1998 | Đổi mới phương pháp dạy học môn Đạo đức và Giáo dục công dân | NXB Giáo dục Việt Nam. |
| 2 | Vương Tất Đạt | 1994 | Phương pháp giảng dạy Giáo dục công dân | NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. |
| 3 | Nguyễn Phú Trọng | 2002 | Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình đổi mới đất nước | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |
| 1 | **Giảng đường A, C** | Projector, máy tính cá nhân | 1 | Nội dung 1 |
| 2 | **Cơ sở thực tế** | Projector, máy tính cá nhân | 1 | Nội dung 2 |

**9. Holistic Rubric đánh giá**

**9.1. Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Tham gia thực hành (Practice Attendance)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Ý thức, thái độ | Không có ý thức thực hành hoặc thường xuyên vắng mặt | GV còn phải nhở trong thực hiện nhiệm vụ và không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng ít tương tác với GV, SV | Rất có ý thức thực hành và tương tác tốt với GV, SV | **30%** |
|
| Thực hiện nhiệm vụ được giao | Không hoàn thành (<30%) | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 30-50% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 51-70% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 71-90% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt >90% khối lượng công việc thực hành | **70%** |
|
|
|
|

**9.3 Rubric 3: Báo cáo (Written Report)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Nội dung báo cáo | Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không  phù hợp với yêu cầu. | Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể,  không đáp ứng yêu cầu. | Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp  lý | Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, tính toán chính xác. Kết quả tính toán và chọn chưa có giải thích  cụ thể, chưa thuyết phục. | Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể,  rõ ràng và thuyết phục. | **60%** |
| Trình bày báo cáo | Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không  phù hợp với yêu cầu. | Trình tự trình bày trong báo cáo không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu còn nhiều mâu thuẩn với nội dung. | Nội dung, trình tự trình bày báo cáo phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, kích thước, ghi chú chưa đầy đủ. | Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp.  Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế. | Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú  phù hợp. Thể hiện việc sử dụng thành thạo máy tính trong trình bày báo cáo. | **40%** |

*Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*

**Trưởng khoa Trưởng bộ môn Người biên soạn**

**GVC. T.S Nguyễn Văn Duy GVC.Th.s Lương Thị Lan Huệ GVC.Th.s Lương Thị Lan Huệ**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **3. Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Những vấn đề của thời đại ngày nay** | **1.2. Tên tiếng Anh:****The problems of modern times** |
| **1.3. Mã học phần: MLTDNN.107** | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 28 tiết |
| - Bài tập: | 17 tiết |
| - Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 90 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Lương Thị Lan Huệ  ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các vấn đề mà nhân loại đang cần phải quan tâm và cùng nhau giải quyết như bùng nổ dân số; bảo vệ môi trường; chống chiến tranh và bảo vệ hòa bình; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; phòng chống các đại dịch bệnh; giải quyết việc làm, chống thất nghiệp và đói nghèo; phòng chống tệ nạn xã hội. Đồng thời, môn học cung cấp cho người học mục tiêu, chương trình và phương hướng hành động chung của cộng đồng quốc tế trong quá trình giải quyết những vấn đề của thời đại cũng như những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước với những phương hướng và giải pháp thiết thực nhằm giải quyết những vấn đề trên ở nước ta hiện nay.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Hình thành cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các vấn đề mà nhân loại đang cần phải quan tâm và phải cùng nhau giải quyết.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Giúp người học hình thành những kĩ năng như phân tích các khái niệm, mối quan hệ và lôgic nội tại của nội dung trong từng bài học và cả môn học; khái quát được thực trạng, phân tích rõ những nguyên nhân và tác động của từng vấn đề có tính thời đại đối với sự tồn tại, phát triển của mỗi người và cả xã hội loài người; vận dụng được những kiến thức trong nội dung bài học vào hoạt động thực tiễn của gia đình, địa phương và đất nước.

**2.2.3. Về thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm**

- Thể hiện sự quan tâm, lo lắng, muốn vươn lên góp phần xứng đáng vào việc giải quyết những vấn đề của thời đại đang diễn ra trong gia đình, địa phương, đất nước và trên thế giới.

- Xác định đúng vai trò và trách nhiệm của công dân đối với các vấn đề của thời đại.

- Tích cực tham gia và tuyên truyền vận động người khác cùng tham gia vào các hoạt động chung của nhà trường, địa phương, đất nưốc vì sự tiến bộ của nhân loại.

- Tin tưởng và chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước để xây dựng thành công chế độ XHCN ở Việt Nam.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu về các vấn đề mà nhân loại đang cần phải quan tâm và cùng nhau giải quyết như bùng nổ dân số; bảo vệ môi trường; chống chiến tranh và bảo vệ hòa bình; bảo tồn và phát huy di sản văn hóa; phòng chống các đại dịch bệnh; giải quyết việc làm, chống thất nghiệp và đói nghèo; phòng chống tệ nạn xã hội. Đồng thời, hiểu được mục tiêu, chương trình và phương hướng hành động chung của cộng đồng quốc tế trong quá trình giải quyết những vấn đề của thời đại cũng như những chủ trương, chính sách lớn của Đảng và Nhà nước với những phương hướng và giải pháp thiết thực nhằm giải quyết những vấn đề trên ở nước ta hiện nay. |
| CLO2 | Phân tích, đánh giá được các vấn đề nóng hổi của thời đại. Đồng thời áp dụng kiến thức liên ngành, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để lí giải, đánh giá các hiện tượng thực tiễn phát sinh trong xã hội Việt Nam hiện nay. |
| CLO3 | Có kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.  Có kỹ năng thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập.  Có kỹ năng giao tiếp.  Có kỹ năng tổ chức các hoạt động nhóm.  Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này.  Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, thích nghi làm việc trong các môi trường khác nhau.  Có kỹ năng lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lí thông tin. |
| CLO4 | Có kỹ năng vận dụng kiến thức để nhận diện, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học.  Có kỹ năng tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. |
| CLO5 | Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học  Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.  Có ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương, tính tự giác. Nâng cao trách nhiệm của bản thân đối với những vấn đề của thời đại. |
| CLO6 | Quan tâm, lo lắng, muốn vươn lên góp phần xứng đáng vào việc giải quyết những vấn đề của thời đại đang diễn ra.  Có ý thức tham gia tuyên truyền tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội vì sự tiến bộ của nhân loại.  Có thái độ phê phán các hành vi gây ảnh hưởng đến sự phát triển chung của toàn xã hội. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| Tổng hợp học phần | R | R | R | M | M | M | M | R | R | M | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 8  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | Điểm danh  Quan sát, theo dõi |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 5:  Chương 2: Bảo vệ môi trường toàn cầu | 30% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | - Bài kiểm tra viết (cá nhân)  - Bài tập |
| A2.2. Tuần 10:  Chương 5: Nhân loại với việc phòng chống dịch bệnh | 30% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 |
| A2.3. Tuần 14:  Chương 7:Phòng chống tệ nạn xã hội | 60% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | - Bài kiểm tra cuối kỳ:  Chương 1: Bùng nổ dân số  Chương 2: Bảo vệ môi trường toàn cầu  Chương 3: Vấn đề chiến tranh và hòa bình  Chương 4: Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa  Chương 5: Nhân loại với việc phòng chống các dịch bệnh  Chương 6: Giải quyết việc làm, chống thất nghiệp và đói nghèo  Chương 7: Phòng chống tệ nạn xã hội |  |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | - Thi tự luận  - Thi vấn đáp |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/BT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Bùng nổ dân số  1.1. Khái niệm, nguyên nhân, đặc điểm và tác động của bùng nổ dân số đối với sự phát triển chung của nhân loại  1.2. Trách nhiệm của cộng đồng quốc tế trong việc giải quyết vấn đề bùng nổ dân số  1.3. Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và trách nhiệm của công dân trước vấn đề bùng nổ dân số | 3LT/0BT | 1.1. Hiểu được khái niệm BNDS. Phân tích được nguyên nhân, đặc điểm và tác động của BNDS đối với sự phát triển chung của nhân loại  1.2. Trình bày được phương hướng hoạt động và những hành động chung của quốc tế…  1.3. Phân tích được chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. | CLO1  CLO1  CLO1 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước Chương 1 (tài liệu [1], tr2-7). - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi |  |
| 2 | - Chương 1: (tiếp theo)  +Trách nhiệm của công dân trước vấn đề bùng nổ dân số  - BT: Cập nhật tình hình dân số và các giải pháp dân số trên thế giới và ở VN hiện nay. | 1LT/2BT | + Trình bày được trách nhiệm của CD trước vấn đề BNDS  - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước mục 1.3.2 chương 1,TL [1], tr7-8; CB sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, phản biện. |  |
| 3 | Chương 2. Bảo vệ môi trường toàn cầu  2.1. Ô nhiễm môi trường và những biểu hiện chủ yếu của ô nhiễm môi trường hiện nay  2.2. Cộng đồng quốc tế với nổ lực bảo vệ môi trường nhằm hướng tới sự phát triển bền vững  2.3. Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và trách nhiệm của công dân trước vấn đề môi trường | 3LT/0BT | 2.1. Hiểu đượckhái niệm ÔNMT, nhớ được những biểu hiện của yếu của ÔNMT.  2.2. Trình bày được phương hướng hành động và những hoạt động chung  2.3. Phân tích được chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và vấn đề môi trường. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr9-16.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện… |  |
| 4 | - Chương 2: Tiếp theo  + Trách nhiệm của công dân trước vấn đề môi trường.  - BT: | 1LT/2BT | + Vận dụng được trách nhiệm của CD trước vấn đề BVMT.  - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước mục 2.3.2 chương 2,TL [1], tr16, CB sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi, thuyết trình, phản biện… |  |
| 5 | - Chương 2: Tiếp theo  BT: Cập nhật tình hình môi trường và BVMT ở địa phương em.  - Chương 3. Vấn đề chiến tranh và hòa bình  3.1. Chiến tranh – nguồn gốc, bản chất và mối quan hệ với chính trị  3.2. Cộng đồng quốc tế với vấn đề chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình | 1BT/2LT | - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin.  3.1. Hiểu được k/n, nguồn gốc, bản chất của chiến tranh…  3.2. Phân tích được các xu thế chủ yếu về liên kết và tập hợp lực lượng trên thế giới ngày nay và trình bày những hoạt động chung | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  chuẩn bị bài tập, đọc trước chương 3, TL [1] tr17-19.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. | A2.1 |
| 6 | - Chương 3: Tiếp theo  3.3. Quan điểm của Đảng, trách nhiệm của công dân đối với vấn đề chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình  - BT: Cập nhật tình hình chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình trên thế giới hiện nay. | 2LT/1BT | 3.3. Trình bày đượcquan điểm của Đảng, vận dụng được trách nhiệm của CD đối với vấn đề chống chiến tranh, BVHB.  - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước mục 3.3. Chương 3,TL [1], tr19-21; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 7 | - Chương 3: (tiếp theo)  Bài tập:  **-** Chương 4. Bảo tồn và phát huy di sản văn hóa  4.1. Văn hóa và di sản văn hóa  4.1.1. Khái niệm  4.1.2. Phân loại di sản văn hóa  4.1.3. Ý nghĩa của di sản văn hóa đối với đời sống nhân loại  4.2. Những nỗ lực của cộng đồng quốc tế để bảo vệ các di sản văn hóa  4.2.1. Khái quát về hiện trạng di sản văn hóa thế giới  4.2.2. Các hoạt động bảo tồn và phát huy di sản văn hóa của cộng đồng quốc tế | 1BT/2LT | - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin.  4.1. Hiểu được khái niệm, phân loại, ý nghĩa của DSVH đối với đời sống nhân loại  4.2. Trình bày được khái quát về hiện trạng DSVHTG và các hoạt động bảo tồn và phát huy DSVH của cộng đồng quốc tế. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT; đọc trước chương 4 TL [1] tr22-25.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện; nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 8 | - Chương 4: Tiếp theo  4.3. Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và trách nhiệm của công dân đối với vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa  - BT: Cập nhật tình hình bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa ở địa phương em. | 2LT/1BT | 4.3. Phân tích được chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Vận dụng hiệu quả trách nhiệm của CD đối với vấn đề bảo tồn và phát huy các giá trị DSVH.  - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước mục 4.3. chương 4,TL [1], tr25-27; chuẩn bị sẵn bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 9 | - Chương 4: Tiếp theo  BT  - Chương 5: Nhân loại với việc phòng chống dịch bệnh  5.1. Các đại dịch lớn trong lịch sử và hậu quả của nó đối với con người  5.1.1. Bệnh đậu mùa  5.1.2. Bệnh dịch tả  5.1.3. Bệnh dịch hạch  5.1.4. Các bệnh nhiễm khuẩn đường hô hấp  5.1.5. Đại dịch HIV/AIDS | 1BT/2LT | - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin.  5.1. Trình bày, phân tích được tình hình, nguyên nhân, hậu quả của các đại dịch lớn trong lịch sử | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: CB sẵn BT; đọc trước Chương 5,TL [1], tr28-32.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 10 | - Chương 5: tiếp theo  5.2. Cộng đồng quốc tế với việc phòng chống, đẩy lùi và ngăn chặn các dịch bệnh hiểm nghèo  5.3. Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và trách nhiệm của công dân đối với việc phòng chống các dịch bệnh  - BT: Cập nhật tình hình dịch bệnh hiện nay trên thế giới và liên thệ trách nhiệm bản thân. | 2LT/1BT | 5.2. Trình bày được vai trò của Tổ chức Y tế thế giới và những hoạt động của cộng đồng quốc tế...  5.3. Phân tích được chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Vận dụng hiệu quả trách nhiệm của CD...  - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc tiếp trước chương 5,TL [1], tr32-38; chuẩn bị sẵn bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. | A2.2 |
| 11 | - Chương 5: Tiếp theo  BT  - Chương 6: Giải quyết việc làm, chống thất nghiệp và đói nghèo  6.1. Thất nghiệp  6.1.1. Khái niệm  6.1.2. Nguyên nhân và hậu quả | 2BT/1LT | - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin.  6.1. Hiểu được và phân tích được khái niệm, nguyên nhân và hậu quả của thất nghiệp. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: CB sẵn BT;  Đọc trước chương 6,TL [1], tr39.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 12 | - Chương 6: Tiếp theo  6.2. Đói nghèo  6.2.1. Khái niệm  6.2.2. Tiêu chí đánh giá và chuẩn đói nghèo  6.3. Cộng đồng quốc tế với việc giải quyết vấn đề việc làm, chống thất nghiệp và đói nghèo  6.4. Chủ trương của Đảng, Nhà nước và trách nhiệm của công dân đối với vấn đề lao động, việc làm, chống thất nghiệp và xóa đói, giảm nghèo | 3LT/0BT | 6.2. Hiểu được và phân tích được khái niệm, tiêu chí đánh giá và chuẩn đói nghèo  6.3. Trình bày được các hoạt động chung của cộng đồng quốc tế với việc giải quyết vấn đề VL, chống TN và ĐN | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc tiếp trước Chương 6,TL [1], tr39-46.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 13 | - Chương 6: Tiếp theo  BT  - Chương 7:Phòng chống tệ nạn xã hội  7.1. Tệ nạn xã hội, bản chất, đặc điểm và những tác động của nó đối với sự phát triển kinh tế, xã hội và văn hóa nhân loại  7.1.1. Khái niệm  7.1.2. Bản chất và đặc điểm  7.1.3. Tác động của một số tệ nạn xã hội điển hình trên thế giới hiện nay | 2BT/1LT | - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin.  7.1. Hiểu được khái niệm TNXH. Phân tích được bản chất, đặc điểm và tác động của một số TNXH điển hình trên thế giới hiện nay | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: CB sẵn BT;  Đọc trước Chương 7,TL [1], tr47-50.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 14 | - Chương 7: Tiếp theo  7.2. Cộng đồng quốc tế với việc phòng chống tệ nạn xã hội  7.2.1. Những biểu hiện và nguyên nhân gia tăng tệ nạn xã hội trên thế giới ngày nay  7.2.2. Một số giải pháp cơ bản nhằm ngăn chặn sự gia tăng các tệ nạn xã hội quốc tế  7.2.3. Những hoạt động chung của cộng đồng quốc tế trong việc ngăn chặn sự gia tăng tệ nạn xã hội  7.3. Chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước và trách nhiệm của công dân trong việc đấu tranh, phòng ngừa tệ nạn xã hội. | 3LT/0BT | 7.2. Phân tích được những biểu hiện và nguyên nhân gia tăng TNXH trên TG ngày nay. Trình bày được một số giải pháp cơ bản và những hoạt động chung của cộng đồng quốc tế trong việc ngăn chặn sự gia tăng TNXH.  7.3. Trình bày được chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước. Vận dụng hiệu quả trách nhiệm của công dân trong việc đấu tranh, phòng ngừa tệ nạn xã hội. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc tiếp trước chương 7,TL [1], tr50-55.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; | A2.3 |
| 15 | - Chương 7: (tiếp theo)  Bài tập: Trách nhiệm của SV trong phòng chống các tệ nạn xã hội? | 3BT/0LT | - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin**.** | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị sẵn bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  |  |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Như Nguyệt | 2021 | Tập bài giảng Những vấn đề của thời đại ngày nay | Lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Quảng Bình |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Vũ Hồng Tiến – Nguyễn Duy Nhiên | 2005 | Những vấn đề của thời đại | NXB ĐHSP, Hà Nội |
| 3 | Đỗ Minh Hợp – Nguyễn Kim Lai | 2005 | Những vấn đề toàn cầu trong thời đại ngày nay | NXB Giáo dục, Hà Nội. |
| 4 | Tôn Nữ Thị Ninh | 1999 | Các vấn đề toàn cầu. Các tổ chức quốc tế và Việt Nam | NXB Trẻ |
| 5 | David C. Korten | 1996 | Bước vào thế kỷ XXI. Hành động tự nguyện và Chương trình nghị sự toàn cầu | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội |
| 6 |  |  | Các luật liên quan như Luật Bảo vệ Môi trường (1997), Luật Di sản văn hóa (2003),... |  |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường A hoặc  Giảng đường C | Máy tính, projector | 1 | Chương 1 đến chương 7 |

**9. Rubric đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** | | | **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** | | | | Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 8% | Đi học >=85% | **60%** | | | Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quanđến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |   **9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** | | **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** | | Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng côn việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng côg việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90%khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gan quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy  định. | **20%** | | | | | | Trình bày bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tươngđối tốt | Rất tốt | **30%** | | Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa  hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Nội dung đúng, rõràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý,  đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính  toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |   **9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn  *Quảng Bình, ngày tháng năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa**  **TS. Nguyễn Văn Duy** | **Trưởng bộ môn**  **ThS. Lương Thị Lan Huệ** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số:** 7140205 |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **1. Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp** | **1.2. Tên tiếng Anh:** |
| **1.3. Mã học phần: ML.NCKH.002** | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết |
| - Bài tập: | 05 tiết |
| - Thực hành: | 10 tiết (10 x2 =20 tiết) |
| - Tự học: | **90** |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Lương Thị Lan Huệ |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phan Thị Thu Hà  ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt  ThS. Trần Hương Giang |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | **Không** |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức, kĩ năng về phương pháp nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Sinh viên hiểu biết được các bước tiến hành nghiên cứu khoa học, các phương pháp nghiên cứu khoa học cũng như biết được cách viết một đề tài nghiên cứu khoa học (Luận văn), bài báo khoa học, có kiến thức về sở hữu trí tuệ và khởi nghiệp.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Sinh viên có kĩ năng nghiên cứu khoa học như kĩ năng thu thập, xử lý thông tin, kĩ năng viết báo cáo khoa học. Có kỹ năng bảo vệ quyền tác giả, kỹ năng khởi nghiệp.

**2.2.3. Về thái độ**

Sinh viên có ý thức, khởi nghiệp. Có phẩm chất trung thực, khách quan trong quá trình học tập, thực hành.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Sinh viên hiểu biết về nghiên cứu khoa học, sở hữu trí tuệ, khởi nghiệp như các phương pháp nghiên cứu khoa học, cách thức tiến hành nghiên cứu khoa học; quyền tác giả và quyền liên quan, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, nhu cầu thị trường. |
| CLO2 | Biết được cách viết 1 đề tài khoa học, bài báo khoa học, cách thức trình bày báo cáo khoa học; quyền sở hữu trí tuệ và ý tưởng kinh doanh |
| CLO3 | Có kỹ năng nghiên cứu khoa học như kỹ năng lựa chọn tên đề tài, lựa chọn phương pháp nghiên cứu, kỹ năng lập đề cương và viết đề tài khoa học; kỹ nằn bảo vệ quyền sỡ trí tuệ, kỹ năng khởi nghiệp sáng tạo. |
| CLO4 | Có kỹ năng thu thập, xử lý thông tin, kỹ năng quan sát, kỹ năng trình bày văn bản, kỹ năng giải quyết vấn đề trong nghiên cứu khoa học |
| CLO5 | Có năng lực tự chủ, năng động, sáng tạo trong nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp. |
| CLO6 | Có niềm đam mê nghiên cứu khoa học, khởi nghiệp, có phẩm chất trung thức, khách quan trong học tập, thực hành Có ý thức, tác phong đạo đức nhà giáo, có phẩm chất trung thực, khách quan khi thực hành xây dựng chương trình môn học. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | I |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  |  |  |  | A | A | A |  |  |  |
| CLO 4 |  | R |  |  |  |  | A | A | A |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  | A | A | A |  | M |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 4  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  |  | Từ CLO1  đến CLO6 | Quan sát, theo dõi, điểm danh |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 35% | A2.1. Tuần 5  - Chương 1. Khoa học và nghiên cứu khoa học | 30% |  | CLO1; CLO2 | Viết, bài tập  Thực hành |
| A2.2. Tuần 10  Chương 2. Cách thức viết đề tài khoa học | 30% |  | CLO3;  CLO4; CLO5 |
| A2.3. Tuần 14  Chương 3. Khởi nghiệp và tinh thần khởi nghiệp  Chương 4. Pháp luật về sở hữu trí tuệ | 40% |  | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ (Thi kết thúc học phần) | 60% | - Chương 1. Khoa học và nghiên cứu khoa học  - Chương 2. Cách thức viết đề tài khoa học  - Chương 3. Khởi nghiệp và tinh thần khởi nghiệp  - Chương 4: Pháp luật về sở hữu trí tuệ |  |  | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6 | Tự luận, vấn đáp, viết bài tập lớn thay thi. |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

***Sinh viên phải tham dự > = 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được thi kết thúc HP.***

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/T)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Khoa học và nghiên cứu khoa học  1.1. Khái niệm, mục tiêu và mục đích của nghiên cứu khoa học  1.1.1. Khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học  1.1.2. Mục tiêu của nghiên cứu khoa học  1.1.3. Mục đích của nghiên cứu khoa học | (02 LT  01BT) | - **Ghi nhớ, hiểu được** khái niệm khoa học, nghiên cứu khoa học. - **Phân tích** được mục tiêu, mục đích của nghiên cứu khoa học | CLO1  CLO2,CL03 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  Hình thức: Lên lớp, trải nghiệm  Phương pháp: Thuyết trình nêu vấn đề, thảo luận, hỏi đáp, tự học nghiên cứu tài liệu | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Bài tập:  - Phân tích mục tiêu của nghiên cứu khoa học.  - Sinh viên nêu mục tiêu nghiên cứu của một đề tài cụ thể. |  |
| 2 | 1.2. Chức năng và đặc trưng của nghiên cứu khoa học  1.2.1. Chức năng của nghiên cứu khoa học  1.2.2. Đặc trưng của nghiên cứu khoa học | (02 LT  01BT) | **- Hiểu được** chức năng, đặc trưng của nghiên cứu khoa học;  - **Có thái độ tích cực** nghiên cứu, tôn trọng sản phẩm, thành quả nghiên cứu khoa học. | CLO1; CLO2 | Phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp hỏi đáp, nêu vấn đề,; thảo luận nhóm. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Tìm hiểu chức năng của nghiên cứu khoa học.  - Nghiên cứu bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Bài tập:  - Nêu đặc trưng của nghiên cứu khoa học |  |
| 3 | 1.3. Phân loại khoa học và các phương pháp nghiên cứu khoa học  1.3.1. Phân loại khoa học  1.3.2. Các phương pháp nghiên cứu khoa học | (02 LT  01TH) | - **Ghi nhớ, hiểu được** một số cách phân loại nghiên cứu khoa học.  **- Có kỹ năng** nghiên cứu khoa học.  **- Áp dụng** được trong làm bài tập nghiên cứu khoa học. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4 | Phương pháp thảo luận, phương pháp thuyết trình; phương pháp hỏi đáp; phương pháp tiếp sức; phương pháp sơ đồ mạng nhện. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Nghiên cứu trước nội dung bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  \*Thực hành:  - Chia nhóm tìm hiểu các phương pháp NCKH. |  |
| 4 | Chương 2. Cách thức viết đề tài khoa học  2.1. Đề tài khoa học  2.1.1 Khái niệm đề tài khoa học  2.1.2 Một số loại đề tài khoa học  2.1.3 Chọn đề tài khoa học | (02 LT  01BT) | - **Ghi nhớ, hiểu được** khái niệm đề tài khoa học.  **- Có kỹ năng** chọn đề tài nghiên cứu khoa học.  **- Áp dụng** được trong làm bài tập nghiên cứu khoa học. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4 | Phương pháp thảo luận, phương pháp thuyết trình; phương pháp hỏi đáp; phương pháp tiếp sức; phương pháp sơ đồ tư duy | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Nghiên cứu trước nội dung bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  \*Bài tập:  - Chọn tên đề tài khoa học |  |
| 5 | 2.2. Tình tự nghiên cứu một đề tài khoa học  2.2.1. Lựa chọn đề tài  2.2.2. Xây dựng đề cương và kế hoạch nghiên cứu | (02 LT; 01 TH) | **- Hiểu, biết** cách thức lựa chọn đề tài nghiên cứu khoa học phù hợp năng lực nghiên cứu của mình.  **- Có kỹ năng** xây dựng đề cương NCKH.  - **Áp dụng** được trong NCKH. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | Phương pháp sơ đồ;  Phương pháp thảo luận cặp đôi; phương pháp phá băng; phương pháp trò chơi. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Nghiên cứu trước nội dung bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Thực hành:  Xây dựng một đề cương NCKH. | A2.1 |
| 6 | 2.2.3. Viết đề tài và trình bày báo cáo tổng kết nghiên cứu khoa học | (02 LT, 01 TH) | **- Hiểu biết** cách viết một đề tài khoa học.  **- Có kỹ năng** viết đề tài và trình bày báo cáo khoa học. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | Phương pháp nghiên cứu tài liệu, thuyết trình, hỏi đáp. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Xây dựng đề cương đề tài.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Thực hành viết một đề tài khoa học (mục 1 Lý do chọn đề tài; phương pháp nghiên cứu) |  |
| 7 | 2.2.3. Viết đề tài và trình bày báo cáo tổng kết nghiên cứu khoa học (tiếp) | (02 LT, 01 BT) | **- Có kỹ năng** viết đề tài và trình bày báo cáo khoa học. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | Phương pháp thẩo luận nhóm, phương pháp thuyết trình, phương pháp hỏi đáp. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Chuẩn bị trước nội dung thuyết trình báo cáo khoa học  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Bài tập:  Trình bày báo cáo khoa học. |  |
| 8 | 2.2.4. Sinh viên thực hành nghiên cứu khoa học | (2 LT, 01TH) | **- Biết** lựa chọn đề tài khoa học.  **- Có kỹ năng** viết đề tài khoa học và báo cáo sản phẩm NCKH. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | Phương pháp điều tra thực tế, phương pháp quan sát, phương pháp so sánh, phân tích, tổng hợp, phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình | Phần chuẩn bị ở nhà:  Sinh viên tự lựa chọn đề tài, lập đề cương và viết 1 bài báo khoa học  Phần chuẩn bị trên lớp:  Hoàn thiện một bài báo khoa học. |  |
| 9 | Chương 3: Pháp luật về sở hữu trí tuệ  3.1. Pháp luật về sở hữu trí tuệ  3.1.1 Khái quát về sở hữu trí tuệ  3.2.1 Khái quát về pháp luật sở hữu trí tuệ | (2 LT, 01 TH) | **- Hiểu được** một số khái niệm trí tuệ, sở hữu trí tuệ, pháp luật về sở hữu trí tuệ.  **- Trình bày được** nội dung về sở hữu trí tuệ, pháp luật về sở hữu trí tuệ.  **- Áp dụng** được trong giải quyết tình huống liên quan đến pháp luật sở hữu trí tuệ. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  Phương pháp kể chuyện, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Nghiên cứu trước nội dung pháp luật về sở hữu trí tuệ.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Thực hành giải quyết tình huống liên quan đến pháp luật về sở hữu trí tuệ. |  |
| 10 | 3.2. Quyền tác giả và quyền liên quan  3.2.1 Quyền tác giả  3.2.2 Quyền liên quan đến quyền tác giả  3.3. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ  3.3.1 Khái niệm bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ | (02 LT;  01BT) | **- Hiểu, biết** về quyền tác giả và quyền liên quan; hiểu biết về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.  **- Áp dụng** được trong giải quyết tình huống minh họa về quyền tác giả, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  Hình thức: Lên lớp, trải nghiệm  Phương pháp tình huống, thuyết trình nêu vấn đề, thảo luận, phương pháp sắm vai, phương pháp hỏi đáp. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Nghiên cứu trước nội dung quyền tác giả, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Bài tập:  Nêu một số ví dụ về quyền tác giả, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.  . | A2.2 |
| 11 | 3.3.2 Các phương thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ  3.3.3 Các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo luật định | (2 LT,  01 TH) | - **Ghi nhớ, hiểu được** các phương thức bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.  **- Trình bày được** các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ theo luật định. | CLO1;  CLO2 | Phương pháp thuyết trình, phương pháp hỏi đáp, phương pháp đóng vai | Phần chuẩn bị ở nhà:  Nghiên cứu trước nội dung bài học.  Xây dựng tình huống về bảo vệ quyền sở hữu trí trí tuệ  Phần chuẩn bị trên lớp:  Thực hành các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (xây dựng tình huống. |  |
| 12 | Chương 4. Khởi nghiệp và tinh thần khởi nghiệp  4.1. Khái niệm về khởi nghiệp và tinh thần khởi nghiệp  4.1.1 Khái niệm khởi nghiệp  4.1.2 Tinh thần kinh doanh  4.1.3. Các hình thức khởi nghiệp  4.2. Ý tưởng khởi nghiệp  4.2.1. Các phương pháp tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp | (2 LT,  01 TH) | **- Hiểu được** khái niệm khởi nghiệp và tinh thần khởi nghiệp .  **- Nêu được** các hình thức khởi nghiệp.  **- Áp dụng được** trong việc nêu ý tưởng khởi nghiệp. | CL01 ;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp: Thuyết trình nêu vấn đề, phương pháp nghiên cứu lý thuyết, phương pháp kể chuyện, phương pháp điều tra. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Nghiên cứu trước nội dung khởi nghiệp và tinh thần khởi nghiệp .  Phần chuẩn bị trên lớp:  Sinh viên đưa ra các ý tưởng khởi nghiệp. |  |
| 13 | 4.2.2. Từ ý tưởng đến cơ hội kinh doanh  4.2.3. Tìm cộng sự  4.2.4. Tìm nguồn tài chính  4.2.3. Thăm dò thị trường | (02 LT,  01 TH ) | **- Phân tích được** các yếu tố của khởi nghiệp như tìm cộng sự, tì nguồn tài chính, nhu cầu thị trường..  **- Áp dụng** được vào việc lập kế hoạch kinh doanh khởi nghiệp. | CL01 ;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp: Thuyết trình nêu vấn đề, \phương pháp điều tra thực tế, phương pháp làm việc nhóm. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Nghiên cứu trước nội dung bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Sinh viên điều tra nhu cầu thi trường về các nội dung khởi nghiệp. |  |
| 14 | 4.3. Phương án khởi nghiệp  4.3.1. Kế hoạch khởi nghiệp  4.3.2. Phân tích kết quả nghiên cứu thị trường | (02 LT;  01TH) | **- Có kỹ năng** thiết kế kế hoạch khởi nghiệp..  **- Phân tích được** kết quả nghiên cứu thị trường và vạch ra chiế lược khởi nghiệp. | CL01 ;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp thuyết trình, trò chơi, hỏi đáp, nêu vấn đề. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Xây dựng kế hoạch khởi nghiệp.  Chuẩn bị nội dung thuyết  trình.  Phần chuẩn bị ở lớp:  Báo cáo kết quả nghiên cứu thi trường. | A2.3 |
| 15 | 4.3.2. Phân tích kết quả nghiên cứu thị trường (tiếp)  4.3.3. Phân tích nguồn lực  4.3.4. Kế hoạch vận hành | (02LT;  01TH) | **- Phân tích được** các nguồn lực tài chính, con người, cơ sở vật chất...  **-Trình bày** kế hoạch vận hành kế hoạch khởi nghiệp. | CL01 ;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp trực quan, phương pháp thuyết trình; hỏi đáp, phương pháp dự án | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung bài học phần nguồn lực, kế hoạch vận hành.  Phần chuẩn bị ở lớp:  Trình bày kế hoạch thực hiện hiện ý tưởng khởi nghiệp. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  | - Ghi nhớ được các khái niệm liên quan đến đến nghiên cứu khoa học, sở hữu trí tuệ, khởi nghiệp.  - Phân tích được nội dung cơ bản về quy trình viết một đề tài khoa học, một bài báo khoa học; Phân tích được các nội dung cơ bản về sở hữu trí tuệ, khởi nghiệp.  - Vận dụng vào việc lựa chọn tên đề tài, viết đề tài và trin hf bày báo cáo khoa học; vạch ra ý tưởng khởi nghiệp, xây dựng và thực thi kế hoạch khởi nghiệp. | CL01;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Viết hoặc làm bài tập lớn thay thi, vấn đáp | Nội dung thi bao trùm các chương đã học. | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | | |
| 1 | Lương Thị Lan Huệ | 2021 | Nghiên cứu khoa học và khởi nghiệp | Giáo trình lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình |
| 2 | Kỳ Sơn | 2002 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội |
| 3 | Phạm Viết Vượng | 1998 | Phương pháp nghiên cứu khoa học | NXB Giáo dục Việt Nam |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | | |
| 1 | Cao Vũ Đàm | 2001 | Phương pháp luận nghiên cứu khoa học | NXB Trẻ Thành phố Hồ Chí Minh. |
| 2 | Trần Văn Hiếu | 2016 | Phương pháp nghiên cứu khoa học của sinh viên | NXB Trường Đại học Cần Thơ. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | **Giảng đường A, C** | Projector, máy tính cá nhân | 1 | Chương 1- chương 4 |

**9. Holistic Rubric đánh giá**

**9.1. Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Tham gia thực hành (Practice Attendance)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Ý thức, thái độ | Không có ý thức thực hành hoặc thường xuyên vắng mặt | GV còn phải nhở trong thực hiện nhiệm vụ và không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng ít tương tác với GV, SV | Rất có ý thức thực hành và tương tác tốt với GV, SV | **30%** |
|
| Thực hiện nhiệm vụ được giao | Không hoàn thành (<30%) | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 30-50% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 51-70% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 71-90% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt >90% khối lượng công việc thực hành | **70%** |
|
|
|
|

**9.3 Rubric 3: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

**9.4. Đánh giá kiểm tra viết, vấn đpas, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

*Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*

**Trưởng khoa Trưởng bộ môn Người biên soạn**

**T.S Nguyễn Văn Duy Th.s Lương Thị Lan Huệ Th.s Lương Thị Lan Huệ**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số:** 7140205 |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Đạo đức và giáo dục đạo đức** | **1.2. Tên tiếng Anh: Ethical and moral education** |
| **1.3. Mã học phần:** MLGDĐ.113 | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 14 tiết |
| - Bài tập: | 16 tiết |
| - Thực hành: |  |
| - Tự học: | 60 |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà  ThS. Phan Thị Thu Hà |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần trang bị cho sinh viên chuyên ngành GDCT những kiến thức chuyên sâu về đạo đức và phương pháp giáo dục đạo đức cho các em học sinh phổ thông sau này.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất của Đạo đức học, có hiểu biết về giá trị đạo đức, mục tiêu giáo dục đạo đức và phương pháp tổ chức giáo dục đạo đức ở trường THPT.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Môn học hướng vào việc hình thành cho sinh viên các kỹ năng:Kỹ năng nhận thức và giải quyết các vấn đề thực tiễn chính trị xã hội; Kỹ năng lập luận, diễn thuyết; Kỹ năng phân tích các vấn đề đạo đức; Kỹ năng nghiên cứu khoa học, kỹ năng tìm kiếm và lựa chọn kiến thức để áp dụng vào lĩnh vực nghiên cứu; Kỹ năng vận dụng các phương pháp và hình thức giáo dục đạo đức cho học sinh sau này.

**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành cho sinh viên ý thức sống theo chuẩn mực đạo đức. Bồi đắp tình yêu đối với đạo đức và trách nhiệm, nhiệt huyết của sinh viên trong việc giáo dục và tự giáo dục đạo đức trong cuộc sống hàng ngày để trở thành người thầy giáo có đức có tài, sống giản dị, mẫu mực, làm gương cho học sinh sau này. Đồng thời, nâng cao ý thức vận dụng các phương pháp và hình thức giáo dục đạo đức phù hợp trong quá trình giảng dạy trong tương lai.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu được các vấn đề chung về đạo đức học, đạo đức truyền thống của dân tộc, giáo dục đạo đức ở trường THPT, một số phương pháp tổ chức giáo dục đạo đức ở trường THPT. |
| CLO2 | Phân tích, đánh giá được thực tiễn đạo đức của học sinh THPT hiện nay. Từ đó, vận dụng kiến thức môn học để có cách thức, phương pháp giáo dục đạo đức cho học sinh THPT một cách có hiệu quả. |
| CLO3 | Có kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.  Có kỹ năng thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập.  Có kỹ năng giao tiếp.  Có kỹ năng tổ chức các hoạt động nhóm.  Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này.  Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, thích nghi làm việc trong các môi trường khác nhau.  Có kỹ năng lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lí thông tin. |
| CLO4 | Có kỹ năng vận dụng kiến thức để nhận diện, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học.  Có kỹ năng tuyên truyền những giá trị đạo đức đối với thế hệ trẻ hiện nay. |
| CLO5 | Có thái độ đúng đắn về môn học.  Có ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính tự giác, hướng thiện. |
| CLO6 | Có năng lực tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận: biết bảo vệ những giá trị đạo đức tốt đẹp và biết phê phán những sai trái, phi đạo đức.  Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội.  Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M | M | M |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  | M | A | A | A | A | A |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | A | M | M |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 4  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6. | Quan sát, theo dõi, điểm danh |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 35% | A2.1. Tuần 7  Chương 2: Đạo đức truyền thống của dân tộc | 50% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;  CLO5; CLO6. | - Kiểm tra viết (cá nhân)  - Thực hành dạy học (cá nhân hoặc nhóm) |
| A2.2. Tuần 14  Chương 4: Một số phương pháp tổ chức giáo dục đạo đức ở trường Trung học phổ thông | 50% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6. |
| A3. Đánh giá cuối kỳ (Thi kết thúc học phần) | 60% | Đánh giá toàn bộ nội dung chương trình  (4 chương) |  |  | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6. | - Thi tự luận  - Thi vấn đáp |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

***Sinh viên phải tham dự > = 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được thi kết thúc HP.***

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/T)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Nhập môn Đạo đức học  1.1. Khái niệm Đạo đức, Đạo đức học  1.2. Đối tượng, nhiệm vụ, chức năng và phương pháp nghiên cứu của Đạo đức học  1.3. Nguồn gốc của đạo đức  1.3.1. Các quan điểm trước C. Mác và ngoài mácxit về nguồn gốc của đạo đức  1.3.2. Quan điểm mácxit về nguồn gốc đạo đức | (02LT;  0BT) | - Hiểu được khái niệm, đối tượng, nhiệm vụ, chức năng và PPNC của Đạo đức học.  - Phân tích được nguồn gốc của đạo đức. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước chương 1, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 2 | Chương 1. Tiếp theo  1.4. Đạo đức trong các chế độ xã hội  1.4.1. Đạo đức trong chế độ cộng sản nguyên thủy  1.4.2. Đạo đức trong chế độ chiếm hữu nô lệ  1.4.3. Đạo đức trong chế độ phong kiến  1.4.4. Đạo đức trong chế độ tư bản chủ nghĩa  1.4.5. Đạo đức trong chế độ chủ nghĩa xã hội  1.5. Vai trò của đạo đức  1.5.1. Đạo đức với sự phát triển nhân cách cá nhân  1.5.2. Đạo đức với sự phát triển xã hội  1.6. Một số phạm trù cơ bản của Đạo đức học  1.6.1. Lẽ sống  1.6.2. Hạnh phúc  1.6.3. Nghĩa vụ  1.6.4. Lương tâm  1.6.5. Thiện ác | (02LT;  0BT) | - Trình bày được những đặc điểm của đạo đức trong các chế độ xã hội  - Phân tích được vai trò của đạo đức  - Phân tích được nội dung một số phạm trù cơ bản của Đạo đức học và vận dụng được vào bản thân cá nhân. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tiếp chương 1, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 3 | Chương 1: Tiếp theo  Bài tập: 1.6 (LVN, xây dựng kịch bản, đóng vai, rút ra kết luận khoa học) | (0LT;  2BT) | - Vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống đạo đức trong thực tiễn. | CLO1 CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV theo dõi SV báo cáo BT (theo nhóm hoặc cá nhân)  - GV đánh giá, nhận xét, kết luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Bài tập giao theo nhóm hoặc cá nhân, trình bày bằng giấy A0 hoặc powerpoint hoặc đóng vai,…  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV báo cáo sp.  - SV khác theo dõi, nhận xét, góp ý, đặt câu hỏi. |  |
| 4 | Chương 1: Tiếp theo  Bài tập: 1.6 (LVN, xây dựng kịch bản, đóng vai, rút ra kết luận khoa học) | (0LT; 2BT) | - Vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống đạo đức trong thực tiễn. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV theo dõi SV báo cáo BT (theo nhóm hoặc cá nhân)  - GV đánh giá, nhận xét, kết luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Bài tập giao theo nhóm hoặc cá nhân, trình bày bằng giấy A0 hoặc powerpoint hoặc đóng vai,…  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV báo cáo sp.  - SV khác theo dõi, nhận xét, góp ý, đặt câu hỏi. |  |
| 5 | Chương 2. Đạo đức truyền thống của dân tộc  2.1 Khái niệm và đặc trưng của truyền thống dân tộc  2.2 Những truyền thống đạo đức cơ bản của dân tộc Việt Nam  2.2.1 Truyền thống yêu nước  2.2.2 Truyền thống nhân nghĩa  2.2.3 Truyền thống cần cù, sáng tạo  2.2.4 Truyền thống trong giáo dục | (2LT;  0BT) | - Hiểu được khái niệm và đặc trưng của truyền thống dân tộc.  - Trình bày được những truyền thống đạo đức cơ bản của dân tộc Việt Nam.  - Vận dụng được vào thực tiễn bản thân. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước chương 2, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 6 | Chương 2: Tiếp theo  Bài tập: 2.2. (LVN, thuyết trình bằng powerpoint, tương tác với các nhóm khác) | (0LT;  02BT) | - Vận dụng kiến thức để làm rõ đạo đức thực tiễn ngày xưa và hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV theo dõi SV báo cáo BT (theo nhóm hoặc cá nhân)  - GV đánh giá, nhận xét, kết luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Bài tập giao theo nhóm hoặc cá nhân, trình bày bằng giấy A0 hoặc powerpoint hoặc đóng vai,…  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV báo cáo sp.  - SV khác theo dõi, nhận xét, góp ý, đặt câu hỏi. |  |
| 7 | Chương 2: Tiếp theo  Bài tập: 2.2. (LVN, thuyết trình bằng powerpoint, tương tác với các nhóm khác) | (0LT;  2BT) | - Vận dụng kiến thức để làm rõ đạo đức thực tiễn ngày xưa và hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV theo dõi SV báo cáo BT (theo nhóm hoặc cá nhân)  - GV đánh giá, nhận xét, kết luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Bài tập giao theo nhóm hoặc cá nhân, trình bày bằng giấy A0 hoặc powerpoint hoặc đóng vai,…  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV báo cáo sp.  - SV khác theo dõi, nhận xét, góp ý, đặt câu hỏi. | A2.1 |
| 8 | Chương 3. Giáo dục đạo đức ở trường Trung học phổ thông  3.1 Tính tất yếu của việc giáo dục đạo đức ở trường THPT  3.1.1 Khái niệm “*giáo dục đạo đức*”  3.1.2 Tính tất yếu của việc giáo dục đạo đức ở trường THPT  3.2 Mục tiêu, nội dung, nguyên tắc giáo dục đạo đức ở trường THPT  3.2.1 Mục tiêu giáo dục đạo đức  3.2.2 Nội dung giáo dục đạo đức  3.2.3 Nguyên tắc giáo dục đạo đức | (02LT;  0BT) | - Phân tích được khái niệm và tính tất yếu của việc GD đạo đức ở trường THPT.  - Trình bày được MT, ND, NT giáo dục đạo đức ở trường THPT. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước chương 3, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 9 | Chương 3: Tiếp theo  3.3 Người giáo viên trong quá trình giáo dục đạo đức  3.3.1 Những phẩm chất đạo đức chung của nhà giáo  3.3.2 Những yêu cầu riêng đối với giáo viên THPT, giáo viên dạy môn Giáo dục Công dân. | (02LT;  0BT) | - Hiểu được, nhớ được những phẩm chất đạo đức chung của nhà giáo và những yêu cầu riêng đối với GV THPT, GV dạy môn GDCD. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tiếp chương 3, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 10 | Chương 3: Tiếp theo  Bài tập: 3.3. (LVN, báo cáo bằng A0) | (0LT;  2BT) | - Vận dụng kiến thức vào thực tiễn bản thân. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV theo dõi SV báo cáo BT (theo nhóm hoặc cá nhân)  - GV đánh giá, nhận xét, kết luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Bài tập giao theo nhóm hoặc cá nhân, trình bày bằng giấy A0 hoặc powerpoint hoặc đóng vai,…  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV báo cáo sp.  - SV khác theo dõi, nhận xét, góp ý, đặt câu hỏi. |  |
| 11 | Chương 3: Tiếp theo  Bài tập: 3.3. (LVN, báo cáo bằng A0) | (0LT;  2BT) | - Vận dụng kiến thức vào thực tiễn bản thân. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV theo dõi SV báo cáo BT (theo nhóm hoặc cá nhân)  - GV đánh giá, nhận xét, kết luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Bài tập giao theo nhóm hoặc cá nhân, trình bày bằng giấy A0 hoặc powerpoint hoặc đóng vai,…  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV báo cáo sp.  - SV khác theo dõi, nhận xét, góp ý, đặt câu hỏi. |  |
| 12 | Chương 4. Một số phương pháp tổ chức giáo dục đạo đức ở trường Trung học phổ thông  4.1 Khái niệm  4.1.1 Phương pháp giáo dục  4.1.2 Phương pháp giáo dục đạo đức  4.2 Phân loại các phương pháp tổ chức giáo dục đạo đức ở trường THPT  4.2.1 Nhóm các phương pháp tác động đến ý thức, tình cảm, ý chí  4.2.2 Nhóm các phương pháp tổ chức hoạt động xã hội và tích lũy kinh nghiệm ứng xử.  4.2.3 Nhóm các phương pháp kích thích hoạt động và điều chỉnh hành vi ứng xử. | (2LT;  0BT) | - Hiểu được các khái niệm.  - Phân tích được các PP tổ chức giáo dục đạo đức ở trường THPT. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước chương 4, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 13 | Chương 4: Tiếp theo  4.3 Hoạt động giáo dục đạo đức ngoài giờ lên lớp  4.3.1 Đặc trưng và ý nghĩa của hoạt động ngoài giờ lên lớp  4.3.2 Các hình thức của hoạt động giáo dục đạo đức ngoài giờ lên lớp | (2LT;  0BT) | - Phân tích được đặc trưng, ý nghĩa và các hình thức của HĐ GD đạo đức NGLL. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tiếp chương 4, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 14 | Chương 4: Tiếp theo  Bài tập: 4.2. + 4.3. (LVN, báo cáo bằng PP đóng vai, giả định) | (0LT;  2BT) | - Vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống giáo dục đạo đức ở trường THPT. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV theo dõi SV báo cáo BT (theo nhóm hoặc cá nhân)  - GV đánh giá, nhận xét, kết luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Bài tập giao theo nhóm hoặc cá nhân, trình bày bằng giấy A0 hoặc powerpoint hoặc đóng vai,…  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV báo cáo sp.  - SV khác theo dõi, nhận xét, góp ý, đặt câu hỏi. | A2.2 |
| 15 | Chương 4: Tiếp theo  Bài tập: 4.2. + 4.3. (LVN, báo cáo bằng PP đóng vai, giả định) | (0LT;  2BT) | - Vận dụng kiến thức để giải quyết các tình huống giáo dục đạo đức ở trường THPT. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV theo dõi SV báo cáo BT (theo nhóm hoặc cá nhân)  - GV đánh giá, nhận xét, kết luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Bài tập giao theo nhóm hoặc cá nhân, trình bày bằng giấy A0 hoặc powerpoint hoặc đóng vai,…  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV báo cáo sp.  - SV khác theo dõi, nhận xét, góp ý, đặt câu hỏi. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  |  |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Như Nguyệt | 2021 | TLBG Đạo đức và Giáo dục đạo đức | Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình. |
| 2 | PGS.TS Hà Nhật Thăng | 2007 | Giáo trình Đạo đức và Giáo dục đạo đức | NXB ĐHSP, Hà Nội |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 3 | PTS. Phạm Khắc Chương - PGS.TS Hà Nhật Thăng | 1998 | Đạo đức học | NXB Giáo dục, Hà Nội |
| 4 | Phạm Khắc Chương – Nguyễn Thị Yến Phương | 2009 | Đạo đức học | NXB ĐHSP, Hà Nội |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | **Giảng đường**  **A hoặc C** | *Projector, máy tính cá nhân.* | *1* | *Từ chương 1 đến chương 4* |

**9. Holistic Rubric đánh giá**

**9.1****Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |

**9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa  hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp  lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý,  đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính  toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày .….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |

**TS. Nguyễn Văn Duy ThS. Lương Thị Lan Huệ ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Đạo đức học** | **1.2. Tên tiếng Anh: Ethics** |
| **1.3. Mã học phần: MLDADU.014** | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 20 tiết |
| - Bài tập: | 10 tiết |
| - Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Triết học Mác-Lênin |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Sinh viên hiểu được một cách hệ thống các kiến thức cơ bản, cốt lõi và chuyên sâu về đạo đức học, từ đó hình thành các kỹ năng cơ bản và kỹ năng chuyên ngành để phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về đạo đức. Đồng thời hình thành và phát triển thái độ tích cực, năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với các hoạt động của cộng đồng xã hội.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi và chuyên sâu về đạo đức học. Đặc biệt, học phần trang bị cho sinh viên một số vấn đề đạo đức trong điều kiện hiện đại hóa xã hội hiện nay giúp các em có nhận thức đúng về các hành vi trong từng trường hợp cụ thể của cuộc sống hiện đại.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị, xã hội của đất nước liên quan đến đạo đức trong đời sống xã hội.

**2.2.3. Về thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn, có ý thức, lối sống theo chuẩn mực đạo đức. Có trách nhiệm, nhiệt huyết trong việc giáo dục và tự giáo dục đạo đức trong cuộc sống hàng ngày. Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội. Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã ở Việt Nam.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu một cách có hệ thống và cốt lõi các vấn đề của đạo đức học như đối tượng, nhiệm vụ của đạo đức học; Nguồn gốc, bản chất và chức năng của đạo đức; Các kiểu đạo đức trong lịch sử và mối quan hệ giữa đạo đức với các hình thái ý thức xã hội khác; Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học; Những nguyên tắc của đạo đức mới và tính quy luật của sự hình thành đạo đức mới; Một số vấn đề đạo đức trong điều kiện hiện đại hóa xã hội hiện nay. |
| CLO2 | Phân tích, đánh giá được các vấn đề đạo đức trong đời sống xã hội. Đồng thời áp dụng kiến thức liên ngành, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để lý giải, đánh giá các hiện tượng phát sinh trong thực tiễn đời sống trên thế giới và ở Việt Nam hiện nay. |
| CLO3 | Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và tổ chức các hoạt động nhóm. Có kỹ năng thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập.  Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này.  Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lí thông tin. |
| CLO4 | Có kỹ năng vận dụng kiến thức đạo đức để nhận diện, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học. |
| CLO5 | Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học đạo đức học.  Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Có ý thức tự rèn luyện, tu dưỡng đạo đức, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương. |
| CLO6 | Có năng lực tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận: biết bảo vệ những giá trị đạo đức tốt đẹp và biết phê phán những quan điểm sai trái, lệch lạc.  Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội. Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ các giá trị đạo đức truyền thống tốt đẹp của dân tộc. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| Tổng hợp học phần | R | R | R | M | M | M | M | R | R | M | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% |  |  | X |  | Điểm danh  Quan sát, theo dõi |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 7:  Chương 4: Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học. | 50% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 | - Bài kiểm tra viết (cá nhân)  - Bài tập |
| A2.2. Tuần 14:  Chương 6: Một số vấn đề đạo đức trong điều kiện hiện đại hóa xã hội | 50% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | - Bài kiểm tra cuối kỳ:  Chương 1: Đối tượng, nhiệm vụ của đạo đức học Mác – Lênin  Chương 2: Nguồn gốc, bản chất, chức năng và vai trò của đạo đức  Chương 3: Các kiểu đạo đức trong lịch sử và mối quan hệ giữa đạo đức với một số hình thái ý thức xã hội khác.  Chương 4: Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học  Chương 5: Những nguyên tắc của đạo đức mới và tính quy luật của sự hình thành đạo đức mới.  Chương 6: Một số vấn đề đạo đức trong điều kiện hiện đại hóa xã hội. |  |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | - Thi tự luận  - Thi vấn đáp |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/BT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Đối tượng, nhiệm vụ của đạo đức học Mác – Lênin  1.1. Đạo đức và đạo đức học  1.1.1. Khái niệm đạo đức và đạo đức học  1.1.2. Cấu trúc của đạo đức  1.2. Đối tượng và nhiệm vụ của Đạo đức học Mác – Lênin  1.2.1. Đối tượng của Đạo đức học Mác – Lênin  1.2.2. Nhiệm vụ của Đạo đức học Mác – Lênin  1.3. Phương pháp nghiên cứu của Đạo đức học Mác – Lênin | 2LT | 1.1. Hiểu được khái niệm đạo đức, đạo đức học; hiểu được cấu trúc của đạo đức.  1.2. Hiểu được đối tượng, nhiệm vụ của ĐĐH Mác – Lênin  1.3. Hiểu được phương pháp nghiên cứu của đạo đức học Mác – Lênin | CLO1  CLO1 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước Chương 1 (tài liệu [1], tr7-23). - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 2 | - Chương 2: Nguồn gốc, bản chất, chức năng và vai trò của đạo đức  2.1. Nguồn gốc của đạo đức  2.1.1. Các quan điểm trước Mác và ngoài mácxit về nguồn gốc của đạo đức  2.1.2. Quan điểm mácxit về nguồn gốc đạo đức  2.2. Bản chất của đạo đức  2.2.1. Các quan điểm trước Mác và ngoài mácxit về bản chất của đạo đức  2.2.2. Quan điểm mácxit về bản chất của đạo đức  2.3. Chức năng của đạo đức  2.3.1. Chức năng điều chỉnh hành vi  2.3.2. Chức năng giáo dục  2.3.3. Chức năng nhận thức  2.4. Vai trò của đạo đức  2.4.1. Đạo đức với sự phát triển nhân cách cá nhân  2.4.2. Đạo đức với sự phát triển xã hội | 2LT | 2.1. Phân tích được các quan điểm trước Mác và ngoài mácxit về nguồn gốc của đạo đức. Hiểu được quan điểm mácxit về nguồn gốc đạo đức.  2.2. Phân tích được các quan điểm trước Mác và ngoài mácxit về bản chất của đạo đức. Hiểu được quan điểm mácxit về bản chất đạo đức.  2.3. Hiểu được các chức năng của đạo đức.  2.4. Hiểu được vai trò của đạo đức với sự phát triển nhân cách cá nhân và sự phát triển xã hội. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr24-48; CB sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, phản biện. |  |
| 3 | - Chương 2: (tiếp theo)  Bài tập: Trình bày các quan niệm khác nhau về nguồn gốc, bản chất của đạo đức, và tìm một số câu ca dao, tục ngữ phản ánh quan niệm đúng đắn về bản chất của đạo đức. | 2BT | - Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học**.** | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 4 | - Chương 3: Các kiểu đạo đức trong lịch sử và mối quan hệ giữa đạo đức với một số hình thái ý thức xã hội khác.  3.1. Các kiểu đạo đức trong lịch sử  3.1.1. Đạo đức trong xã hội cộng sản nguyên thủy  3.1.2. Đạo đức trong xã hội chiếm hữu nô lệ  3.1.3. Đạo đức trong xã hội phong kiến  3.1.4. Đạo đức trong xã hội tư bản chủ nghĩa  3.1.5. Đạo đức trong xã hội cộng sản chủ nghĩa | 2LT | 3.1. Hiểu và phân tích được các kiểu đạo đức trong lịch sử: đạo đức trong xã hội CSNT, CHNL, PK, TBCN, CSCN. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr49-65.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 5 | - Chương 3: (tiếp theo)  3.2. Quan hệ giữa ý thức đạo đức với các hình thái ý thức xã hội khác  3.2.1. Quan hệ giữa đạo đức với chính trị  3.2.2. Quan hệ giữa đạo đức pháp luật  3.2.3. Quan hệ giữa đạo đức với tôn giáo  3.2.4. Quan hệ giữa đạo đức với khoa học  3.2.5. Quan hệ giữa đạo đức với nghệ thuật | 2LT | 3.2. Hiểu được mối quan hệ giữa đạo đức với chính trị, pháp quyền, tôn giáo, khoa học, nghệ thuật. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr 65-89; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 6 | - Chương 3: (tiếp theo)  Bài tập: Liên hệ trách nhiệm bản thân trong việc góp phần xây dựng nền đạo đức mới XHCN.  - Mối quan hệ và tính đặc thù của đạo đức và pháp luật? Phân tích và chứng minh câu kết luận “Pháp luật là đạo đức tối thiểu, đạo đức là pháp luật tối đa”. | 2BT | - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm cá nhân trong việc góp phần xây dựng nền đạo đức mới XHCN.  - Phân tích**,** lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 7 | Chương 4: Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học  4.1. Phạm trù đạo đức học và đặc điểm cơ bản của phạm trù đạo đức học  4.1.1. Phạm trù đạo đức học  4.1.2. Đặc điểm cơ bản của phạm trù đạo đức học  4.2. Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học  4.2.1. Lẽ sống  4.2.2. Hạnh phúc | 2LT | 4.1. Hiểu được khái niệm và đặc điểm cơ bản của phạm trù đạo đức học.  4.2. Nhớ và trình bày được các phạm trù cơ bản của đạo đức học | CLO1  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr90-116; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi | A2.1 |
| 8 | Chương 4: (tiếp theo)  4.2. Một số phạm trù cơ bản của đạo đức học (tiếp theo)  4.2.3. Nghĩa vụ  4.2.4. Lương tâm  4.2.5. Thiện, ác | 2LT |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr116-146; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi |  |
| 9 | - Chương 4: (tiếp theo)  Bài tập: Trong nền KTTT hiện nay, chúng ta cần quan tâm giáo dục những nội dung cơ bản nào về nghĩa vụ của con cái đối với cha mẹ và về nghĩa vụ của công dân đối với xã hội?  - Phân tích lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Việc thiện thì dù nhỏ mấy cũng làm, việc ác thì dù nhỏ mấy cũng phải tránh” đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội. | 2BT | - Vận dụng, phân tích**,** lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính, projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 10 | - Chương 5: Những nguyên tắc của đạo đức mới và tính quy luật của sự hình thành đạo đức mới.  5.1. Khái niệm đạo đức mới  5.2. Vai trò của đạo đức mới trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội  5.3. Những nguyên tắc của đạo đức mới  5.3.1. Chủ nghĩa tập thể  5.3.2. Chủ nghĩa nhân đạo xã hội chủ nghĩa  5.3.3. Lao động tự giác, sáng tạo  5.3.4. Chủ nghĩa yêu nước kết hợp với chủ nghĩa quốc tế | 2LT | 5.1. Hiểu được khái niệm đạo đức mới.  5.2. Phân tích được vai trò của đạo đức mới trong sự nghiệp xây dựng CNXH.  5.3. Trình bày được những nguyên tắc của đạo đức mới. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 5,TL [1], tr147-166; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 11 | - Chương 5: (tiếp theo)  5.4. Tính quy luật của sự hình thành đạo đức mới  5.4.1. Đạo đức mới bắt nguồn từ đạo đức cách mạng của giai cấp vô sản hình thành trong cuộc đấu tranh cách mạng.  5.4.2. Đạo đức mới là sản phẩm tổng hợp của quá trình xây dựng xã hội mới  5.4.3. Đạo đức mới là sản phẩm được hình thành một cách tự giác, là kết quả của giáo dục và tự giáo dục | 2LT | 5.4. Trình bày được tính quy luật của sự hình thành đạo đức mới: đạo đức mới bắt nguồn từ đạo đức cách mạng của giai cấp vô sản hình thành trong cuộc đấu tranh cách mạng; là sản phẩm tổng hợp của quá trình xây dựng xã hội; là sản phẩm được hình thành một cách tự giác, là kết quả của giáo dục và tự giáo dục. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 5,TL [1], tr167-173; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 12 | - Chương 5: (tiếp theo)  Bài tập: Trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những nguyên tắc của đạo đức mới. | 2BT | - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những nguyên tắc của đạo đức mới. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 13 | - Chương 6: Một số vấn đề đạo đức trong điều kiện hiện đại hóa xã hội  6.1. Đạo đức trong nền kinh tế thị trường  6.1.1. Sự tác động của nền kinh tế thị trường đối với đạo đức  6.1.2. Vai trò của đạo đức trong nền kinh tế thị trường  6.2. Đạo đức trong sự phát triển của khoa học – công nghệ  6.2.1. Khoa học – công nghệ trong điều kiện hiện đại hóa xã hội và tác động của nó tới đạo đức  6.2.2. Vấn đề khắc phục những tác động tiêu cực của khoa học – công nghệ đối với đạo đức | 2LT | 6.1. Hiểu được sự tác động của nền KTTT đối với đạo đức, vai trò của đạo đức trong nền KTTT.  6.2. Hiểu và phân tích được đạo đức trong sự phát triển của khoa học – công nghệ, sự tác động của KH – CN tới đạo đức; hiểu được ván đề khắc phục những tác động tiêu cực của khoa học – công nghệ đối với đạo đức | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 6,TL [1], tr174-194. ; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 14 | Chương 6: (tiếp theo)  6.3. Đạo đức trong vấn đề bảo vệ môi trường  6.3.1. Sự xuất hiện đạo đức học môi trường và những khuynh hướng cơ bản của nó  6.3.2. Đạo đức môi trường nhìn từ góc độ đạo đức học Mác-Lênin  6.4. Một số vấn đề giáo dục đạo đức hiện nay  6.4.1. Giáo dục đạo đức và sự cần thiết của việc giáo dục đạo đức  6.4.2. Học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh | 2LT | 6.3. Phân tích được sự xuất hiện đạo đức học môi trường. Nhớ được các khuynh hướng cơ bản của nó. Hiểu được đạo đức môi trường nhìn từ góc độ đạo đức học Mác-Lênin.  6.4. Hiểu được sự cần thiết của việc giáo dục đạo đức.  Biết vận dụng và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 6,TL [1], tr194-210.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; | A2.2 |
| 15 | - Chương 6: (tiếp theo)  Bài tập:  1. Sưu tầm một số chuyện kể để minh họa thêm về những phẩm chất đạo đức cách mạng trong cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Hồ Chí Minh.  2. Bác Hồ đã dạy: “Đạo đức cách mạng không phải trên trời sa xuống. Nó do đấu tranh, rèn luyện bền bỉ hàng ngày mà phát triển và củng cố. Cũng như ngọc càng mài càng sáng, vàng càng luyện càng trong”. Bạn hiểu và đã thực hiện lời dạy đó của Bác như thế nào? | 2BT | - Vận dụng, sưu tầm**,** lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin.  - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức của Bác Hồ. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  |  |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh | 2006 | Giáo trình đạo đức học | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |
| 2 | Nguyễn Thị Thanh Hà | 2021 | TLBG Đạo đức học | Lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Quảng Bình |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Phạm Khắc Chương Nguyễn Thị Yến Phương | 2009 | Đạo đức học | NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội. |
| 3 | Trần Đăng Sinh  Nguyễn Thị Thọ | 2008 | Giáo trình Đạo đức học | NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội. |
| 4 | Nguyễn Trọng Chuẩn  Nguyễn Văn Phúc | 2003 | Những vấn đề đạo đức trong điều kiện kinh tế thị trường ở nước ta hiện nay | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |
| 5 | Đoàn Đức Hiếu | 2003 | Sự phát triển của cá nhân trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường A hoặc  Giảng đường C | Máy tính, projector | 1 | Chương 1 đến chương 6 |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |

**9. Rubric đánh giá**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

9.**2. Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

*Quảng Bình, ngày 23 tháng 06 năm 2021*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số:** 7140205 |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **1**. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Thực hành công tác xã hội tại cộng đồng** | **1.2. Tên tiếng Anh:** Practicing social work in the community |
| **1.3. Mã học phần:** MLCTXH.122 | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 2 tiết |
| - Thực hành: | 28 tiết (28 x2 =56 tiết) |
| - Tự học: | **60** |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Lương Thị Lan Huệ |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phan Thị Thu Hà  ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên  ThS. Nguyễn Thị Hương Liên |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | **Không** |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về tình hình kinh tế - xã hội địa phương, vai trò của các dự án đối với phát triển cộng đồng.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Cung cấp kiến thức về điều kiện tự nhiên, kinh tế-xã hội của cộng đồng; Đánh giá nhu cầu cộng đồng và vai trò của các dự án đối với sự phát triển kinh tế-xã hội tại cộng đồng.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Biết vận dụng linh hoạt kiến thức đã học vào thực tế tại cộng đồng, có kỹ năng thiết lập mối quan hệ tốt đẹp, kĩ năng tham vấn, kĩ năng viết báo cáo.

**2.2.3. Về thái độ**

Có ý thức nghiên cứu địa điểm thực hành, ý thức đạo đức tốt, nhanh nhẹn, tác phong sư phạm mẫu mực.Thực hành đóng vai giáo viên phải có tác phong mô phạm, lịch sự, đúng mực.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Người học hiểu được tầm quan trọng của hoạt động công tác xã hội đối với việc nâng cao kiến thức và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. |
| CLO2 | Người học hiểu rõ trách nhiệm của sinh viên trong việc tuân thủ các quy định của đoàn, của cộng đồng. |
| CLO3 | Người học biết được cách thức viết báo cáo thu hoạch sau khi kết thúc đợt thực hành. |
| CLO4 | Có kĩ năng thu thập, xử lý thông tin trong quá trình tham quan thực tế. |
| CLO5 | Người học có kỹ năng thiết kế kế hoạch thực hành của bản thân và thiết lập mối quan hệ tốt đẹp với dân cư cộng đồng. |
| CLO6 | Người học có ý thức tập thể, tuân thủ tính kỷ luật. |
| CLO7 | Người học luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, cư xử đúng mực trong các mối quan hệ. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | I |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  |  |  |  | A | A | A |  |  |  |
| CLO 4 |  | R |  |  |  |  | A | A | A |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  | A | A | A |  | M |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  | M |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 40% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 3  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia chuyến đi thực hành.  + Có ý thức đoàn kết, tinh thần tập thể, tính kỉ luật.  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;  CLO5; CLO6; CLO7. | Quan sát, theo dõi, điểm danh |
| A2. Báo cáo thu hoạch (Thay thế thi kết thúc HP) | 60% | - Mục tiêu của hoạt động thực hành CTXH tại cộng đồng; khái quát thời gian, địa điểm, thành phần thực hành.  - Nội dung thực hành CTXH tại cộng đồng  - Cảm nghĩ, vận dụng trong học tập, cuộc sống. |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;  CLO5; CLO6; CLO7. | Viết báo cáo |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

***Sinh viên phải tham dự > = 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được thi kết thúc HP.***

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi** | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/T)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| Tuần 1 | Nội dung 1: Giảng viên phổ biến kế hoạch thực hành CTXH tại cộng đồng  1.1 Giảng viên thông qua Kế hoạch thực hành CTXH tại cộng đồng.  1.2 Giảng viên quán triệt các yêu cầu, nhiệm vụ cho từng sinh viên  1.3 Giảng viên và sinh viên thảo luận về chuyến thực hành tại cộng đồng.  Nội dung 2: - Thực hành CTXH tại các cộng đồng  2.1 - Thực tế tham quan theo kế hoạch | (02 LT; 20 TH) | **- Ghi nhớ, hiểu được** công việc cần làm trong quá trình thực hành.  **- Hiểu biết** về văn hóa, kinh tế - xã hội ở cộng đồng.  **- Có kĩ năng** thiết lập mối quan tốt đẹp.  **- Áp dụng được** lỹ thuyết vào thực tiễn công việc tại cơ sở thực hành. | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;  CLO5; CLO6; CLO7. | Hình thức: Lên lớp phổ biến kế hoạch thực hành; Sinh viên đi thực tế tại các cộng đồng trong tỉnh nơi đang triển khai các dự án phát triển cộng đồng.  Phương pháp quan sát; thu thập thông tin; điều tra thực tế. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Tìm hiểu trước địa điểm, nội dung công việc thực hành tại cơ sở.  - Lập Kế hoạch thực hành.  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Sinh viên có 02 tiết tập trung tại lớp để nghe giảng viên thông qua Kế hoạch, nội dung, yêu cầu đối với sinh viên trong quá trình thực hành tại cơ sở.  - Sinh viên chia nhóm về các cơ sở thực hành | A2.1 |
| Tuần 2 | 2.2 Viết Báo cáo thu hoạch | (0LT; 08 TH) | **- Trình bày được** các nội dung công việc đã làm tại cơ sở.  **- Phân tích được** mặt thuận lợi, khó khăn, mặt mạnh, mặt hạn chế của bản thân trong quá trình thực hành.  **- Nêu được** ý nghĩa của hoạt động thực hành.  **- Có kĩ năng** viết Báo cáo.  **- Có ý thức** cầu thi, trách nhiệm trong thực hành.- | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;  CLO5; CLO6; CLO7. | Sinh viên ở nhà viết Báo cáo thu hoạch | Phần chuẩn bị của sinh viên:  - Thu thập thông tin về cơ sở, lịch trình, nội dung công việc...  - Viết Báo cáo thu hoạch theo các nội dung sau:  1. Lý do, thời gian, địa điểm thực hành CTXH tại cộng đồng.  2. Nội dung thực hành tại cộng đồng (nội dung công việc, khó khăn, thuận lợi, kết quả)  3. Ý nghĩa và bài học kinh nghiệm | A2.2 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Lương Thị Lan Huệ | 2021 | Kế hoạch thực hành CTXH tại cộng đồng | Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình. |
| 2 | Nguyễn Thị Oanh | 2000 | Phát triển cộng đồng | NXB Đại học Mở Bán công thành phố Hồ Chí Minh. |
| 3 | Forgey, Mary | 1997 | Thực hành công tác xã hội chuyên nghiệp | NXB Đại học Mở Bán công thành phố Hồ Chí Minh. |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 1 | Trần Tiến Dũng | 2014 | Danh nhân Quảng Bình | NXB Chính trị Hành chính. |
| 2 | Nguyễn Phú Trọng | 2002 | Đảng Cộng sản Việt Nam trong tiến trình đổi mới đất nước | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | **Giảng đường A, C** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Nội dung 1* |
| 2 | **Cơ sở thực hành ở tỉnh Quảng Bình** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Nội dung 2* |

**9. Holistic Rubric đánh giá**

**9.1.** **Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Tham gia thực hành (Practice Attendance)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Ý thức, thái độ | Không có ý thức thực hành hoặc thường xuyên vắng mặt | GV còn phải nhở trong thực hiện nhiệm vụ và không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng ít tương tác với GV, SV | Rất có ý thức thực hành và tương tác tốt với GV, SV | **30%** |
|
| Thực hiện nhiệm vụ được giao | Không hoàn thành (<30%) | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 30-50% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 51-70% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 71-90% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt >90% khối lượng công việc thực hành | **70%** |
|
|
|
|

**9.3. Rubric 3: Báo cáo (Written Report)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Nội dung báo cáo | Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không phù hợp với yêu cầu. | Nội dung trình bày trong báo cáo đầy đủ theo yêu cầu. Tính toán sai, không cụ thể, không đáp ứng yêu cầu. | Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, còn một số nhầm lẫn trong tính toán, một số nội dung chưa hợp lý | Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, trình tự tính toán hợp lý, tính toán chính xác. Kết quả tính toán và chọn chưa có giải thích cụ thể, chưa thuyết phục. | Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể,  rõ ràng và thuyết phục. | **60%** |
| Trình bày báo cáo | Không có hoặc nội dung được trình bày trong báo cáo không  phù hợp với yêu cầu. | Trình tự trình bày trong báo cáo không đúng. Nội dung phù hợp theo yêu cầu. Hình vẽ, bảng biểu còn nhiều mâu thuẩn với nội dung. | Nội dung, trình tự trình bày báo cáo phù hợp theo yêu cầu. Trình bày còn một số lỗi về chính tả, kích thước, ghi chú chưa đầy đủ. | Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp.  Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn bản còn hạn chế. | Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú phù hợp. Thể hiện việc sử dụng thành thạo máy tính trong trình bày báo cáo. | **40%** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa**  **T.S Nguyễn Văn Duy** | **Trưởng bộ môn**  Th.s Lương Thị Lan Huệ | **Người biên soạn**  **Th.s Lương Thị Lan Huệ** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số:** 7140205 |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Hoạt động trải nghiệm tại cộng đồng** | **1.2. Tên tiếng Anh:**Work experience in the community |
| **1.3. Mã học phần:** LLMLN.30 | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 2 tiết |
| - Thực hành | 28 tiết (28 x2 =56 tiết) |
| - Tự học: | 60 |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Hương Liên |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phan Thị Thu Hà  ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | **Không** |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về vị trí, chức năng một số cơ quan, tổ chức chính trị-xã hội, đưa ra những giải pháp để đổi mới, nâng cao hiệu quả làm việc của các tổ chức chính trị-xã hội, cơ quan đó**.** Qua đó giáo dục lòng yêu quê hương đất nước, lòng tự tôn dân tộc cũng như ý thức về nghĩa vụ công dân đối với quê hương, Tổ quốc.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Học phần tạo điều kiện cho sinh viên tìm hiểu vị trí, chức năng của cơ quan, tổ chức chính trị xã hội tại địa bàn mình cư trú, sự cần thiết phải đổi mới hệ thống chính trị. Từ đó, rút ra được những giải pháp hoàn thiện, nâng cao hiệu quả của cơ quan, tổ chức chính trị-xã hội đó.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Hình thành cho sinh viên các kỹ năng thu thập và xử lý thông tin, rèn luyện kỹ năng viết báo cáo, trình bày báo cáo. Vận dụng những kiến thức đã học để tìm ra những giải pháp mới để hoàn thiện hệ thống chính trị trong thực tiễn cuộc sống, từ đó hình thành ý thức, phẩm chất, kĩ năng sống và năng lực cho sinh viên.

**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành cho sinh viên ý thức, tinh thần trách nhiệm cao trong học tập, nhận thức được tầm quan trọng của hoạt động đối với việc nâng cao kiến thức, rèn luyện kỹ năng nghiệp vụ; Có ý thức học tập, nghiên cứu tài liệu.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Ghi nhớ được tầm quan trọng của hoạt động trải nghiệm tại cộng đồng đối với việc nâng cao kiến thức và rèn luyện kỹ năng nghề nghiệp. |
| CLO2 | Trình bày và phân tích được được vị trí, chức năng của cơ quan, tổ chức chính trị xã hội mình đến trải nghiệm |
| CLO3 | Phân tích và vận dụng vào thực tế những vấn đề sinh viên đã được tiếp cận qua phần giảng dạy trên lớp, gắn lý luận với thực tiễn. |
| CLO4 | Tổ chức, thiết lập mối quan hệ tốt đẹp với nhân viên ở cơ sở đến tham quan, học tập thực tế chuyên môn. |
| CLO5 | Ý thức tập thể, tuân thủ tính kỷ luật. |
| CLO6 | Luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, cư xử đúng mực trong các mối quan hệ. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M | M | M |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  | M | A | A | A | A | A |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | A | M | M |
| CLO 6 |  |  |  |  | A | M | R | A | M | M | M | M |
| Tổng hợp học phần | A | M |  | R | R | R | A | M |  | M | M | M |

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 40% | - Đánh giá tất cả các nội dung đi trải nghiệm  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia chuyến đi trải nghiệm  + Có ý thức đoàn kết, tinh thần tập thể, tính kỉ luật.  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;  CLO5; CLO6; | Quan sát, theo dõi, điểm danh |
| A2. Báo cáo thu hoạch (Thay thế thi kết thúc HP) | 60% | - Hiểu biết của bản thân về các địa điểm trải nghiệm về vị trí, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội nơi mình cư trú;  - Đề xuất giải pháp đổi mới hệ thống chính trị.  - Cảm nhận, trách nhiệm bản thân sau đợt trải nghiệm |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;  CLO5; CLO6; | Viết báo cáo |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

***Sinh viên phải tham dự > = 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được thi kết thúc HP.***

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **(3 tiết/b)** | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/T)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Nội dung 1: Giảng viên phổ biến kế hoạch hoạt động  1.1. Giảng viên thông qua Kế hoạch  1.2. Giảng viên quán triệt các yêu cầu, nhiệm vụ cho từng sinh viên  1.3. Giảng viên và sinh viên thảo luận về hoạt động trải nghiệm  Nội dung 2: Hoạt động trải nghiệm tại cộng đồng  2.1 Hoạt động trải nghiệm theo kế hoạch | (02 LT; 13 TH) | - Hiểu biết về về vị trí, chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức chính trị-xã hội nơi mình cư trú;  - Có kĩ năng thiết lập mối quan tốt đẹp.  - Áp dụng được lý thuyết vào thực tiễn công việc tại cơ sở. | CLO1  CLO2,CL03;CLO4 | Hình thức: Lên lớp phổ biến kế hoạch thực hành; Sinh viên đi thực tế tại các cộng đồng trong tỉnh nơi đang triển khai các dự án phát triển cộng đồng.  Phương pháp quan sát; thu thập thông tin; điều tra thực tế. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Tìm hiểu trước địa điểm, nội dung công việc thực hành tại cơ sở.  - Lập Kế hoạch thực hành.  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Sinh viên có 02 tiết tập trung tại lớp để nghe giảng viên thông qua Kế hoạch, nội dung, yêu cầu đối với sinh viên trong quá trình thực hành tại cơ sở.  - Sinh viên chia nhóm về các cơ sở thực hành. |  |
| 2 | 2.2. Viết báo cáo thu hoạch | (0LT; 15 TH) | - Trình bày được vị trí, vai trò, chức năng của cơ sở đến tham gia trải nghiệm.  - Phân tích được những bài học, khó khăn trong quá trình trải nghiệm  - Nêu được ý nghĩa của hoạt động trải nghiệm  - Có kĩ năng viết Báo cáo.  - Có ý thức cầu thi, trách nhiệm trong quá trình tham gia trải nghiệm | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4; CLO5;  CLO6. | Sinh viên ở nhà viết Báo cáo thu hoạch | Phần chuẩn bị của sinh viên:  - Thu thập thông tin về cơ sở, lịch trình, nội dung công việc...  - Viết Báo cáo thu hoạch theo các nội dung sau:  1. Lý do, thời gian, địa điểm trải nghiệm  2. Vị trí, vai trò, chức năng của cơ sở đến trải nghiệm  3. Nội dung thực tế (nội dung công việc, khó khăn, thuận lợi, kết quả, lịch sử, ý nghĩa của các địa danh, cơ sở kinh tế - xã hội đã đến trải nghiệm  4. Ý nghĩa, vận dụng vào học tập, cuộc sống. |  |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Hương Liên | | 2021 | Kế hoạch Hoạt động trải nghiệm tại cộng đồng | Lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Quảng Bình |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | | | |
| 1 | Bộ giáo dục và đào tạo | 2015 | | Hệ thống chính trị ở Việt Nam | NXB Giáo dục, Hà Nội |
| 2 | Nguyễn Xuân Tế | 2007 | | Thể chế chính trị ở một số nước ASEAN | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |
| 3 | Ngô Đăng Thành (chủ biên), Trần Quang Tuyến, Mai Thị Thanh Xuân | 2009 | | Các mô hình công nghiệp hoá trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường A, C | Projector, máy tính cá nhân | 1 | Nội dung 1 |
| 2 | Cơ sở thực tế | Projector, máy tính cá nhân | 1 | Nội dung 2 |

**9. Holistic Rubric đánh giá**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |

**9.2 Rubric 2: Báo cáo (Written Report)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Nội dung báo cáo | Không có hoặc nội  dung được trình bày  trong báo cáo không  phù hợp với yêu cầu. | Nội dung trình bày trong báo  cáo đầy đủ theo yêu cầu.  Tính toán sai, không cụ thể,  không đáp ứng yêu cầu. | Đầy đủ nội dung theo yêu cầu,  còn một số nhầm lẫn trong tính  toán, một số nội dung chưa hợp  lý | Đầy đủ nội dung theo yêu cầu,  trình tự tính toán hợp lý, tính  toán chính xác. Kết quả tính  toán và chọn chưa có giải thích  cụ thể, chưa thuyết phục. | Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính  toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự  tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và  chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể,  rõ ràng và thuyết phục. | **60%** |
| Trình bày báo cáo | Không có hoặc nội  dung được trình bày  trong báo cáo không  phù hợp với yêu cầu. | Trình tự trình bày trong báo cáo không đúng. Nội  dung phù hợp theo yêu cầu.  Hình vẽ, bảng biểu còn nhiều  mâu thuẩn với nội dung. | Nội dung, trình tự trình bày báo cáo phù hợp theo yêu  cầu. Trình bày còn một số lỗi về  chính tả, kích thước, ghi chú  chưa đầy đủ. | Nội dung phù hợp. Trình tự,  cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng  yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ  ràng, logic, ghi chú phù hợp.  Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn  bản còn hạn chế. | Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc  logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình  ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú  phù hợp. Thể hiện việc sử dụng  thành thạo máy tính trong trình bày  báo cáo. | **40%** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **9.3 Rubric 3: Tham gia thực hành (Practice Attendance)**   |  |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** | | | **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** | | | | Ý thức, thái độ | Không có ý thức thực hành hoặc thường xuyên vắng mặt | GV còn phải nhở trong thực hiện nhiệm vụ và không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng ít tương tác với GV, SV | Rất có ý thức thực hành và tương tác tốt với GV, SV | **30%** | | | Thực hiện nhiệm vụ được giao | Không hoàn thành (<30%) | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 30-50% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 51-70% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 71-90% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt >90% khối lượng công việc thực hành | **70%** | | | | |     *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa**  **TS. Nguyễn Văn Duy** | **Trưởng bộ môn**  **Lương Thị Lan Huệ** | **Người biên soạn**  **Nguyễn Thị Hương Liên** | |  |  |  | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **1. Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa** | **1.2. Tên tiếng Anh:****History of socialist thought** |
| **1.3. Mã học phần: MLTTXH.016** | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 20 tiết |
| - Thảo luận nhóm: |  |
| -Bài tập | 10 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Trần Hương Giang |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản, cốt lõi và chuyên sâu về lịch sử tư tưởng XHCN, từ đó hình thành các kỹ năng cơ bản và kỹ năng chuyên ngành để phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về chính trị - xã hội liên quan đến CNXH. Đồng thời hình thành và phát triển thái độ tích cực, năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với các hoạt động của cộng đồng xã hội.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Cung cấp những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất, mở rộng và chuyên sâu về lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Cung cấp năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị, xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**2.2.3. Về thái độ**

Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa và nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| ***3.1. Về kiến thức*** | |
| CLO1 | Hiểu một cách hệ thống và cốt lõi về các vấn đề của lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa, đó là những yếu tố tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ trung đại ; Tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng thời kỳ cận đại; Tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng thế kỷ XVIII ở Pháp; Học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng phê phán đầu thế kỷ XIX ở Pháp và Anh; Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học; Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học |
| CLO2 | Phân tích, đánh giá được các vấn đề lý luận về tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời áp dụng kiến thức liên ngành, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để lí giải, đánh giá các hiện tượng thực tiễn phát sinh trong TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam hiện nay. |
| ***3.2. Về kỹ năng*** | |
| CLO3 | Có kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.  Có kỹ năng thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập.  Có kỹ năng giao tiếp.  Có kỹ năng tổ chức các hoạt động nhóm.  Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này.  Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, thích nghi làm việc trong các môi trường khác nhau.  Có kỹ năng lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lí thông tin. |
| CLO4 | Có kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa để nhận diện, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học.  Có kỹ năng tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. |
| ***3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*** | |
| CLO5 | Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.  Có ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương. |
| CLO6 | Có năng lực tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận: biết bảo vệ những quan điểm khoa học và biết phê phán những quan điểm sai trái.  Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội.  Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| Tổng hợp học phần | R |  | R |  | M | M | R |  |  |  |  |  |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 6  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6;  CLO7 | Điểm danh |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 7  Chương 1 – chương 3 | 50% | X | CLO 1 | Bài kiểm tra viết cá nhân, bài tập |
| A2.2. Tuần 15  Chương 4 – chương 6 | 50% | X | CLO 3 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Chương 1: những yếu tố tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ trung đại  Chương 2: Tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng thời kỳ cận đại  Chương 3: Tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng thế kỷ XVIII ở Pháp  Chương 4: Học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng phê phán đầu thế kỷ XIX ở Pháp và Anh  Chương 5: Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học  Chương 6: Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học |  |  | CLO 1  CLO 2  CLO 4 | Thi tự luận, vấn đáp, tiểu luận.. |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV(\*) | Tên bài  đánh giá  (ở cột 3 bảng 5.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: những yếu tố tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ trung đại  1.1.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa  1.1.2. Đối tượng nghiên cứu  1.1.3. Phương pháp nghiên cứu  1.2.1 Những yếu tố tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời cổ đại  1.2.2. Những đặc trưng cơ bản của xã hội thời cổ đại  1.2.3. Những yếu tố tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời cổ đại | 2 | Hiểu được Đối tượng và phương pháp nghiên cứu lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa  HIểu được Những yếu tố tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời cổ đại | *CLO1*  *CLO1* | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 1, (tài liệu [1]) trang 1-5  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 2 | Chương 1 tiếp  1.3. Những yếu tố tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời trung đại  1.3.1. Những đặc trưng cơ bản của xã hội thời trung đại  1.3.2. Những yếu tố tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời trung đại  Bài tập: So sánh những yếu tố tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời cổ đại và trung đại | 2 | Hiểu được Những yếu tố tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời trung đại  Phân tích được những đặc trưng cơ bản của xã hội thời kỳ trung đại BT -Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | *CLO1*  CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Chương 1,TL [1], tr5-8. Chuẩn bị BT  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 3 | Chương 2: tư tưởng chủ nghĩa xã hội không ưởng thời kỳ cận đại  2.1. Tác phẩm không tưởng của Tomát Morơ mở đầu lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa cận đại (1478 - 1535)  2.1.1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm không tưởng  2.1.2. Tomát Morơ và tác phẩm Không tưởng  2.1.3. Nội dung tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong tác phẩm Không tưởng của Morơ  Bài tập: Đánh giá quan điểm của Tomat Mo rơ | 2 | Phân tích được hoàn cảnh ra đời của tác phâmt  Trình bày được đặc điểm, nội dung tư tưởng XHCNN của tác phâm không tưởng  Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr9-13; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 4 | Chương 2 tiếp  2.2. Tômadô Cămpanenla và tác phẩm “Thành phố mặt trời” (1568 - 1639)  2.2.1. Tiểu sử Cămpanenla  2.2.2. Nội dung tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong Thành phố mặt trời. | 2 | Nhớ được tiểu sử của Tômado  Phân tích được nội dung tư tưởng XHCN trong tác phẩm thành phố mặt trời | CLO1  CLO2  CLO3 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr13-17  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. | A1. |
| 5 | Chương 2 tiếp:  2.3. Giêrácđơ Uynxtenli (Anh)  2.3.1. Tiểu sử G. Uynxtenli (1609-1652)  2.3.2. Những tư tưởng xã hội chủ nghĩa của Uynxtenli. | 2 | Ghi nhớ tiểu sử của Giêrácđơ Uynxtenli  Phân tích được những tư tưởng XHCN của Giêrácđơ Uynxtenli | CLO1  CLO2  CLO3 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr17-20 ; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 6 | Chương 3: Tư tưởng XHCN không tưởng thế kỷ XVIII ở Pháp  3.1. Giăng Mêliê (1664- 1729)  3.1.1. G.Mêliê phê phán chế độ chuyên chế cấu kết với giáo hội phản động, bảo vệ lợi ích của nông dân  3.1.2. Những tư tưởng của G.Mêliê về một xã hội tương lai  3.1.3. Những hạn chế của G.Mêliê | 2 | Hiểu được quan điểm của Giăng Mêli  -Phân tích được những tư tưởng XHCN của G.Mêliê về một xã hội tương lai | CLO1  CLO2  CLO3 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 7 | Chương 3 tiếp  3.2. Phrăngxoa Morenli  3.2.1. Những tư tưởng xã hội chủ nghĩa của Ph.Morenli  3.2.2. Những hạn chế của Ph.Morenli  3.3. Gabrien Bunnơ Mabli (1709 - 1785)  3.3.1. Vài nét về tiểu sử của G.Mabli  3.3.2. Quan điểm lý luận và phương pháp luận của G.Mabli  3.3.3. G.Mabli phê phán xã hội đương thời  3.3.4. G.Mabli dự báo về một xã hội trong tương lai  3.3.5. Đánh giá chung  - Kiểm tra tín chỉ 1 | 2 | Hiểu được Những tư tưởng xã hội chủ nghĩa của Ph.Morenli  Hiểu được Những hạn chế của Ph.Morenli  Hiểu được những tư tưởng của Gabrien Bunnơ Mabli | CLO1  CLO2  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. | A2.1 |
| 8 | Chương 3 tiếp  3.4. Grắccơ Babớp (1760 - 1797)  3.4.1. Vài nét về tiểu sử của G.Babớp  3.4.2. Những tư tưởng cộng sản không tưởng của G.Babớp  3.4.3. Đánh giá chung về G.Babớp  BT: Sơ đồ hoá những kiến thức chung về G.Babớp,đánh giá những quan điểm của ông | 2 | Hiểu được những quan điểm tư tưởng XHCN của Grắccơ Babớp  BT: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO2  CLO4  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. | A1 |
| 9 | Chương 4 Học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng phê phán đầu thế kỷ XIX ở Pháp và Anh  4.1. Học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng phê phán đầu thế kỷ XIX ở Pháp  4.1.1. Tình hình nước Pháp những năm cuối thế kỷ XVIII đầu thế kỷ XIX  4.1.2. Các nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng tiêu biểu ở Pháp đầu thế kỷ XIX | 2 | HIểu được học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng phê phán đầu thế kỷ XIX ở Pháp  Vận dụng sáng tạo kiến thức đã học để thấy được những điểm tích cực được Mác, Ăngghen kế thừa, phất triển | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. | A2 |
| 10 | Chương 4 tiếp  4.2. Học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng phê phán đầu thế kỷ XIX ở Anh  4.2.1. Tình hình nước Anh cuối thế kỷ XVII đầu thế kỷ XIX  4.2.2. Nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng tiêu biểu ở Anh đầu thế kỷ XIX – Rôbớc Ôoen (1771 – 1858)  Bài tập: Phân tích những ưu điểm và hạn chế của các nhà tư tưởng XHCN không tưởng anh - pháp | 2 | Hiểu được học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng phê phán đầu thế kỷ XIX ở Anh  BT: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr35-40 ; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 11 | Chương 4 tiếp  4.3. Vị trí lịch sử của học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng đầu thế kỷ XIX  Chương 5:Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học  5.1. Hoàn cảnh lịch sử châu Âu giữa thế kỷ XIX  5.1.1. Những điều kiện khoa học kỹ thuật và sự phát triển kinh tế tư bản chủ nghĩa  5.1.2. Những hoàn cảnh và điều kiện chính trị - xã hội  5.1.3. Những điều kiện, những tiền đề về văn hóa, tư tưởng trong khoa học xã hội  Bài tập: đọc và sơ đồ hoá hoàn cảnh lịch sử châu Âu giữa thế kỷ XIX | 2 | Hiểu được Vị trí lịch sử của học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng đầu thế kỷ XIX Phân tích được Hoàn cảnh lịch sử châu Âu giữa thế kỷ XIX Trình bày được Những điều kiện, những tiền đề về văn hóa, tư tưởng  BT: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,5,TL [1], tr 38-43 ; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 12 | Chương 5: Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học  5.2. Sự chuyển biến từ lập trường dân chủ cách mạng sang lập trường Cộng Sản chủ nghĩa của C.Mác và Ph.Ăngghen  5.2.1. Sự chuyển biến về lập trường triết học của C.Mác và Ph.Ăngghen  5.2.2. Sự chuyển biến về lập trường cách mạng của C.Mác và Ph.Ăngghen  Bài tập: từ những kiến thức đã học, trình bày, phân tích quá trình chuyển biến lập trường các mạng của Mác, Ăng ghen. Chỉ rõ ý nghĩa của quá trình đó | 2 | Vận dụng được vào thực tiễn xã hội, địa phương.  Hiểu được khái niệm, bản chất, nguồn gốc, tính chất, chức năng của tôn giáo.  BT: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 5,TL [1], tr44-45 ; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 13 | Chương 5 tiếp  5.3. Vai trò của C.Mác và Ph.Ăngghen trong quá trình hình thành chủ nghĩa xã hội khoa học | 2 | Hiểu được vai trò của MÁc – Ăng ghen trong quá trình hình thành chủ nghĩa | CLO1  CLO2 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 5,TL [1], tr46-49  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; |  |
| 14 | Chương 6: Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học  6.1. C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học thời kỳ 1848 - 1895  6.2. V.I.Lênin đấu tranh bảo vệ và phát triển lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học  Bài tập:Sơ đồ hoá các mốc thời gian hình thành và phát triển của Mác Ăngghen và Lênin đối với sự phát triển của CNXHKH | 2 | HIểu được C.Mác và Ph.Ăngghen phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học thời kỳ 1848 - 1895    Phân tích được V.I.Lênin đấu tranh bảo vệ và phát triển lý luận chủ nghĩa xã hội khoa học  BT: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 15 | Chương 6: Các giai đoạn phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học  6.3. Chủ nghĩa xã hội khoa học thời kỳ sau khi V.I.Lênin từ trần  6.4. Chủ nghĩa xã hội khoa học trong giai đoạn hiện nay và triển vọng của nó  - Kiểm tra tín chỉ 2 | 2 | Phân tích được Chủ nghĩa xã hội khoa học thời kỳ sau khi V.I.Lênin từ trần  Hiểu được Chủ nghĩa xã hội khoa học trong giai đoạn hiện nay và triển vọng của nó | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Anh Khuyên | 2021 | Giáo trình *Lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa* | Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình. |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Đảng Cộng sản Việt Nam | 2011 | Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ qúa độ lên chủ nghĩa xã hội | NXB CTQG,  Hà Nội |
| 3 | Trình Mưu | 2009 | Chủ nghĩa Mác – Lênin trong bối cảnh thế giới ngày nay, | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |
| 4 | Nguyễn Thị Thanh | 2011 | Về chủ nghĩa Mác – Lênin chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | NXB Chính trị – Hành chính. |
| 5 | Hoàng Tùng | 1997 | Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, Tuyên ngôn khoa học và cách mạng | NXB Chính trị Quốc gia. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường A  Giảng đường C | máy tính, projector | 1 | *Chương 1 đến chương 6* |

**9. Rubric đánh giá**

**9.1. Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung  bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3. Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

**Trưởng Khoa Trưởng bộ môn**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Hoạt động trải nghiệm sáng tạo** | **1.2. Tên tiếng Anh: Creative experience activities** |
| **1.3. Mã học phần: MLHDTN.115** | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết |
| - Bài tập | 5 tiết |
| - Thực hành | 10 tiết (10 x2 =20 tiết) |
| - Tự học: | 90 |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Hương Liên |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phan Thị Thu Hà;  ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần cung cấp hệ thống kiến thức liên quan đến việc tự thiết kế, tổ chức quá trình tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, giúp sinh viên có kỹ năng biết lập kế hoạch và triển khai quá trình tổ chức hoạt động hoạt động trải nghiệm sáng tạo và hình thành thái độ tích cực, năng động khi tham gia các hoạt động.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hiểu được hệ thống kiến thức liên quan đến việc tự thiết kế, tổ chức quá trình tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo của bản thân cũng như phương pháp tổ chức hoạt động này cho học sinh.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Học phần hình thành cho sinh viên biết vận dụng sáng tạo, lập kế hoạch và triển khai quá trình tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo, rèn luyện kĩ năng quan sát, phân tích, đánh giá và biết rút ra những bài học từ hoạt động trải nghiệm sáng tạo của bản thân và biết cách tổ chức các hoạt động này cho học sinh.

**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành cho sinh viên khả năng tham gia tích cực các hoạt động trải nghiệm sáng tạo, đề cao thực tiễn và thái độ nhiệt tình, nhạy cảm trong quá trình tham gia các hoạt động trải nghiệm sáng tạo

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Ghi nhớ các kiến thức liên quan đến hệ thống lý luận của hoạt động trải nghiệm sáng tạo. |
| CLO2 | Hiểu được và trình bày được các bước tổ chức, thiết kế hoạt động trải nghiệm sáng tạo. |
| CLO3 | Phân tích được các phương pháp thực hiện hoạt động trải nghiệm sáng tạo. |
| CLO4 | Vận dụng tư duy quan sát, phân tích, đánh giá các quan hệ lợi ích kinh tế trong phát triển kinh tế - xã hội. |
| CLO5 | Xây dựng trách nhiệm xã hội phù hợp trong vị trí việc làm sau này. |
| CLO6 | Có ý thức hệ tư tưởng vững vàng, có thái độ, lối sống tích cực trong cuộc sống và học tập. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO 2 |  | R |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  | M |  |
| CLO 4 | R |  | R |  |  | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  | A |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần | R |  | R |  | M | M | R | I | R | M |  | R |

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 3  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | Từ CLO 1 đến CLO 5 | Điểm danh, quan sát, đánh giá qua ý thức tích cực tham gia xây dựng phát biểu bài, làm bài tập, hăng say đóng góp ý kiến thảo luận |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 5: Bài: Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo (Phương pháp giải quyết vấn đề) | 30% | X | CLO 1 và CLO 2 | Viết, bài tập nhóm |
| A2.2. Tuần 10: Bài: Các bước thiết kế hoạt động trải nghiệm sáng tạo | 30% | X | CLO 3, CLO 4 và CLO 6 |
| A2.3. Tuần 15: Bài: Thực hành lập kế hoạch và tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo | 40% | X | CLO 4, CLO 5 và CLO 6 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Bao quát toàn bộ nội dung các chương |  | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | Tự luận, vấn đáp |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **(3 tiết/b)** | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV | Tên bài đánh giá  (ở cột 3 bảng 5.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Những vấn đề chung về hoạt động trải nghiệm sáng tạo  1.1. Những khái niệm có liên quan  1.1.1. Hoạt động giáo dục  1.1.2. Trải nghiệm  1.1.3. Hoạt động trải nghiệm sáng tạo | (02 LT  01BT) | Chương 1:  1.1. Nhớ được những khái niệm có liên quan đến hoạt động trải nghiệm sáng tạo như: Hoạt động giáo dục, trải nghiệm, trải nghiệm, hoạt động trải nghiệm sáng tạo. | CLO1  CLO3 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 4 - 7)  Trả lời câu hỏi: phân biệt hoạt động giáo dục và hoạt động trải nghiệm?  Phần chuẩn bị trên lớp:  Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên (T8 và 10) | A2.1 |
| 2 | 1.2. Vai trò, ưu thế, đặc điểm của hoạt động trải nghiệm sáng tạo  1.2.1. Vai trò, ưu thế  1.2.2. Đặc điểm | (02 LT  01BT) | 1.2. Hiểu được vai trò, ưu thế, đặc điểm của hoạt động trải nghiệm sáng tạo | CLO4  CLO4 | Phương pháp quan sát; phân tích; phương pháp hình mẫu; thuyết trình, hỏi đáp  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tài liệu I, trang 8 - 12  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học: Vận dụng để tìm ra ưu thế lớn nhất của hoạt động trải nghiệm sáng tạo?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp |  |
| 3 | 1.3. Các hình thức của hoạt động trải nghiệm sáng tạo  1.3.1. Hình thức có tính Khám phá  1.3.2. Hình thức có tính Thể nghiệm | (02 LT  01TH) | 1.3. Biết được Các hình thức của hoạt động trải nghiệm sáng tạo  1.3.1. Vận dụng được các hình thức có tính khám phá  1.3.2. Biết được các vấn đề của hình thức có tính thể nghiệm | ……….. | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tài liệu I, Trang 13 - 16  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học: Phân tích hình thức có tính khám phá?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp | A2.1. |
| 4 | 1.3.3. Hình thức có tính Tham gia lâu dài  1.3.4. Hình thức có tính cống hiến xã hội | (02 LT  01BT) | 1.3.3. Biết được các khái niệm và nêu được ví dụ minh hoạ về hình thức có tính tham gia lâu dài  1.3.4. Hiểu biết về hình thức có tính cống hiến xã hội | CLO5. | Phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp tiếp sức. phương pháp hỏi đáp  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 21)  Trả lời câu hỏi: Ví dụ minh hoạ về hình thức có tính cống hiến xã hội?  Phần chuẩn bị trên lớp:  Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên | A2.1 |
| 5 | 1.4. Phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo  1.4.1. Phương pháp giải quyết vấn đề | (02 LT; 01 TH) | 1.4. Nêu được các phương pháp tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo  1.4.1. Hiểu được các khái niệm và nêu ví dụ về phương pháp giải quyết vấn đề | CLO 3 | Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp sơ đồ mạng nhện.  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tài liệu I, trang 22  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học: Vận dụng để đưa ra ví dụ về phương pháp giải quyết vấn đề?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp | A2.1 |
| 6 | 1.4.2. Phương pháp sắm vai | (02 LT, 01 TH) | 1.4.2. Nêu được và vận dụng được các vấn đề liên quan đến phương pháp sắm vai trong hoạt động trải nghiệm sáng tạo | CLO4 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 26-28)  Phần chuẩn bị trên lớp:  Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên | 2.2. |
| 7 | 1.4.3. Phương pháp trò chơi | (02 LT, 01 BT) | 1.4.3. Hiểu được và vận dụng phương pháp trò chơi vào hoạt động trải nghiệm sáng tạo | CLO 2  CLO2 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 29)  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học: ví dụ các nội dung có thể vận dụng phương pháp trò chơi?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp | A3 |
| 8 | 1.4.4. Phương pháp làm việc nhóm | (2 LT, 01TH) | 1.4.4. Hiểu được phương pháp làm việc nhóm và vận dụng phương pháp làm việc nhóm vào hoạt động trải nghiệm sáng tạo | CLO 2  CLO 3 | Phương pháp nghiên cứu tài liệu;phương pháp tổng hợp; so sánh; phương pháp tiếp sức. phương pháp hỏi đáp  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 30- 31)  - Trả lời câu hỏi: ví dụ minh hoạ về phương pháp làm việc nhóm?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên | A2.3 |
| 9 | Chương 2: Các bước thiết kế hoạt động trải nghiệm sáng tạo  2.1. Đặt tên cho hoạt động  2.2. Xác định mục tiêu của hoạt động | (2 LT, 01 TH) | 2.1. Hiểu được cách đặt tên cho hoạt động  2.2. Biết được cách xác định mục tiêu của hoạt động | CLO 4  CLO 5 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 31)  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học: Đặt tên cho 1 hoạt động tâm đắc?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp | A2.3 |
| 10 | 2.3. Xác định nội dung và hình thức của hoạt động  2.4. Chuẩn bị hoạt động | (02 LT;  01BT) | 2.3. Nêu được cách xác định nội dung và hình thức của hoạt động  2.4. Phân tích được cách chuẩn bị hoạt động | CLO 1 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 31  - Trả lời câu hỏi: Chuẩn bị cho 1 hoạt động, khâu nào là quan trọng nhất?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên | A2.3 |
| 11 | 2.5. Lập kế hoạch  2.6. Thiết kế chi tiết hoạt động  2.7. Kiểm tra, điều chỉnh và hoàn thiện chương trình hoạt động | (2 LT,  01 TH) | 2.5. Biết lập kế hoạch hoạt động  2.6. Vận dụng được thiết kế chi tiết hoạt động  2.7. Hiểu được cách kiểm tra, điều chỉnh và hoàn thiện chương trình hoạt động | CLO1  CLO 2  CLO4  CLO5 | Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp sơ đồ mạng nhện.  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 31-34)  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp |  |
| 12 | Chương 3: Thực hành lập kế hoạch và tổ chức hoạt động trải nghiệm sáng tạo  3.1. Hình thức có tính Khám phá  3.1.1. Lập kế hoạch tổ chức  3.1.2. Thực hành | (2 LT,  01 TH) | 3.1. Biết lập kế hoạch và thực hành hình thức có tính Khám phá | CLO 5  CLO 4 | Phương pháp nghiên cứu tài liệu;phương pháp tổng hợp; so sánh; phương pháp tiếp sức. phương pháp hỏi đáp  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 35)  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên  - Thực hành lập kế hoạch | A2.2 |
| 13 | 3.2. Hình thức có tính Thể nghiệm  3.2.1. Lập kế hoạch tổ chức  3.2.2. Thực hành | (02 LT,  01 TH ) | 3.2. Hiểu biết về việc lập kế hoạch và thực hành hình thức có tính Thể nghiệm | CLO1  CLO 2 | Phương pháp hình mẫu; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp trò chơi; đóng vai; thảo luận.  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 35)  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp  - Thực hành lập kế hoạch | A2.2 |
| 14 | 3.3. Hình thức có tính Tham gia lâu dài  3.3.1. Lập kế hoạch tổ chức  3.3.2. Thực hành | (02 LT;  01TH) | 3.3. Biết lập kế hoạch và thực hành hình thức có tính tham gia lâu dài | CLO 2 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 35)  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên  - Thực hành lập kế hoạch | A2.3 |
| 15 | 3.4. Hình thức có tính Cống hiến XH  3.4.1. Lập kế hoạch tổ chức  3.4.2. Thực hành | (02LT;  01TH) | 3.4. Hiểu được cách lập kế hoạch tổ chức và thực hành hình thức có tính cống hiến xã hội | CLO2  CLO 5 | Phương pháp hình mẫu; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp trò chơi; đóng vai; thảo luận.  GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 35)  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên  - Thực hành lập kế hoạch | A2.3 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  |  |  |  | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Hương Liên | 2021 | Hoạt động trải nghiệm sáng tạo | Lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Quảng Bình |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 1 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2007 | Hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp 10, 11, 12 (Sách giáo viên) | Giáo dục, Hà Nội |
| 2 | Trần Văn Hiếu - Thiều Thị Hường | 2007 | Đổi mới phương pháp tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh lớp 11 trường THPT, | Đại học Sư phạm Huế, Huế |
| 3 | Phùng Đình Mẫn (chủ biên), | 2017 | Tổ chức hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp ở trường THPT, NXB Giáo dục, Hà Nội. | Giáo dục, Hà Nội. |
| 4 | Nguyễn Hữu Châu | 2009 | “Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học”, (2005), Nhà xuất bản giáo dục, Hà Nội. | Giáo dục, Hà Nội. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | Giảng đường A,C | Bảng, phấn, máy chiếu, máy tính cá nhân | 1 | Chương 1 đến chương 3 |

**9. Rubric đánh giá:**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Tham gia thực hành (Practice Attendance)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Ý thức, thái độ | Không có ý thức thực hành hoặc thường xuyên vắng mặt | GV còn phải nhở trong thực hiện nhiệm vụ và không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng ít tương tác với GV, SV | Rất có ý thức thực hành và tương tác tốt với GV, SV | **30%** |
|
| Thực hiện nhiệm vụ được giao | Không hoàn thành (<30%) | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 30-50% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 51-70% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 71-90% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt >90% khối lượng công việc thực hành | **70%** |
|
|
|
|

**9.3 Rubric 3: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy  định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài  tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy  đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với  yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa  hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp  lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý,  đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính  toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

**9.4 Đánh giá kiểm tra viết (Written Exam)**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa**  **TS. Nguyễn Văn Duy** | **Trưởng bộ môn**  **ThS. Lương Thị Lan Huệ** | **Người biên soạn**  **Nguyễn Thị Hương Liên** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **1. Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Lịch sử triết học** | **1.2. Tên tiếng Anh:****History of philosophy** |
| **1.3. Mã học phần: MLLSTH.110** | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 25 tiết |
| - Bài tập: | 20 tiết |
| - Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 90 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Lương Thị Lan Huệ  ThS. Trần Hương Giang |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Triết học Mác - Lênin |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Sinh viên hiểu được một cách hệ thống các kiến thức cơ bản, cốt lõi về Lịch sử triết học, từ đó hình thành các kỹ năng cơ bản và kỹ năng chuyên ngành để phân tích, đánh giá các trào lưu, các tư tưởng triết học trong lịch sử. Đồng thời hình thành và phát triển thái độ tích cực, năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với các hoạt động của cộng đồng xã hội.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất về tiến trình lịch sử triết học từ thời kỳ cổ đại đến thời kỳ hiện đại, hiểu được bối cảnh ra đời, các đặc điểm chính và tư tưởng của các triết gia tiêu biểu.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Biết vận dụng những kiến thức đã được học để có sự so sánh, đối chiếu giữa các triết gia, giữa các trường phái triết học, biết đặt trong sự liên hệ với triết học Mác – Lênin.

**2.2.3. Về thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Lịch sử triết học; Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội; Có tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin, đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc của kẻ thù. Xây dựng, phát triển nhân sinh quan cách mạng và tu dưỡng đạo đức con người mới; Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu một cách hệ thống và cốt lõi về các vấn đề của các trường phái triết học trong lịch sử, đó là triết học Trung Quốc cổ đại; triết học Ấn Độ cổ đại; triết học Hy Lạp và La Mã cổ đại; triết học Tây Âu thời kỳ trung cổ; triết học Tây Âu thời kỳ phục hưng và cận đại; triết học cổ điển Đức; triết học phương Tây hiện đại. |
| CLO2 | Phân tích, đánh giá được các vấn đề lý luận của các trường phái triết học trong lịch sử. Đồng thời áp dụng kiến thức liên ngành, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để lý giải, đánh giá, so sánh với triết học Mác - lênin. |
| CLO3 | Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và tổ chức các hoạt động nhóm. Có kỹ năng thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập.  Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này.  Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lí thông tin. |
| CLO4 | Có kỹ năng vận dụng kiến thức triết học để nhận diện, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học.  Có kỹ năng tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. |
| CLO5 | Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Lịch sử triết học.  Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.  Có ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương. |
| CLO6 | Có năng lực tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận: biết bảo vệ những quan điểm khoa học và biết phê phán những quan điểm sai trái.  Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội.  Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| Tổng hợp học phần | R | R | R | M | M | M | M | R | R | M | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% |  |  | X |  | Điểm danh  Quan sát, theo dõi |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 5:  Chương 3: Triết học Hy Lạp và La Mã cổ đại | 30% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 | - Bài kiểm tra viết (cá nhân)  - Bài tập |
| A2.2. Tuần 10:  Chương 5: Triết học Tây Âu thời kỳ Phục hưng và cận đại | 30% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 |
| A2.3. Tuần 14:  Chương 6: Triết học cổ điển Đức | 40% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | - Bài kiểm tra cuối kỳ:  Chương 1: Triết học Trung Quốc cổ đại  Chương 2: Triết học Ấn Độ cổ đại  Chương 3: Triết học Hy Lạp và La Mã cổ đại  Chương 4: Triết học Tây Âu thời kỳ trung cổ  Chương 5: Triết học Tây Âu thời kỳ Phục hưng và cận đại  Chương 6: Triết học cổ điển Đức  Chương 7: Triết học phương Tây hiện đại |  |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | - Thi tự luận  - Thi vấn đáp |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/BT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy, tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Triết học Trung Quốc cổ đại  1.1. Điều kiện lịch sử và những đặc điểm cơ bản của triết học Trung Quốc cổ đại  1.1.1. Điều kiện lịch sử ra đời của triết học Trung Quốc cổ đại  1.1.2. Những đặc điểm cơ bản của triết học Trung Quốc cổ đại  1.2. Một số trường phái và triết gia tiêu hiểu của triết học Trung Quốc cổ đại  1.2.1. Trường phái triết học Nho gia  1.2.2. Trường phái triết học Đạo gia | 3LT | 1.1. Hiểu được điềukiện lịch sử và những đặc điểm cơ bản của triết học Trung Quốc cổ đại.  1.2. Nhớ và trình bày bày được tư tưởng triết học của trường phái Nho gia, Đạo gia. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề…  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước chương 1 (tài liệu [1], tr18-48).  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 2 | Chương 1: (tiếp theo)  Bài tập: Phân tích làm rõ nội dung học thuyết chính trị của trường phái Nho gia. | 3BT | - Phân tích, lập luận, thuyết trình làm rõ nội dung học thuyết chính trị của trường phái Nho gia. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính, projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 3 | Chương 1: (tiếp theo)  1.2.3. Trường phái triết học Mặc gia  1.2.4. Trường phái triết học Pháp gia  1.2.5. Học thuyết Âm dương-Ngũ hành  Chương 2: Triết học Ấn Độ cổ đại  2.1. Điều kiện lịch sử và những đặc điểm cơ bản của triết học Ấn Độ cổ đại  2.1.1. Điều kiện lịch sử ra đời của triết học Ấn Độ cổ đại  2.1.2. Những đặc điểm cơ bản của triết học Ấn Độ cổ đại  2.2. Một số trường phái và triết gia tiêu biểu của triết học Ấn Độ cổ đại  2.2.1. Những trường phái triết học chính thống. | 3LT | Nhớ và trình bày được tư tưởng triết học của trường phái Mặc gia, Pháp gia và học thuyết Âm dương – Ngũ hành.  2.1. Hiểu được điềukiện lịch sử và những đặc điểm cơ bản của triết học Ấn Độ cổ đại.  2.2. Nhớ và trình bày bày được tư tưởng triết học của các trường phái triết học chính thống. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN..  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước chương 1,TL [1], tr48-64;  Đọc trước chương 2, TL [1], tr109-132  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 4 | - Chương 2: (tiếp theo)  2.2.2 Những trường phái triết học không chính thống  - Bài tập: Phân tích làm rõ nội dung tư tưởng nhân sinh quan của triết học Phật giáo. | 1LT-2BT | 2.2.2. Nhớ và trình bày bày được tư tưởng triết học của các trường phái triết học không chính thống.  - Phân tích, lập luận, thuyết trình làm rõ nội dung tư tưởng nhân sinh quan của triết học Phật giáo. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr132-145.  Chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: ghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 5 | Chương 3: Triết học Hy Lạp và La Mã cổ đại  3.1. Điều kiện lịch sử và những đặc điểm cơ bản của triết học Hy Lạp và La Mã cổ đại  3.1.1. Điều kiện lịch sử ra đời của triết học Hy Lạp và La Mã cổ đại  3.1.2. Những đặc điểm cơ bản của triết học Hy Lạp và La Mã cổ đại  3.2. Một số trường phái và triết gia tiêu biểu của triết học Hy Lạp và La Mã cổ đại  3.2.1. Trường phái triết học Milet  3.2.2. Hêraclite  3.2.3. Trường phái triết học Pythagore  3.2.4. Trường phái triết học Êlê  3.2.5. Đêmôcrit | 3LT | 3.1. Hiểu được điều kiện lịch sử và những đặc điểm cơ bản của triết học Hy Lạp và La Mã cổ đại.  3.2. Nhớ được các trường phái triết học của Hy Lạp và La Mã cổ đại. Trình bày được tư tưởng triết học của trường phái Milet, Hêraclite, Pythagore, trường phái Êlê, Đêmôcrit. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước chương 3 (tài liệu [1], tr146-176).  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. | A2.1 |
| 6 | Chương 3: (tiếp theo)  - Bài tập: Phân tích làm rõ học thuyết nguyên tử của Đêmôcrit. Nhận xét về học thuyết đó. | 3BT | - Phân tích, lập luận, thuyết trình làm rõ học thuyết nguyên tử của Đêmôcrit. Nhận xét học thuyết đó trên lập trường triết học Mác – Lênin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 7 | Chương 3: (tiếp theo)  3.2.6. Xôcrate  3.2.7. Platon  3.2.8. Aristote  Chương 4: Triết học Tây Âu thời kỳ trung cổ  4.1. Điều kiện lịch sử và một số đặc điểm của triết học Tây Âu thời kỳ trung cổ  4.1.1. Điều kiện lịch sử ra đời triết học Tây Âu trung cổ  4.1.2. Những đặc điểm cơ bản của triết học Tây Âu thời kỳ trung cổ  4.2. Một số trường phái và triết gia tiêu biểu của triết học Tây Âu thời kỳ Trung cổ  4.2.1. Triết học Cơ đốc giáo từ thế kỷ thứ II đến thế kỷ thứ IV  4.2.2. Triết học kinh viện | 3LT | Trình bày được tư tưởng triết học của Xôcrate, Platon, Aristote.  4.1. Hiểu được điều kiện lịch sử và một số đặc điểm cơ bản của triết học Tây Âu thời kỳ trung cổ  4.2. Nhớ được các trường phái triết học của Tây Âu thời kỳ trung cổ. Trình bày được tư tưởng triết học của trường phái Cơ đốc giáo, triết học kinh viện. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước chương 3 (tài liệu [1], tr181-208).  Đọc trước chương 4 (tài liệu [1], tr214-240).  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. | A2.1 |
| 8 | Chương 4: (tiếp theo)  - Bài tập: Phân tích làm rõ tư tưởng của các nhà triết học kinh viện giai đoạn hưng thịnh. Nhận xét các tư tưởng triết học đó trên lập trường triết học Mác – Lênin. | 3BT | Phân tích, lập luận, thuyết trình làm rõ tư tưởng triết học của Tômát Đacanh, Đơn Xcốt. Nhận xét học thuyết đó trên lập trường triết học Mác – Lênin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 9 | Chương 4: (tiếp theo)  4.2.2 Triết học kinh viện (tiếp theo)  Chương 5: Triết học Tây Âu thời kỳ Phục hưng và cận đại  5.1. Triết học Tây Âu thời kỳ Phục hưng  5.1.1. Điều kiện lịch sử và những đặc điểm cơ bản của triết học Tây Âu thời kỳ Phục Hưng  5.1.2. Một số trường phái và triết gia tiêu biểu của triết học Tây Âu thời kỳ Phục Hưng | 3LT | Nhớ được các nhà triết học kinh viện. Phân tích được tư tưởng triết học của các nhà kinh viện.  5.1. Hiểu được điều kiện lịch sử và một số đặc điểm cơ bản của triết học Tây Âu thời kỳ Phục hưng.  Nhớ và trình bày được tư tưởng triết học của các triết gia tiêu biểu giai đoạn này. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr226-240;  Đọc trước Chương 5,TL [1], tr241-263  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 10 | Chương 5: (tiếp theo)  5.2 Triết học Tây Âu thời kỳ cận đại  5.2.1. Điều kiện lịch sử và những đặc điểm cơ bản của triết học Tây Âu thời kỳ Cận đại  5.2.2. Một số trường phái và triết gia tiêu biểu của triết học Tây Âu thời kỳ Cận đại  - Bài tập: Phân tích quan niệm của Phranxis Bêcơn về bản chất, nhiệm vụ của triết học và khoa học. Nhận xét quan niệm đó trên lập trường của triết học Mác – Lênin. | 2LT-1BT | 5.2. Hiểu được điều kiện lịch sử và một số đặc điểm cơ bản của triết học Tây Âu thời kỳ cận đại.  Nhớ và trình bày được tư tưởng triết học của các triết gia tiêu biểu giai đoạn này.  Phân tích, lập luận, thuyết trình làm rõ tư tưởng triết học Phranxis Bêcơn. Nhận xét học thuyết đó trên lập trường triết học Mác – Lênin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 5,TL [1], tr263-370; Chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. | A2.2 |
| 11 | Chương 5: (tiếp theo)  Bài tập: Phân tích quan niệm của Đềcáctơ về bản chất và vai trò của triết học. Nhận xét quan niệm đó trên lập trường của triết học Mác – Lênin.  Chương 6: Triết học cổ điển Đức  6.1. Điều kiện lịch sử và một số đặc điểm cơ bản của triết học cổ điển Đức  6.1.1. Điều kiện lịch sử ra đời của triết học cổ điển Đức  6.1.2. Một số đặc điểm cơ bản của triết học cổ điển Đức | 2BT-1LT | Phân tích, lập luận, thuyết trình làm rõ tư tưởng triết học Đềcáctơ. Nhận xét học thuyết đó trên lập trường triết học Mác – Lênin.  6.1. Hiểu được điều kiện lịch sử và một số đặc điểm cơ bản của triết học cổ điển Đức | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 6,TL [1], tr371-377;  Chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 12 | Chương 6: (tiếp theo)  6.2. Một số trường phái và triết gia tiêu biểu của triết học cổ điển Đức  6.2.1. Imanuel Kant  6.2.2. Gioócgiơ Vinhem Phrích Hêghen  6.2.3. Lútvích Phoiơbắc | 3LT | 6.2. Nhớ được các nhà triết học tiêu biểu của triết học cổ điển Đức. Phân tích được tư tưởng triết học của Imanuel Kant, Gioócgiơ Vinhem Phrích Hêghen, Lútvích Phoiơbắc. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước chương 6 (tài liệu [1], tr377-465).  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 13 | Chương 6: (tiếp theo)  Bài tập: Phân tích quan niệm của Heghen về bản chất của triết học – triết học và lịch sử triết học. Nhận xét quan niệm đó trên lập trường của triết học Mác – Lênin. | 3BT | Phân tích, lập luận, thuyết trình làm rõ quan niệm của Heghen về bản chất của triết học – triết học và lịch sử triết học. Nhận xét học thuyết đó trên lập trường triết học Mác – Lênin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 14 | Chương 7: Triết học phương Tây hiện đại  7.1. Hoàn cảnh ra đời và những đặc điểm cơ bản của triết học phương Tây hiện đại  7.1.1. Hoàn cảnh ra đời của triết học phương Tây hiện đại  7.1.2. Những đặc điểm cơ bản của triết học phương Tây hiện đại  7.2. Một số trào lưu triết học phương Tây hiện đại  7.2.1. Chủ nghĩa thực chứng  7.2.2. Chủ nghĩa thực dụng  7.2.3. Chủ nghĩa hiện sinh  7.2.4. Chủ nghĩa Phơ rớt | 3LT | 7.1. Hiểu được hoàn cảnh ra đời và một số đặc điểm cơ bản của triết học phương tây hiện đại.  7.2. Nhớ được các trào lưu triết học phương Tây hiện đại. Phân tích được tư tưởng triết học của chủ nghĩa thực chứng, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa hiện sinh, chủ nghĩa Phơ rớt. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr203-223.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. | A2.3 |
| 15 | Chương 7: (tiếp theo)  Bài tập: Phân tích làm rõ tư tưởng triết học của chủ nghĩa thực dụng. Ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dụng đối với sinh viên hiện nay như thế nào? | 3BT | Phân tích, lập luận, thuyết trình làm rõ tư tưởng triết học của chủ nghĩa thực dụng.  Làm rõ sự ảnh hưởng của chủ nghĩa thực dụng đối với sinh viên hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  |  |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Hữu Vui | 2007 | Lịch sử triết học | NXB CTQG,  Hà Nội. |
| 2 | Nguyễn Thị Thanh Hà | 2019 | TLBG Lịch sử triết học | Lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Quảng Bình |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 1 | Nguyễn Tiến Dũng | 2002 | Giáo trình Lịch sử triết học phương Tây | NXB Giáo dục |
| 2 | Bùi Thanh Quất | 2001 | Lịch sử triết học | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |
| 3 | Trần Đức Thảo | 2006 | Lịch sử tư tưởng trước Mác | NXB Khoa học xã hội, Hà Nội |
| 4 | Lê Tôn Nghiêm | 2000 | Lịch sử triết học phương Tây (3 tập) | NXB TP Hồ Chí Minh |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường A hoặc  Giảng đường C | Máy tính, projector | 1 | Chương 1 đến chương 7 |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |

**9. Rubric đánh giá**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung  bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm:** Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

*Quảng Bình, ngày 23 tháng 06 năm 2021*

**Trưởng khoa Trưởng bộ môn Người biên soạn**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **1. Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Giới thiệu tác phẩm của C.Mác – Ph.Ăngghen và V.I.Lênin** | **1.2. Tên tiếng Anh:****Introduced the classics of Marxism, Ph.Angghen and V.I.Lenin** |
| **1.3. Mã học phần: MLGTTP.112** | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 25 tiết |
| - Bài tập: | 20 tiết |
| - Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 90 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Lương Thị Lan Huệ  ThS. Trần Hương Giang |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Triết học Mác - Lênin |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Sinh viên hiểu được một cách hệ thống các kiến thức cơ bản, cốt lõi về các tác phẩm của C.Mác – Ph.Ăngghen và V.I.Lênin, từ đó hình thành các kỹ năng cơ bản và kỹ năng chuyên ngành để phân tích, đánh giá các các vấn đề triết học trong lịch sử. Đồng thời hình thành và phát triển thái độ tích cực, năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với các hoạt động của cộng đồng xã hội.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất về hoàn cảnh lịch sử, nội dung và ý nghĩa các tác phẩm của Mác- Ăngghen và Lênin; bối cảnh lịch sử dẫn đến việc Lênin bảo vệ, phát triển chủ nghĩa Mác trong điều kiện mới. Yêu cầu nhận thức, thực tiễn cấp thiết đặt ra đối với tác phẩm, bố cục và nội dung triết học khái quát của tác phẩm, vạch ra nội dung cụ thể của các tác phẩm. Làm rõ ý nghĩa của các tác phẩm.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Biết vận dụng những kiến thức đã học để đi sâu tìm hiểu hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, đồng thời rút ra ý nghĩa phương pháp luận của quá trình nghiên cứu, vận dụng phương pháp luận đó trong các quá trình nghiên cứu khoa học và trong cuộc sống.

**2.2.3. Về thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Giới thiệu tác phẩm của C.Mác – Ph.Ăngghen và V.I.Lênin. Có thái độ đúng đắn trong việc tiếp thu các trào lưu triết học phương Tây hiện đại. Đồng thời phê phán những quan điểm sai trái chống lại triết học Mác-Lênin; đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước. Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu một cách hệ thống và cốt lõi các tác phẩm của C.Mác – Ph.Ăngghen và V.I.Lênin đó là tác phẩm Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen; Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844; Luận cương về Phoiơbắc; Hệ tư tưởng Đức; Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản; Tư bản; Chống Đuyrinh; Biện chứng của tự nhiên; Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước; Những người bạn dân là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ - xã hội ra sao; CNDV và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán; Bút ký triết học; Nhà nước và cách mạng. |
| CLO2 | Phân tích, đánh giá được các vấn đề lý luận của các tác phẩm triết học của C.Mác – Ph.Ăngghen và V.I.Lênin. Đồng thời áp dụng kiến thức liên ngành, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để lí giải, đánh giá các hiện tượng thực tiễn phát sinh trong TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam hiện nay. |
| CLO3 | Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và tổ chức các hoạt động nhóm. Có kỹ năng thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập.  Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này.  Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lí thông tin. |
| CLO4 | Có kỹ năng vận dụng kiến thức triết học để nhận diện, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học.  Có kỹ năng tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. |
| CLO5 | Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Giới thiệu tác phẩm của C.Mác – Ph.Ăngghen và V.I.Lênin.  Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.  Có ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương. |
| CLO6 | Có năng lực tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận: biết bảo vệ những quan điểm khoa học và biết phê phán những quan điểm sai trái.  Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội.  Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| Tổng hợp học phần | R | R | R | M | M | M | M | R | R | M | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% |  |  | X |  | Điểm danh  Quan sát, theo dõi |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 5:  Chương 2: Giới thiệu tác phẩm của C.Mác – Ph.Ăngghen | 30% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 | - Bài kiểm tra viết (cá nhân)  - Bài tập |
| A2.2. Tuần 10:  Chương 2: Giới thiệu tác phẩm của C.Mác – Ph.Ăngghen | 30% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 |
| A2.3. Tuần 14:  Chương 3: Giới thiệu tác phẩm của V.I. Lênin | 40% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | - Bài kiểm tra cuối kỳ:  Chương 1: Đối tượng, mục đích, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu tác phẩm của Mác-Ănghen và Lênin.  Chương 2: Giới thiệu tác phẩm của C.Mác – Ph.Ăngghen  Chương 3: Giới thiệu tác phẩm của V.I. Lênin |  |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | - Thi tự luận  - Thi vấn đáp |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/BT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy, tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Đối tượng, mục đích, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu tác phẩm của Mác-Ănghen và Lênin.  1.1. Đối tượng, mục đích, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu  1.2. Ý nghĩa của môn học  Chương 2: Giới thiệu tác phẩm của C.Mác – Ph.Ăngghen  2.1. Tác phẩm “Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hegel”  2.1.1. Hoàn cảnh lịch sử, mục đích và kết cấu của tác phẩm  2.1.2. Nội dung cơ bản của tác phẩm  2.1.3. Ý nghĩa của tác phẩm  2.2. Tác phẩm “Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844  2.2.1. Bối cảnh ra đời, mục đích và kết cấu của tác phẩm  2.2.2. Nội dung cơ bản của tác phẩm  2.2.3. Ý nghĩa tác phẩm | 3LT | 1.1.Hiểu được đối tượng, mục đích, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu môn học.  1.2. Trình bày được ý nghĩa của môn học.  2.1. Hiểu được hoàn cảnh ra đời, mục đích và kết cấu của tác phẩm. Hiểu được nội dung cơ bản của tác phẩm. Trình bày được ý nghĩa của tác phẩm.  2.2. Hiểu được bối cảnh ra đời, mục đích và kết cấu của tác phẩm. Hiểu được nội dung cơ bản của tác phẩm. Trình bày được ý nghĩa của tác phẩm. | CLO1  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước chương 1 (tài liệu [1], tr4-6).  Đọc trước chương 2 (tài liệu [1], tr6-21).  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 2 | Chương 2: (tiếp theo)  2.3. Tác phẩm “Luận cương về Phoiơbắc”  2.3.1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm  2.3.2. Nội dung cơ bản của tác phẩm  2.3.3. Ý nghĩa tác phẩm  2.4. Tác phẩm “Hệ tư tưởng Đức”  2.4.1. Bối cảnh ra đời, mục đích và kết câu của tác phẩm  2.4.2. Những tư tưởng cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử  2.4.3. Ý nghĩa của tác phẩm | 3LT | 2.3. Hiểu được hoàn cảnh ra đời, nội dung cơ bản của tác phẩm. Trình bày được ý nghĩa của tác phẩm.  2.4. Hiểu được hoàn cảnh ra đời, mục đích và kết cấu của tác phẩm. Hiểu được nội dung cơ bản của tác phẩm. Trình bày được ý nghĩa của tác phẩm. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN.  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính, projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước chương 2 (tài liệu [1], tr21-36).  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 3 | Chương 2: (tiếp theo)  Bài tập: Phân tích làm rõ những hạn chế của chủ nghĩa duy vật cũ theo quan điểm của Mác được thể hiện trong tác phẩm “Luận cương về Phoiơbắc”. | 3BT | Phân tích được những hạn chế của CNDV cũ theo quan điểm của Mác được thể hiện trong tác phẩm. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 4 | Chương 2: (tiếp theo)  2.5. Tác phẩm “Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản”  2.5.1. Hoàn cảnh lịch sử, mục đích và kết cấu tác phẩm  2.5.2. Nội dung cơ bản của tác phẩm  2.5.3. Ý nghĩa của tác phẩm  2.6. Tác phẩm “Tư bản”  2.6.1. Hoàn cảnh lịch sử, mục đích và kết cấu tác phẩm  2.6.2 Nội dung cơ bản của tác phẩm  2.6.3. Ý nghĩa của tác phẩm | 3LT | 2.5. Hiểu được hoàn cảnh ra đời, mục đích và kết cấu của tác phẩm. Hiểu được nội dung cơ bản của tác phẩm. Trình bày được ý nghĩa của tác phẩm.  2.6. Hiểu được hoàn cảnh lịch sử, mục đích và kết cấu của tác phẩm. Hiểu được nội dung cơ bản của tác phẩm. Trình bày được ý nghĩa của tác phẩm. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [2], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr36-54.  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 5 | Chương 2: (tiếp theo)  Bài tập: Làm sáng tỏ khẳng định sau của C.Mác:  “Lịch sử xã hội loài người từ khi có giai câp là lịch sử đấu tranh giai cấp. Đỉnh cao của đấu tranh giai cấp bao giờ cũng kết thúc bằng một cuộc cách mạng, cải tạo-toàn bộ xã hội. Hoặc bằng sự diệt vong của hai giai cấp đang đấu tranh với nhau”. Vận dụng vào sự phát triển của xã hội Việt Nam. | 3BT | Phân tích, lập luận, thuyết trình làm rõ nhận định của Mác. Vận dụng sáng tạo vào hoàn cảnh cụ thể của xã hội Việt Nam. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. | A2.1 |
| 6 | Chương 2: (tiếp theo)  2.7. Tác phẩm “Chống Đuyrinh”  2.7.1 Hoàn cảnh lịch sử, mục đích và kết cấu tác phẩm  2.7.2. Nội dung cơ bản của tác phẩm  2.7.3. Ý nghĩa của tác phẩm | 3LT | 2.7. Hiểu được hoàn cảnh lịch sử, mục đích và kết cấu của tác phẩm. Hiểu được nội dung cơ bản của tác phẩm. Trình bày được ý nghĩa của tác phẩm | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr54-63.  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 7 | Chương 2: (tiếp theo)  Bài tập: Phân tích làm rõ quan niệm duy vật về thế giới và phép biện chứng duy vật của Ăngghen thể hiện trong tác phẩm Chống Đuyrinh. | 3BT | Phân tích, lập luận, thuyết trình làm rõ quan niệm duy vật về thế giới và phép biện chứng duy vật của Ăngghen thể hiện trong tác phẩm Chống Đuyrinh. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. | A2.1 |
| 8 | Chương 2: (tiếp theo)  2.8. Tác phẩm “Biện chứng của tự nhiên”  2.8.1. Hoàn cảnh lịch sử, mục đích và kết cấu tác phẩm  2.8.2 Nội dung cơ bản của tác phẩm  2.8.3. Ý nghĩa của tác phấm | 3LT | 2.8. Hiểu được hoàn cảnh lịch sử, mục đích và kết cấu của tác phẩm. Hiểu được nội dung cơ bản của tác phẩm. Trình bày được ý nghĩa của tác phẩm | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr63-71.  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 9 | Chương 2: (tiếp theo)  Bài tập: Phân tích vai trò của lao động trong quá trình hình thành con người và xã hội loài người | 3BT | Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. Làm rõ biện chứng của sự sống và vai trò của lao động trong quá trình hình thành con người và xã hội loài người. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 10 | 2.9. Tác phẩm “Nguồn gốc của gia đình, của chế độ tư hữu và của nhà nước”  2.9.1. Hoàn cảnh lịch sử, mục đích và kết cấu tác phẩm  2.9.2 Nội dung cơ bản của tác phẩm  2.9.3. Ý nghĩa của tác phẩm | 3LT | 2.9. Hiểu được hoàn cảnh lịch sử, mục đích và kết cấu của tác phẩm. Hiểu được nội dung cơ bản của tác phẩm. Trình bày được ý nghĩa của tác phẩm | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính, projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr71-92; - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. | A2.2 |
| 11 | Chương 3: Giới thiệu tác phẩm của Lênin  3.1. Tác phẩm “Những người bạn dân là thế nào và họ đấu tranh chống những người dân chủ xã hội ra sao”  3.1.1. Hoàn cảnh ra đời, mục đích và kết cấu của tác phẩm  3.1.2. Nội dung cơ bản của tác phẩm  3.1.3. Ý nghĩa của tác phẩm  3.2. Tác phẩm “Chủ nghĩa duy vật và chủ nghĩa kinh nghiệm phê phán”  3.2.1. Hoàn cảnh ra đời và bố cục của tác phẩm  3.2.2. Nội dung cơ bản của tác phẩm  3.2.3. Ý nghĩa của tác phẩm | 3LT | 3.1. Hiểu được hoàn cảnh ra đời, mục đích và kết cấu của tác phẩm. Hiểu được nội dung cơ bản của tác phẩm. Trình bày được ý nghĩa của tác phẩm  3.2. Hiểu được hoàn cảnh ra đời và bố cục của tác phẩm. Hiểu được nội dung cơ bản của tác phẩm. Trình bày được ý nghĩa của tác phẩm | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr92-107; - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 12 | Chương 3: (tiếp theo)  Bài tập: Lênin đã bảo vệ, kế thừa và phát triển lý luận nhận thức của chủ nghĩa Mác như thế nào? | 3BT | Phân tích được Lênin đã bảo vệ, kế thừa và phát triển lý luận nhận thức của chủ nghĩa Mác thể hiện trong chương 1, chương 2, chương 3 của tác phẩm. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 13 | Chương 3: (tiếp theo)  3.3. Tác phẩm “Bút ký triết học”  3.3.1. Hoàn cảnh ra đời, mục đích và kết cấu của tác phẩm  3.3.2. Nội dung cơ bản của tác phẩm  3.3.3. Ý nghĩa của tác phẩm  3.4. Tác phẩm “Nhà nước và cách mạng”  3.4.1. Hoàn cảnh ra đời của tác phẩm  3.4.2. Nội dung tác phẩm | 3LT | 3.3. Hiểu được hoàn cảnh ra đời, mục đích và kết cấu của tác phẩm. Hiểu được nội dung cơ bản của tác phẩm. Trình bày được ý nghĩa của tác phẩm  3.4. Hiểu được hoàn cảnh ra đời của tác phẩm. Hiểu được nội dung cơ bản của tác phẩm. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr107-138; - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 14 | Chương 3: (tiếp theo)  Bài tập: Lênin đã phát triển học thuyết mácxít về sự phát triển và đồng nhất ba bộ phận của chủ nghĩa duy vật biện chứng như thế nào? | 3BT | Phân tích được Lênin đã phát triển học thuyết mácxít về sự phát triển và đồng nhất ba bộ phận của chủ nghĩa duy vật biện chứng | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. | A2.3 |
| 15 | Chương 3: (tiếp theo)  3.4.2. Nội dung tác phẩm (tiếp theo)  3.4.3. Ý nghĩa của tác phẩm  Bài tập: Phân tích bản chất giai cấp của nhà nước theo quan điểm của Lênin trong tác phẩm Nhà nước và cách mạng. Liên hệ thực tiễn nhà nước CHXHCN Việt Nam. | 1LT-2BT | 3.4.2. Hiểu được nội dung cơ bản của tác phẩm. Trình bày được ý nghĩa của tác phẩm  - Phân tích được bản chất giai cấp của nhà nước theo quan điểm của Lênin. Liên hệ thực tiễn nhà nước CHXHCN Việt Nam. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr138-142; CB sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, phản biện. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  |  |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Thanh Hà | 2017 | Bài giảng Giới thiệu tác phẩm của Mác-Ăngghen và Lênin | Lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Quảng Bình |
| 2 | Doãn Chính | 2003 | Vấn đề triết học trong tác phẩm của C.Mác - Ph.Ăngghen - Lênin | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 1 | Nguyễn Tiến Dũng | 2002 | Giáo trình Lịch sử triết học phương Tây | NXB Giáo dục |
| 2 | Bùi Thanh Quất | 2001 | Lịch sử triết học | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |
| 3 | Trần Đức Thảo | 2006 | Lịch sử tư tưởng trước Mác | NXB Khoa học xã hội, Hà Nội |
| 4 | Trần Đức Thảo | 2006 | Triết học Mác về lịch sử | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường A hoặc  Giảng đường C | Máy tính, projector | 1 | Chương 1 đến chương 3 |

**9. Rubric đánh giá**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2** **Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3. Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm)**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

*Quảng Bình, ngày 23 tháng 06 năm 2021*

**Trưởng khoa Trưởng bộ môn Người biên soạn**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **1. Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Chuyên đề quốc phòng – an ninh** | **1.2. Tên tiếng Anh:****National defense – security theme** |
| **1.3. Mã học phần: MLCDQP.118** | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 20 tiết |
| - Bài tập: | 10 tiết |
| - Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Triết học Mác-Lênin |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Sinh viên hiểu được một cách hệ thống các kiến thức cơ bản, cốt lõi về công tác quốc phòng – an ninh, từ đó hình thành các kỹ năng cơ bản và kỹ năng chuyên ngành để phân tích, đánh giá các vấn đề về quốc phòng – an ninh, trật tự an toàn xã hội lên quan đến thực tiễn của đất nước và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Đồng thời hình thành và phát triển thái độ tích cực, năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với các hoạt động của cộng đồng xã hội.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi và chuyên sâu về công tác quốc phòng – an ninh và trật tự an toàn xã hội.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị, xã hội của đất nước liên quan đến tình hình quốc phòng – an ninh, trật tự an toàn xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**2.2.3. Về thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học chuyên đề quốc phòng – an ninh; Tin tưởng vào con đường đi lên CNXH; Có lập trường, tư tưởng vững vàng; Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội; Đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước; Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu một cách hệ thống và cốt lõi về các vấn đề của công tác quốc phòng – an ninh, đó là phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia; Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội. |
| CLO2 | Phân tích, đánh giá được các vấn đề lý luận về công tác quốc phòng – an ninh, trật tự an toàn xã hội ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời áp dụng kiến thức liên ngành, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để lí giải, đánh giá các hiện tượng thực tiễn phát sinh trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước hiện nay. |
| CLO3 | Có kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm và tổ chức các hoạt động nhóm. Có kỹ năng thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập.  Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này.  Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, kỹ năng lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lí thông tin. |
| CLO4 | Có kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành quốc phòng – an ninh để nhận diện, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học.  Có kỹ năng tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. |
| CLO5 | Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học chuyên đề quốc phòng – an ninh. Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Có ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương. |
| CLO6 | Có năng lực tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận: biết bảo vệ những quan điểm khoa học và biết phê phán những quan điểm sai trái.  Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội.  Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| Tổng hợp học phần | R | R | R | M | M | M | M | R | R | M | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% |  |  | X |  | Điểm danh  Quan sát, theo dõi |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 7:  Chuyên đề 3: Bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc | 50% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 | - Bài kiểm tra viết (cá nhân)  - Bài tập |
| A2.2. Tuần 14:  Chuyên đề 5: Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội | 50% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | - Bài kiểm tra cuối kỳ:  Chuyên đề 1: Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam.  Chuyên đề 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam  Chuyên đề 3: Bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ ANTQ.  Chuyên đề 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia  Chuyên đề 5: Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội |  |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | - Thi tự luận  - Thi vấn đáp |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/BT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chuyên đề 1: Phòng chống chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam  1.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá chủ nghĩa xã hội  1.1.1. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”  1.1.2. Bạo loạn lật đổ  1.2. Chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam  1.2.1. Âm mưu, thủ đoạn của chiến lược “Diễn biến hòa bình” đối với Việt Nam  1.2.2. Bạo loạn lật đổ của các thế lục thù địch chống phá cách mạng Việt Nam | 2LT | 1.1. Hiểu được khái niệm “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ, sự hình thành và phát triển của chiến lược “Diễn biến hòa bình”.  1.2. Hiểu được âm mưu, thủ đoạn của chiến lược “DBHB” đối với Việt Nam. Hiểu được bản chất của bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch chống phá cách mạng Việt Nam. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 1 (tài liệu [1], tr5-8). - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 2 | - Chuyên đề 1: (tiếp theo)  1.3. Mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm, phương châm và những giải pháp trong phòng, chống chiến lược "DBHB”, bạo loạn lật đổ của Đảng, Nhà nước ta  1.3.1. Mục tiêu  1.3.2. Nhiệm vụ  1.3.3. Quan điểm chỉ đạo  1.3.4. Phương châm tiến hành  1.3.5. Những giải pháp cụ thể | 2LT | 1.3. Hiểu được mục tiêu, nhiệm vụ, quan điểm, phương châm và những giải pháp trong phòng, chống chiến lược "DBHB”, bạo loạn lật đổcủa Đảng, Nhà nước ta | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính, projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: đọc trước Chuyên đề 1 (tài liệu [1], tr8-13). - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 3 | - Chuyên đề 1: (Tiếp theo)  Bài tập: Phân tích làm rõ âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam hiện nay? | 2BT | Phân tích được những âm mưu, thủ đoạn trong chiến lược “Diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt. Lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 4 | Chuyên đề 2: Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam  2.1. Một số vấn đề cơ bản về dân tộc  2.1.1. Một số vấn đề chung về dân tộc  2.1.2. Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam và quan điểm chính sách dân tộc của Đảng Nhà nước ta hiện nay | 2LT | 2.1. Hiểu được khái niệm dân tộc, tình hình quan hệ dân tộc trên thế giới, quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin về vấn  đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc; Trình bày được Tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề dân tộc và giải quyết vấn đề dân tộc.  Nhớ được Đặc điểm các dân tộc ở Việt Nam. Phân tích được quan điểm chính sách dân tộc của Đảng Nhà nước ta hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính, projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 2, TL [1], tr14-23.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 5 | Chuyên đề 2: (tiếp theo)  2.2. Một số vấn đề cơ bản về tôn giáo  2.2.1. Một số vấn đề chung về tôn giáo  2.2.2. Nguồn gốc của tôn giáo  2.2.3. Tính chất của tôn giáo  2.2.4. Tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng xã hội chủ nghĩa  2.2.5. Tình hình tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta  2.3. Đấu tranh phòng, chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam  2.3.1. Âm mưu và thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch  2.3.2. Giải pháp đấu tranh phòng, chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch | 2LT | 2.2. Hiểu được khái niệm, bản chất, nguồn gốc, tính chất của tôn giáo. Trình bày được tình hình tôn giáo trên thế giới và quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về giải quyết vấn đề tôn giáo trong cách mạng XHCN. Hiểu được tình hình tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta.  2.3. Phân tích được âm mưu, thủ đoạn lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam của các thế lực thù địch; Nhớ được các giải pháp đấu tranh phòng, chống sự lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 2, TL [1], tr23-34.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 6 | Chuyên đề 2: (tiếp theo)  Bài tập: Vận dụng, phân tích vấn đề phát triển dân tộc ở Việt Nam, ở địa phương hiện nay.  Trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến quan điểm, chính sách về tôn giáo ở VN hiện nay? | 2BT | - Vận dụng được vào thực tiễn xã hội, địa phương.  - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến quan điểm, chính sách về tôn giáo ở VN hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 7 | Chuyên đề 3: Bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội và xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc  3.1.Nhận thức chung về bảo vệ ANQG và giữ gìn TTATXH  3.1.1. Các khái niệm cơ bản  3.1.2. Tính chất, mục tiêu bảo vệ ANQG và giữ gìn TTATXH  3.1.3. Nội dung và nhiệm vụ bảo vệ ANQG và giữ gìn TTATXH  3.2. Những yếu tố tác động đến ANQG và TTATXH  3.2.1. Yếu tố bên trong  3.2.2. Yếu tố bên ngoài  3.3. Quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội  3.3.1. Quan điểm, tư tưởng chỉ đạo  3.3.2. Lực lượng bảo vệ ANQG, giữ gìn TTATXH  3.3.3. Biện pháp bảo vệ ANQG, giữ gìn TTATXH | 2LT | 3.1. Hiểu được các khái niệm cơ bản về ANQG và giữ gìn TTATXH; Hiểu được tính chất, mục tiêu, nội dung và nhiệm vụ bảo vệ ANQG và giữ gìn TTATXH.  3.2. Trình bày được những yếu tố tác động đến ANQG và TTATXH  3.3. Trình bày được quan điểm của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ ANQG, TTATXH; nhớ được lực lượng bảo vệ ANQG, giữ gìn TTATXH; hiểu được các biện pháp bảo vệ ANQG, giữ gìn TTATXH. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính, projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 3, TL [1], tr34-46.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. | A2.1 |
| 8 | Chuyên đề 3: (tiếp theo)  3.4. Vai trò, trách nhiệm của công dân trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội  3.4.1. Quy định của pháp luật về quyền nghĩa vụ của công dân trong bảo vệ an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội  3.4.2. Trách nhiệm của sinh viên trong việc bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội  3.5. Xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc  3.5.1. Quan điểm về quần chúng nhân dân và vai trò của quần chúng nhân dân trong BVANTQ  3.5.2. Nhận thức về phong trào TDBVANTQ  3.5.3. Nội dung và phương pháp xây dựng phong trào TDBVANTQ  3.5.4. Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào TDBVANTQ | 2LT | 3.4. Hiểu được vai trò, trách nhiệm của công dân trong công tác bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.  3.5. Hiểu được quan điểm về quần chúng nhân dân và vai trò của quần chúng nhân dân trong BVANTQ; Phân tích được nội dung và phương pháp xây dựng phong trào TDBVANTQ. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 3, TL [1], tr46-78.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 9 | Chuyên đề 3: (tiếp theo)  Bài tập:  - Trách nhiệm của sinh viên trong việc bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội.  - Trách nhiệm của sinh viên trong việc tham gia xây dựng phong trào TDBVANTQ. | 2BT | - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm bản thân trong việc bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội và trong việc tham gia xây dựng phong trào TDBVANTQ. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 10 | Chuyên đề 4: Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ biên giới quốc gia  4.1. Xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia  4.1.1. Một số khái niệm  4.1.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia  4.2. Xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia  4.2.1. Một số khái niệm  4.2.2. Nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia | 2LT | 4.1. Hiểu đượccác khái niệm về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia; phân tích được nội dung xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia.  4.2. Hiểu đượccác khái niệm về xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia; phân tích được nội dung xây dựng và bảo vệ biên giới quốc gia. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 4, TL [1], tr78-87.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 11 | Chuyên đề 4: (tiếp theo)  4.3. Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia  4.3.1. Quan điểm  4.3.2. Trách nhiệm công dân trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia | 2LT | 4.3. Trình bày được quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; hiểu được trách nhiệm công dân trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 4, TL [1], tr87-93.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 12 | Chuyên đề 4: (tiếp theo)  Bài tập:  Trách nhiệm của sinh viên trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. | 2BT | - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm bản thân trong việc xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 13 | Chuyên đề 5: Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội  5.1.Những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm  5.1.1. Các khái niệm cơ bản  5.1.2. Nội dung, nhiệm vụ hoạt động công tác phòng chống tội phạm  5.1.3. Chủ thể và những nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm  5.1.4. Phòng chống tội phạm trong nhà trường | 2LT | 5.1. Hiểu được các khái niệm, nội dung, nhiệm vụ hoạt động công tác phòng chống tội phạm. Nhớ được chủ thể và những nguyên tắc tổ chức hoạt động phòng chống tội phạm. Phân tích được việc phòng chống tội phạm trong nhà trường. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính, projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 5, TL [1], tr93-104.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 14 | Chuyên đề 5: (tiếp theo)  5.2. Công tác phòng chống tệ nạn xã hội  5.2.1. Khái niệm, mục đích công tác phòng chống tệ nạn xã hội và đặc điểm đối tượng hoạt động tệ nạn xã hội  5.2.2. Chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội  5.2.3. Các loại tệ nạn xã hội phổ biến và phương pháp phòng chống | 2LT | 5.2. Hiểu được khái niệm, mục đích công tác phòng chống TNXH và đặc điểm đối tượng hoạt động TNXH; hiểu được chủ trương, quan điểm và các quy định của pháp luật về phòng chống TNXH; Nhớ được các loại TNXH phổ biến và phương pháp phòng chống. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 5,TL [1], tr104-113.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; | A2.2 |
| 15 | - Chuyên đề 5: (tiếp theo)  Bài tập: Trách nhiệm của nhà trường và sinh viên trong phòng chống tệ nạn xã hội? | 2BT | - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của nhà trường và SV trong phòng chống tệ nạn xã hội. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  |  |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Thanh Hà | 2020 | Bài giảng Chuyên đề quốc phòng – an ninh | Lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Quảng Bình |
| 2 | Đào Huy Hiệp  Nguyễn mạnh Hưởng  Lưu Ngọc Khải | 2009 | Giáo trình Giáo dục quốc phòng – an ninh” Tập 1,2 | Nxb Giáo dục |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 1 | Đảng Cộng sản Việt Nam | 2011 | Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ qúa độ lên chủ nghĩa xã hội | NXB CTQG,  Hà Nội |
| 2 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2001 | Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học (dành cho bậc đại học – khối không chuyên LLCT) | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |
| 3 | Nguyễn Thị Thanh | 2011 | Về chủ nghĩa Mác – Lênin chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | NXB Chính trị – Hành chính. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường A hoặc  Giảng đường C | Máy tính, projector | 1 | Chuyên đề 1 đến chuyên đề 5 |

**9. Rubric đánh giá**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

*Quảng Bình, ngày 23 tháng 06 năm 2021*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số:** 7140205 |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**  **1. Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Phát triển chương trình GDCD** | **1.2. Tên tiếng Anh:**Developing the program of civic education subjects |
| **1.3. Mã học phần:** ML.PTCT.133 | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết |
| - Bài tập: | 05 tiết |
| - Thực hành: | 10 tiết (10 x2 =20 tiết) |
| - Tự học: | **90** |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Lương Thị Lan Huệ |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phan Thị Thu Hà  ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt  ThS. Trần Hương Giang |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | **Không** |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần giới thiệu những vấn đề chung về chương trình, phát triển chương trình nhà trường, phát triển chuwong trình môn học; quy trình phát triển chuwong trình môn GDCD theo định hướng phát triển năng lực người học.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Sinh viên hiểu biết về vị trí, vai trò của việc xây dựng và phát triển chương trình đào tạo nói chung và chương trình GDCD nói riêng; Đánh giá được việc xây dựng và triển khai chương trình GDCD hiện hành; Biết được nhiệm vụ của giáo viên phổ thông về phát triển chương trình cũng như quy trình xây dựng chương trình đào tạo giáo viên GDCD ở trường THPT.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Vận dụng kiến thức đã học để thiết kế chương trình đào tạo thích hợp; Có kỹ năng thu thập và xử lý thông tin; Biết cách thiết kế mẫu phiếu khảo sát, mẫu xây dựng chương trình khung đào tạo giáo viên giảng dạy GDCD ở trường THPT.

**2.2.3. Về thái độ**

Sinh viên có ý thức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao trong việc xây dựng chương trình môn học; Sinh viên có phẩm chất trung thực, khách quan khi thực hành xây dựng chương trình môn học.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Người học hiểu biết về chương trình môn GDCD ở trường phổ thông, vị trí vai trò của việc phát triển chương trình môn học. |
| CLO2 | Trình bày, phân tích được nội dung chương trình sách giáo khoa môn GDCD hiện hành; quy trình các bước phát triển chương trình GDCD. |
| CLO3 | Có kỹ năng thiết kế, phát triển chương trình môn học |
| CLO4 | Có kỹ năng dạy học, kĩ năng thu thập, xử lý thông tin trong xây dựng phát triển chương trình. |
| CLO5 | Có năng lực tự chủ, năng động, sáng tạo trong phát triển chương trình. |
| CLO6 | Có ý thức, tác phong đạo đức nhà giáo, có phẩm chất trung thực, khách quan khi thực hành xây dựng chương trình môn học. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | I |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  |  |  |  | A | A | A |  |  |  |
| CLO 4 |  | R |  |  |  |  | A | A | A |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  | A | A | A |  | M |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 3  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; | Quan sát, theo dõi, điểm danh |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 35% | A2.1. Tuần 5  - Chương 1. Khái luận chung về phát triển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường THPT | 30% | X | CLO1; CLO2 | Viết, bài tập  Thực hành |
| A2.2. Tuần 10  Chương 2. Phân tích, đánh giá chương trình môn GDCD ở trường THPT | 30% | X | CLO3; CLO4; CLO5 |
| A2.3. Tuần 14  Chương 3. Phát triển chương trình môn GDCD ở trường THPT theo định hướng phát triển năng lực | 40% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ (Thi kết thúc học phần) | 60% | - Chương 1. Khái luận chung về phát triển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường THPT  - Chương 2. Phân tích, đánh giá chương trình môn GDCD ở trường THPT  - Chương 3. Phát triển chương trình môn GDCD ở trường THPT theo định hướng phát triển năng lực |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; | Tự luận, vấn đáp |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

***Sinh viên phải tham dự > = 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được thi kết thúc HP.***

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/T)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Khái luận chung về phát triển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường THPT   * 1. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến chương trình giáo dục      1. Chương trình giáo dục      2. Chương trình đào tạo      3. Chương trình giáo dục phổthông      4. Chương trình môn học   2. Một số khái niệm cơ bản liên quan đến phát triển chương trình giáo dục   1.2.1 Phát triển chương trình  1.2.2 Phát triển chương trình giáo dục phổ thông  1.2.3 Phát triển chương trình môn học  1.2.4 Phát triển chương trình môn Giáo dục công dân | (02 LT  01BT) | **- Hiểu được** khái niệm liên quan đến chương trình giáo dục, chương trình nhà trường.  **- Phân tích được** chương trình giáo dục phổ thông mới, phát triển chương trình môn GDCD. | CLO1  CLO2,CL03 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  Hình thức: Lên lớp, trải nghiệm  Phương pháp nêu vấn đề, hỏi đáp, thuyết trình, tự học | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung b ài học từ trang  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Bài tập:  So sánh sự khác biệt giữa chương trình giáo dục và chương trình môn học. |  |
| 2 | 1.3 Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc phát triển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông  1.3.1 Cơ sở lý luận của việc phát triển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông  1.3.2 Cơ sở thực tiễn của việc phát triển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | (02 LT  01BT) | **- Hiểu được** cơ sở lý luận và cơ sở thực tiễncủa việc phát triển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông  -**Lấy được** ví dụ minh họa cụ thể. | CLO1; CLO2; CLO3 | Phương pháp nêu vấn đề; phương pháp thuyết trình; phương pháp nghiên cứu tài liệu, phương pháp hỏi đáp; phương pháp kể chuyện. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Bài tập:  Nêu quan điểm chủ trương của Đảng và nhà nước về tầm quan trọng của việc phát triển chương trình môn học.  Các nhóm nhận xét chéo. |  |
| 3 | 1.4 Nguyên tắc phát trển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông  1.4.1 Nguyên tắc khoa học  1.4.2 Nguyên tắc kế thừa  1.4.3 Nguyên tắc phát triển  1.4.4 Nguyên tắc thực tiễn | (02 LT  01TH) | - **Hiểu được** các nguyên tắc phát trển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông  **- Phân tích được** nội dung các nguyên tắc phát triển chương trình. | CLO1;  CLO2;  CLO3. | Phương pháp thuyết trình, phương pháp làm việc nhóm, phương pháp hỏi đáp, phương pháp tự học | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  “nguyên tắc phát trển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông”  Phần chuẩn bị trên lớp:  Lớp chia thành 4 nhóm tìm hiểuõ nội dung: Nguyên tắc khoa học; kế thừa; phát triển; thực tiễn. |  |
| 4 | 1.5 Định hướng phát triển chương trình môn Giáo dục công dân và nhiệm vụ của giáo viên về phát triển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường THPT  1.5.1 Định hướng phát triển chương trình môn Giáo dục công dân  1.5.2 Nhiệm vụ của giáo viên về phát triển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường THPT | (02 LT  01BT) | - **Hiểu được** nội dung “Định hướng phát triển chương trình môn Giáo dục công dân và nhiệm vụ của giáo viên về phát triển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường THPT”  **- Có kỹ năng** phát triển chương trình nhà trường, chương trình môn học.  **- Áp dụng** được trong làm bài tập trải nghiệm. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | Phương pháp thuyết trình; phương pháp hỏi đáp; phương pháp đóng vai, tự học. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung “Định hướng phát triển chương trình môn Giáo dục công dân và nhiệm vụ của giáo viên về phát triển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường THPT”  Phần chuẩn bị trên lớp:  Đóng vai làm giáo viên thể hiện các nhiệm vụ của người giáo viên trong phát triển chương trình. |  |
| 5 | Chương 2: Phân tích, đánh giá chương trình môn Giáo dục công dân ở trường THPT  2.1 Những vấn đề chung về chương trình môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông  2.1.1 Vai trò, vị trí môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông  2.1.2 Mục tiêu, nhiệm vụ của môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | (02 LT; 01 TH) | **- Hiểu, biết** về vị trí, vai trò, mục tiêu, nhiệm vụ môn GDCD ở trường THPT.  **- Trình bày, phân tích được c**ác vấn đề chung về chương trình môn GDCD ở trường THPT.  **- Áp dụng được** kiến thức môn GDCD vào thực hành phân tích vị trí vai trò môn GDCD. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4; | Phương pháp thuyết trình nêu vấn đề, phương pháp sơ đồ mạng nhện, phương pháp sơ đồ tư duy, phương pháp hỏi đáp | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung những vấn đề chung về chương trình môn GDCD.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Nêu mục tiêu môn GDCD lớp 10, 11, 12.  Nêu mục tiêu môn GDCD ở bậc THPT. | A2.1 |
| 6 | 2.2.3 Cấu trúc, phân bố chương trình môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông  2.2 Phân tích, đánh giá chương trình môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông  2.2.1 Phân tích chương trình môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | (02 LT, 01 TH) | **- Biết được** cấu trúc, phân bố chương trình môn GDCD.  **- Có kỹ năng** phân tích chương trình, phát hiện vấn đề trọng tâm. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | Phương pháp thuyết trình, phương pháp nghiên cứu lý thuyết, phương pháp hỏi đáp | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  Chương trình sách giáo khoa môn GDCD lớp 10, 11, 12.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Nghiên cứu và phân tích nội dung chương trình GDCD lớp 10, 11, 12. |  |
| 7 | 2.2.1 Phân tích chương trình môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông (tiếp) | (02 LT, 01 BT) | **- Biết được** cấu trúc, phân bố chương trình môn GDCD.  **- Hiểu được** nội dung chương trình môn GDCD bậc THPT.  **- Có kỹ năng** phân tích chương trình, phát hiện vấn đề trọng tâm  **.- Có ý thức học hỏi**, cầu thi, tích cực nghiên cứu. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | Phương pháp đàm thoại, phương pháp thuyết trình, phương pháp phân tích, so sánh. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  Chương trình sách giáo khoa môn GDCD lớp 10, 11, 12.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Nghiên cứu và phân tích nội dung chương trình GDCD lớp 10, 11, 12. |  |
| 8 | 2.2.1 Phân tích chương trình môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông (tiếp) | (2 LT, 01TH) | **- Biết được** cấu trúc, phân bố chương trình môn GDCD.  **- Hiểu được** nội dung chương trình môn GDCD bậc THPT.  **- Có kỹ năng** phân tích chương trình, phát hiện vấn đề trọng tâm  **.- Có ý thức học hỏi**, cầu thi, tích cực nghiên cứu. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | Phương pháp đàm thoại, phương pháp thuyết trình, phương pháp phân tích, so sánh. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  Chương trình sách giáo khoa môn GDCD lớp 10, 11, 12.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Nghiên cứu và phân tích nội dung chương trình GDCD lớp 10, 11, 12. |  |
| 9 | 2.2.2 Đánh giá chương trình môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | (2 LT, 01 TH) | **- Hiểu, biết** nội dung chương trình môn GDCD dưới hai góc độ mặt ưu điểm và mặt hạn chế.  **- Trình bày, đánh giá được** nội dung chương trình GDCD.  **- Có kĩ năng** đánh giá chương trình môn GDCD.  **.- Có ý thức học hỏi**, cầu thi, tích cực nghiên cứu. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | Phương pháp thu thập thông tin, phương pháp thuyết trình, hỏi đáp, phương pháp phân tích, so sánh. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Đánh giá, nhận xét về chương trình môn GDCD ở bậc THPT. |  |
| 10 | 2.2.2 Đánh giá chương trình môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông (tiếp) | (02 LT;  01BT) | **- Hiểu, biết** nội dung chương trình môn GDCD dưới hai góc độ mặt ưu điểm và mặt hạn chế.  **- Trình bày, đánh giá được** nội dung chương trình GDCD.  **- Có kĩ năng** đánh giá chương trình môn GDCD.  **.- Có ý thức học hỏi**, cầu thi, tích cực nghiên cứu. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | Phương pháp thu thập thông tin, phương pháp thuyết trình, hỏi đáp, phương pháp phân tích, so sánh. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Đánh giá, nhận xét về chương trình môn GDCD ở bậc THPT. | A2.2 |
| 11 | Chương 3: Phát triển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường THPT theo định hướng phát triển năng lực  3.1 Khái niệm năng lực, quy trình phát triển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông theo định hướng phát triển năng lực  3.1.1 Khái niệm năng lực, phát triển chương trình môn Giáo dục công dân theo định hướng phát triển năng lực  3.1.2 Quy trình phát triển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông theo định hướng phát triển năng lực | (02 LT,  01 TH) | - **Ghi nhớ, hiểu được** nội dung các khái niệm năng lực, phát triển chương trình theo định hướng phát triển năng lực.  **- Biết được** quy trình phát triển chương trình môn GDCD.  **- Áp dụng được** các ThỰC hành phát triển chương trình môn GDCD. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp làm việc nhóm, phương pháp thuyết trình, hỏi đáp, phương pháp sơ đồ mạng nhện. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Vẽ sơ đồ quy trình phát triển chương trình môn GDCD theo định hướng phát triển năng lực. |  |
| 12 | 3.1.2 Quy trình phát triển chương trình môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông theo định hướng phát triển năng lực (tiếp) | (2 LT,  01 TH) | - **Ghi nhớ, hiểu được** nội dung các khái niệm năng lực, phát triển chương trình theo định hướng phát triển năng lực.  **- Biết được** quy trình phát triển chương trình môn GDCD.  **- Áp dụng được** các ThỰC hành phát triển chương trình môn GDCD. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp làm việc nhóm, phương pháp thuyết trình, hỏi đáp, phương pháp sơ đồ mạng nhện. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Vẽ sơ đồ quy trình phát triển chương trình môn GDCD theo định hướng phát triển năng lực. |  |
| 13 | 3.2 Quy trình xây dựng và triển khai kế hoạch dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông theo định hướng phát triển năng lực  3.2.1 Định hướng chung  3.2.2 Quy trình xây dựng triển khai kế hoạch dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | (02 LT,  01 TH ) | **- Hiểu, biết được** nội dung quy trình xây dựng và triển khai kế hoạch dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông theo định hướng phát triển năng lực  **- Áp dụng được** trong việc xây dựng kế hoạch dạy học môn GDCD. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6;  CLO7 | Phương pháp động não, phương pháp thuyết trình, phương pháp hỏi đáp, phương pháp sơ đồ. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Thực hành xây dựng kế hoạch dạy học GDCD. |  |
| 14 | 3.3 Thiết kế kế hoạch dạy học Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông qua các bài học/chủ đề  3.3.1 Chuyên đề học tập trải nghiệm “Tìm hiểu hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp”, Giáo dục công dân lớp 11 | (02 LT;  01TH) | **- Hiểu biết** về kế hoạch dạy học ở trường THPT nói chung và kế hoạch dạy học môn GDCD nói riêng.  **- Có kỹ năng** thiết kế các chuyên đề dạy học.  **- Áp dụng được** trong thực hành đóng vai là giáo viên. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | Phương pháp động não, thuyết trình, hỏi đáp, phương pháp đóng vai. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Thực hành xây dựng chuyên đề dạy học và tổ chức thực hiện chuyên đề dạy học. | A2.3 |
| 15 | 3.3.2 Thiết kế bài dạy theo phương thức tổ chức các hoạt động học tập theo nhóm và hướng dẫn tự học | (02LT;  01TH) | **- Hiểu biết** về kế hoạch dạy học ở trường THPT nói chung và kế hoạch dạy học môn GDCD nói riêng.  **- Có kỹ năng** thiết kế các chuyên đề dạy học.  **- Áp dụng được** trong thực hành đóng vai là giáo viên. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | Phương pháp động não, thuyết trình, hỏi đáp, phương pháp đóng vai. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung  bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Thực hành xây dựng bài dạy học và tổ chức thực hiện. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  | - Ghi nhớ được quy trình phát triển chương trình GDCD.  - Phân tích, đánh giá được nội dung chương trình GDCD.  - Thiết kế được kế hoạch dạy học. | CL01 đến CLO6 | Viết hoặc thực hành, vấn đáp | Nội dung thi bao trùm các chương đã học. | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | | |
| 1 | Lương Thị Lan Huệ | 2021 | Phát triển chương trình môn GDCD | NXB Đại học Huế |
| 2 | Nguyễn Hữu Châu | 2005 | Những vấn đề cơ bản về chương trình và quá trình dạy học | NXB Giáo dục, Hà Nội |
| 3 | Vũ Đình Bảy | 2017 | Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm GDCD luyện kì thi THPT | Đại học Quốc gia, Hà Nội |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | | |
| 1 | Nguyễn Nghĩa Dân | 1998 | Đổi mới phương pháp dạy học môn Đạo đức và Giáo dục công dân | NXB Giáo dục Việt Nam. |
| 2 | Vương Tất Đạt | 1994 | Phương pháp giảng dạy Giáo dục công dân | NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. |
| 3 | Wiles, Jon | 2005 | Xây dựng chương trình học | NXB Giáo dục Việt Nam |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | **Giảng đường A, C** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Chương 1 đến chương 3* |

**9. Holistic Rubric đánh giá**

**9.1. Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Tham gia thực hành (Practice Attendance)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Ý thức, thái độ | Không có ý thức thực hành hoặc thường xuyên vắng mặt | GV còn phải nhở trong thực hiện nhiệm vụ và không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng ít tương tác với GV, SV | Rất có ý thức thực hành và tương tác tốt với GV, SV | **30%** |
|
| Thực hiện nhiệm vụ được giao | Không hoàn thành (<30%) | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 30-50% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 51-70% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 71-90% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt >90% khối lượng công việc thực hành | **70%** |
|
|
|
|

**9.3 Rubric 3: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | **50%** |

**9.4. Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

*Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*

**Trưởng khoa Trưởng bộ môn Người biên soạn**

T.S Nguyễn Văn Duy Th.s Lương Thị Lan Huệ Th.s Lương Thị Lan Huệ

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**    **1. Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học** | **1.2. Tên tiếng Anh:****Social Society sesion** |
| **1.3. Mã học phần: MLCNXH.024** | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 20 tiết |
| - Thảo luận nhóm: |  |
| -Bài tập | 10 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Trần Thị Hương Giang |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản, cốt lõi và chuyên sâu về CNXHKH, từ đó hình thành các kỹ năng cơ bản và kỹ năng chuyên ngành để phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về chính trị - xã hội liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Đồng thời hình thành và phát triển thái độ tích cực, năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với các hoạt động của cộng đồng xã hội.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Cung cấp những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất, mở rộng và chuyên sâu về **về giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội, hiểu được chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, về vấn đề con người và phát huy nguồn lực con người, về Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa**.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Cung cấp năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị, xã hội của đất nước liên quan đến chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**2.2.3. Về thái độ**

**Tin tưởng vào mô hình chủ nghĩa xã hội trong tương lai, vào con đường lãnh đạo của Đảng, có ý chí học tập, bảo vệ nền độc lập của dân tộc.**

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| ***3.1. Về kiến thức*** | |
| CLO1 | Hiểu một cách hệ thống và cốt lõi về các vấn đề của chủ nghĩa xã hội khoa học, đó là Giá trị bền vững của học thuyết Mác – Ăngghen về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam; Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân; Chủ nghĩa xã hội với với vấn đề con người và phát huy nguồn lực con người; Bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa |
| CLO2 | Phân tích, đánh giá được các vấn đề lý luận về xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay. Đồng thời áp dụng kiến thức liên ngành, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để lí giải, đánh giá các hiện tượng thực tiễn phát sinh trong TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam hiện nay. |
| ***3.2. Về kỹ năng*** | |
| CLO3 | Có kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.  Có kỹ năng thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập.  Có kỹ năng giao tiếp.  Có kỹ năng tổ chức các hoạt động nhóm.  Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này.  Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, thích nghi làm việc trong các môi trường khác nhau.  Có kỹ năng lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lí thông tin. |
| CLO4 | Có kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành CNXHKH để nhận diện, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học.  Có kỹ năng tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. |
| ***3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*** | |
| CLO5 | Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.  Có ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương. |
| CLO6 | Có năng lực tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận: biết bảo vệ những quan điểm khoa học và biết phê phán những quan điểm sai trái.  Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội.  Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| Tổng hợp học phần | R |  | R |  | M | M | R |  |  |  |  |  |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 5  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X |  | Điểm danh |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 7  Chương 1 đến chương 3 | 50% | X | CLO 1 | Bài kiểm tra viết cá nhân, bài tập |
| A2.2. Tuần 15  Chương 4, chương 5 | 50% | X | CLO 3 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Chương 1: Giá trị bền vững của học thuyết Mác – Ăngghen về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  Chương 2: Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam Chương 3: Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân  Chương 4: Chủ nghĩa xã hội với với vấn đề con người và phát huy nguồn lực con người  Chương 5: Bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa |  | X | CLO 1  CLO 2  CLO 4 | Thi tự luận, vấn đáp, tiểu luận |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV(\*) | Tên bài  đánh giá  (ở cột 3 bảng 5.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Giá trị bền vững của học thuyết Mác – Ăngghen về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  1.1. Giai cấp công nhân và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân   * + 1. Khái niệm giai cấp công nhân     2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân     3. Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân     4. Những nhân tố chủ quan trong quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân     5. Giá trị bền vững của học thuyết Mác – Ăngghen về sứ mệnh của giai cấp công nhân | 2 | Hiểu được khái niệm giai cấp công nhân, nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân  Phân tích được những điều kiện khách quanvaf chủ quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân | *CLO1*  *CLO1*  *CLO2* | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 1, (tài liệu [1]) trang 1-10  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 2 | Chương 1 tiếp  1.2. Đặc điểm và sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam  1.2.1. Khái niệm giai cấp công nhân Việt Nam  1.2.2. Sự ra đời, đặc điểm và điều kiện giai cấp công nhân vươn lên thành giai cấp lãnh đạo cách mạng Việt Nam  1.2.3. Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong cách mạng Việt Nam  1.3. Vai trò của giai cấp công nhân trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa  1.3.1. Giai cấp công nhân là lực lượng sản xuất cơ bản của đất nước  1.3.2. Người đại biểu chân chính cho lợi ích của dân tộc  1.3.3. Lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước  1.3.4. Cơ sở xã hội chủ yếu nhất trong liên minh công nhân - nông dân - trí thức | 2 | Hiểu được khái niệm Giai cấp công nhân và SMLS của GCCN việt nam  Phân tích được Vai trò của giai cấp công nhân trong sự nghiệp công nghiệp hoá | *CLO1*  CLO1  CLO2  CLO3 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung Chương 2,TL [1], tr11-28.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 3 | Chương 2: tiếp  1.4. Mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa  1.4.1. Mục tiêu và phương hướng xây dựng giai cấp công nhân  1.4.2. Quan điểm chỉ đạo xây dựng giai cấp công nhân  1.4.3.Nhiệm vụ và giải pháp xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa  - Bài tập: Phê phán những luận điệu sai trái phủ nhận SMLS của GCCN hiện nay | 2 | Phân tích được mục tiêu, quan điểm chỉ đạo, nhiệm vụ và giải pháp xây dựng dựng giai cấp công nhân Việt Nam thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hoá  - Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr28-32; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 4 | Chương 2: Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  2.1. Lý luận của Mác - Ăngghen và Lênin về phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa  2.1.1. Những dự báo của C.Mác và Ph. Ăngghen về phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa và sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa cộng sản  2.1.2. Quan điểm của Lênin về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | 2 | Hiểu được lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa | CLO1  CLO2  CLO3 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr33-37  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. | A1.1. |
| 5 | Chương 2: tiếp  2.2. Quan niệm về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam  2.2.1. Tính tất yếu khách quan của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam  2.2.2. Quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa ở Việt Na  2.2.3. Đặc trưng của chủ nghĩa xã hội mà nhân ta xây dựng  2.2.4. Kiên định con đường xã hội chủ nghĩa  2.2.5. Chủ nghĩa xã hội - triển vọng tất yếu của nhân loại  2.2.6. Phương hướng cơ bản quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta  Bài tập: Làm rõ khái niệm “bỏ qua” trong quan điểm quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | 2 | Phân tích và vận dụng Quan niệm về chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội của Đảng Cộng sản Việt Nam  Phân tích được những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện những nhiệm vụ của TKQĐ lên CNXH ở nước ta và định hướng giải quyết.  Bài tập- Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr37-40 ; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 6 | Chương 2 tiếp  2.3. Những thành tựu và bài học kinh nghiệm sau hơn 30 năm đổi mới  2.3.1. Những thành tựu, hạn chế và nguyên nhân  2.3.2. Bài học kinh nghiệm sau hơn 20 năm đổi mới | 2 | Hiểu được những thành tựu và bài học kinh nghiệm sau hơn 30 năm đổi mới | CLO1  CLO2 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. | ………. |
| 7 | Chương 3: Chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân  3.1. Chủ nghĩa yêu nước của giai cấp công nhân  3.1.1. Khái niệm chủ nghĩa yêu nước  3.1.2. Chủ nghĩa yêu nước của giai cấp công nhân  - Kiểm tra tín chỉ 1 | 2 | - Hiểu được khái niệm chủ nghĩa yêu nước  - Hiểu được khái niệm chủ nghĩa yêu nước của giai cấp công nhân | CLO1  CLO2  CLO3 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. | A1.2. |
| 8 | Chương 3 tiếp  3.2. Chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân  3.2.1. Khái niệm chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân  3.2.2. Tính chất quốc tế của giai cấp công nhân  Bài tập: Tìm các ví dụ lịch sử chứng minh tính chất quốc tế của giai cấp công nhân | 2 | Hiểu được khái niệm chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân  Phân tích được tính chất quốc tế của giai cấp công nhân  - Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO4  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. | A1 |
| 9 | Chương 3: tiếp  3.3. Sự thống nhất của chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân  3.3.1. Tính tất yếu của sự thống nhất chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân  3.3.2. Những nhân tố chủ yếu trong sự thống nhất chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân  3.3.3. Điều kiện quyết định để có sự thống nhất chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân  3.4. Vận dụng chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân trong giai đoạn hiện nay  3.4.1. Tình hình trong nước và quốc tế  3.4.2. Chủ nghĩa quốc tế trong sáng của chúng ta trong giai đoạn hiện nay | 2 | Vận dụng, phân tích Sự thống nhất của chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân  Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân trong giai đoạn hiện nay | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. | A2 |
| 10 | Chương 4: Chủ nghĩa xã hội với vấn đề con người và phát huy nguồn lực con người  4.1. Quan niệm về con người và nguồn lực con người  4.1.1. Quan niệm về con người  4.1.2. Vấn đề nhân tố con người  Bài tập: Trách nhiệm của SV trong việc góp phần Xây dựng và phát triển đất nước | 2 | Hiểu được nội dung con người và nguồn lực con người  Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong việc góp phần xây dựng và phát triển đất nước | CLO1  CLO2  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr 72-78 ; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 11 | Chương 4 tiếp  4.2. Phương hướng cơ bản và những giải pháp lớn nhằm phát huy nguồn lực con người trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta  4.2.1. Phương hướng phát huy nguồn lực con người ở nước ta  4.2.2. Một số giải pháp phát huy nguồn lực con người ở nước ta hiện nay | 2 | Hiểu được hương hướng cơ bản Phân tích được những giải pháp cơ bản nhằm phát huy nguồn lực con người | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 12 | Chương 4 tiếp  Bài tập:  Sinh viên trình bày quan điểm của cá nhân trong việc phát triển kinh tế gia đình, địa phương trong tình hình hiện nay | 2 | Vận dụng được vào thực tiễn xã hội, địa phương. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr 79-84 ; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 13 | Chương 5. Bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa  5.1. Bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa - Quy luật chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa  5.1.1. Sự ra đời của Tổ quốc xã hội chủ nghĩa  5.1.2. Bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ chiến lược thường xuyên của các nước xã hội chủ nghĩa | 2 | Hiểu được khái niệm bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa  Hiểu được sự ra đời của tổ quốc xã hội chủ nghĩa | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 5,TL [1], tr85-87  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; |  |
| 14 | Chương 5 tiếp  5.2. Nhận rõ âm mưu, thủ đoạn xâm lược, lật đổ của các thế lực thù địch  5.2.1. Những âm mưu, thủ đoạn gây nội chiến và vũ trang xâm lược của đế quốc và bọn phản động  5.2.2. Chiến lược diễn biến hòa bình của chủ nghĩa đế quốc  Bài tập: Trách nhiệm của SV trong việc bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay | 2 | - Hiểu được, phân tích được âm mưu, thủ đoạn xâm lược, lật đổ của các thế lực thù địch  - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 15 | Chương 5 tiếp  5.3. Bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong tình hình hiện nay  5.3.1. Những yếu tố tác động đến an ninh quốc phòng và nhiệm vụ tổng quát của nhiệm vụ bảo vệ tổ quốc hiện nay  5.3.2. Mục tiêu cụ thể và những quan điểm tư tưởng chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ an ninh quốc phòng hiện nay  - Kiểm tra tín chỉ 2 | 2 | Hiểu được, vận dụng sáng tạo Bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong tình hình hiện nay | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Anh Khuyên | 2021 | Giáo trình Chuyên đề chủ nghĩa xã hội khoa học. | Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình. |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Đảng Cộng sản Việt Nam | 2011 | Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ qúa độ lên chủ nghĩa xã hội | NXB CTQG,  Hà Nội |
| 3 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2001 | Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |
| 4 | Nguyễn Thị Thanh | 2011 | Về chủ nghĩa Mác – Lênin chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | NXB Chính trị – Hành chính. |
| 5 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2004 | **Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học** | NXB Chính trị Quốc gia. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | Giảng đường A  Giảng đường C | máy tính, projector | *1* | *Chương 1 đến chương 5* |

**9. Rubric đánh giá**

**9.1. Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy  định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài  tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy  đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa  hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp  lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý,đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | **50%** |

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày tháng năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Chuyên đề triết học** | **1.2. Tên tiếng Anh:****Thematic philosophy** |
| **1.3. Mã học phần: MLTRIE.075** | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 20 tiết |
| - Bài tập: | 10 tiết |
| - Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt  ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Triết học Mác-Lênin |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Sinh viên hiểu được một cách có hệ thống các kiến thức cơ bản, cốt lõi và chuyên sâu các chuyên đề cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử, từ đó hình thành các kỹ năng cơ bản và kỹ năng chuyên ngành để phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về chính trị - xã hội và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Đồng thời hình thành và phát triển thái độ tích cực, năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với các hoạt động của cộng đồng xã hội.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất, mở rộng và chuyên sâu về chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức nói trên vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề thực tiễn chính trị, xã hội của đất nước và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

**2.2.3. Về thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học chuyên đề triết học; Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội; Có tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin, đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc của kẻ thù. Xây dựng, phát triển nhân sinh quan cách mạng và tu dưỡng đạo đức con người mới; Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu một cách hệ thống và cốt lõi về các vấn đề của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Hiểu được chủ nghĩa duy vật mácxít là cơ sở lý luận của thế giới quan khoa học; Phép biện chứng duy vật – phương pháp luận chung nhất của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng; Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa Mác – Lênin; Lý luận hình thái kinh tế - xã hội với sự nhận thức con đường đi lên CNXH ở nước ta; Giai cấp và đấu tranh giai cấp. Biện chứng giữa lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc và lợi ích nhân loại trong thời đại ngày nay; Tiến bộ xã hội và vấn đề cách mạng xã hội trong thời đại ngày nay. |
| CLO2 | Phân tích, đánh giá được các vấn đề lý luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Đồng thời áp dụng kiến thức liên ngành, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để lí giải, đánh giá các hiện tượng thực tiễn phát sinh trong TKQĐ lên CNXH ở Việt Nam hiện nay. |
| CLO3 | Có kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập, tổ chức các hoạt động nhóm.  Có kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập.  Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này.  Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, thích nghi làm việc trong các môi trường khác nhau.  Có kỹ năng lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lí thông tin. |
| CLO4 | Có kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành triết học để nhận diện, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học. Có kỹ năng tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. |
| CLO5 | Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học chuyên đề triết học.  Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.  Có ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương. |
| CLO6 | Có năng lực tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận: biết bảo vệ những quan điểm khoa học và biết phê phán những quan điểm sai trái.  Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội.  Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| Tổng hợp học phần | R | R | R | M | M | M | M | R | R | M | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% |  |  | X |  | Điểm danh  Quan sát, theo dõi |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 7:  Chuyên đề 3: Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa Mác – Lênin | 50% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 | - Bài kiểm tra viết (cá nhân)  - Bài tập |
| A2.2. Tuần 14:  Chuyên đề 6: Tiến bộ xã hội và vấn đề cách mạng xã hội trong thời đại ngày nay | 50% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | - Bài kiểm tra cuối kỳ:  Chuyên đề 1: Chủ nghĩa duy vật mácxít – cơ sở lý luận của thế giới quan khoa học  Chuyên đề 2: Phép biện chứng duy vật – phương pháp luận chung nhất của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng  Chuyên đề 3: Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa Mác – Lênin  Chuyên đề 4: Lý luận hình thái kinh tế - xã hội với sự nhận thức con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.  Chuyên đề 5: Giai cấp, đấu tranh giai cấp. Biện chứng giữa lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc và lợi ích nhân loại trong thời đại ngày nay  Chuyên đề 6: Tiến bộ xã hội và vấn đề cách mạng xã hội trong thời đại ngày nay |  |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | - Thi tự luận  - Thi vấn đáp |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/BT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chuyên đề 1: Chủ nghĩa duy vật mácxít – cơ sở lý luận của thế giới quan khoa học  1.1. Chức năng thế giới quan của triết học  1.1.1 Thế giới quan và các hình thức cơ bản của thế giới quan  1.1.2. Thế giới quan duy vật | 2LT | 1.1. Hiểu được chức năng thế giới quan của triết học. Nhớ được khái niệm thế giới quan và các hình thức cơ bản của thế giới quan và thế giới quan duy vật. | CLO1 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 1 (tài liệu [1], tr5-10). - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 2 | - Chuyên đề 1: (tiếp theo)  1.2. Bản chất của chủ nghĩa duy vật mácxít  1.2.1. Nội dung của chủ nghĩa duy vật biện chứng  1.2.2. Bản chất của chủ nghĩa duy vật biện chứng  1.3. Những nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật mácxít và việc vận dụng vào cách mạng Việt Nam hiện nay  1.3.1. Tôn trọng khách quan  1.3.2. Phát huy tính năng động chủ quan. | 2LT | 1.2. Hiểu được nội dung và bản chất của chủ nghĩa duy vật mácxít.  1.3. Nhớ được những nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật mácxít như nguyên tắc tôn trọng khách quan, phát huy tính năng động chủ quan. Vận dụng, sáng tạo vào cách mạng Việt Nam hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 1,TL [1], tr10-21;  -Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 3 | Chuyên đề 1: (tiếp theo)  - Bài tập: Vận dụng nguyên tắc phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật mácxít (tôn trọng khách quan, phát huy tính năng động chủ quan) vào thực tiễn ccách mạng Việt Nam hiện nay.  - Chuyên đề 2: Phép biện chứng duy vật – phương pháp luận chung nhất của nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng  2.1. Phương pháp và phương pháp luận  2.1.1. Phương pháp  2.1.2. Phương pháp luận | 1BT/1LT | - Vận dụng, lập luận, thuyết trình, có kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học.  2.1. Hiểu được khái niệm phương pháp và phương pháp luận | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO1 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 2,TL [1], tr22-26; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 4 | Chuyên đề 2: (tiếp theo)  2.2. Vai trò phương pháp luận của phép biện chứng duy vật  2.2.1. Biện chứng và siêu hình là hai mặt đối lập trong phương pháp chung nhất của tư duy  2.2.2. Sự thống nhất giữ lý luận và phương pháp trong phép biện chứng duy vật. | 2LT | 2.2. Hiểu được vai trò phương pháp luận của phép biện chứng duy vật. Phân biệt được biện chứng và siêu hình là hai mặt đối lập trong phương pháp chung nhất của tư duy. Phân tích được sự thống nhất giữ lý luận và phương pháp trong phép biện chứng duy vật. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO5 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 2,TL [1], tr26-32.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 5 | Chuyên đề 2: (tiếp theo)  2.3. Tính cách mạng của phép biện chứng duy vật và ý nghĩa phương pháp luận của nó đối với thực tiễn cách mạng trong thời đại ngày nay.  - Bài tập: phân tích sự đối lập giữa phương pháp biện chứng và phương pháp siêu hình trong quá trình phát triển của tư duy triết học. | 1LT/1BT | 2.3. Hiểu được tính cách mạng của phép biện chứng duy vật. Phân tích được ý nghĩa phương pháp luận của nó đối với thực tiễn cách mạng trong thời đại ngày nay.  - Lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 2,TL [1], tr 33-37; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 6 | Chuyên đề 3: Nguyên tắc thống nhất giữa lý luận và thực tiễn của chủ nghĩa Mác – Lênin  3.1. Quan điểm mácxít về thực tiễn và mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn  3.1.1. Phạm trù thực tiễn  3.1.2. Sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn | 2LT | 3.1. Hiểu được quan điểm mácxít về thực tiễn và mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 3,TL [1], tr38-48; - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 7 | Chuyên đề 3: (tiếp theo)  - Bài tập: Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: “Thống nhất giữa lý luận và thực tiễn là một nguyên tắc căn bản của chủ nghĩa Mác – Lênin. Thực tiễn không có lý luận hướng dẫn thì thành thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông”. Hãy phân tích làm rõ khẳng định trên. | 2BT | - Vận dụng, sáng tạo quan điểm mácxít về thực tiễn và mối quan hệ biện chứng giữa lý luận và thực tiễn. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. | A2.1 |
| 8 | Chuyên đề 3: (tiếp theo)  3.2. Phê phán bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều  3.2.1. Phê phán bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều ở cán bộ ta, nguyên nhân và phương hướng khắc phục  3.2.2. Vai trò của lý luận trong thời đại ngày nay  - Chuyên đề 4: Lý luận hình thái kinh tế - xã hội với sự nhận thức con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.  4.1. Học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội, nền tảng lý luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử  4.1.1. Những cơ sở xuất phát để phân tích đời sống xã hội  4.1.2. Cấu trúc xã hội – phạm trù hình thái kinh tế- xã hội | 2LT | 3.2. Trình bày được việc phê phán bệnh kinh nghiệm và bệnh giáo điều ở cán bộ. Hiểu được nguyên nhân và chỉ ra được phương hướng khắc phục.  4.1. Hiểu được học thuyết về hình thái kinh tế - xã hội, nền tảng lý luận của CNDVLS. Phân tích được những cơ sở xuất phát để phân tích đời sống xã hội. Nhớ được cấu trúc xã hội - phạm trù HT KT – XH. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 3,TL [1], tr48-52;  - Đọc trước Chuyên đề 4,TL [1], tr53- 59;  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 9 | Chuyên đề 4 (tiếp theo)  4.1.3. Vai trò phương pháp luận của phạm trù hình thái kinh tế - xã hội. Lý luận và thực tế  4.2. Quá độ lên CNXH – con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam  4.2.1. Nhận thức về chủ nghĩa xã hội và thời kì quá độ  4.2.2. Những quan điểm phương pháp luận xuất phát để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta | 2LT | 4.1.3. Hiểu được vai trò phương pháp luận của phạm trù hình thái kinh tế - xã hội. Biết vận dụng vào thực tế.  4.2. Hiểu được thời kỳ quá độ lên CNXH là con đường phát triển tất yếu của cách mạng Việt Nam. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính, projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 4,TL [1], tr59-64;  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 10 | Chuyên đề 4: (tiếp theo)  Bài tập: Vận dụng lý luận về hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa Mác – Lênin vào quá trình xây dựng CNXH ở nước ta. | 2BT | - Vận dụng, sáng tạo lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin vào quá trình xây dựng CNXH ở nước ta. Lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 11 | Chuyên đề 5: Giai cấp, đấu tranh giai cấp. Biện chứng giữa lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc và lợi ích nhân loại trong thời đại ngày nay  5.1. Chủ nghĩa Mác – Lênin với vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp.  5.1.1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp trong cuộc đấu tranh tư tưởng  5.1.2. Quan điểm mácxít về giai cấp và đấu tranh giai cấp  5.2. Biện chứng giữa lợi ích toàn nhân loại với lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp  5.2.1. Lợi ích toàn nhân loại và lợi ích giai cấp  5.2.2. Lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc  5.2.3. Lợi ích của giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích dân tộc và lợi ích toàn nhân loại | 2LT | 5.1. Hiểu được quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin với vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp.  5.2. Hiểu được lợi ích nhân loại, lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc. Trình bày được mối quan hệ biện chứng giữa lợi ích toàn nhân loại với lợi ích dân tộc và lợi ích giai cấp. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 5,TL [1], tr65-80;  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 12 | Chuyên đề 5: (tiếp theo)  Phân tích làm rõ mối quan hệ biện chứng giữa lợi ích giai cấp công nhân thống nhất với lợi ích giai cấp nông dân và lợi ích dân tộc Việt Nam trong giai đoạn hiện nay. | 2BT | Phân tích được mối quan hệ biện chứng giữa lợi ích giai cấp công nhân với lợi ích giai cấp nông dân và lợi ích dân tộc ở nước ta trong giai đoạn hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 13 | Chuyên đề 5: (tiếp theo)  5.2.4. Sự phát triển lý luận của chủ nghĩa Mác – Lênin về mối quan hệ biện chứng giai cấp, dân tộc và nhân loại trong tư tưởng Hồ Chí Minh  5.3. Vận dụng quan điểm mácxít về giai cấp và đấu tranh giai cấp ở nước ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay  Chuyên đề 6: Tiến bộ xã hội và vấn đề cách mạng xã hội trong thời đại ngày nay  6.1. Tiến bộ xã hội  6.1.1. Khái niệm tiến bộ xã hội  6.1.2. Quan điểm mácxít về tiến bộ xã hội  6.1.3. Các kiểu tiến bộ xã hội trong lịch sử  6.1.4. Tiến bộ xã hội trong thời đại ngày nay | 2LT | 5.2.4. Trình bày được quá trình phát triển lý luậncủa chủ nghĩa Mác – Lênin về mối quan hệ biện chứng giai cấp, dân tộc và nhân loại trong tư tưởng Hồ Chí Minh  5.3. Vận dụng, phân tích quan điểm mácxít về giai cấp và đấu tranh giai cấp ở nước ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay.  6.1. Hiểu được khái niệm tiến bộ xã hội và quan điểm mácxít về tiến bộ xã hội. Nhớ được các kiểu tiến bộ xã hội trong lịch sử. Trình bày được sự tiến bộ xã hội trong thời đại ngày nay | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 5,TL [1], tr80-86;  Đọc trước Chuyên đề 6,TL [1], tr87-95;  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 14 | Chuyên đề 6: (tiếp theo)  6.2. Vấn đề cách mạng xã hội trong thời đại ngày nay  6.2.1. Cách mạng xã hội và tiến bộ xã hội  6.2.2. Sự biến đổi trong điều kiện khách quan và nhân tố chủ quan của cách mạng xã hội ngày nay  6.2.3. Mấy vấn đề phương pháp cách mạng trong tình hình mới | 2LT | 6.2. Hiểu được vấn đề cách mạng xã hội trong thời đại ngày nay. Hiểu được sự biến đổi của cách mạng xã hội ngày nay. Phân tích được những vấn đề phương pháp cách mạng trong tình hình mới | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính, projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chuyên đề 6,TL [1], tr96-106.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; | A2.2 |
| 15 | Chương 8: (tiếp theo)  Bài tập: Trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến tiến bộ xã hội ở Việt Nam hiện nay? | 2BT | - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến tiến bộ xã hội ở Việt Nam hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  |  |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Thanh Hà, Nguyễn Thị Như Nguyệt. | 2019 | Bài giảng chuyên đề triết học | Lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Quảng Bình. |
| 2 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2010 | Giáo trình triết học Mác - Lênin | NXB CTQG,  Hà Nội |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Trần Đăng Sinh  Lê Văn Đoán | 2015 | Chuyên đề triết học (Dùng cho học viên cao học và NCS không thuộc chuyên ngành Triết học), | NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội |
| 3 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2001 | Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |
| 4 | Nguyễn Thị Thanh | 2011 | Về chủ nghĩa Mác – Lênin chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam | NXB Chính trị – Hành chính. |
| 5 | Nguyễn Hữu Vui | 2002 | Lịch sử triết học | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường A hoặc  Giảng đường C | Máy tính, projector | 1 | Chương 1 đến chương 6 |
| 2 |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |

**9. Rubric đánh giá**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy  định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài  tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy  đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với  yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa  hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp  lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý,  đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính  toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

*Quảng Bình, ngày 23 tháng 06 năm 2021*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
| MẪU |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số:** 7140205 |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần:** Chuyên đề kinh tế chính trị | **1.2. Tên tiếng Anh:**Political economic topic |
| **1.3. Mã học phần:** ML.KTCT.020 | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 20 tiết |
| - Bài tập | 10 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Hương Liên |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phan Thị Thu Hà  ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | **Không** |
| - Học phần học trước: | Chuyên đề Triết học |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần hệ thống hóa những vấn đề cơ bản của kinh tế chính trị và tập trung trên các phương diện như: kinh tế thị trường và kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa; Sở hữu tư liệu sản xuất; Phân phối

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về nền kinh tế thị trường, công nghiệp hoá, hiện đại hóa, sỡ hữu tư liệu sản xuất, các thành phần kinh tế, phân phối trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Hiểu rõ đặc điểm, bản chất của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa, các thành phần kinh tế và các hình thức phân phối ở Việt Nam hiện nay. Từ đó, rút ra được giải pháp hoàn thiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và cơ chế phân phối nhằm đảm bảo công bằng trong xã hội.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Hình thành cho sinh viên các kỹ năng tư duy, lôgic, phân tích - tổng hợp, đối chiếu, so sánh. Có khả năng vận dụng các kiến thức đã học trong các chuyên đề vào việc giải quyết các vấn đề thực tiễn đang diễn ra.

**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành cho sinh viên ý thức, tinh thần trách nhiệm cao trong học tập, tin tưởng vào đường lối lãnh đạo của Đảng và nhà nước. Giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra trên cơ sở quan điểm của Đảng.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Ghi nhớ, áp dụng kiến thức về các chuyên đề chủ yếu của Kinh tế chính trị Mác-Lênin như: Kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa, công nghiệp hóa, sở hữu tư liệu sản xuất, các thành phần kinh tế, phân phối… |
| CLO2 | Trình bày, phân tích được Sự đổi mới trong quan điểm của Đảng về các chuyên đề thông qua các kì Đại hội Đảng toàn quốc. |
| CLO3 | Vận dụng sáng tạo, hình thành tư duy phân tích, tổng hợp những kiến thức đã học, giải thích những vấn đề kinh tế diễn ra trên thế giới. |
| CLO4 | Có ý thức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao trong học tập; |
| CLO5 | Có niềm tin vào chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M | M | M |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  | M | A | A | A | A | A |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | A | M | M |
| Tổng hợp học phần | M |  |  | R | A | M |  | R |  | R | A | M |

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chuyên đề 1 đến Chuyên đề 4  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; | Quan sát, theo dõi, điểm danh |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 35% | A2.1. Tuần 7  Chuyên đề 1. Lý luận Mác – Lênin về Kinh tế thị trường và Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  Chuyên đề 2. Một số vấn đề cơ bản về công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam | 50% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4. | Kiểm tra viết (cá nhân)  Bài tập nhóm |
| A2.2. Tuần 14  Chuyên đề 3. Sở hữu tư liệu sản xuất và nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội  Chuyên đề 4. Một số vấn đề cơ bản về phần phối trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa | 50% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; |
| A3. Đánh giá cuối kỳ (Thi kết thúc học phần) | 60% | Đánh giá toàn bộ nội dung chương trình (4 chương) |  |  | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; | - Thi tự luận  - Thi vấn đáp |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

***Sinh viên phải tham dự > = 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được thi kết thúc HP.***

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **(3 tiết/b)** | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/T)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chuyên đề 1: Lý luận Mác-Lênin về kinh tế thị trường và kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  1.1. Sự hình thành và phát triển của kinh tế thị trường  1.2. Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | 2LT | 1.1 - Hiểu được sự hình thành và phát triển của kinh tế thị trường  1.2. Nhớ được khái niệm kinh tế thị trường, tính tất yếu khách quan phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam | CLO1;  CLO2;CL03;  CLO4 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 1 – 7)  Trả lời câu hỏi: Vì sao phải phát triển kinh tế thị trường?  Phần chuẩn bị trên lớp:  Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên |  |
| 2 | 1.3. Thực trạng và các giải pháp cơ bản để phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | 2BT | 1.3 - Hiểu biết những thành tựu và khó khăn cơ bản để phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam  - Biết các giải pháp phát triển kinh tế thị trường ở Việt Nam | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4; CLO5;  CLO6. | Phương pháp quan sát; phân tích; phương pháp hình mẫu; thuyết trình, hỏi đáp  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 8 – 10)  Trả lời câu hỏi: nêu ví dụ minh hoạ về giải pháp phát triển kinh tế thị trường?  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp |  |
| 3 | Chuyên đề 2: Một số vấn đề cơ bản về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Việt Nam  2.1. Quan điểm và bản chất của công nghiệp hóa | 1LT/1BT | 1.2.2 Biết quan điểm của Đảng về công nghiệp hoá, hiện đại hoá  - Hiểu được bản chất của công nghiệp hoá | CLO3; CLO4;  CLO5;  CLO6 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 11 – 18)  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học  Trả lời câu hỏi: nêu quá trình phát triển các quan điểm công nghiệp hoá ở Việt Nam?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp |  |
| 4 | 2.1. Quan điểm và bản chất của công nghiệp hóa (tiếp) | 2LT | 2.1 Phân tích được mối quan hệ giữa công nghiệp hoá và văn hoá, xã hội | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp tiếp sức. phương pháp hỏi đáp  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1], trang 19 – 20)  Trả lời câu hỏi: bản chất của công nghiệp hoá?  Phần chuẩn bị trên lớp:  Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên | A1.1 |
| 5 | 2.2. Một số mô hình và kinh nghiệm về công nghiệp hóa trên thế giới | 1LT/1BT | 2.2. Nêu được một số mô hình công nghiệp hoá trên thế giới  - Vận dụng và rút kinh nghiệm từ các mô hình công nghiệp hoá. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp sơ đồ mạng nhện.  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 21 – 42)  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học  Trả lời câu hỏi: Mô hình công nghiệp hoá nào được áp dụng ở Việt Nam?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp |  |
| 6 | 2.3. Quan điểm của Đảng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | 2LT | 2.3. Hiểu được tác dụng, mục tiêu, quan điểm của công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở Việt Nam  - Vận dụng các quan điểm của Đảng về công nghiệp hoá vào sự phát triển ở Việt Nam. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 44-58)  Trả lời câu hỏi: Quá trình phát triển công nghiệp hoá ở Việt Nam.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên |  |
| 7 | Chuyên đề 3: Sở hữu tư liệu sản xuất và nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kì quá độ lên chủ nghĩa xã hội  3.1. Sở hữu và cơ cấu sở hữu | 2BT | 2.2.2 Hiểu biết được sở hữu, chiếm hữu; | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 59 – 62)  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học  Trả lời câu hỏi: so sánh chiếm hữu và sở hữu  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp | A2.1 |
| 8 | 3.1. Sở hữu và cơ cấu sở hữu (tiếp) | 2LT | 3.1 Phân tích được Sở hữu là phạm trù lịch sử | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp nghiên cứu tài liệu;phương pháp tổng hợp; so sánh; phương pháp tiếp sức. phương pháp hỏi đáp  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 62-63  Trả lời câu hỏi: cơ cấu sở hữu thay đổi như thế nào?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên |  |
| 9 | 3.2. Sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | 1LT/1BT | 3.2. Hiểu biết về các hình thức sở hữu ở Việt Nam | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 64 – 65)  Trả lời câu hỏi: Cơ cấu sở hữu ở Việt Nam thay đổi như thế nào?  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp |  |
| 10 | 3.2. Sở hữu trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam (tiếp) | 2LT | 3.2. Phân tích được xu hướng vận động của cơ cấu sở hữu ở Việt Nam. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 65)  Trả lời câu hỏi: sở hữu trong nền kinh tế thị trường thay đổi như thế nào?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên |  |
| 11 | 3.3. Nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội | 1BT/1LT | 3.2.2 Hiểu biết về tính tất yếu khách quan của cơ cấu kinh tế nhiều thành phần  - Nêu được các thành phần kinh tế ở Việt Nam hiện nay | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp sơ đồ mạng nhện.  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 65)  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học  Trả lời câu hỏi: các thành phần kinh tế ở Việt Nam hiện nay?  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp. |  |
| 12 | 3.3. Nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (Tiếp) | 2LT | 4.1 Nêu được Vai trò của cơ cấu kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ lên xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam  - Phân tích được Giải pháp để pháp triển nền kinh tế nhiều thành phần | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp nghiên cứu tài liệu;phương pháp tổng hợp; so sánh; phương pháp tiếp sức. phương pháp hỏi đáp  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 72-75)  Trả lời câu hỏi: vận dụng nền kinh tế nhiều thành phần ở Việt Nam trong nền  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên |  |
| 13 | Chuyên đề 4 Một số vấn đề cơ vản về phân phối trong nền kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa  4.1. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về phân phối | 1BT/1LT | 4.1 Hiểu biết về khái niệm, vai trò, vị trí của phân phối | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp hình mẫu; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp trò chơi; đóng vai; thảo luận.  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 76 – 80)  - Chuẩn bị trước các câu hỏi liên quan đến bài học  Trả lời câu hỏi: Phân phối là gì? Ví dụ minh hoạ ở Việt Nam.  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, theo dõi, trả lời câu hỏi của giảng viên.  - Theo dõi các câu trả lời của các bạn trong lớp |  |
| 14 | 4.2. Vấn đề phân phối trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa | 2LT | 4.2. Nắm được Nguyên tắc chung về phân phối trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa  - Nêu được Các hình thức phân phối cơ bản trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, phá băng, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 83-84)  Trả lời câu hỏi: Hình thức phân phối nào là hình  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên | A1.2 |
| 15 | 4.3. Quan điểm, giải pháp hoàn thiện cơ chế phân phối nhằm bảo đảm công bằng trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam | 2BT | 4.3. Nêu được Các quan điểm hoàn thiện cơ chế phân phối  - Phân tích được Hệ thống giải pháp nhằm hoàn thiện cơ chế phân phối trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa Việt Nam | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp hình mẫu; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp trò chơi; đóng vai; thảo luận.  GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung (tài liệu [1] trang 85)  Trả lời câu hỏi: Liên hệ với Việt Nam để đưa ra giải pháp hoàn thiện cơ chế phân phối.  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Theo dõi bài, trả lời câu hỏi của giảng viên  - Thực hành lập kế hoạch |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  |  |  |  | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Hương Liên | | 2020 | Chuyên đề Kinh tế chính trị | Lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Quảng Bình |
| 2 | Bộ giáo dục và Đào tạo | | 2021 | Kinh tế chính trị Mác-Lênin | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | | | |
| 1 | Lý Bân | 2006 | | Phân phối trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội |
| 2 | PGS.TS Nguyễn Đình Kháng | 2007 | | Phát triển nhận thức Kinh tế chính trị Mác - Lênin trong quá trình đổi mới ở Việt Nam, | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |
| 3 | Ngô Đăng Thành (chủ biên), Trần Quang Tuyến, Mai Thị Thanh Xuân | 2009 | | Các mô hình công nghiệp hoá trên thế giới và bài học kinh nghiệm cho Việt Nam | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường A, C | Projector, máy tính cá nhân | 1 | Chuyên đề 1 |
| 2 | Giảng đường A, C | Projector, máy tính cá nhân | 1 | Chuyên đề 2 |
| 3 | Giảng đường A, C | Projector, máy tính cá nhân | 1 | Chuyên đề 3 |
| 4 | Giảng đường A, C | Projector, máy tính cá nhân | 1 | Chuyên đề 4 |

**9. Holistic Rubric đánh giá**

9.1**Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |

**9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy  định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài  tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy  đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với  yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa  hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp  lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý,  đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính  toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

9.3 **Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa**  **Nguyễn Văn Duy** | **Trưởng bộ môn**  **Lương Thị Lan Huệ** | **Người biên soạn**  **Nguyễn Thị Hương Liên** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |
| --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học Ngành: Giáo dục chính trị Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật** | **1.2. Tên tiếng Anh: Dissemination skills, education law** |
| **1.3. Mã học phần:** **KTG1026** | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 20 tiết |
| - Bài tập: | 10 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Phan Phương Nguyên |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phùng Thị Loan  ThS. Phan Thị Thu Hiền  ThS. Dương Thị Hồng Thuận |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không có |
| - Học phần học trước: | Không có |
| - Học phần song hành: | Không có |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần cung cấp những kiến thức và kỹ năng tiến hành các hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật, bao gồm những vấn đề lý luận về phổ biến, giáo dục pháp luật, kỹ năng tiến hành hoạt động phổ biến pháp luật, kỹ năng tiến hành hoạt động giáo dục pháp luật thông qua các hình thức khác nhau

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Môn học trang bị cho người học những những hiểu biết cơ bản về vai trò, vị trí của công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật; cách thức tổ chức hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật

**2.2.2. Về kỹ năng**

Giúp người học có kỹ năng xây dựng nội dung, lựa chọn hình thức và kỹ năng tổ chức hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật.

**2.2.3.Về thái độ**

Người học nhận thức rõ tầm quan trọng của hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật vai trò của hoạt động tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong đời sống xã hội. Có ý thức nâng cao năng lực học tập, rèn luyện kỹ năng nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền, giáo dục pháp luật.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu được kiến thức cơ bản về khái niệm và đặc điểm của tuyên truyền, giáo dục pháp luật, mục đích, vai trò của phổ biến, giáo dục pháp luật, yêu cầu đối với hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật, quan điểm chỉ đạo xây dựng luật phổ biến, giáo dục pháp luật. |
| CLO2 | Hiểu được kiến thức cơ bản về các kỹ năng tuyên truyền pháp luật trực tiếp (tuyên truyền miệng); qua mạng internet và các loại hình báo chí; qua hoạt động tư vấn pháp luật. |
| CLO3 | Vận dụng được kiến thức cơ bản liên quan đến kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhà trường |
| CLO4 | Nhận diện, đánh giá được các tình huống pháp lý; kỹ năng tư duy logic và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời |
| CĐR5 | Thái độ đúng đắn và nghiêm túc đối với các vấn đề liên quan đến tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong đời sống. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | I |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO2 |  | R |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  | M |  |
| CLO4 | R |  | R |  |  | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |
| Tổng hợp học phần | R |  | R |  | M | M | R | I | R | M |  | R |

**5. Đánh giá**

***a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá***

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ chương 1 đến chương 5  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5 | - Điểm danh  - Quan sát,theo dõi |
| A2. Đánh giá quá trình | 35% | A2.1. Tuần 7:  Chương 3 Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật qua mạng internet và các loại hình báo chí | 50% | X | CLO2, CLO4, CLO5 | - Bài kiểm tra viết |
| A2.2. Tuần 14  Chương 5 Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhà trường | 50% |  | CLO3, CLO4, CLO5 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Chương 1 Những vấn đề lý luận về tuyên truyền, giáo dục pháp luật  Chương 2 Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật trực tiếp (tuyên truyền miệng)  Chương 3 Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật qua mạng internet và các loại hình báo chí  Chương 4 Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động tư vấn pháp luật  Chương 5 Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhà trường |  |  | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5 | - Thi viết  - Thi vấn đáp |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/BT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1 Những vấn đề lý luận về tuyên truyền, giáo dục pháp luật  1.1. Khái niệm và đặc điểm của phổ biến, giáo dục pháp luật  1.2. Mục đích, vai trò của phổ biến, giáo dục pháp luật | 2LT | - Hiểu được khái niệm và đặc điểm của phổ biến, giáo dục pháp luật ; mục đích, vai trò của phổ biến, giáo dục pháp luật. | CLO1  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 1, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. |  |
| 2 | Chương 1 Những vấn đề lý luận về tuyên truyền, giáo dục pháp luật (tiếp theo)  1.3. Yêu cầu đối với hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật  1.4. Mục đích, yêu cầu và quan điểm chỉ đạo xây dựng luật phổ biến, giáo dục pháp luật. | 1LT-1BT | - Hiểu được yêu cầu đối với hoạt động phổ biến, giáo dục pháp luật; Mục đích, yêu cầu và quan điểm chỉ đạo xây dựng luật phổ biến, giáo dục pháp luật. | CLO1  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 2, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Phân tích Mục đích, yêu cầu và quan điểm chỉ đạo xây dựng luật phổ biến, giáo dục pháp luật. |  |
| 3 | Chương 2 Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật trực tiếp (tuyên truyền miệng)  2.1. Khái niệm | 1LT-1BT | - Phân tích được khái niệm kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật trực tiếp. | CLO2  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 2, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Phân tích khái niệm kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật trực tiếp. |  |
| 4 | Chương 2 Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật trực tiếp (tuyên truyền miệng) (tiếp theo)  2.2. Yêu cầu đối nhân viên thực hiện | 1LT-1BT | - Hiểu được yêu cầu đối nhân viên thực hiện kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật trực tiếp. | CLO2  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 2, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Phân tích yêu cầu đối nhân viên thực hiện kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật trực tiếp. |  |
| 5 | Chương 2 Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật trực tiếp (tuyên truyền miệng) (tiếp theo)  2.3. Chuẩn bị và tiến hành tuyên truyền trực tiếp | 2LT | - Áp dụng được chuẩn bị và tiến hành tuyên truyền trực tiếp. | CLO3  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 3, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. |  |
| 6 | Chương 3 Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật qua mạng internet và các loại hình báo chí  3.1. Khái niệm  3.2. Yêu cầu chung đối với tin, bài phổ biến, giáo dục pháp luật | 1LT-1BT | - Hiểu được khái niệm; yêu cầu chung đối với tin, bài phổ biến, giáo dục pháp luật qua mạng internet và các loại hình báo chí. | CLO2  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 3, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Trình bày yêu cầu chung đối với tin, bài phổ biến, giáo dục pháp luật qua mạng internet và các loại hình báo chí. |  |
| 7 | Chương 3 Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật qua mạng internet và các loại hình báo chí (tiếp theo)  3.3. Một số kỹ năng cơ bản về viết tin, bài tuyên truyền pháp luật | 2LT | Hiểu được Một số kỹ năng cơ bản về viết tin, bài tuyên truyền pháp luật. | CLO2  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 3, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. | A2.1 |
| 8 | Chương 3 Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật qua mạng internet và các loại hình báo chí (tiếp theo)  3.4. Một số cách thức phổ biến, giáo dục pháp luật qua mạng internet và các loại hình báo chí | 2LT | - Áp dụng được một số cách thức phổ biến, giáo dục pháp luật qua mạng internet và các loại hình báo chí. | CLO2  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 4, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. |  |
| 9 | Chương 4 Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động tư vấn pháp luật  4.1. Những yêu cầu căn bản đối với tư vấn viên pháp luật | 2LT | - Hiểu được những yêu cầu căn bản đối với tư vấn viên pháp luật | CLO2  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 4, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. |  |
| 10 | Chương 4 Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động tư vấn pháp luật (tiếp theo)  4.2. Những lưu ý trước khi thực hiện tư vấn pháp luật | 1LT,1BT | - Phân tích được những lưu ý trước khi thực hiện tư vấn pháp luật. | CLO2  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 4, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Trình bày những lưu ý trước khi thực hiện tư vấn pháp luật. |  |
| 11 | Chương 4 Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động tư vấn pháp luật (tiếp theo)  4.2. Những lưu ý trước khi thực hiện tư vấn pháp luật | 2LT | - Phân tích được những lưu ý trước khi thực hiện tư vấn pháp luật. | CLO2  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 4, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. |  |
| 12 | Chương 4 Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật thông qua hoạt động tư vấn pháp luật (tiếp theo)  4.3. Một số nghiệp vụ cơ bản của tư vấn viên pháp luật pháp luật | 2LT | - Hiểu được một số nghiệp vụ cơ bản của tư vấn viên pháp luật pháp luật | CLO2  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 5, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. |  |
| 13 | Chương 5 Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhà trường  5.1. Khái quát về hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường | 1LT-1BT | - Hiểu được hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường. | CLO3  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 5, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Ý nghĩa hoạt động phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường. |  |
| 14 | Chương 5 Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhà trường (tiếp theo)  5.2. Vai trò của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường  5.3. Hình thức tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhà trường | 2LT | - Phân tích được vai trò của công tác phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường; Hình thức tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhà trường | CLO3  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước chương 5, tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. | A2.2 |
| 15 | Chương 5 Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong nhà trường (tiếp theo)  5.4. Kỹ năng phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường | 1LT-1BT | - Phân tích được kỹ năng phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường | CLO3  CLO4 | - Phương pháp: Thuyết trình, nêu vấn đề, làm bài tập…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài.  \* Bài tập: Nêu kỹ năng phổ biến giáo dục pháp luật trong nhà trường. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  | - Hiểu được những kiến thức về kỹ năng tuyên truyền và giáo dục pháp luật.  - Vận dụng được các kỹ năng tuyên truyền và giáo dục pháp luật trong thực tiễn. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 |  |  | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Phan Phương Nguyên | 2020 | Kỹ năng tuyên truyền, giáo dục pháp luật | Giáo trình lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Bộ Tư pháp | 2006 | Cẩm nang phổ biến, giáo dục pháp luật | Nxb Tư pháp, Hà Nội |
| 3 | Bộ Tư pháp | 2010 | Nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật | Nxb Thanh niên, Hà Nội |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chínhphục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường A, C | Projector, máy tính cá nhân | 1 | Từ Chương 1 đến Chương 5 |

**9. Rubric đánh giá**

**Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Chuyên  cần | Không đi học  (<30%). | Đi học không chuyên cần  (<50%). | Đi học khá chuyên cần (<70%). | Đi học chuyên cần (<90%). | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần  (100%). | **50%** |
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **50%** |

**Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập | Nộp 70% số lượng bài tập được giao. Thời gian nộp chậm hơn quy định 96 giờ trở lên. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 48 giờ. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 24 giờ. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
| Trình bày bài tập | Không có bài tập | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giảndòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp. | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước). | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡchữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý. | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sửdụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý. | **30%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót  . | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Trình bày đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| |  |  |  | | --- | --- | --- | |  |  |  | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Pháp luật về phòng chống tham nhũng** | **1.2. Tên tiếng Anh: Anti- corruption law** |
| **1.3. Mã học phần: LUPCTN.061** | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 20tiết |
| - Bài tập: | 10tiết |
| - Tự học: | **60 tiết** |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Phan Phương Nguyên |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phùng Thi Loan  ThS. Phan Thị Thu Hiền |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Pháp luật chuyên ngành |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần cung cấp cho sinh viên những vấn đề cơ bản sau về đối tượng và mục tiêu của môn học, nhận thức chung của Việt Nam cũng như thế giới về tham nhũng và phòng chống tham nhũng; khung pháp luật về phòng chống tham nhũng; nguyên nhân, tác hại của tham nhũng và các biện pháp phòng, chống tham nhũng; vai trò và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức và xã hội trong phòng chống tham nhũng và trách nhiệm của mỗi người dân trong xã hội.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Học phần trang bị kiến thức, văn bản, hệ thống pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam; hiểu được vấn đề phòng chống tham nhũng của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Sinh viên được hình thành kỹ năng phát hiện và phân tích những vấn đề mang tính pháp lý trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng; biết được cơ chế bảo vệ và bảo đảm cho họ thực hiện việc phòng, chống tham nhũng. Sinh viên được rèn luyện kỹ năng so sánh, nhận định và đánh giá các vấn pháp lý cũng như tình huống trong thực tiễn; được rèn luyện kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, phản biện.

**2.2.3. Về thái độ**

Nhận thức được ý nghĩa, tầm quan trọng của hoạt động phòng, chống tham nhũng, có thái độ tích cực trong việc ứng dụng kiến thức của học phần vào thực tiễn; mỗi sinh viên trở thành một thành viên trong công cuộc phòng chống tham nhũng.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu được kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng. |
| CLO2 | Hiểu được kiến thức cơ bản về quy định của pháp luật việt nam về phòng, chống tham nhũng. |
| CLO3 | Hiểu được kiến thức cơ bản về nguyên nhân, tác hại của tham nhũng và các biện pháp phòng, chống tham nhũng. |
| CLO4 | Hiểu được kiến thức cơ bản liên quan đếntrách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân trong phòng, chống tham nhũng. |
| CLO5 | Có kỹ năng tìm, đọc, hiểu và vận dụng các văn bản trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng. |
| CLO6 | Có kỹ năng tư duy logic và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời. |
| CLO7 | Thái độ đúng đắn và nghiêm túc đối với các vấn đề liên quan đến phòng, chống tham nhũng. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | I |  |  |  |  |  |  |  |  | I |  |  |
| CLO2 |  | R |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  | M |  |
| CLO4 | R |  | R |  |  | M |  |  |  |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |
| Tổng hợp học phần | R |  | R |  | M | M | R | I | R | M |  | R |

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 10% | - Đánh giá tất cả các bài từ chương 1 đến chương 4  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên | 100% | X | Từ CLO1  đến CLO7 | Điểm danh, quan sát, theo dõi.  Tham gia đầy đủ, tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học. |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 30% | A2.1. Chương 2. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng | 50% | X | CLO 1 | Viết, bài tập nhóm.  Đáp ứng yêu cầu về nộp bài tập, hình thức trình bày và nội dung. |
| A2.2. Chương 4. Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng | 50% | CLO3  CLO4 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Bao quát toàn bộ nội dung các chương | 100% |  | Từ CLO1  đến CLO7 | Viết hoặc vấn đáp.  Đáp ứng đáp án, thang điểm |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/BT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV | Tên bài  đánh giá  (ở cột 3 bảng 5.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng  1.1. Khái niệm tham nhũng | 2LT | Hiểu được những vấn đề cơ bản của việc tham nhũng và mục tiêu của môn học. | CLO1  CLO5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 1 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. |  |
| 2 | Chương 1. Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng (tiếp theo)  1.2. Đặc điểm của hành vi tham nhũng | 2LT | Hiểu được những đặc điểm của tham nhũng và mục tiêu của môn học. | CLO1  CLO5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 1 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. |  |
| 3 | Chương 1. Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng (tiếp theo)  1.3. Các hành vi tham nhũng | 1LT,1BT | Phân tích được các hành vi của tham nhũng. | CLO1  CLO5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 1 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Lấy ví dụ về các hành vi tham nhũng. |  |
| 4 | Chương 1. Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng (tiếp theo)  1.3. Các hành vi tham nhũng (Tiếp) | 1LT,1BT | Phân tích được các hành vi của tham nhũng. | CLO1  CLO5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 1 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Phân tích đặc điểm của tham nhũng qua một hành vi tham nhũng cụ thể. |  |
| 5 | Chương 1. Khái niệm, đặc điểm và các hành vi tham nhũng (tiếp theo)  1.4. Giới thiệu Luật phòng, chống tham nhũng | 1LT,1BT | Trình bày được những vấn đề cơ bản của Luật phòng chống tham nhũng. | CLO1  CLO5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 2 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Trình bày vai trò của pháp luật về phòng chống tham nhũng hiện nay. |  |
| 6 | Chương 2. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng  2.1. Nguyên nhân của tham nhũng | 1LT,1BT | Hiểu được nguyên nhân của tham nhũng. | CLO2  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 2 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Phân tích những nguyên nhân của tham nhũng. |  |
| 7 | Chương 2. Nguyên nhân và tác hại của tham nhũng (tiếp theo)  2.2. Tác hại của tham nhũng | 2LT | Phân tích được những tác hại của tham nhũng về các mặt: kinh tế, văn hóa- xã hội, an ninh, quốc phòng… | CLO2  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 3 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi; thuyết trình. | A2.1 |
| 8 | Chương 3. Các biện pháp phòng, chống tham nhũng (tiếp theo)  3.1. Ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng, chống tham nhũng | 2LT | Trình bày được ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phòng chống tham nhũng hiện nay | CLO3  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 3 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi; thuyết trình. |  |
| 9 | Chương 3. Các biện pháp phòng, chống tham nhũng (tiếp theo)  3.2. Các biện pháp phòng, chống tham nhũng | 1LT,1BT | Hiểu được được các biện pháp phòng chống tham nhũng. | CLO3  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 3 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Biện pháp phòng chống tham nhũng nào là quan trọng nhất? Vì sao? |  |
| 10 | Chương 3. Các biện pháp phòng, chống tham nhũng (tiếp theo)  3.2. Các biện pháp phòng, chống tham nhũng (Tiếp) | 1LT,1BT | Hiểu được các biện pháp phòng chống tham nhũng. | CLO3  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 4 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Liên hệ về các biện pháp phòng chống tham nhũng hiện nay ở Việt Nam. |  |
| 11 | Chương 4. Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng  4.1. Trách nhiệm của công dân trong phòng, chống tham nhũng | 1LT,1BT | Hiểu được trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng. | CLO4  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 4 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: SV cần làm gì để góp phần phòng chống tham nhũng? |  |
| 12 | Chương 4. Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng (tiếp theo)  4.1. Trách nhiệm của công dân trong phòng, chống tham nhũng (Tiếp) | 1LT,1BT | Hiểu được trách nhiệm của công dân trong phồng chống tham nhũng. | CLO4  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 4 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Vai trò của trách nhiệm mỗi công dân trong phòng chống tham nhũng? |  |
| 13 | Chương 4. Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng (tiếp theo)  4.2. Trách nhiệm của cán bộ, công chức trong phòng, chống tham nhũng | 1LT,1BT | Phân tích được trách nhiệm của cán bộ, công chức trong phòng chống tham nhũng. | CLO4  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 4 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Trách nhiệm của cán bộ, công chức trong phòng chống tham nhũng? |  |
| 14 | Chương 4. Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng (tiếp theo)  4.2. Trách nhiệm của cán bộ, công chức trong phòng, chống tham nhũng (Tiếp) | 1LT,1BT | Phân tích được trách nhiệm của cán bộ, công chức trong phồng chống tham nhũng. | CLO4  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 4 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Liên hệ thực tiễn về trách nhiệm phòng chống của cán bộ, công chức hiện nay? | A2.1 |
| 15 | Chương 4. Trách nhiệm của công dân trong phòng chống tham nhũng (tiếp theo)  4.2. Trách nhiệm của cán bộ, công chức trong phòng, chống tham nhũng (Tiếp) | 2LT | Phân tích được trách nhiệm của cán bộ, công chức trong phồng chống tham nhũng. | CLO4  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị trên lớp: Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  | - Hiểu được những kiến thức về Luật phòng chống tham nhũng.  - Vận dụng được các quy định pháp luật về phòng chống tham nhũng vào giải quyết các tình huống trong thực tiễn. | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6  CLO 7 |  |  | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Phan Phương Nguyên | 2020 | Pháp luật về phòng chống tham nhũng | Giáo trình lưu hành nội bộ, Trường ĐHQB |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | PGS.TS. Hoàng Thế Liên | 2014 | Tài liệu giảng dạy về phòng, chống tham nhũng dùng cho các trường đại học, cao đẳng không chuyên về luật | Hà Nội |
| 3 | Hồ Chí Minh | 2015 | Về phòng, chống tham nhũng | Nxb Chính trị quốc gia |
| 4 | GS.TS. Trương Giang Long | 2013 | Bàn về giải pháp phòng, chống tham nhũng ở Việt Nam hiện nay | Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chínhphục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường nhà A (nhà C) | Bảng, máy tính,  Máy chiếu,  Bài giảng powerpoint | 1  1  1 | Chương 1 |
| 2 | Giảng đường nhà A (nhà C) | Bảng, máy tính,  Máy chiếu,  Bài giảng powerpoint | 1  1  1 | Chương 2 |
| 3 | Giảng đường nhà A (nhà C) | Bảng, máy tính,  Máy chiếu,  Bài giảng powerpoint | 1  1  1 | Chương 3 |
| 4 | Giảng đường nhà A (nhà C) | Bảng, máy tính,  Máy chiếu,  Bài giảng powerpoint | 1  1  1 | Chương 4 |

**9. Rubric đánh giá**

**Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Chuyên  cần | Không đi học  (<30%). | Đi học không chuyên cần  (<50%). | Đi học khá chuyên cần (<70%). | Đi học chuyên cần (<90%). | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần  (100%). | **50%** |
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **50%** |

**Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập | Nộp 70% số lượng bài tập được giao. Thời gian nộp chậm hơn quy định 96 giờ trở lên. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 48 giờ. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 24 giờ. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
| Trình bày bài tập | Không có bài tập | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giảndòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp. | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước). | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡchữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý. | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sửdụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý. | **30%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót  . | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Trình bày đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Tư tưởng triết học Việt Nam** | **1.2. Tên tiếng Anh:****Vietnamese philosophical thought** |
| **1.3. Mã học phần: MLTHVN.022** | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 18 tiết |
| - Bài tập: | 12 tiết |
| - Thảo luận nhóm: |  |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Triết học Mác-Lênin |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Sinh viên hiểu được một cách hệ thống các kiến thức cơ bản, cốt lõi và chuyên sâu về Tư tưởng triết học Việt Nam, từ đó hình thành các kỹ năng cơ bản và kỹ năng chuyên ngành để phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về chính trị - xã hội và con đường đi lên CNXH ở Việt Nam. Đồng thời hình thành và phát triển thái độ tích cực, năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với các hoạt động của cộng đồng xã hội.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Sinh viên hiểu được những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất về tư tưởng triết học Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, quan niệm về thế giới quan, nhân sinh quan, yếu tố biện chứng và siêu hình trong tư tưởng triết học Việt Nam.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Sinh viên nâng cao được năng lực hiểu biết thực tiễn và biết vận dụng linh hoạt các kiến thức đã học vào cuộc sống, nhận định được tư tưởng triết học thể hiện trong văn học, sử học, chính trị Việt Nam.

**2.2.3. Về thái độ, năng lực tự chủ và trách nhiệm**

Sinh viên có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Tư tưởng triết học Việt Nam; Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội; Có tinh thần trách nhiệm trong việc bảo vệ chủ nghĩa Mác – Lênin, đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc của kẻ thù. Xây dựng, phát triển nhân sinh quan cách mạng và tu dưỡng đạo đức con người mới. Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu một cách hệ thống và cốt lõi về các vấn đề của Tư tưởng triết học Việt Nam, đó là khái quát chung về tư tưởng triết học Việt Nam; Quá trình hình thành, phát triển Tư tưởng triết học Việt Nam; Một số yếu tố tư tưởng triết học Việt Nam. |
| CLO2 | Phân tích, đánh giá được các vấn đề của tư tưởng triết học Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử. Đồng thời áp dụng kiến thức liên ngành, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để lí giải, đánh giá các hiện tượng thực tiễn phát sinh trong đời sống xã hội hiện nay. |
| CLO3 | Có kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.  Có kỹ năng thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập.  Có kỹ năng giao tiếp.  Có kỹ năng tổ chức các hoạt động nhóm.  Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này.  Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, thích nghi làm việc trong các môi trường khác nhau.  Có kỹ năng lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lí thông tin. |
| CLO4 | Có kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành triết học để nhận diện, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học.  Có kỹ năng tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. |
| CLO5 | Có thái độ chính trị, tư tưởng đúng đắn về môn học Tư tưởng triết học Việt Nam.  Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.  Có ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương. |
| CLO6 | Có năng lực tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận: biết bảo vệ những quan điểm khoa học và biết phê phán những quan điểm sai trái.  Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội.  Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| Tổng hợp học phần | R | R | R | M | M | M | M | R | R | M | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% |  |  | X |  | Điểm danh  Quan sát, theo dõi |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 7:  Chương 2: Quá trình hình thành, phát triển tư tưởng triết học Việt Nam | 50% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 | - Bài kiểm tra viết (cá nhân)  - Bài tập |
| A2.2. Tuần 14:  Chương 3: Một số yếu tố tư tưởng triết học Việt Nam | 50% | X | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | - Bài kiểm tra cuối kỳ:  Chương 1: Khái quát chung về tư tưởng triết học Việt Nam  Chương 2: Quá trình hình thành, phát triển tư tưởng triết học Việt Nam  Chương 3: Một số yếu tố tư tưởng triết học Việt Nam |  |  | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5  CLO 6 | - Thi tự luận  - Thi vấn đáp |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/BT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Khái quát chung về tư tưởng triết học Việt Nam  1.1. Đối tượng nghiên cứu và đặc điểm tư tưởng triết học Việt Nam  1.1.1. Đối tượng nghiên cứu của tư tưởng triết học Việt Nam  1.1.2. Đặc điểm của tư tưởng triết học Việt Nam  1.2. Phương pháp nghiên cứu tư tưởng triết học Việt Nam  1.2.1. Phương pháp luận triết học duy vật biện chứng  1.2.2. Phương pháp logic lịch sử  1.2.3. Phương pháp phân tích, so sánh, tổng hợp  1.3. Một số đóng góp và hạn chế của tư tưởng triết học Việt Nam  1.3.1. Một số đóng góp của tư tưởng triết học Việt Nam  1.3.2. Một số hạn chế của tư tưởng triết học Việt Nam | 2LT | 1.1. Hiểu được đối tượng nghiên cứu và đặc điểm của tư tưởng triết học Việt Nam  1.2. Hiểu được phương pháp nghiên cứu tư tưởng triết học Việt Nam.  1.3. Nhớ được một số đóng góp và và hạn chế của tư tưởng triết học Việt Nam | CLO1  CLO1  CLO1 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước Chương 1 (tài liệu [1], tr3-12). - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 2 | Chương 1: (tiếp theo)  - Bài tập: Phân tích làm rõ những đặc điểm của tư tưởng triết học Việt Nam. | 2BT | - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 3 | - Chương 2: Quá trình hình thành, phát triển tư tưởng triết học Việt Nam  2.1. Khái quát về niên biểu VN  2.1.1. Phân kỳ lịch sử  2.1.2. Khái quát tư tưởng triết học Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử  2.2. Tư tưởng triết học Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử  2.2.1. Thời kỳ tiền sử | 2LT | 2.1. Hiểu được phân kỳ lịch sử. Nhớ được khái quát tư tưởng triết học Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.  2.2. Hiểu được tư tưởng triết học Việt Nam thời kỳ tiền sử | CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO5 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước Chương 1 (tài liệu [1], tr13-15).  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 4 | Chương 2: (tiếp theo)  2.2.2. Thời kỳ buổi đầu dựng nước  2.2.3. Thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc | 2LT | 2.2.2. Hiểu được tư tưởng triết học Việt Nam thời kỳ buổi đầu dựng nước  2.2.3. Hiểu được tư tưởng triết học Việt Nam thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc | CLO1  CLO2  CLO3 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr15-20.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 5 | - Chương 2: (tiếp theo)  Bài tập: Phân tích làm rõ hai quá trình hán hóa và chống hán hóa để giữ gìn bản sắc dân tộc trong thời kỳ đấu tranh giành độc lập dân tộc. | 2BT | - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 6 | Chương 2: (tiếp theo)  2.2.4. Thời kỳ phục hồi và xây dựng quốc gia độc lập và khủng hoảng của xã hội phong kiến | 2LT | 2.2.4. Hiểu được tư tưởng triết học Việt Nam thời kỳ phục hồi và xây dựng quốc gia độc lập và khủng hoảng của xã hội phong kiến | CLO1  CLO2  CLO3  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr20-23;  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 7 | - Chương 2: (tiếp theo)  2.2.5. Thời kỳ đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc phương Tây giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc đến nay | 2LT | 2.2.5. Hiểu được tư tưởng triết học Việt Nam thời kỳ đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân, đế quốc phương Tây giành độc lập dân tộc, thống nhất Tổ quốc đến nay | CLO1  CLO2  CLO3 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr23-27;  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. | A2.1 |
| 8 | - Chương 2: (tiếp theo)  Bài tập: Phân tích ảnh hưởng Nho, Phật, Lão đối với tư tưởng triết học Việt Nam. | 2BT | - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính, projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 9 | - Chương 3: Một số yếu tố tư tưởng triết học Việt Nam  3.1. Quan niệm về thế giới quan  3.1.1. Khái niệm thế giới quan  3.1.2. Vấn đề thế giới quan trong triết học Việt Nam | 2LT | 3.1. Hiểu được khái niệm thế giới quan. Trình bày được những vấn đề thế giới quan trong triết học Việt Nam | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr28-34;  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 10 | - Chương 3: (tiếp theo)  Quan niệm về nguồn gốc vũ trụ được thể hiện như thế nào trong thế giới quan của Người Việt | 2BT | Trình bày được quan niệm về nguồn gốc vũ trụ trong thế giới quan của Người Việt | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính, projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 11 | - Chương 3: (tiếp theo)  3.2. Quan niệm về nhân sinh quan  3.2.1. Vấn đề đời người và sinh mệnh con người  3.2.2. Vấn đề đạo làm người  3.2.3. Quan điểm chính trị - xã hội | 2LT | 3.2. Hiểu được vấn đề đời người và sinh mệnh con người, vấn đề đạo làm người và quan điểm chính trị - xã hội trong tư tưởng triết học Việt Nam | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr34-42;  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 12 | Chương 3: (tiếp theo)  Bài tập: Vấn đề nguồn gốc con người được thể hiện như thế nào trong tư tưởng triết học Việt Nam | 2BT | 7.2. Phân tích được vấn đề nguồn gốc con người trong tư tưởng triết học Việt Nam | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính, projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 13 | - Chương 3: (tiếp theo)  3.3. Yếu tố biện chứng trong tư tưởng triết học Việt Nam | 2LT | 3.3. Trình bày được yếu tố biện chứng thể hiện trong tư tưởng triết học Việt Nam | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr42-48;  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 14 | Chương 3: (tiếp theo)  3.4. Yếu tố duy tâm, siêu hình trong tư tưởng triết học Việt Nam | 2LT | 3.4. Trình bày được yếu tố duy tâm, siêu hình thể hiện trong tư tưởng triết học Việt Nam | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính, projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr48-51.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. | A2.2 |
| 15 | - Chương 8: (tiếp theo)  Bài tập: Trong việc nhìn nhận và giải quyết các vấn đề của đời sống xã hội, nhân dân lao động thể hiện khá rõ nét tư tưởng duy vật của mình. Làm rõ vấn đề trên. | 2BT | - Trình bày được tư tưởng duy vật của nhân dân lao động trong việc nhìn nhận và giải quyết các vấn đề của đời sống XH. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - PP thuyết trình, nêu vấn đề, giải quyết vấn đề, BTN,…  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  |  |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Thanh Hà | 2019 | TLBG Tư tưởng triết học Việt Nam | Lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Quảng Bình |
| 2 | Nguyễn Đăng Thục | 2004 | Lịch sử tư tưởng Việt Nam (2 tập) | NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 1 | Vũ Tố Hảo | 2012 | Tư tưởng tiến bộ: Triết lý nhân sinh thực tiễn của nhân dân và vai trò của vè, truyện kể trong văn học dân gian | NXB Thời đại |
| 2 | Nguyễn Hùng Hậu | 1996 | Góp phần tìm hiểu tư tưởng triết học Phật giáo | NXB Khoa học xã hội |
| 3 | Vũ Ngọc Khánh | 1999 | Minh triết Hồ Chí Minh | Văn Hóa |
| 4 | Lê Văn Tá | 1994 | Tập bài giảng Lịch sử triết học | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội |
| 5 | Nguyễn Tài Thư | 1997 | Nho học và Nho học ở Việt Nam: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường A hoặc  Giảng đường C | Máy tính, projector | 1 | Chương 1 đến chương 3 |

**9. Rubric đánh giá**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy  định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài  tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy  đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với  yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa  hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp  lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý,  đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính  toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiêm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày 23 tháng 06 năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNGBÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Triết học Trung Quốc và Ấn Độ cổ đại** | **1.2. Tên tiếng Anh: Ancient Chinese - Indian philosophy** |
| **1.3. Mã học phần: MLTQAD.019** | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 20 tiết |
| - Bài tập: | 10 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Trần Hương Giang |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Lương Thị Lan Huệ  ThS. Nguyễn Thị Thanh Hà |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Người học hiểu được những kiến thức lý luận cơ bản về lịch sử và những đặc điểm kinh tế, chính trị-xã hội Ấn Độ cổ đại; Một số trường phái triết học Ấn Độ cổ đại; khái quát về lịch sử và những đặc điểm kinh tế, chính trị- xã hội Trung Quốc cổ đại; Một số trường phái triết học Trung Quốc cổ đại. Từ đó người học biết vận dụng để đánh giá các tư tưởng của các trào lưu triết học, có ý thức tiếp thu tinh hoa tư tưởng triết học để làm giàu thêm kiến thức triết học của mình.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

- Người họccó kiến thức lý luận tổng quát về lịch sử triết học Trung Quốc và Ấn Độ cổ đại; những tiền đề kinh tế-xã hội, văn hoá, giáo dục của sự hình thành và phát triển các tư tưởng, trường phái triết học ở Trung Quốc và Ấn Độ cổ đại. Đánh giá được những đóng góp và hạn chế của các trào lưu tư tưởng.

**2.2.2. Về kỹ năng**

- Người học biết vận dụng kiến thức để hình thành và phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng phân tích, đánh giá các trào lưu triết học ở Trung Quốc và Ấn Độ cổ đại.

**2.2.3. Về thái độ**

- Người học có thái độ khách quan, trung thực khi đánh giá mặt đóng góp và hạn chế của các trường phái triết học ở Trung Quốc và Ấn Độ cổ đại. Có ý thức tiếp thu tinh hoa tư tưởng triết học để làm giàu thêm kiến thức triết học của mình.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO 1 | Người học hiểu, trình bày được các trường phái triết học Trung Quốc, Ấn Độ cổ đại, thấy được sự ảnh hưởng của nó đối với tư tưởng triết học Việt Nam. |
| CLO 2 | Người học phân tích được tư tưởng triết học của các triết gia thuộc các trường phái triết học Trung Quốc và Ấn Độ cổ đại. |
| CLO 3 | Người học đánh giá được các trường phái triết học Trung Quốc và Ấn Độ cổ đại, áp dụng được trong học tập, nghiên cứu chuyên ngành. |
| CLO 4 | Người học có kỹ năng vận dụng nội dung bài học vào việc phân tích ảnh hưởng của triết học Trung Quốc -Ấn Độ cổ đại đối với tư tưởng triết học Việt Nam; liên hệ thực tiễn, vận dụng trong cuộc sống, học tập. |
| CLO 5 | Người học tôn trọng, tuân thủ các chuẩn mực đạo đức, pháp luật, văn hóa và các giá trị trong cuộc sống. Người học luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, có ý thức chính trị, lòng tự hào dân tộc. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:h

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO2 |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | I |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO4 |  |  |  | I | R | R | R | R | R |  |  |  |
| CLO5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | I | R | R |
| Tổng hợp học phần | I | I | I | I | R | R | R | R | R | I | R | R |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ chương 1 đến chương 2  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | Từ CLO 1  đến CLO 5 | Điểm danh, quan sát, theo dõi. |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A1.1. Tuần 7: Chương 1. Lịch sử triết học Trung Quốc cổ đại | 50% | X | CLO 1  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | Viết, bài tập nhóm |
| A1.2. Tuần 15: Chương 2. Lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại | 50% | X | CLO 1  CLO 3  CLO 4  CLO 5 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Bao quát toàn bộ nội dung các chương |  | X | Từ CLO1  đến CLO5 | Viết hoặc vấn đáp |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **(2 tiết/b)** | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV | Tên bài  đánh giá  (ở cột 3 bảng 5.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Lịch sử triết học Trung Quốc cổ đại  1.1. Khái quát về lịch sử và đặc điểm kinh tế, chính trị- xã hội Trung Quốc cổ đại  1.2. Đặc điểm triết học Trung Quốc cổ đại | 2 LT- 0 BT | - Ghi nhớ được khái quát về lịch sử và đặc điểm kinh tế, chính trị- xã hội Trung Quốc cổ đại.  - Trình bày được đặc điểm triết học Trung Quốc cổ đại. | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr2-5.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 2 | 1.3. Một số trường phái triết học Trung Quốc cổ đại  1.3.1. Trường phái triết học Nho gia | 1LT- 1 BT | Phân tích được trường phái triết học Nho Gia, tư tưởng của Khổng Tử. | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr5-7.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Trình bày tư tưởng đức trị của Nho giáo. |  |
| 3 | 1.3.1. Trường phái triết học Nho gia (tiếp) | 1LT- 1BT | Phân tích được trường phái triết học Nho Gia, tư tưởng của Mạnh Tử, Tuân Tử. | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr8-11.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Mạnh Tử và Tuân Tử đã phát triển Nho giáo theo hai hướng như thế nào? |  |
| 4 | 1.3.2. Trường phái triết học Đạo gia | 2 LT- 0 BT | Phân tích được trường phái triết học Đạo Gia, tư tưởng của Lão Tử và Trang Tử | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr11-14.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 5 | 1.3.3. Trường phái triết học Mặc gia | 1 LT- 1 BT | Trình bày được trường phái triết học Mặc Gia, tư tưởng của Mặc Tử. | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr15-16.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Trình bày tư tưởng chính trị của Mặc Tử. |  |
| 6 | 1.3.4. Trường phái triết học Pháp gia | 2 LT- 0 BT | Trình bày được trường phái triết học Pháp Gia. | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr17-19.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi |  |
| 7 | 1.3.4. Trường phái triết học Pháp gia (tiếp) | 1LT- 1 BT | Phân tích được tư tưởng Pháp, Thế, Thuật của Hàn Phi Tử. | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr20-22.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Phân tích đường lối trị nước theo Pháp Trị của Hàn Phi Tử. | A2.1 |
| 8 | Chương 2. Lịch sử triết học Ấn Độ cổ đại  2.1. Khái quát về lịch sử và đặc điểm kinh tế, chính trị- xã hội Ấn Độ cổ đại  2.2. Đặc điểm triết học Ấn Độ cổ đại | 1 LT- 1 BT | - Ghi nhớ được khái quát về lịch sử và đặc điểm kinh tế, chính trị- xã hội Ấn Độ cổ đại.  - Trình bày được đặc điểm triết học Ấn Độ cổ đại. | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr22-24.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Trình bày đặc điểm triết học Ấn Độ cổ đại. |  |
| 9 | 2.3. Một số trường phái triết học Ấn Độ cổ đại  2.3.1. Trường phái triết học chính thống  2.3.1.1 Trường phái triết học Mimmasa | 1 LT- 1 BT | - Phân tích được trường phái triết học chính thống Mimamsa. | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr24-25.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Nêu tư tưởng triết học của trường phái Mimamsa. |  |
| 10 | 2.3.1.2 Trường phái triết họcVedanta | 1LT – 1 BT | - Phân tích được trường phái triết học Vedanta. | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr25.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Phân tích tư tưởng cơ bản của trường phái triết học Mimamsa. |  |
| 11 | 2.3.1.3 Trường phái triết học Samkhuya  2.3.1.4 Trường phái triết học Yoga | 1 LT – 1 BT | - Trình bày được trường phái triết học Samkhuya.  - Phân tích được trường phái triết học Yoga. | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr26.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Phân tích trường phái triết học Yoga. |  |
| 12 | 2.3.1.5 Trường phái triết học Nyaya Vaisesika | 2 LT – 0 BT | - Hiểu được trường phái triết học Vaisesika. | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr27.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi |  |
| 13 | 2.3.2. Trường phái triết học không chính thống  2.3.2.1 Trường phái triết học Lokayata | 1LT – 1 BT | - Trình bày được trường phái triết học Lokayata. | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr28.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: Phân tích tư tưởng cơ bản của trường phái Lokayata. |  |
| 14 | 2.3.2.1 Trường phái triết học Phật Giáo | 2 LT – 0 BT | - Trình bày được nguồn gốc ra đời của Phật Giáo.  - Trình bày được khái quát tư tưởng Phật Giáo về thế giới quan, nhân sinh quan. | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr29-35.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi |  |
| 15 | 2.3.2.1 Trường phái triết học Phật Giáo (tiếp) | 1LT – 1 BT | - Phân tích được giáo lý cốt lõi của Phật Giáo: tứ diệu đế, bát chính đạo, nhân duyên. | CLO 1  CLO 2  CLO 3  CLO 4  CLO 5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr36-48.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Bài tập: phân tích giáo lý cơ bản của Phật Giáo. | A.2.2 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  |  |  |  | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Trường Đại học Quảng Bình - Khoa Luật | 2021 | Bài giảng Triết học Trung Quốc, Ấn Độ cổ đại | Trường Đại học Quảng Bình |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Nguyễn Đăng Thục | 1997 | Lịch sử triết học phương Đông | Nxb. TP Hồ Chí Minh |
| 3 | Doãn Chính | 1997 | Đại cương lịch sử triết học Trung Quốc | Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội |
| 4 | Đàm Gia Kiện | 1993 | Lịch sử văn hoá Trung Quốc | Nxb. Khoa học, Hà Nội |
| 5 | Nguyễn Hữu Vui | 2002 | Lịch sử triết học | Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội |
| 6 | Bùi Thanh Quất | 1999 | Lịch sử triết học | Nxb. Giáo Dục, Việt Nam |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | A | Bảng, phấn, máy chiếu | 12 | Chương 1 đến chương 5 |

**9. Rubric đánh giá:**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy  định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài  tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy  đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với  yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa  hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp  lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý,  đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính  toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

TS.GVC. Nguyễn Văn Duy ThS.GVC. Lương Thị Lan Huệ ThS.GVC. Trần Hương Giang

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Giáo dục gia đình** | **1.2. Tên tiếng Anh:** *Family education* |
| **1.3. Mã học phần:** MLGDGD.010 | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 15 tiết |
| - Thảo luận nhóm: |  |
| -Bài tập | 15 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Trần Hương Giang |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản, cốt lõi và chuyên sâu về gia đình, giáo dục gia đình, từ đó hình thành các kỹ năng cơ bản và kỹ năng chuyên ngành để phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về chính trị - xã hội liên quan đến giáo dục gia đình. Đồng thời hình thành và phát triển thái độ tích cực, năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với các hoạt động của cộng đồng xã hội.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về vai trò của gia đình trong đời sống xã hội, ý nghĩa và tác dụng của gia đình trong sự phát triển, tiến bộ của xã hội, đặc biệt hiểu rõ vai trò, tác dụng của giáo dục gia đình đối với sự phát triển nhân cách của thế hệ trẻ. Nắm vững các chức năng, nhiệm vụ của gia đình trong đời sống xã hội và trong giáo dục gia đình, hiểu rõ các mặt hoạt động kinh tế, văn hoá, giáo dục gia đình.

**2.2. Về kỹ năng**

Hình thành các kỹ năng xây dựng nề nếp sinh hoạt gia đình hạnh phúc; có khả năng bước đầu tư vấn vấn đề giáo dục gia đình cho mọi người với tư cách là nhà giáo dục, có kỹ năng tổ chức việc kết hợp với gia đình trong giáo dục học sinh.

**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành thái độ khách quan, khoa học về vấn đề xây dựng gia đình hạnh phúc. Ý thức được vị trí và tầm quan trọng của giáo dục gia đình trong sự hình thành và phát triển nhân cách của con người. Hình thành thái độ nghiêm túc, đúng đắn về vấn đề xây dựng gia đình hạnh phúc. Từ đó hình thành nhân cách tích cực, có những phẩm chất tốt đẹp, biết tự bảo vệ, biết cư xử có trách nhiệm trong tình bạn và tình yêu.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| ***3.1. Về kiến thức*** | |
| CLO1 | Hiểu một cách hệ thống và cốt lõi về các vấn đề giáo dục gia đình. Đó là những vấn đề về Gia đình trong đời sống xã hội, Giáo dục trong gia đình, Sự kết hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội |
| CLO2 | Phân tích, đánh giá được các vấn đề liên quan đến gia đình và giáo dục gia đình . Đồng thời áp dụng kiến thức liên ngành, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để lí giải, đánh giá các hiện tượng thực tiễn phát sinh trong thực tiễn. |
| ***3.2. Về kỹ năng*** | |
| CLO3 | Có kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.  Có kỹ năng thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập.  Có kỹ năng giao tiếp.  Có kỹ năng tổ chức các hoạt động nhóm.  Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này.  Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, thích nghi làm việc trong các môi trường khác nhau.  Có kỹ năng lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lí thông tin. |
| CLO4 | Vận dụng kiến thức đã học vào việc giáo dục gia đình. Hình thành các kỹ năng xây dựng nề nếp sinh hoạt gia đình hạnh phúc; có khả năng bước đầu tư vấn vấn đề giáo dục gia đình cho mọi người với tư cách là nhà giáo dục, có kỹ năng tổ chức việc kết hợp với gia đình trong giáo dục học sinh.  Có kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành về giáo dục gia đình để nhận diện, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học. |
| ***3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*** | |
| CLO5 | Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.  Có ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương. |
| CLO6 | Có năng lực tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận: biết bảo vệ những quan điểm khoa học và biết phê phán những quan điểm sai trái.  Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội.  Nêu cao trách nhiệm bản thân việc giải quyết các mối quan hệ trong xã hội, tôn trọng người khác giới, trong các quan hện nam nữ, chính sách dân số kế hoạch hoá gia đình.  Hình thành khả năng tự chủ trong việc tìm tài liệu, làm bài tập và tự chịu trách nhiệm về các bài làm của mình. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| Tổng hợp học phần | R |  | R |  | M | M | R |  |  |  |  |  |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 3  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6;  CLO7 | Điểm danh |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 7  Bài: Giáo dục trong gia đình | 50% | X | CLO 1 | *Bài kiểm tra viết cá nhân, bài tập* |
| A2.2. Tuần 15  Bài: Sự kết hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội | 50% | X | CLO 3 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Chương 1: Gia đình trong đời sống xã hội  Chương 2: Giáo dục trong gia đình  Chương 3: Sự kết hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội |  |  | CLO 1  CLO 2  CLO 4 | Thi tự luận, vấn đáp, tiểu luận |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR*** | ***Hoạt động học của SV(\*)*** | ***Tên bài***  ***đánh giá***  ***(ở cột 3 bảng 5.1*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Gia đình trong đời sống xã hội   * 1. Khái niệm về gia đình   1.1.1. Khái niệm gia đình  1.1.2. Các chức năng của gia đình  Bài tập: Trình bày những hiểu biết của SV về gia đình, chức năng gia đình  Làm rõ trong các chức năng của gia đình, chức năng nào quan trong nhất? | 2 | Hiểu được khái niệm gia đình, chức năng của gia đình  Phân tích được những đặc điểm của gia đình  BT: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | *CLO1*  *CLO1*  *CLO2* | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 1, (tài liệu [1]) trang 4-8, chuẩn bị bài tập  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 2 | Chương 1: tiếp  1.1. Khái niệm về gia đình  1.1.3. Những đặc trương cơ bản của gia đình  Bài tập:  Phân tích những đặc trưng cơ bản của gia đình. Làm rõ những điểm thay đổi trong các đặc điểm của gia đình trong xã hội hiện nay. | 2 | HIểu và phân tích được những đặc trưng cơ bản của gia đình  BT: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | *CLO1*  CLO2  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung Chương 1,TL [1], tr9, Bài tập  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 3 | Chương 1: Tiếp  1.2. Các kiểu gia đình trong lịch sử phát triển của gia đình  Bài tập:  So sánh các giai đoạn phát triển khác nhau của gia đình trong lịch sử phát triển của gi đình | 2 | -Phân tích được các kiểu gia đình trong lịch sử phát triển của gia đình  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO1 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr9-11  chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 4 | Chương 1: tiếp  1.3. Gia đình công cộng  Bài tập  Làm rõ mối quan hệ giữa gia đình và cộng đồng trong xã hội Việt Nam xưa và nay | 2 | -Phân tích được mối quan hệ giữa gia đình với cộng đồng  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr11-13  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 5 | Chương 2: Giáo dục trong gia đình  2.1. Cơ sở pháp lý trong đời sống gia đình  Bài tập: Sơ đồ hoá Những cơ sở pháp lý trong đời sống gia đình | 2 | Hiểu được cơ sở pháp lý trong đời sống gia đình  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr14-17 ; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 6 | Chương 2: tiếp  2.2. Vai trò, tác dụng giáo dục của cha mẹ và người lớn trong gia đình đối với con cái - các nhà sư phạm đầu tiên đối với con cái  Bài tập  Bình luận câu tục ngữ: “ con hư tại mẹ, cháu hư tại bà” | 2 | Phân tích vai trò giáo dục của bố mẹ, người ớn trong gia đình đối với con cá  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr17-24; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. | ………. |
| 7 | Chương 2: tiếp  2.2. Vai trò, tác dụng giáo dục của cha mẹ và người lớn trong gia đình đối với con cái - các nhà sư phạm đầu tiên đối với con cái(tiếp)  Bài tập: Tìm và lý giải các câu ca dao, tục ngữ về vai trò giáo dục của cha, mẹ, ông bà, anh chị đối với trẻ  Kiểm tra tín chỉ 1 | 2 | Làm rõ vai trò giáo dục của người lớn trong gia đình  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: Đọc trước chương 2 tài liệu [1], trang 23-26  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. | A2.1. |
| 8 | Chương 2: Tiếp  2.3. Bổn phận, nghĩa vụ, quyền lợi của con cái đối với cha mẹ và gia đình  Bài tập:  TÌm và phân tích những ví dụ cụ thể về tình cảm gia đình trong văn học cũng như trong thực tiễn xã hội | 2 | Hiểu được quyền và trách nhiệm của con cái đối với cha mẹ, ông bà và ngược lại  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO2  CLO3  CLO4  CLO1  CLO2  CLO3 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 9 | Chương 2 tiếp  2.3. Bổn phận, nghĩa vụ, quyền lợi của con cái đối với cha mẹ và gia đình (tiếp)  Bài tập:  Làm rõ quyền và nghĩa vụ của bố mẹ đối với con cái trong Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. Suy nghĩ của SV về tình trạng trẻ em bị bỏ rơi | 2 | Hiểu và vận dụng sáng tạo pháp luật về quyền và nghĩa vụ của con cái đối với gia đình.  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 10 | Chương 2 tiếp  2.4. Nội dung và phương pháp giáo dục trong gia đình  Bài tập: Tại sao phải giáo dục hành vi đạo đức.Làm rõ trong nội dung giáo dục hành vi đạo đức cần phải đảm bảo những yêu cầu nào? | 2 | Hiểu được các nội dung của giáo dục gia đình  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2TL [1], tr 26-35 ; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 11 | Chương 2 tiếp  2.4. Nội dung và phương pháp giáo dục trong gia đình Bài tập    Bài tập: làm rõ những ưu điểm và hạn chế của từng phương pháp giáo dục gia đình | 2 | HIểu được các phương pháp giáo dục gia đình  Vận dụng sáng tạo trong thực tiễn  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2 TL [1], tr35-40 ; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 12 | Chương 3: Sự kết hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội  3.1. Mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp kết hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội  Bài tập  Phân tích các tình huống cụ thể (Video, báo chí…) để làm rõ sự cần thiết của sự phối kết hợp giáo dục đối với trẻ. | 2 | Hiểu được mục đích, yêu cầu của sự kết hợp giáo dục giữa gia đình, nhà trường và xã hội  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr37-38 ; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 13 | Chương 3: Sự kết hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội  3.1. Mục đích, yêu cầu, nội dung, phương pháp kết hợp giáo dục giữa nhà trường, gia đình và xã hội  Bài tập  Xây dựng và giải quyết các tình huống trong phối kết hợp giáo dục | 2 | HIểu được nội dung và phương pháp phối kết hợp giữa gia đình , nhà trường và xã hội trong giáo dục trẻ  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr41-46, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; |  |
| 14 | Chương 3: tiếp  3.2. Vai trò chủ đạo của nhà trường trong việc chủ động tổ chức kết hợp giáo dục    Bài tập: Chứng minh vai trò chủ đạo của nhà trường trong việc chủ động tổ chức kết hợp giáo dục | 2 | Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của nhà trường trong giáo dục | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 15 | Chương 3: tiếp  3.2. Vai trò chủ đạo của nhà trường trong việc chủ động tổ chức kết hợp giáo dục  - Kiểm tra tín chỉ 2 | 2 | Hiểu được sự cần thiết cần có sự tham gia của các lực lượng khác trong xã hội trong việc giáo dục | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1],  máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, đọc chương 3 tài liệu [1]  tr 46  chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện | A2.2 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Anh Khuyên | 2021 | Giáo trình giáo dục gia đình( (Giáo trình lưu hành nội bộ) | Trường ĐHQB |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Đặng Cảnh Khanh, Lê Thị Quý | 1997 | Gia đình học | NXB Chính trị - Hành chính, Hà Nội. |
| 3 | PTS. Phạm Khắc Chương | 1998 | Giáo dục gia đình | NXB Giáo dục. |
| 4 | Ngô Công Hoàn | 2009 | Giáo trình giáo dục gia đình | NXB Giáo dục Việt Nam |
| 5 |  |  |  |  |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | Giảng đường A  Giảng đường C | máy tính, projector | *1* | *Chương 1 đến chương 3* |

**9. Holistic Rubric đánh giá**

* 1. **. Rubric 1: Chuyên cần (ClassAttendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy  định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài  tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy  đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với  yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa  hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp  lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý,  đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính  toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày tháng năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Giáo dục giới tính** | **1.2. Tên tiếng Anh:****Sex education** |
| **1.3. Mã học phần: MLGDCT.117** | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 15 tiết |
| - Thảo luận nhóm: |  |
| -Bài tập | 15 tiết |
| - Tự học: | 60 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Trần Hương Giang |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản, cốt lõi và chuyên sâu về giới, giới tính và giáo dục giới tính, từ đó hình thành các kỹ năng cơ bản và kỹ năng chuyên ngành để phân tích, đánh giá các vấn đề thực tiễn về chính trị - xã hội liên quan đến giáo dục giới tính. Đồng thời hình thành và phát triển thái độ tích cực, năng lực tự chủ và trách nhiệm đối với các hoạt động của cộng đồng xã hội.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Giáo dục giới tính và giáo dục đời sống gia đình, Nhu cầu giới tính và đạo đức giới, Quan hệ nam nữ và chính sách dân số, Vấn đề tình dục và lối sống hiện đại của thanh niên, Những nguyên tắc, phương pháp và các lực lượng tham gia giáo dục giới tính.

Cung cấp những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất, mở rộng và chuyên sâu giới tính, vai trò của giáo dục giới tính để biết cách ứng xử với nhau một cách tôn trọng và có trách nhiệm và cũng để biết tự bảo vệ sức khỏe sinh sản.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Định hướng xây dựng mối quan hệ lành mạnh và có trách nhiệm giữa nam và nữ, dạy cho họ biết cách ứng xử trước các vấn đề về tính dục và sinh sản, nâng cao sự hiểu biết về chính cơ thể mình, về những nguy cơ của tình dục không an toàn để từ đó biết tự bảo vệ.

**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành thái độ khách quan, khoa học về vấn đề giới tính và sức khoẻ sinh sản. Ý thức được vị trí và tầm quan trọng của giáo dục giới tính trong sự hình thành và phát triển nhân cách của người học. Hình thành thái độ nghiêm túc, đúng đắn về vấn đề giới tính, sức khỏe sinh sản. Từ đó hình thành nhân cách tích cực, có những phẩm chất tốt đẹp, biết tự bảo vệ, biết cư xử có trách nhiệm trong tình bạn và tình yêu.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| ***3.1. Về kiến thức*** | |
| CLO1 | Hiểu một cách hệ thống và cốt lõi về các vấn đề giới tính và giáo dục giới tính. Đó là những vấn đề về Giáo dục giới tính và giáo dục đời sống gia đình, Nhu cầu giới tính và đạo đức giới, Quan hệ nam nữ và chính sách dân số, Vấn đề tình dục và lối sống hiện đại của thanh niên, Những nguyên tắc, phương pháp và các lực lượng tham gia giáo dục giới tính. |
| CLO2 | Phân tích, đánh giá được các vấn đề liên quan đến giới tính và cách xử lý các vấn đề . Đồng thời áp dụng kiến thức liên ngành, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để lí giải, đánh giá các hiện tượng thực tiễn phát sinh trong thực tiễn. |
| ***3.2. Về kỹ năng*** | |
| CLO3 | Có kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.  Có kỹ năng thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập.  Có kỹ năng giao tiếp.  Có kỹ năng tổ chức các hoạt động nhóm.  Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này.  Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, thích nghi làm việc trong các môi trường khác nhau.  Có kỹ năng lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lí thông tin. |
| CLO4 | Vận dụng kiến thức đã học vào việc giáo dục giới tính và giáo dục gia đình, nhận thức đúng đắn về quan hệ nam nữ, chính sách dân số, vấn đề tình dục và lối sống hiện đại của thanh niên. Có kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành về giới tính và giáo dục giới tính để nhận diện, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học. |
| ***3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*** | |
| CLO5 | Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.  Có ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương. |
| CLO6 | Có năng lực tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận: biết bảo vệ những quan điểm khoa học và biết phê phán những quan điểm sai trái.  Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội.  Nêu cao trách nhiệm bản thân việc giải quyết các mối quan hệ trong xã hội, tôn trọng người khác giới, trong các quan hện nam nữ, chính sách dân số kế hoạch hoá gia đình.  Hình thành khả năng tự chủ trong việc tìm tài liệu, làm bài tập và tự chịu trách nhiệm về các bài làm của mình. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| Tổng hợp học phần | R |  | R |  | M | M | R |  |  |  |  |  |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 5  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X |  | Điểm danh |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 7  Chương 1 đến chương 3  Chương 1: Giáo dục giới tính và giáo dục đời sống gia đình  Chương 2: Nh cầu giới tính và đạo đức giới tính  Chương 3: quan hệ nam nữ và chính sách dân số | 50% | X | CLO 1 | *Bài kiểm tra viết cá nhân, bài tập* |
| A2.2. Tuần 15  Chương 4 đến chương 5  Chương 4: Vấn đề tình dục và lối sống hiện đại của thanh niên  Chương 5: Những nguyên tắc, phương pháp và các lực lượng tham gia giáo dục giới tính | 50% | X | CLO 3 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Chương 1: Giáo dục giới tính và giáo dục đời sống gia đình  Chương 2: Nhu cầu giới tính và đạo đức giới  Chương 3: Quan hệ nam nữ và chính sách dân số  Chương 4: Vấn đề tình dục và lối sống hiện đại của thanh niên  Chương 5: Những nguyên tắc, phương pháp và các lực lượng tham gia giáo dục giới tính |  |  | CLO 1  CLO 2  CLO 4 | Thi tự luận, vấn đáp, tiểu luận |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (2 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR*** | ***Hoạt động học của SV(\*)*** | ***Tên bài***  ***đánh giá***  ***(ở cột 3 bảng 5.1*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Giáo dục giới tính và giáo dục đời sống gia đình  1.1. Sơ lược lịch sử vấn đề giáo dục giới tính  1.2. Khái niệm giáo dục giới tính  1.3. Giáo dục giới tính và giáo dục đời sống gia đình | 2 | 1.1. Hiểu được lịch sử vấn đề giáo dục giới tính trong lịch sử  1.2. Hiểu được khái niệm giới, giới tính, giáo dục giới tính  1.3. Hiểu được giáo dục giới tính và giáo dục đời sống gia đình | *CLO1*  *CLO1*  *CLO1* | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 1, (tài liệu [1]) trang 1-6  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 2 | Chương 1: tiếp  1.4. Giáo dục giới tính trong giáo dục Dân số và KHHGĐ  1.5. Giáo dục giới tính và giáo dục sức khỏe  1.6. Nhiệm vụ của giáo dục giới tính  Bài tập:  Bằng những kiến thức đã học, hãy làm rõ vai trò của giáo dục giới tính trong sự phát triển của cá nhân trong xã hội | 2 | Hiểu được mối quan hệ giữa giáo dục giới tính và giáo dục dân số KHHGD  Phân tích được mối quan hệ giữa giáo dục giới tính và giáo dục sức khoẻ  Phân tích được những nhiệm vụ của giáo dục giới tính  BT: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | *CLO1*  CLO1  *CLO1*  *CLO2*  CLO1  CLO2  CLO3 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung Chương 1,TL [1], tr4-5, chuẩn bị BT  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 3 | Chương 1: Tiếp  1.7. Nội dung giáo dục giới tính ở các lứa tuổi  Bài tập: Từ những kiến thức đã học, hãy chỉ ra thực trạng, nguyên nhân và thử tìm giải pháp đối với vấn đề trẻ em bị xâm hai ngày một gia tăng.  Chương 2: Nhu cầu giới tính và đạo đức giới tính  2.1. Giới tính và sự khác biệt nam nữ | 2 | Trình bày được nội dung của giáo dục giới tính ở các lứa tuổi  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học  Hiểu được khái niệm giới tính, nguồn gốc giới tính | CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO1 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr7-10  chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 4 | Chương 2: Nhu cầu giới tính và đạo đức giới tính  2.1. Giới tính và sự khác biệt nam nữ  2.2. Nhu cầu giới tính    Bài tập:  Hãy so sánh sự khác biệt biệt về giới tính nam và nữ qua các giai đoạn phát triển của trẻ, từ đó đưa ra định hướng cơ bản trong việc giáo dục giới tính cho phù hợp với các giai đoạn phát triển của trẻ | 2 | Phân tích được sự khác biệt giữa nam và nữ  Hiểu được khái niệm và nội dung về nhu cầu, nhu cầu giới tính  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr10-13  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 5 | Chương 2: tiếp  2.3. Giáo dục nhu cầu giới tính  Bài tập:  - Phân tích đượcnhững thuận lợi, khó khăn trong việc giáo dục nhu cầu giới tính trong xã hội hiện nay | 2 | Hiểu được các nội dung cơ bản về giáo dục nhu cầu giới tính, vận dụng giải quyết những vấn đề trong thực tiễn  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr14-17 ; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 6 | Chương 2: tiếp  2.4. Đạo đức giới tính và giáo dục đạo đức giới tính  Bài tập:  Tại sao phải giáo dục đạo đức giới tính trong xã hội  Chương 3: Quan hệ nam nữ và chính sách dân số  3.1 Giáo dục thái dộ và hành vi văn hóa trong quan hệ nam nữ | 2 | Phân tích được đạo đức, đạo đức giới tính và giáo dục đạo đức giới tính  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học  Vận dụng nội dung bài học để giải quyết các hành vi văn hoá trong quan hệ nam nữ | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO3 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr17-24; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. | ………. |
| 7 | Chương 3: Quan hệ nam nữ và chính sách dân số  3.1 Giáo dục thái dộ và hành vi văn hóa trong quan hệ nam nữ  3.2. Sự tôn trọng phụ nữ và bình đẳng nam nữ  Bài tập: từ những kiến thức đã học, lý giải sự cần thiết của việc tôn trọng phụ nữ  Kiểm tra tín chỉ 1 | 2 | Hiểu được tầm quan trọng của việc giáo dục văn hoá ứng xử  Hiểu được những yêu cầu về hành vi văn hoá trong quan hệ nam nữ, trong tiếp xúc thể chất con người  Giải thích được lý do cần phải tôn trọng phụ nữ trong xã hội…  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO1  CLO2  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: Đọc trước chương 3 tài liệu [1], trang 23-26  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. | A2.1. |
| 8 | Chương 3: Quan hệ nam nữ và chính sách dân số  3.3. Thái độ nghiêm túc đối với hôn nhân  3.4. Hôn nhân và sinh con với chính sách dân số  Bài tập: Làm rõ những điều kiện được và không được kết hôn theo Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam. | 2 | phân tích và vận dụng liên hệ thực tiễn trong việc cần có thái độ nghiêm túc trong mối quan hệ nam nữ, trong quan hệ hôn nhân  Hiểu được khái niệm kết hôn, điều kiện kết hôn, mối quan hệ giữa sinh con với chính sách dân số  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO2  CLO3  CLO4  CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 9 | 3.5. Vệ sinh giới tính, vệ sinh tinh thần trong sinh hoạt tình dục  Bài tập:  Lý giải quan niệm cho rằng giáo dục giới tính là vẻ đường cho hươu chạy. ĐÚng hay sai? Tại sao?  Chương 4: Vấn đề tình dục và lối sống hiện đại của thanh niên  4.1. Tình dục và lối sống của thanh niên | 2 | Vận dụng, phân tích nội dung của việc vệ sinh giới tính, vệ sinh tinh thần trong sinh hoạt tình dục  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học  Hiểu được mối quan hệ giữa tình dục và lối sống của thanh niên | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO1 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 10 | Chương 4: Vấn đề tình dục và lối sống hiện đại của thanh niên  4.2. Tình dục theo quan điểm của những nhà giáo dục học, y học và xã hội học  Bài tập: Tìm hiểu những quan niệm ở Việt Nam khi bàn đến vấn đề tình dục. Lối sống ảnh hưởng như thế nào đến quan niệm tình dục và đến sự phát triển nhân cách của con người | 2 | Hiểu được khái niệm tình dục của các nhà giáo dục học, y học, xã hội học  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4TL [1], tr 34,35 ; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 11 | 4.3. Tình dục và đời sống văn hóa  Bài tập  Làm rõ quan niệm về tình dục ở nhiều nền văn hoá của các quốc gia khác nhau trên thế giới | 2 | Hiểu được mối quan hệ giữa tình dục và đời sống văn hoá  Bài tập: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4 TL [1], tr36 ; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 12 | 4.4. Quan hệ giữa tình dục, lối sống với hạnh phúc gia đình và kế hoạch hóa dân số  Bài tập  Chương 5: Những nguyên tắc, phương pháp và các lực lượng tham gia giáo dục giới tính  5.1. Những nguyên tắc chung trong giáo dục giới tính | 2 | HIểu được mối quan hệ giữa tình dục, lói sống với hạnh phúc gia đình  Vận dụng được vào thực tiễn xã hội, địa phương.  Hiểu được những nguyên tắc chung trong giáo dục giới tính | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,5, TL [1], tr37-38 ; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 13 | Chương 5: Những nguyên tắc, phương pháp và các lực lượng tham gia giáo dục giới tính  5.1. Những nguyên tắc chung trong giáo dục giới tính  5.2. Phương pháp giáo dục giới tính  Bài tập: từ những kiến thức đã học, hãy làm rõ các phương pháp giáo dục giới tính cho trẻ phù hợp với các giai đoạn phát triển của trẻ | 2 | Hiểu và phân tích được các nguyên tắc chung trong giáo dục giới tính  Ghi nhớ và vận dụng được các phương pháp giáo dục giới tính  Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến giáo dục giới tính | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 5,TL [1], tr38-40  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; |  |
| 14 | Chương 5: Những nguyên tắc, phương pháp và các lực lượng tham gia giáo dục giới tính  5.2. Phương pháp giáo dục giới tính  5.3. Vai trò của các lực lượng tham gia giáo dục giới tính  Bài tập: Trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền giáo dục giới tính | 2 | Ghi nhớ các phương pháp khác nhau trong giáo dục giới tính  Bài tập: Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trách nhiệm của SV trong nhận thức, thực hiện, tuyên truyền những vấn đề liên quan đến xây dựng và phát triển gia đình ở Việt Nam hiện nay | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 15 | Chương 5: Những nguyên tắc, phương pháp và các lực lượng tham gia giáo dục giới tính  5.3. Vai trò của các lực lượng tham gia giáo dục giới tính  - Kiểm tra tín chỉ 2 | 2 | Hiểu được sự cần thiết cần có sự tham gia của các lực lượng khác trong xã hội trong việc giáo dục giới tính | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1],  máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, đọc chương 5 tài liệu [1]  tr 40,41  chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện | A2.2 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Anh Khuyên | 2021 | Giáo trình giáo dục giới tính (Giáo trình lưu hành nội bộ) | Trường ĐHQB |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Nguyễn Văn Lê | 1997 | Giáo dục giới tính | NXB Đại học Quốc gia Hà Nội. |
| 3 | Nguyễn Hữu Dũng | 1998 | Giáo dục giới tính, | NXB Giáo dục. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | Giảng đường A  Giảng đường C | máy tính, projector | *1* | *Chương 1 đến chương 5* |

**9. Holistic Rubric đánh giá**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy  định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài  tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy  đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với  yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa  hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp  lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý,  đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính  toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày tháng năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số:** 7140205 |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Hệ thống chính trị Việt Nam** | **1.2. Tên tiếng Anh: Vietnam Political System** |
| **1.3. Mã học phần:** MLHTCT.109 | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 27 tiết |
| - Bài tập: | 18 tiết |
| - Thực hành: |  |
| - Tự học: | 90 |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | TS. Trần Đức Hiền |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phan Thị Thu Hà  ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần trang bị cho sinh viên chuyên ngành GDCT những kiến thức chuyên sâu về hệ thống chính trị nói chung trên thế giới và hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về hệ thống chính trị, các yếu tố, chức năng của các yếu tố cấu thành hệ thống chính trị ở Việt Nam. Từ đó hiểu rõ đặc điểm, bản chất của hệ thống chính trị ở Việt Nam và sự cần thiết phải đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị trước yêu cầu đổi mới toàn diện đất nước.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Sinh viên vận dụng kiến thức đã học để giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra. Có kỹ năng quan sát, thu thập và xử lý thông tin; kỹ năng phân tích, đánh giá các vấn đề chính trị - xã hội; kỹ năng thiết lập mối quan hệ trong hoạt động trải nghiệm tại cộng đồn**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành cho sinh viên ý thức trách nhiệm cao với quê hương đất nước. Tích cực tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, đóng góp hiệu quả vào sự nghiệp đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị Việt Nam.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu được các vấn đề chung về hệ thống chính trị thế giới và hệ thống chính trị ở Việt Nam. |
| CLO2 | Phân tích, đánh giá được thực tiễn tất yếu của việc đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay. |
| CLO3 | Có kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.  Có kỹ năng thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập.  Có kỹ năng giao tiếp.  Có kỹ năng tổ chức các hoạt động nhóm.  Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này.  Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, thích nghi làm việc trong các môi trường khác nhau.  Có kỹ năng lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lí thông tin. |
| CLO4 | Có kỹ năng vận dụng kiến thức để nhận diện, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn phát sinh một cách khách quan, có cơ sở khoa học.  Có kỹ năng tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, Nhà nước đối với thế hệ trẻ hiện nay. |
| CLO5 | Có thái độ đúng đắn về môn học.  Có ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính tự giác, tính kỷ luật. |
| CLO6 | Có năng lực tham gia vào cuộc đấu tranh bảo vệ hệ thống chính trị Việt Nam.  Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội.  Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới và ở Việt Nam. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M | M | M |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  | M | A | A | A | A | A |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | A | M | M |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 3  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6. | Quan sát, theo dõi, điểm danh |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 35% | A2.1. Tuần 5  Chương 1: Những vấn đề chung về hệ thống chính trị | 30% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;  CLO5; CLO6. | - Kiểm tra viết (cá nhân)  - Bài tập nhóm |
| A2.2. Tuần 10  Chương 2: Hệ thống chính trị ở Việt Nam | 30% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6. |
| A2.3. Tuần 14  Chương 3: Đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay | 40% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6. |
| A3. Đánh giá cuối kỳ (Thi kết thúc học phần) | 60% | Đánh giá toàn bộ nội dung chương trình  (3 chương) |  |  | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6. | - Thi tự luận  - Thi vấn đáp |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

***Sinh viên phải tham dự > = 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được thi kết thúc HP.***

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/T)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Những vấn đề chung về hệ thống chính trị  1.1.  Khái niệm, bản chất và đặc điểm của hệ thống chính trị  1.1.1. Khái niệm  1.1.2. Bản chất của hệ thống chính trị  1.1.3. Đặc điểm của hệ thống chính trị | (03LT;  0BT) | - Hiểu được khái niệm HTCT.  - Phân tích được bản chất và đặc điểm của HTCT. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước chương 1, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 2 | Chương 1. Tiếp theo  1.2.  Hệ thống chính trị  1.2.1. Các đảng chính trị  1.2.2. Nhà nước | (03LT;  0BT) | - Hiểu được các đảng chính trị và các nhà nước ở trên thế giới | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tiếp chương 1, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 3 | Chương 1: Tiếp theo  1.2.3. Các tổ chức chính trị-xã hội | (3LT;  0BT) | - Hiểu được các tổ chức chính trị - xã hội ở trên thế giới. | CLO1 CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tiếp chương 1, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 4 | Chương 1: Tiếp theo  Bài tập: Tìm hiểu một số Đảng, Nhà nước, TC CT-XH trên thế giới. | (0LT;  3BT) | - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV theo dõi SV báo cáo BT (theo nhóm hoặc cá nhân)  - GV đánh giá, nhận xét, kết luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Bài tập giao theo nhóm hoặc cá nhân, trình bày bằng giấy A0 hoặc powerpoint hoặc đóng vai,…  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV báo cáo sp.  - SV khác theo dõi, nhận xét, góp ý, đặt câu hỏi. |  |
| 5 | Chương 1: Tiếp theo  Bài tập: Tìm hiểu một số Đảng, Nhà nước, TC CT-XH trên thế giới. | (0LT;  3BT) | - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV theo dõi SV báo cáo BT (theo nhóm hoặc cá nhân)  - GV đánh giá, nhận xét, kết luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Bài tập giao theo nhóm hoặc cá nhân, trình bày bằng giấy A0 hoặc powerpoint hoặc đóng vai,…  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV báo cáo sp.  - SV khác theo dõi, nhận xét, góp ý, đặt câu hỏi. | A2.1 |
| 6 | Chương 2: Hệ thống chính trị ở Việt Nam  2.1. Các yếu tố cấu thành hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay  2.2. Đặc điểm của hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay | (3LT;  0BT) | - Phân tích được các yếu tố cấu thành và đặc điểm của HTCT ở VN hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước chương 2, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 7 | Chương 2: Tiếp theo  2.3. Mục tiêu, quan điểm, giải pháp xây dựng hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay | (3LT;  0BT) | - Trình bày được mục tiêu, quan điểm, giải pháp XD HTCT ở VN hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tiếp chương 2, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. | A2.1. |
| 8 | Chương 2: Tiếp theo  2.4. Chức năng của các tổ chức trong hệ thống chính trị | (3LT;  0BT) | - Phân tích được chức năng của các tổ chức trong HTCT. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tiếp chương 2, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 9 | Chương 2: Tiếp theo  Bài tập: Tìm hiểu hệ thống chính trị ở địa phương em. | (0LT;  3BT) | - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV theo dõi SV báo cáo BT (theo nhóm hoặc cá nhân)  - GV đánh giá, nhận xét, kết luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Bài tập giao theo nhóm hoặc cá nhân, trình bày bằng giấy A0 hoặc powerpoint hoặc đóng vai,…  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV báo cáo sp.  - SV khác theo dõi, nhận xét, góp ý, đặt câu hỏi. |  |
| 10 | Chương 2: Tiếp theo  Bài tập: Tìm hiểu hệ thống chính trị ở địa phương em. | (0LT;  3BT) | - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV theo dõi SV báo cáo BT (theo nhóm hoặc cá nhân)  - GV đánh giá, nhận xét, kết luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Bài tập giao theo nhóm hoặc cá nhân, trình bày bằng giấy A0 hoặc powerpoint hoặc đóng vai,…  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV báo cáo sp.  - SV khác theo dõi, nhận xét, góp ý, đặt câu hỏi. | A2.2. |
| 11 | Chương 3. Đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay  3.1. Tính tất yếu của việc đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay | (3LT;  0BT) | - Phân tích được tính tất yếu của việc đổi mới, kiện toàn HTCT ở VN hiện nay. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước chương 3, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 12 | Chương 3: Tiếp theo  3.2. Nội dung, phương hướng cơ bản nhằm đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam | (3LT;  0BT) | - Trình bày được ND, PH cơ bản nhằm đổi mới HTCT ở VN. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tiếp chương 3, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 13 | Chương 3: Tiếp theo  3.3. Trách nhiệm của đoàn viên, thanh niên trong việc xây dựng hệ thống chính trị  3.4. Sinh viên trải nghiệm tại cộng đồng để tìm hiểu về hệ thống chính trị. | (3LT;  0BT) | - Vận dụng được và trình bày được trách nhiệm của bản thân trong việc góp phần XD HTCT.  - Báo cáo được kết quả trải nghiệm… | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tiếp chương 3, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 14 | Chương 3: Tiếp theo  Bài tập: Tìm hiểu những thành tựu, hạn chế và đề xuất giải pháp để góp phần XD HTCT VN ngày càng vững mạnh. | (0LT;  3BT) | - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV theo dõi SV báo cáo BT (theo nhóm hoặc cá nhân)  - GV đánh giá, nhận xét, kết luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Bài tập giao theo nhóm hoặc cá nhân, trình bày bằng giấy A0 hoặc powerpoint hoặc đóng vai,…  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV báo cáo sp.  - SV khác theo dõi, nhận xét, góp ý, đặt câu hỏi. | A2.3. |
| 15 | Chương 3: Tiếp theo  Bài tập: Tìm hiểu những thành tựu, hạn chế và đề xuất giải pháp để góp phần XD HTCT VN ngày càng vững mạnh. | (0LT;  3BT) | - Phân tích, lập luận, thuyết trình, lựa chọn thông tin và xử lý thông tin. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV theo dõi SV báo cáo BT (theo nhóm hoặc cá nhân)  - GV đánh giá, nhận xét, kết luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Bài tập giao theo nhóm hoặc cá nhân, trình bày bằng giấy A0 hoặc powerpoint hoặc đóng vai,…  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV báo cáo sp.  - SV khác theo dõi, nhận xét, góp ý, đặt câu hỏi. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  |  |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | TS. Trần Đức Hiền | 2021 | Bài giảng Hệ thống chính trị ở Việt Nam | Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình. |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Nguyễn Viết Thông | 2013 | Giáo trình đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam | NXB CTQG, Hà Nội |
| 3 | Trần Đình Thắng – Tống Đức Thảo | 2007 | Giáo trình Thể chế chính trị Việt Nam | NXB ĐHSP Hà Nội |
| 4 | Cổng thông tin điện tử, chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam | 2015 | Hỏi đáp về hệ thống chính trị ở Việt Nam | NXB ĐHSP, Hà Nội |
| 5 | Lê Thế Lạng | 2009 | Giáo trình chính trị | NXB Giáo dục Việt Nam |
| 6 | Nguyễn Đức Tính, | 2002 | Xây dựng Đảng về tổ chức | NXB CTQG, Hà Nội |
| 7 | Lê Quang Thưởng | 1996 | Một số vấn đề về xây dựng Đảng về Tổ chức trong giai đoạn hiện nay | NXB CTQG, Hà Nội |
| 8 | Nguyễn Trọng Phúc | 1998 | Vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thời kỳ đổi mới đất nước | NXB CTQG, Hà Nội |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | **Giảng đường**  **A hoặc C** | *Projector, máy tính cá nhân.* | *1* | *Từ chương 1 đến chương 3* |

**9. Holistic Rubric đánh giá**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |

**9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy  định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài  tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy  đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với  yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa  hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp  lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý,  đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính  toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |

**TS. Nguyễn Văn Duy ThS. Lương Thị Lan Huệ TS. Trần Đức Hiền**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục công dân.** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Pháp luật chuyên ngành** | **1.2. Tên tiếng Anh: Specialiezed laws** |
| **1.3. Mã học phần: MLPLCN.111** | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 35 tiết |
| - Bài tập: | 10 tiết |
| - Tự học: | **90 tiết** |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Phan Phương Nguyên |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phùng Thị Loan  ThS. Phan Thị Thu Hiền |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần Pháp luật chuyên ngành bao gồm các kiến thức về pháp luật phục vụ cho chuyên ngành Giáo dục công dân. Từ đó sinh viên có ý thức trong việc tiếp thu và thực hiện pháp luật.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Học phần Pháp luật chuyên ngành nằm trong phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo. Đây là nội dung kiến thức quan trọng trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về pháp luật và nhà nước để từ đó các em có thể vận dụng vào trong quá trình học tập và công tác sau này.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Giúp người học hình thành những kĩ năng như phân tích các khái niệm, mối quan hệ và lôgic nội tại của nội dung trong từng bài học và cả môn học; Có kỹ năng phân tích các tình huống pháp luật liên quan; nhìn nhận các vấn đề liên quan đến Pháp luật một cách chuẩn xác, từ đó có cách xử lý trong các trường hợp cụ thể.

**2.2.3. Về thái độ**

Có thái độ tôn trọng pháp luật, thực hiện pháp luật tốt; Tin tưởng và chấp hành tốt đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã CĐR** | **Nội dung chuẩn đầu ra** |
| CLO1 | Người học nhớ và hiểu được kiến thức cơ bản về Luật hiến pháp, luật dân sự, luật hình sự, luật hành chính, luật hôn nhân và gia đình. |
| CLO2 | Người học hiểu và vận dụng được kiến thức cơ bản về pháp luật tố tụng dân sự và tố tụng hình sự. |
| CLO3 | Người học có kỹ năng tìm, đọc, hiểu và vận dụng các văn bản trong lĩnh vực pháp luật chuyên ngành. |
| CLO4 | Người học có kỹ năng tư duy logic và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời. |
| CLO5 | Thái độ đúng đắn và nghiêm túc đối với các vấn đề liên quan đến tuyên truyền, giáo dục pháp luật trong đời sống. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 |  |  | I |  |  |  |  |  |  | I |  | M |
| CLO2 | I |  | R |  |  |  | R |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  | M |  |
| CLO4 | R |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |
| CLO5 | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần | M |  | R |  | M |  | R | M |  | I | M | M |

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ chương 1 đến chương 7  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên | 100% | X | Từ CLO1  đến CLO5 | Điểm danh, quan sát, theo dõi.  Tham gia đầy đủ, tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học. |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Chương 3. Luật hình sự | 30% | X | CLO1 | Viết, bài tập.  Đáp ứng yêu cầu về nộp bài tập, hình thức trình bày và nội dung. |
| A2.2. Chương 5. Luật hôn nhân và gia đình | 30% | CLO 1 |
| A2.3. Chương 7. Luật tố tụng dân sự | 40% |  | CLO 2 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Bao quát toàn bộ nội dung các chương | 100% |  | Từ CLO1  đến CLO5 | Viết hoặc vấn đáp.  Đáp ứng đáp án, thang điểm |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/BT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | **Chương 1. Luật hiến pháp Việt Nam**  1.1. Khái niệm luật hiến pháp | 2 LT- 1 BT | Hiểu được khái niệm Luật Hiến pháp. | CLO1  CLO3  CLO4 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 1 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Phân tích đối tượng điều chỉnh của Luật hiến pháp. |  |
| 2 | **Chương 1. Luật hiến pháp Việt Nam**  1.2. Nội dung cơ bản của hiến pháp 2013 | 2 LT- 1 BT | Hiểu được những nội dung cơ bản của Hiến pháp 2013. | CLO1  CLO3  CLO4 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 2 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Phân tích bản chất của Nhà nước CHXHCN Việt Nam. |  |
| 3 | **Chương 2. Luật dân sự**  2.1. Khái niệm Luật dân sự | 2 LT- 1 BT | Phân tích được khái niệm Luật Dân sự. | CLO1  CLO3  CLO4 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 2 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Phân tích đối tượng điều chỉnh của Luật dân sự. |  |
| 4 | **Chương 2. Luật dân sự**  2.2. Quan hệ pháp luật dân sự | 2 LT- 1 BT | Phân tích được các quan hệ pháp luật dân sự. | CLO1  CLO3  CLO4 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 3 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Lấy một ví dụ về quan hệ pháp luật dân sự. |  |
| 5 | **Chương 3. Luật hình sự**  3.1. Khái niệm  3.2. Tội phạm | 2 LT- 1 BT | Trình bày được những vấn đề cơ bản của Luật Hình sự. | CLO1  CLO3  CLO4 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 3 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Phân loại tội phạm và lấy ví dụ. | A2.1 |
| 6 | **Chương 3. Luật hình sự**  3.3. Hình phạt và các biện pháp tư pháp | 2 LT- 1 BT | Hiểu được khái niệm và hệ thống hình phạt. | CLO1  CLO3  CLO4 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 4 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Trình bày hệ thống hình phạt. |  |
| 7 | **Chương 4. Luật hành chính**  4.1. Khái niệm luật hành chính  4.2. Cơ quan hành chính và cán bộ, công chức | 2 LT- 1 BT | Phân tích được những nội dung cơ bản của Luật hành chính. | CLO1  CLO3  CLO4 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 4 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Phân biệt công chức và viên chức. |  |
| 8 | **Chương 4. Luật hành chính**  4.3. Vi phạm hành chính  4.4. Quyền khiếu nại, tố cáo của công dân | 2 LT- 1 BT | Trình bày được ý nghĩa vi phạm hành chính, quyền khiếu nại tố cáo. | CLO1  CLO3  CLO4 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 5 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Lấy ví dụ về vi phạm hành chính. |  |
| 9 | **Chương 5. Luật hôn nhân và gia đình**  5.1. Khái niệm Luật hôn nhân và gia đình  5.2. Kết hôn và việc hủy kết hôn trái pháp luật | 2 LT- 1 BT | Hiểu được khái niệm Luật HNGD. | CLO1  CLO3  CLO4 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 5 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Chủ thể nào có quyền yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật? |  |
| 10 | **Chương 5. Luật hôn nhân và gia đình**  5.3. Nghĩa vụ và quyền giữa vợ và chồng  5.4. Nghĩa vụ và quyền giữa cha mẹ và con  5.5. Ly hôn | 2 LT- 1 BT | Hiểu được nghĩa vụ và quyền của vợ chồng, cha mẹ và con; vấn đề ly hôn. | CLO1  CLO3  CLO4 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 6 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Lấy ví dụ về thuận tình ly hôn. | A2.2 |
| 11 | **Chương 6. Luật tố tụng hình sự**  6.1. Khái niệm Luật tố tụng hình sự  6.2. Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng | 2 LT- 1 BT | Hiểu được khái niệm và cơ quan tiến hành tố tụng hình sự. | CLO2  CLO3  CLO4 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 6 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Trình bày những người tiến hành tố tụng hình sự. |  |
| 12 | **Chương 6. Luật tố tụng hình sự**  6.3. Trình tự thủ tục giải quyết vụ án hình sự | 2 LT- 1 BT | Phân tích được trình tự thủ tục giải quyết vụ án hình sự. | CLO2  CLO3  CLO4 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 7 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Lấy ví dụ về vụ án hình sự và phân tích trình tự giải quyết vụ án đó. |  |
| 13 | **Chương 7. Luật tố tụng dân sự**  7.1. Khái niệm Luật tố tụng dân sự  7.2.Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng | 2 LT- 1 BT | Hiểu được khái niệm Luật dân sự. Trình bày được cơ quan và người tiến hành tố tụng dân sự. | CLO2  CLO3  CLO4 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 7 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: So sánh người tham gia tố tụng hình sự và dân sự. |  |
| 14 | **Chương 7. Luật tố tụng dân sự**  7.3. Trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm | 2 LT- 1 BT | Phân tích được trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm. | CLO2  CLO3  CLO4 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 7 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: Lấy ví dụ về vụ án dân sự. | A2.3 |
| 15 | **Chương 7. Luật tố tụng dân sự**  7.3. Trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm | 2 LT- 1 BT | Phân tích được trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự tại tòa án cấp sơ thẩm. | CLO2  CLO3  CLO4 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung chương 7 trong tài liệu [1].  - Phần chuẩn bị trên lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  \* Bài tập: So sánh trình tự thủ tục giải quyết vụ án dân sự và vụ án hình sự. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  | - Hiểu được các quy định của pháp luật chuyên ngành.  - Vận dụng những quy định của pháp luật chuyên ngành trong thực tiễn. | CLO1  CLO2  CLO3  CL04  CL05 |  |  | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Phan Phương Nguyên | 2019 | Bài giảng Pháp luật chuyên ngành | Giáo trình lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Thái Vĩnh Thắng, Vũ Hồng Anh (chủ biên) | 2015 | Giáo trình Luật hiến pháp Việt Nam | NXB Công an nhân dân. |
| 3 | Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên) | 2015 | Giáo trình Luật hình sự Việt Nam | NXB Công an nhân dân |
| 4 | Đinh Văn Thanh (chủ biên) | 2015 | Giáo trình Luật dân sự Việt Nam | NXB Công an nhân dân |
| 5 | Trần Minh Hương (chủ biên) | 2015 | Giáo trình Luật hành chính Việt Nam | NXB Công an nhân dân |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chínhphục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường nhà A (nhà C) | Bảng, máy tính,  Máy chiếu,  Bài giảng powerpoint | 1  1  1 | Chương 1 |
| 2 | Giảng đường nhà A (nhà C) | Bảng, máy tính,  Máy chiếu,  Bài giảng powerpoint | 1  1  1 | Chương 2 |
| 3 | Giảng đường nhà A (nhà C) | Bảng, máy tính,  Máy chiếu,  Bài giảng powerpoint | 1  1  1 | Chương 3 |
| 4 | Giảng đường nhà A (nhà C) | Bảng, máy tính,  Máy chiếu,  Bài giảng powerpoint | 1  1  1 | Chương 4 |
| 5 | Giảng đường nhà A (nhà C) | Bảng, máy tính,  Máy chiếu,  Bài giảng powerpoint | 1  1  1 | Chương 5 |
| 6 | Giảng đường nhà A (nhà C) | Bảng, máy tính,  Máy chiếu,  Bài giảng powerpoint | 1  1  1 | Chương 6 |
| 7 | Giảng đường nhà A (nhà C) | Bảng, máy tính,  Máy chiếu,  Bài giảng powerpoint | 1  1  1 | Chương 7 |

**9. Rubric đánh giá**

**Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Chuyên  cần | Không đi học  (<30%). | Đi học không chuyên cần  (<50%). | Đi học khá chuyên cần (<70%). | Đi học chuyên cần (<90%). | Đi học đầy đủ, rất chuyên cần  (100%). | **50%** |
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia hoạt động gì tại lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng gớp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả. | **50%** |

**Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập | Nộp 70% số lượng bài tập được giao. Thời gian nộp chậm hơn quy định 96 giờ trở lên. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 48 giờ. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 24 giờ. | Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định. | **20%** |
| Trình bày bài tập | Không có bài tập | Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giảndòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp. | Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước). | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡchữ, giản dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý. | Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giản dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sửdụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý. | **30%** |
| Nội dung bài tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy đủ, một số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót  . | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Trình bày đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục công dân.** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Lý luận dạy học môn giáo dục công dân ở trường THPT** | **1.2. Tên tiếng Anh: the theory or teaching civic education in high school** |
| **1.3. Mã học phần: MLDHGD.027** | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 35 tiết |
| - Bài tập: | 10 tiết |
| - Tự học: | **90 tiết** |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Phan Thị Thu Hà |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Lương Thị Lan Huệ  ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần Lý luận dạy học môn giáo dục công dân ở trường THPT bao gồm các kiến thức về phương pháp dạy học, hình thức tổ chức dạy học, sử dụng phương tiện và kiểm tra đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường THPT.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Học phần này nằm trong phần kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo. Đây là nội dung kiến thức quan trọng trang bị cho sinh viên nắm vững đối tượng nghiên cứu, phương pháp, hình thức, phương tiện dạy và biết cách thiết kế bài dạy môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Hình thành cho người học những kĩ năng như phân tích các khái niệm, mối quan hệ và lôgic nội tại của nội dung trong từng bài học và cả môn học; Có kỹ năng tiếp cận thực tiễn, có khả năng vận dụng kiến thức đã học để tự tìm hiểu, tự thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông, sử dụng thành thạo các phương pháp dạy học trong quá trình lên lớp.

**2.2.3. Về thái độ**

Vận dụng các phương pháp dạy học để làm truyền đạt kiến thức cho sinh viên. Có thái độ đúng đắn với các vấn đề đang diễn ra, giải quyết vấn đề trên cơ sở quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Ghi nhớ, hiểu được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu lý luận dạy học môn giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông |
| CLO2 | Hiểu được vị trí, nhiệm vụ, chương trình, nguyên tắc dạy học môn giáo dục công dân ở trung học phổ thông |
| CLO3 | Người học hiểu và biết sử dụng phương tiện trong dạy học môn giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông |
| CLO4 | Người học hiểu và kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông |
| CLO5 | Người học hiểu rõ các quan niệm về thiết kế dạy học, xây dựng các bước thiết kế bài dạy môn học giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông theo hướng đổi mới |
| CLO6 | Vận dụng hiệu quả nội dung lý thuyết vào thực tiễn dạy học ở trường phổ thông. Có kỹ năng tìm, đọc, hiểu và vận dụng các phương pháp dạy học giáo dục công dân ở trường phổ thông. |
| CLO7 | Có kỹ năng tư duy logic và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLOvà PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | I |  | I |  |  |  |  |  |  | I |  | M |
| CLO2 |  |  | R |  |  |  | M |  |  |  |  |  |
| CLO3 | M |  |  |  | M |  |  |  |  |  | M |  |
| CLO4 | R |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |
| CLO5 | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  | R |  |
| CLO7 | R | M |  |  | M |  |  |  | M |  | R |  |
| Tổng hợp học phần | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M |

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 10% | - Đánh giá tất cả các bài từ chương 1 đến chương 7  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên | 100% | X | Từ CLO1  đến CLO10 | Điểm danh, quan sát, theo dõi.  Tham gia đầy đủ, tích cực tham gia các hoạt động trong giờ học. |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 30% | A1.1. Chương 1. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu lý luận dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông.  Chương 2. Môn giáo dục công dân ở trường THPT | 30% | X | CLO 1  CLO2 | Viết, bài tập nhóm.  Đáp ứng yêu cầu về nộp bài tập, hình thức trình bày và nội dung. |
| A1.2. Chương 3. Hệ thống các phương pháp giảng dạy môn học giáo dục công dân trường THPT  Chương 4. Hình thức tổ chức dạy học môn GDCD ở trường THPT | 30% | CLO 3  CLO 4 |
| A1.3. Chương 5. Sử dụng phương tiện dạy học môn GDCD ở trường THPT  Chương 6. Kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn GDCD ở trường THPT  Chương 7. Thiết kế bài dạy môn GDCD ở trường THPT | 40% |  | CLO 5  CLO 6  CLO 7 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ: Bao quát toàn bộ nội dung các chương | 100% |  | Từ CLO1  đến CLO10 | Viết hoặc vấn đáp.  Đáp ứng đáp án, thang điểm |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR*** | ***Hoạt động học của SV(\*)*** | ***Tên bài***  ***đánh giá***  ***(ở cột 3 bảng 5.1*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu lý luận dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông  1.1. Đối tượng nghiên cứu lý luận dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông  1.2. Nhiệm vụ nghiên cứu lý luận dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông. | 2LT | -Hiểu được đối tượng, nhiệm vụ nghiên cứu lý luận dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | CLO1 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung và trả lời trước câu hỏi trong sách giáo khoa (C1 tài liệu 1).  - Tại lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập. | A1.1 |
| 2 | Chương 1. (tiếp theo)  1.3. Phương pháp nghiên cứu lý luận dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | 2LT | Phân tích được phương pháp nghiên cứu lý luận dạy học môn GDCD. | CLO1 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung và trả lời trước câu hỏi trong sách giáo khoa (C1 tài liệu 1).  - Tại lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập. | A1.1 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 3 | Chương 2. Môn giáo dục công dân ở trường THPT  2.1. Vị trí, nhiệm vụ môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông  2.2. Chương trình, sách giáo khoa Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | 2LT-  2BT | Hiểu được vị trí, nhiệm vụ môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.. | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung và trả lời trước câu hỏi trong sách giáo khoa (C2 tài liệu 1).  - Tại lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  Bài tập: Vận dụng nhiệm vụ môn GDCD ở trường PT | A1.1 |
| 4 | Chương 2. (tiếp theo)  2.3. Nguyên tắc dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông  2.4. Người giáo viên Giáo dục công dân | 2LT-  2BT | - Nguyên tắc dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông  - Phân tích được yêu cầu người giáo viên Giáo dục công dân | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.. | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung và trả lời trước câu hỏi trong sách giáo khoa (C2 tài liệu 1).  - Tại lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  Bài tập: Liên hệ yêu cầu của người giáo viên trong dạy học môn GDCD | A1.1 |
| 5 | Chương 3. Hệ thống các phương pháp giảng dạy môn học giáo dục công dân trường THPT  3.1. Một số vấn đề chung về phương pháp dạy học  3.2. Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | 2LT | Trình bày được những vấn đề chung về phương pháp dạy học.  Vận dụng các phương pháp dạy học môn GDCD ở trường phổ thông | CLO3 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung và trả lời trước câu hỏi trong sách giáo khoa (C3 tài liệu 1).  - Tại lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập. | A1.2. |
| 6 | Chương 3. (tiêp theo)  3.3. Đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | 2LT | -Hiểu được yêu cầu và nội dung đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông. | CLO3 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung và trả lời trước câu hỏi trong sách giáo khoa (C3 tài liệu 1).  - Tại lớp: tích cực 3.3 Đổi mới phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông  phát biểu và làm bài tập. | A1.2 |
| 7 | Chương 4. Hình thức tổ chức dạy học môn GDCD ở trường THPT  4.1. Hình thức tổ chức dạy học và hình thức tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | 2LT- 2BT | Phân tích được hình thức tổ chức dạy học và hình thức tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung và trả lời trước câu hỏi trong sách giáo khoa (C4 tài liệu 1).  - Tại lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  Bài tập: Vận dụng hình thức tổ chức trong dạy học môn GDCD | A1.2 |
| 8 | Chương 4. (tiếp theo)  4.2. Các hình thức tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | 2LT- 2BT | Trình bày được các hình thức tổ chức dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung và trả lời trước câu hỏi trong sách giáo khoa (C4 tài liệu 1).  - Tại lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  Bài tập : Thực hành giảng có sử dụng các hình thức dạy học | A1.2. |
| 9 | **Chương 5. Sử dụng phương tiện dạy học môn GDCD ở trường THPT**  5.1. Khái niệm và ý nghĩa của phương tiện dạy học  5.2. Một số phương tiện dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | 2LT | Hiểu được khái niệm, ý nghĩa và một số phương tiện dạy học môn GDCD. | CLO5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung và trả lời trước câu hỏi trong sách giáo khoa (C5 tài liệu 1).  - Tại lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập. | A1.3 |
| 10 | Chương 5. Sử dụng phương tiện dạy học môn GDCD ở trường THPT  5.3. Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | 2LT | Vận dụng được cách ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | CLO5 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung và trả lời trước câu hỏi trong sách giáo khoa (C5 tài liệu 1).  - Tại lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập. | A1.3 |
| 11 | Chương 6. Kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn GDCD ở trường THPT  6.1. Kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông  6.2. Các hình thức kiểm tra và các loại bài kiểm tra trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | 2 LT- 2BT | Phân tích được khái niệm, kiểm tra trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông.  Vận dụng các hình thức kiểm tra và các loại bài kiểm tra trong dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung và trả lời trước câu hỏi trong sách giáo khoa (C6 tài liệu 1).  - Tại lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  Bài tập: Vận dụng đánh giá trong bài dạy GDCD tự chọn | A1.3 |
| 12 | Chương 6. (tiếp theo)  6.3. Quy trình thiết kế, sử dụng để kiểm tra môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | 2LT- 2BT | Phân tích được quy trình thiết kế, sử dụng để kiểm tra môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung và trả lời trước câu hỏi trong sách giáo khoa (C6 tài liệu 1).  - Tại lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  Bài tập: Vận dung quy trình thiết kế để kiểm tra môn GDCD | A1.3 |
| 13 | Chương 7. Thiết kế bài dạy môn GDCD ở trường THPT  7.1. Quan niệm về thiết kế dạy học  7.2. Các bước thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông theo hướng đổi mới | 2LT- 1BT | Phân tích được các bước thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông theo hướng đổi mới.  . | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung và trả lời trước câu hỏi trong sách giáo khoa (C7 tài liệu 1).  - Tại lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  Bài tập: Thực hành giảng dạy | A1.3 |
| 14 | Chương 7. (tiếp theo)  7.3. Thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân trên phần mềm POWERPOINT | 2LT- 1 BT | Vận dụng được thiết kế bài dạy học môn Giáo dục công dân trên phần mềm POWERPOINT | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung và trả lời trước câu hỏi trong sách giáo khoa (C7 tài liệu 1).  - Tại lớp: tích cực phát biểu và làm bài tập.  Bài tập: Thực hành giảng dạy | A1.3 |
| 15 | Ôn tập | 2LT- 1BT | Nắm được toàn bộ nội dung của học phần. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.. | Sinh viên tích cực phát biểu và làm bài ôn tập.  Bài tập: Thực hành giảng dạy | Nắm được toàn bộ nội dung của học phần. |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  |  |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Phan Thị Thu Hà | 2021 | Bài giảng Lý luận dạy học môn GDCD ở trường THPT | Trường Đại học Quảng Bình lưu hành nội bộ |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Vũ Đình Bảy | 2004 | Phương pháp dạy học môn giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông | NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội. |
| 3 | Vũ Hồng Tiến | 1999 | Bồi dưỡng nội dung và phương pháp dạy học môn giáo dục công dân lớp 10, 11, 12 | NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội |
| 4 | Phạm Viết Vượng | 2000 | Giáo dục học, | NXB Đại học Quốc gia |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chínhphục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Giảng đường nhà A (nhà C) | Bảng, máy tính,  máy chiếu,  bài giảng powerpoint | 1  1  1 | Chương 1 đến chương 5 |

**9. Rubric đánh giá**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy  định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài  tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy  đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với  yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa  hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp  lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý,  đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính  toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |

**ThS. Phan Thị Thu Hà**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **KHOA KT - CNTT** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành:** | **Mã số:** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học** | **1.2. Tên tiếng Anh: Applied IT for Training** |
| **`** | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian: [[2]](#footnote-2)** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết |
| - Thực hành: | 15 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | Giảng viên bộ môn CNTT |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: |  |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Tin học |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Giúp sinh viên nắm được các khái niệm cơ bản về lĩnh vực công nghệ thông tin và nền công nghiệp 4.0, các phương tiện kỹ thuật dạy học, cũng như các khái niệm cơ bản về mạng máy tính, internet; cách khai thác thông tin từ internet. Sinh viên biết cách sử dụng các phần mềm trình diễn thông tin trong dạy học và cuộc sống.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

- Nắm được những kiến thức cơ bản của lĩnh vực công nghệ thông tin và nền công nghiệp 4.0, các phương tiện kỹ thuật dạy học, mạng máy tính và internet.

**2.2.2. Về kỹ năng**

- Rèn luyện kỹ năng sử dụng và khai thác thông tin trên internet; kỹ năng sử dụng các phần mềm ứng dụng cho công việc và dạy học.

**2.2.3. Về thái độ**

- Sinh viên có thái độ nghiêm túc trong học tập, có ý thức học tập nâng cao kiến thức về IT và sử dụng IT trong công việc, cuộc sống.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu được các khái niệm liên quan đến lĩnh vực công nghệ thông tin và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 |
| CLO2 | Hiểu ý nghĩa và cách sử dụng của phương tiện kỹ thuật đa phương tiện trong dạy học và cuộc sống |
| CLO3 | Hiểu được các khái niệm liên quan tới mạng máy tính và internet. Biết cách khai thác thông tin trên internet phục vụ công việc |
| CLO4 | Vận dụng các phương tiện kỹ thuật và phần mềm ứng dụng trong việc dạy học |
| CLO5 | Có ý thức tự học, tự nhiên cứu và ý thức được sự cần thiết phải thường xuyên học tập nâng cao trình độ |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) |
| CLO 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tổng hợp học phần |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% |  |  | X | CLO5 | Theo Rubric 1 |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 15% | A2.1: Nền công nghiệp 4.0 | 30% |  | CLO1  CLO5 | Chấm theo đáp án/hướng dẫn chấm |
| A2.2: Hiểu biết về các phương tiện kỹ thuật dạy học | 40% |  | CLO2  CLO5 |
| A2.3: Hiểu biết về mạng máy tính và biết cách khai thác thông tin từ internet | 30% |  | CLO3  CLO5 |
| A3. Thực hành (hoặc dự án) | 25% | - Sử dụng PTKT đa phương tiện  - Tìm kiếm thông tin trên internet  - Tạo bản trình diễn |  | X | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | Theo Rubric 2 |
| A4. Đánh giá cuối kỳ | 55% | Bài ktra cuối kỳ: Thực hành |  | X | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | Chấm theo đáp án Rubric 2 (thực hành) |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (4 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương)** | **Số tiết (LT/TH/BT/TL)** | **CĐR của bài học (chương)/chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
|  | **Chương 1. Tổng quan về ứng dụng công nghệ thông tin**  1.1. Một số khái niệm  1.2. Ứng dụng công nghệ thông tin  1.3. Nền công nghiệp 4.0 | **10**  10/0/0/0 | 1.1. Hiểu được các khải niệm cơ bản về công nghiệp 4.0  1.2. Hiểu các ứng dụng công nghệ thông tin phổ biên | CLO1 | - Thuyết trình, đàm thoại gợi mở  - Bài giảng của giảng viên  - Sử dụng máy tính và projector |  | A2.1 |
|  | **Chương 2. Phương tiện kỹ thuật dạy học**  2.1. Đại cương về phương tiện kỹ thuật dạy học  2.2. Nguyên tắc sử dụng phương tiện kỹ thuật dạy học  2.3. Các phương tiện kỹ thuật dạy học thông dụng  2.4. Một số ứng dụng trên máy tính | **10**  5/5/0/0 | 2.1. Biết sử dụng một số phương tiện kỹ thuật dạy học | CLO2 | - Thuyết trình, đàm thoại gợi mở, phỏng vấn  - Bài giảng của giảng viên  - Sử dụng máy tính và projector | - Chuẩn bị: bài thuyết trình về công nghiệp 4.0 | A2.1 |
|  | **Chương 3. Mạng máy tính và khai thác thông tin trên Internet**  3.1. Mạng máy tính  3.2. Mạng Internet  3.3. Khai thác thông tin trên Internet | **10**  5/5/0/0 | 3.1. Vận dụng được các cách thức khai thác thông tin trên mạng  3.2. Sử dụng được các công cụ tìm kiếm | CLO3 | - Thuyết trình, đàm thoại gợi mở, phỏng vấn, bài tập  - Bài giảng của giảng viên  - Sử dụng máy tính và projector | - Chuẩn bị: một số bài thuyết trình đa phương tiện  - Hoạt động tại lớp: thảo luận cách thức tìm kiếm internet  - Bài tập: Tìm kiếm tài liệu trên internet | A2.2  A3 |
|  | **Chương 4. Phần mềm trình diễn thông tin**  4.1. Giới thiệu các phần mềm trình diễn thông tin  4.2. Sử dụng phần mềm trong thiết kế trình diễn | **15**  10/5/0/0 | 4.1. Sử dụng được các phần mềm thuyết trình | CLO4 | - Thuyết trình, đàm thoại gợi mở, phỏng vấn, bài tập  - Bài giảng của giảng viên  - Sử dụng máy tính và projector | Chuẩn bị: Bài tập tìm kiếm  - Hoạt động tại lớp: thảo luận cách sử dụng các phần mềm | A2.3 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  |  |  |  | A4 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Hàn Viết Thuận | 2012 | Giáo trình Tin học ứng dụng | NXB KTQD |
| 2 | Đào Thái Lai et al. | 2006 | Phương tiện kĩ thuật dạy học và Ứng dụng CNTT trong dạy học ở tiểu học | NXB Giáo dục |
| 3 | Đào Kiến Quốc | 2006 | Giáo trình Tin học cơ sở | NXB ĐHQGHN |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 4 | Hồ Sĩ Đàm | 2000 | Giáo trình Tin học | NXB ĐHQG |
| 5 | Nguyễn Đức Minh | 2005 | Tự học thực hành bước Powerpoint và các bài tập ứng dụng | NXB Thống kê |
| 6 | Nguyễn Sơn Hải | 2005 | Giáo trình xử lý văn bản | NXB Hà Nội |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
|  | Giảng đường A, Phòng máy thực hành | Projector, máy tính cá nhân | 1 | Chương 1 đến chương 4 |

**9. Rubric đánh giá**

Theo Phụ lục 1

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày tháng 5 năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa**  **TS. Phạm Xuân Hậu** | **Trưởng bộ môn**  **TS. Trần Văn Cường** | **Người biên soạn**  **TS. Hoàng Văn Thành** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số:** 7140205 |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THPT1** | **1.2. Tên tiếng Anh:**: Methods of teaching civic education in high schools 1 |
| **1.3. Mã học phần:** ML.GDCD.114 | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 30 tiết |
| - Bài tập: | 5 tiết |
| - Thực hành: | 10 tiết (10 x2 =20 tiết) |
| - Tự học: | **90** |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Lương Thị Lan Huệ |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phan Thị Thu Hà  ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt  ThS. Trần Hương Giang |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | **Không** |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần giới thiệu những vấn đề chung về phương pháp dạy học, hệ thống các phương pháp dạy học tích cực và hướng dẫn vận dụng trong dạy học môn giáo dục công dân ở trường THPT.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức thực tiễn về phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THPT hiện nay; tính tất yếu của việc đổi mới phương pháp dạy học, hệ thống các phương pháp dạy học môn GDCD. Sinh viên biết được cách thức tổ chức lớp học, thiết kế bài dạy học cụ thể môn GDCD lớp 10, 11, 12.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Hình thành và phát triển các kỹ năng thiết kế bài dạy học môn GDCD, kỹ năng tổ chức lớp học lấy người học làm trung tâm; kỹ năng giảng dạy.

**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành và phát triển ý thức nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kỹ năng, bồi đắp lòng yêu ngành, yêu nghề trong học tập; phẩm chất trung thực, khách quan trong quá trình học tập, thực hành.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Người học hiểu biết tâm lý học sinh; Có kiến thức về phương pháp dạy học GDCD, cách thức thức tổ chức lớp học lấy người học làm trung tâm. |
| CLO2 | Trình bày, phân tích được nội dung các phương pháp dạy học. Biết được các bước lên lớp, hiểu biết về mục tiêu, nội dung từng bài dạy trong chương trình GDCD. |
| CLO3 | Vận dụng sáng tạo phương pháp dạy học vào thực tiễn dạy học ở trường phổ thông. |
| CLO4 | Có kỹ năng dạy học, kỹ năng thiết kế bài giảng môn GDCD |
| CLO5 | Có ý thức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao trong học tập. |
| CLO6 | Có ý thức, tác phong đạo đức nhà giáo |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | I |  |  |  |  |  | R |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  |  |  |  | A | A | A |  |  |  |
| CLO 4 |  | R |  |  |  |  | A | A | A |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  | A | A | A |  | M |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 3  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6. | Quan sát, theo dõi, điểm danh |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 35% | A2.1. Tuần 5  - Chương 1. Khái quát chung về phương pháp dạy học theo yêu cầu đổi mới | 30% | X | CLO1; CLO2 | Viết,  Thực hành |
| A2.2. Tuần 10  Chương 2. Một số phương pháp dạy học phát huy tính tích cực học tập môn GDCD ở trường THPT hiện nay | 30% | X | CLO3,CLO5 |
| A2.3. Tuần 14  Chương 3. Các hình thức tổ chức dạy học môn GDCD ở trường THPT | 40% | X | CLO1 đến CL06 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ (Thi kết thúc học phần) | 60% | - Chương 1. Khái quát chung về phương pháp dạy học theo yêu cầu đổi mới  - Chương 2. Một số phương pháp dạy học phát huy tính tích cực học tập môn GDCD ở trường THPT hiện nay  - Chương 3. Các hình thức tổ chức dạy học môn GDCD ở trường THPT |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6. | Tự luận, vấn đáp |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

***Sinh viên phải tham dự > = 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được thi kết thúc HP.***

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/T)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Khái quát chung về phương pháp dạy học theo yêu cầu đổi mới  1.1 Khái niệm công dân, giáo dục công dân  1.1.1. Khái niệm công dân  1.1.2. Khái niệm giáo dục công dân  1.2 Thực trạng dạy học môn GDCD ở trường THPT  1.2.1. Về phía người dạy (giáo viên)  1.2.2. Về phía người học (sinh viên) | (02 LT  01BT) | - **Ghi nhớ, hiểu được** khái niệm giáo dục công dân, phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực.  - **Phân tích** được thực trạng dạy học môn GDCD ở trường THPT. | CLO1  CLO2,CL03 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  Hình thức: Lên lớp, trải nghiệm  Phương pháp: Thuyết trình nêu vấn đề, thảo luận, hỏi đáp, tự học | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Bài tập:  - Đặc điểm phát triển tâm sinh lý của học sinh THPT.  - Thực trạng dạy học môn GDCD ở trường THPT. |  |
| 2 | 1.3 Đổi mới phương pháp dạy học môn GDCD hiện nay và một số yêu cầu đối với giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học môn GDCD ở trường THPT  1.3.1. Cơ sở của việc đổi mới phương pháp dạy học môn GDCD hiện nay | (02 LT  01BT) | **- Hiểu biết, phân tích được** cơ sở lý luận, thực tiễn của việc đổi mới phương pháp dạy học môn GDCD; | CLO1; CLO2 | Phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp hỏi đáp, nêu vấn đề,; thảo luận nhóm. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Tìm hiểu quan điểm của Đảng, Nhà nước về đổi mới giáo dục, đổi mới phương pháp dạy học.  - Nghiên cứu bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Bài tập:  - Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc đổi mới phương pháp dạy học. |  |
| 3 | 1.3.2. Một số yêu cầu đối với giáo viên và học sinh trong quá trình dạy học môn GDCD ở trường THPT | (02 LT  01TH) | - **Trình bày, phân tích** được các yêu cầu đối với giáo viên và học sinh trong dạy học môn GDCD;  - **Áp dụng được** các yêu cầu đó trong thực hành dạy học môn GDCD. | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6 | Phương pháp nêu vấn đề; phương pháp hỏi đáp; phương pháp đóng vai. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước nội dung bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nêu yêu cầu của người GV và HS trong dạy học môn GDCD.  - Đóng vai làm giáo viên thể hiện các yêu cầu đó. |  |
| 4 | Chương 2: Một số phương pháp dạy học phát huy tính tích cực học tập môn Giáo dục công dân ở trường THPT.  2.1. Phương pháp dạy học  2.1.1. Phương pháp và phương pháp dạy học  2.1.2. Phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học | (02 LT  01BT) | - **Ghi nhớ, hiểu được** một số khái niệm về phương pháp, phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học. | CLO1;  CLO2 | Phương pháp thảo luận, phương pháp thuyết trình; phương pháp hỏi đáp; phương pháp trò chơi | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Nghiên cứu trước nội dung bài học; chuẩn bị một số trò chơi.  Phần chuẩn bị trên lớp:  \*Bài tập:  - Thế nào là phuwong pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực?  - Nêu một số năng lực chung, năng lực chuyên biệt trong dạy học môn GDCD |  |
| 5 | 2.2. Một số phương pháp dạy học GDCD phát huy tính tích cực người học  2.1 Phương pháp thu thập thông tin  2.2 Phương pháp phá băng | (02 LT; 01 TH) | - **Hiểu được** nội dung phương pháp thu thập thông tin, phương pháp phá băng.  - **Áp dụng** được trong dạy học môn GDCD. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | Phương pháp sơ đồ;  Phương pháp thảo luận cặp đôi; phương pháp phá băng; phương pháp trò chơi. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Nghiên cứu nội dung hệ thống các phương pháp dạy học tích cực.  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Thực hành:  - Chia thành cặp đôi thu thập thông tin về lịch sử gia đình và biểu diễn bằng sơ đồ, sơ đồ hệ thống.  - Thể hiện trò chơi phá băng. | A2.1 |
| 6 | 2.3 Phương pháp sơ đồ mạng nhện  2.4 Phương pháp tình huống | (02 LT, 01 TH) | **- Hiểu được** được nội dung phương pháp sơ đồ mạng nhện; phương pháp tình huống; **Xây dựng** tình huống có vấn đề trong dạy học môn GDCD.  - **Áp dụng** trong dạy học môn GDCD. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | Phương pháp sơ đồ thông minh; phương pháp tình huống; phương pháp đóng vai. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Nghiên cứu trước nội dung phương pháp sơ đồ mạng nhện, phương pháp tình huống.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Vẽ sơ đồ mạng nhện để minh họa cho một nội dung trong SGK.  Thực hành phương pháp tình huống bằng hình thức đóng vai. |  |
| 7 | 2.5 Phương pháp thảo luận nhóm  2.6 Phương pháp thuyết trình | (02 LT, 01 BT) | **- Hiểu và trình bày** được nội dung phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp thuyết trình.  **- Áp dụng** được trong dạy học môn GDCD. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | Phương pháp thẩo luận nhóm, phương pháp thuyết trình, phương pháp hỏi đáp. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Nghiên cứu trước nội dung phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp thuyết trình.  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Bài tập:  Nội dung và các thức tiến hành phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp thuyết trình. |  |
| 8 | 2.7 Phương pháp đóng vai  2.8 Phương pháp trò chơi | (2 LT, 01TH) | **- Hiểu và trình bày** được nội dung phương pháp đóng vai, phương pháp trò c hơi.  **- Áp dụng** được trong dạy học môn GDCD. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | Phương pháp đóng vai, phương pháp trò chơi, phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình | Phần chuẩn bị ở nhà:  Nghiên cứu trước nội dung phương pháp đóng vai, phương pháp trò chơi.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Thực hành phương pháp đóng vai, phương pháp trò chơi. |  |
| 9 | 2.9 Phương pháp kể chuyện  10 Phương pháp đề án | (2 LT, 01 TH) | **- Hiểu và trình bày** được nội dung phương pháp kể chuyện, phương pháp đề án.  **- Áp dụng** được trong dạy học môn GDCD. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  Phương pháp kể chuyện, phương pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp hỏi đáp, phương pháp thuyết trình. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Nghiên cứu trước nội dung phương pháp kể chuyện, phương pháp đề án.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Thực hành phương pháp kể chuyện, phương pháp đề án. |  |
| 10 | Chương 3. Các hình thức tổ chức dạy học môn GDCD ở trường THPT  3.1 Hình thức lên lớp và đặc điểm của hình thức lên lớp  3.1.1. Hình thức lên lớp  3.1.2. Đặc điểm của hình thức lên lớp | (02 LT;  01BT) | **- Hiểu, biết** hình thức lên lớp và đặc điểm của hình thức lên lớp.  **- Áp dụng** được trong dạy học môn GDCD | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6. | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  Hình thức: Lên lớp, trải nghiệm  Phương pháp: Thuyết trình nêu vấn đề, thảo luận, phương pháp sắm vai, phương pháp hỏi đáp, phương pháp trò chơi | Phần chuẩn bị ở nhà:  Nghiên cứu trước nội dung bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Bài tập:  Đặc điểm của hình thức lên lớp.  Thực hành các hoạt động  lên lớp của người giáo viên. | A2.2 |
| 11 | 3.2. Một số yêu cầu đối với bài giảng trên lớp môn GDCD  3.2.1. Công tác chuẩn bị bài giảng trên lớp  3.2.2. Lên lớp của giáo viên | (3 LT,  01 TH) | - **Ghi nhớ, hiểu được các yêu cầu** nội dung công việc của người giáo viên trên lớp. | CLO1;  CLO2 | Phương pháp thuyết trình, phương pháp hỏi đáp, phương pháp đóng vai | Phần chuẩn bị ở nhà:  Nghiên cứu trước nội dung bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Thực hành các hoạt động  lên lớp của người giáo viên  (tiếp) |  |
| 12 | 3.3. Các hình thức tổ chức ngoài giờ lên lớp  3.3.1. Tổ chức trò chơi | (3 LT,  01 TH) | **- Hiểu được** nội dung, yêu cầu, cách thức tổ chức trò chơi trong dạy học GDCD.  **- Áp dụng** vào hoạt động ngoài giờ lên lớp.. | CL01 ;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Hình thức: trải nghiệm hoạt động ngoài giờ lên lớp.  Phương pháp: Thuyết trình nêu vấn đề, \phương pháp trò chơi. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Nghiên cứu trước nội dung bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  Thực hành tổ chức trò chơi |  |
| 13 | 3.3.2. Tham quan thực tế | (02 LT,  01 TH ) | **- Hiểu được** nội dung, yêu cầu, cách thức tổ ]tổ chức buổi tham quan thực tế trong dạy học GDCD.  **- Áp dụng** vào hoạt động ngoài giờ lên lớp. (Tổ chức tham quan thực tế tại các làng nghề truyền thống hoặc danh lam thắng cảnh, di tích lịch sử) | CL01 ;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Hình thức: trải nghiệm hoạt động ngoài giờ lên lớp.  Phương pháp: Thuyết trình nêu vấn đề, \phương pháp thực địa | Phần chuẩn bị ở nhà:  Nghiên cứu trước địa điểm tham quan thực tế  Phần chuẩn bị trên lớp:  Thực hành tổ chức tham  quan thực tế các địa điểm  trong tỉnh. |  |
| 14 | 3.3.3. Tổ chức diễn đàn | (01LT;  01TH) | **- Hiểu được** cách thức tổ chức diễn đàn trong dạy học GDCD.  **- Áp dụng** được trong dạy học GDCD. | CL01 ;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp thuyết trình, trò chơi, hỏi đáp, nêu vấn đề. | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung tổ chức diễn đàn.  Chuẩn bị nội dung thuyết giảng.  Phần chuẩn bị ở lớp:  Thực hành tổ chức diễn đàn trong môi trường giả định. | A2.3 |
| 15 | 3.3.4. Giáo dục địa phương | (02LT;  01TH) | **- Hiểu biết** nội dung giáo dục địa phương, **thiết kế được** các chủ đề giáo dục phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội địa phương..  **- Áp dụng** được trong dạy học GDCD. | CL01 ;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp trực quan, phương pháp thuyết trình; hỏi đáp, phương pháp dự án | Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung giáo  dục địa phương.  Chuẩn bị nội dung giáo dục địa phương.  Phần chuẩn bị ở lớp:  Thực hành xây dựng  nội dung, kế hoạch giáo  dục địa pương. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  | - Ghi nhớ được các khái niệm của từng phương pháp dạy học.  - Phân tích được nội dung các phương pháp.  - Vận dụng vào dạy học các bài cụ thể. | CL01;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Viết hoặc thực hành, vấn đáp | Nội dung thi bao trùm các chương đã học. | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | | |
| 1 | Lương Thị Lan Huệ | 2020 | Phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THPT1 | Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình. |
| 2 | Vũ Đình Bảy | 2014 | Phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THPT, Đại học Quốc gia, Hà Nội. | NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | | |
| 1 | Nguyễn Nghĩa Dân | 1998 | Đổi mới phương pháp dạy học môn Đạo đức và Giáo dục công dân | NXB Giáo dục Việt Nam. |
| 2 | Vương Tất Đạt | 1994 | Phương pháp giảng dạy Giáo dục công dân | NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. |
| 3 | Lương Thị Lan Huệ | 2016 | Một số vấn đề nghiên cứu và giảng dạy các môn LLCT, GDCD | NXB Đại học Huế |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | **Giảng đường A, C** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Chương 1, 2,3* |

**9. Holistic Rubric đánh giá**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Tham gia thực hành (Practice Attendance)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Ý thức, thái độ | Không có ý thức thực hành hoặc thường xuyên vắng mặt | GV còn phải nhở trong thực hiện nhiệm vụ và không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng ít tương tác với GV, SV | Rất có ý thức thực hành và tương tác tốt với GV, SV | **30%** |
|
| Thực hiện nhiệm vụ được giao | Không hoàn thành (<30%) | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 30-50% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 51-70% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 71-90% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt >90% khối lượng công việc thực hành | **70%** |
|
|
|
|

**9.3 Rubric 3: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy  định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài  tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy  đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với  yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa  hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp  lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý,  đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính  toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

* 1. **Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn.

|  |
| --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021* |
|  |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số:** 7140205 |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THPT2** | **1.2. Tên tiếng Anh:**: Methods of teaching civic education in high schools 2 |
| **1.3. Mã học phần:** ML.GDCD.114 | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 10 tiết |
| - Thực hành: | 35 tiết (35 x2 =70 tiết) |
| - Tự học: | **90** |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Lương Thị Lan Huệ |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phan Thị Thu Hà  ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt  ThS. Trần Hương Giang |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | **Không** |
| - Học phần học trước: | Phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THPT1 |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần hệ thống hóa nội dung phương pháp dạy học và vận dụng vào dạy học môn GDCD trong môi trường giả định.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Học phần trang bị cho sinh viên hệ thống các nội dung kiến thức đã học ở học phần Phương pháp dạy học môn GDCD 1; cách thức thiết kế bài dạy học theo định hướng phát triển năng lực người học. Áp dụng vào dạy học môn GDCD ở trường THPT.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Hình thành cho sinh viên kỹ năng thiết kế bài dạy học, lựa chọn phương pháp dạy học vào các bài dạy GDCD cụ thể.

**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành cho sinh viên ý thức tìm tòi, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kỹ năng, bồi đắp lòng yêu ngành, yêu nghề trong học tập. Thực hành đóng vai giáo viên phải có tác phong mô phạm, lịch sự, đúng mực.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| ***3.1. Về kiến thức*** | |
| CLO1 | Ghi nhớ, áp dụng được các bước lên lớp, mục tiêu, nội dung từng bài dạy trong chương trình GDCD; các phương pháp dạy học môn GDCD theo định hướng phát triển năng lực người học. |
| CLO2 | Trình bày, phân tích được nội dung chương trình sách giáo khoa môn GDCD. Biết được các bước lên lớp, hiểu biết về mục tiêu, nội dung từng bài dạy trong chương trình GDCD. |
| ***3.2. Về kỹ năng*** | |
| CLO3 | Vận dụng sáng tạo phương pháp dạy học vào thực tiễn dạy học ở trường phổ thông. Có kỹ năng lắng nghe; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng ra quyết định; Kỹ năng ứng dụng CNTT trong dạy học. |
| CLO4 | Có kỹ năng dạy học, kỹ năng thiết kế bài giảng môn GDCD; Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; Kỹ năng nghiên cứu độc lập; kỹ năng làm việc nhóm. |
| ***3.3 Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*** | |
| CLO5 | Có ý thức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao trong học tập; |
| CLO6 | Có ý thức tự chủ, chủ động trong học tập, có tác phong đạo đức nhà giáo |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M | M | M |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  | M | A | A | A | A | A |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | A | M | M |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 3  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6. | Quan sát, theo dõi, điểm danh |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 35% | A2.1. Tuần 5  Chương 1. Thiết kế bài dạy học và tiến trình tổ chức dạy học môn GDCD ở trường THPT | 30% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4. | Kiểm tra viết (cá nhân)  Thực hành dạy học (cá nhân hoặc nhóm) |
| A2.2. Tuần 10  Chương 2. Thực hành dạy học môn GDCD lớp 10 ở trường THPT  Chương 3. Thực hành dạy học môn GDCD lớp 11 ở trường THPT | 30% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6. |
| A2.3. Tuần 14  Chương 4. Thực hành dạy học môn GDCD lớp 12 ở trường THPT | 40% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6. |
| A3. Đánh giá cuối kỳ (Thi kết thúc học phần) | 60% | Đánh giá toàn bộ nội dung chương trình (4 chương) |  |  | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6. | - Thi tự luận  - Thi vấn đáp |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

***Sinh viên phải tham dự > = 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được thi kết thúc HP.***

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/T)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Thiết kế bài dạy học và tiến trình tổ chức dạy học môn GDCD ở trường THPT  1.1 Quan niệm và các bước thiết kế bài dạy học môn GDCD theo hướng đổi mới  1.1.1 Quan niệm về thiết kế bài dạy học  1.1.2 Các bước thiết kế bài dạy học | (02 LT  01TH) | 1.1 - **Hiểu được** sự khác biệt giữa thiết kế bài dạy học và soạn giáo.  - **Nhớ được** các bước thiết kế bài dạy học. | CLO1  CLO2,CL03;CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  Hình thức: Lên lớp, trải nghiệm  Phương pháp: Thuyết trình nêu vấn đề, thực hành; hỏi đáp, tự học | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước nội dung bài học  Phần chuẩn bị trên lớp:  \* Thực hành:  - Thực hành các bước lên lớp |  |
| 2 | 1.2 Thực hành tổ chức dạy học môn GDCD ở trường THPT  1.2.1 Thực hành các bước lên lớp | (0 LT; 03 TH) | 1.2 **Hiểu biết** các bước lên lớp trong dạy học môn GDCD ở trường THPT.  1.2.1 **Vận dụng** linh hoạt các bước lên lớp trong dạy học môn GDCD ở trường THPT. | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4; CLO5;  CLO6. | Phương pháp hỏi đáp, phương pháp hình mẫu, quan sát. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước tài liệu  - Chuẩn bị trước nội dung thực hành  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Thực hành các bước lên lớp trong dạy học môn GDCD; Quan sát, nhận xét phần thực hành của bạn. |  |
| 3 | 1.2.2 Thực hành kỹ năng trình bày bảng  1.2.3 Thực hành kĩ năng thuyết trình | (01 LT; 02 TH) | 1.2.2 **Biết** phân chia bảng, trình bày bảng đẹp, khoa học.  1.2.3 **Hiểu được** phương pháp thuyết trình; **Vận dụng** kỹ năng thuyết trình trong dạy học môn GDCD. | CLO3; CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp quan sát; phân tích; phương pháp hình mẫu; thuyết trình, hỏi đáp | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Phấn viết (phấn màu, phấn trắng, thước kẻ bảng); trang phục lịch sự.  - Đọc, nghiên cứu trước nội dung bài học.  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Quan sát, ghi chép, trao đổi, nhận xét phần thực hành của bạn. |  |
| 4 | CHƯƠNG 2 Thực hành dạy học môn Giáo dục công dân lớp 10 ở trường THPT  2.1 Mục tiêu và nội dung chương trình môn GDCD lớp 10  2.1.1 Mục tiêu chương trình môn GDCD lớp 10  2.1.2 Nội dung chương trình sách GDCD lớp 10 | (1 LT; 02 TH) | 2.1 **Nêu được** mục tiêu, nội dung chương trình môn GDCD ở trường THPT và mục tiêu, nội dung môn GDCD lớp 10 ở trường THPT.  - **Phân tích** được nội dung môn GDCD lớp 10 trên hai góc độ phù hợp và không phù hợp cần đổi mới nội dung chương trình. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp sơ đồ mạng nhện. | Phần chuẩn bị bài ở nhà:  - Nghiên cứu trước nội dung chương trình GDCD ở trường THPT.  - Sách giáo khoa GDCD  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV chia sẻ thông tin về các nội dung đã nghiên cứu.  - Phân tích, lấy ví dụ minh họa về nội dung chương trình SGK GDCD lớp 10. | A1.1 |
| 5 | 2.2 Thiết kế bài dạy học và thực hành dạy học môn GDCD lớp 10  2.2.1 Thiết kế bài dạy học môn GDCD lớp 10 | (02 LT;01 TH) | 2.2.1 **Nêu được** các bước thiết kế bài dạy học; **Vận dụng** thiết kế bài dạy học GDCD lớp 10. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp tiếp sức. phương pháp hỏi đáp | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Nghiên cứu nội dung chương trình, sách giáo khoa GDCD.  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Cá nhân sinh viên làm việc độc lập, thiết kế bài dạy học GDCD lớp 10 | A2.1 |
| 6 | 2.2.2 Thực hành dạy học môn GDCD lớp 10 | (0LT; 03 TH) | 2.2.2 **Hiểu biết** được cách thức tổ chức lớp học lấy người học làm trung tâm.**Vận dụng** các phương pháp dạy học tích cực vào giảng dạy môn GDCD lớp 10. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp hình mẫu; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp đóng vai; trò chơi; thảo luận | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ trục quan, tranh ảnh...  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| 7 | 2.2.2 Thực hành dạy học môn GDCD lớp 10 (Tiếp) | (0LT; 03 TH) | 2.2.2 **Hiểu biết** được cách thức tổ chức lớp học lấy người học làm trung tâm; **Vận dụng** các phương pháp dạy học tích cực vào giảng dạy môn GDCD lớp 10. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp hình mẫu; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp đóng vai; trò chơi; thảo luận | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ trục quan, tranh ảnh...  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| 8 | Chương 3 Thực hành dạy học môn GDCD lớp 11 ở trường THPT  3.1 Mục tiêu và nội dung chương trình môn GDCD lớp 11  3.1.1 Mục tiêu chương trình môn GDCD lớp 11  3.1.2 Nội dung chương trình sách GDCD lớp 11 | (02 LT; 01 TH) | 3.1 **Nêu được** mục tiêu, nội dung chương trình môn GDCD lớp 11.  - **Phân tích** được nội dung môn GDCD lớp 11 trên hai góc độ phù hợp và không phù hợp cần đổi mới nội dung chương trình. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp sơ đồ mạng nhện. | Phần chuẩn bị bài ở nhà:  - Nghiên cứu trước nội dung chương trình GDCD lớp 11..  - Sách giáo khoa GDCD  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV chia sẻ thông tin về các nội dung đã nghiên cứu.  - Phân tích, lấy ví dụ minh họa về nội dung chương trình SGK GDCD lớp 11 |  |
| 9 | 3.2 Thiết kế bài dạy và thực hành dạy học môn GDCD lớp 11  3.2.1 Thiết kế bài dạy môn GDCD lớp 11 ở trường THPT | (0 LT;03 TH) | 3.2.1 **Hiểu biết** được các bước thiết kế bài dạy học; **Vận dụng** kiến thức đã học để thiết kế bài dạy học GDCD lớp 11 | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp nghiên cứu tài liệu;phương pháp tổng hợp; so sánh; phương pháp tiếp sức. phương pháp hỏi đáp | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Nghiên cứu nội dung chương trình, sách giáo khoa GDCD.  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Cá nhân sinh viên làm việc độc lập, thiết kế bài dạy học GDCD lớp 11 |  |
| 10 | 3.2.2 Thực hành giảng dạy môn GDCD lớp 11 | (01LT; 02 TH) | 3.2.2 **Hiểu biết** được cách thức tổ chức lớp học lấy người học làm trung tâm; **Vận dụng** các phương pháp dạy học tích cực vào giảng dạy môn GDCD lớp 11. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp hình mẫu; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp trò chơi; đóng vai; thảo luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học gheo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ trực quan, tranh ảnh, tư liệu...  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. | A2.2 |
| 11 | 3.2.2 Thực hành giảng dạy môn GDCD lớp 11 (Tiếp) | (0LT; 03 TH) | 3.2.2 **Hiểu biết** được cách thức tổ chức lớp học lấy người học làm trung tâm; **Vận dụng** các phương pháp dạy học tích cực vào giảng dạy môn GDCD lớp 11. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp hình mẫu; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp trò chơi; đóng vai; thảo luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học gheo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ trực quan, tranh ảnh, tư liệu...  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| 12 | Chương 4. Thực hành dạy học môn GDCD lớp 12 ở trường THPT  4.1 Mục tiêu và nội dung chương trình môn GDCD lớp 12  4.1.1 Mục tiêu chương trình môn GDCD lớp 12  4.1.2 Nội dung chương trình môn GDCD lớp 12 | (01 LT; 02 TH) | 4.1 **Nêu được** mục tiêu, nội dung chương trình môn GDCD lớp 12.  - **Phân tích** được nội dung môn GDCD lớp 12 trên hai góc độ phù hợp và không phù hợp cần đổi mới nội dung chương trình. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, phương pháp nghiên cứu tài liệu; phương pháp sơ đồ mạng nhện. | Phần chuẩn bị bài ở nhà:  - Nghiên cứu trước nội dung chương trình GDCD lớp 12..  - Sách giáo khoa GDCD  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV chia sẻ thông tin về các nội dung đã nghiên cứu.  - Phân tích, lấy ví dụ minh họa về nội dung chương trình SGK GDCD lớp 12 |  |
| 13 | 4.2 Thiết kế bài dạy học và thực hành dạy học môn GDCD lớp 12  4.2.1 Thiết kế bài dạy học mô GDCD lớp 12 | (0 LT;03 TH) | 4.2.1 **Vận dụng** kiến thức đã học để thiết kế bài dạy học GDCD lớp 12 | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp nghiên cứu tài liệu;phương pháp tổng hợp; so sánh; phương pháp tiếp sức. phương pháp hỏi đáp | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Nghiên cứu nội dung chương trình, sách giáo khoa GDCD.  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Cá nhân sinh viên làm việc độc lập, thiết kế bài dạy học GDCD lớp 12 |  |
| 14 | 4.2.2 Thực hành giảng dạy môn GDCD lớp 12 | (0 LT; 03 TH) | 4.2.2 **Vận dụng** các phương pháp dạy học tích cực vào giảng dạy môn GDCD lớp 12. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp hình mẫu; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp trò chơi; đóng vai; thảo luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ trực quan, tranh ảnh, tư liệu...  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. | A2.3 |
| 15 | 4.2.2 Thực hành giảng dạy môn GDCD lớp 12 (tiếp) | (0 LT; 03 TH) | 4.2.2 **Vận dụng** các phương pháp dạy học tích cực vào giảng dạy môn GDCD lớp 12. | CLO1;  CLO2;  CLO3;  CLO4;  CLO5;  CLO6 | Phương pháp hình mẫu; phương pháp phân tích, so sánh; phương pháp trò chơi; đóng vai; thảo luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ trực quan, tranh ảnh, tư liệu...  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  | - **Ghi nhớ** được nội hàm khái niệm phương pháp dạy học; **biết được** cách thức tổ chức lớp học, thiết kế bài giảng..  **- Phân tích, đánh giá** được các phương pháp dạy học cụ thể trên hai góc độ ưu điểm, hạn chế.  **- Thiết kế được** kế hoạch dạy học.  - **Có tố chất, kĩ năng** dạy học. | CL01 đến CLO6 | Viết hoặc thực hành, vấn đáp | Nội dung thi bao trùm các chương đã học. | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | | |
| 1 | Lương Thị Lan Huệ | 2020 | Phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THPT2 | Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình. |
| 2 | Vũ Đình Bảy | 2014 | Phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THPT, Đại học Quốc gia, Hà Nội. | NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội |
| 3 | Vũ Đình Bảy | 2017 | Câu hỏi và bài tập trắc nghiệm GDCD luyện kì thi THPT | Đại học Quốc gia, Hà Nội |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | | |
| 1 | Nguyễn Nghĩa Dân | 1998 | Đổi mới phương pháp dạy học môn Đạo đức và Giáo dục công dân | NXB Giáo dục Việt Nam. |
| 2 | Vương Tất Đạt | 1994 | Phương pháp giảng dạy Giáo dục công dân | NXB Đại học Sư phạm Hà Nội. |
| 3 | Lương Thị Lan Huệ | 2021 | Phát triển chuwong trình môn GDCD | NXB Đại học Huế |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | **Giảng đường A, C** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Chương 1,2,3,4* |

**9. Holistic Rubric đánh giá**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |

9.2 **Rubric 2: Tham gia thực hành (Practice Attendance)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Ý thức, thái độ | Không có ý thức thực hành hoặc thường xuyên vắng mặt | GV còn phải nhở trong thực hiện nhiệm vụ và không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng ít tương tác với GV, SV | Rất có ý thức thực hành và tương tác tốt với GV, SV | **30%** |
|
| Thực hiện nhiệm vụ được giao | Không hoàn thành (<30%) | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 30-50% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 51-70% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 71-90% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt >90% khối lượng công việc thực hành | **70%** |
|
|
|
|

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |

**T.S Nguyễn Văn Duy Th.s Lương Thị Lan Huệ Th.s Lương Thị Lan Huệ**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số:** 7140205 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | | |
| **1.1. Tên học phần: Thiết kế các chuyên đề dạy học tích hợp môn GDCD** | **1.2. Tên tiếng Anh: Design of integrated teaching subjects in civics education** |
| **1.3. Mã học phần:** MLDHTH.119 | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 4 tiết |
| - Thực hành: | 26 tiết (26 x 2 = 52 tiết) |
| - Tự học: | 60 |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Lương Thị Lan Huệ  ThS. Phan Thị Thu Hà |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Phương pháp DH tích hợp và phân hóa |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần trang bị cho giáo viên ngành GDCT cách thức thiết kế các chuyên đề dạy học tích hợp môn GDCD nhằm định hướng hình thành một số năng lực cho người học, thực hiện yêu cầu giảm tải và tránh sự trùng lặp về kiến thức giữa các bài học trong môn GDCD. Từ đó vận dụng vào dạy học môn GDCD bậc THPT trong môi trường giả định, rèn luyện các kỹ năng đứng lớp, tác phong sư phạm.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết khái quát về Chương trình môn GDCD ở bậc THPT; cách thức thiết kế các chuyên đề dạy học tích hợp môn GDCD.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Hình thành cho sinh viên kỹ năng thiết kế các chuyên đề dạy học tích hợp môn GDCD ở bậc THPT; kỹ năng đứng lớp; kỹ năng quản lý lớp; kỹ năng giao tiếp; tác phong sư phạm; kỹ năng nhận xét, đánh giá; kỹ năng tự học, tự nghiên cứu.

**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành cho sinh viên ý thức tìm tòi, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kỹ năng dạy học, đặc biệt là nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của dạy học tích hợp trong việc phát triển năng lực của người học, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học theo chương trình phổ thông mới hiện nay. Bồi đắp lòng yêu ngành, yêu nghề trong học tập. Thực hành đóng vai giáo viên phải có tác phong mô phạm, lịch sự, đúng mực.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Phân tích được chương trình môn GDCD ở bậc THPT, đặc biệt là nắm vững những điểm mới trong chương trình môn học. |
| CLO2 | Lựa chọn và phân chia được kiến thức chuyên đề theo hướng tích hợp.  Áp dụng kiến thức liên ngành, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để ứng dụng có hiệu quả trong dạy học. |
| CLO3 | Vận dụng sáng tạo các phương pháp dạy học tích cực vào thực tiễn dạy học ở trường phổ thông. Có kỹ năng lắng nghe; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng ra quyết định; Kỹ năng ứng dụng CNTT trong dạy học. |
| CLO4 | Có kỹ năng dạy học; kỹ năng thiết kế các chuyên đề môn GDCD theo phương pháp tích hợp; Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; Kỹ năng nghiên cứu độc lập; kỹ năng làm việc nhóm. |
| CLO5 | Có ý thức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao trong học tập; |
| CLO6 | Có ý thức tự chủ, chủ động trong học tập, có tác phong đạo đức nhà giáo |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M | M | M |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  | M | A | A | A | A | A |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | A | M | M |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ chương 1 đến chương 3  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6. | Quan sát, theo dõi, điểm danh |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 35% | A2.1. Tuần 7  Chương 3: Thực hành soạn giáo án dạy học tích hợp môn Giáo dục công dân và tập giảng  - ND kiểm tra: nộp giáo án | 50% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;  CLO5; CLO6. | - Kiểm tra viết (cá nhân)  - Thực hành dạy học (cá nhân hoặc nhóm) |
| A2.2. Tuần 14  Chương 3: Thực hành soạn giáo án dạy học tích hợp môn Giáo dục công dân và tập giảng  - ND kiểm tra: tập giảng | 50% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6. |
| A3. Đánh giá cuối kỳ (Thi kết thúc học phần) | 60% | Đánh giá toàn bộ nội dung chương trình  (3 chương) |  |  | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6. | - Thi tự luận  - Thi vấn đáp |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

***Sinh viên phải tham dự > = 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được thi kết thúc HP.***

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/T)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Khái quát về Chương trình môn Giáo dục công dân  1.1. Đặc điểm môn học  1.2. Quan điểm xây dựng chương trình  1.3. Mục tiêu của Chương trình môn Giáo dục công dân  1.4. Yêu cầu cần đạt về phẩm chất, năng lực  1.5. Nội dung giáo dục và những điểm mới trong chương trình môn học | (02LT;  0TH) | - Phân tích được Chương trình môn GDCD, đặc biệt là hiểu được những điểm mới trong chương trình môn học. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước chương 1, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 2 | Chương 2. Thiết kế các chuyên đề dạy học tích hợp môn Giáo dục công dân  2.1. Công dân với việc hình thành thế giới quan, phương pháp luận khoa học  2.2. Công dân với đạo đức  2.3. Công dân với kinh tế  2.4. Công dân với các vấn đề chính trị - xã hội  2.5. Công dân với pháp luật | (02LT;  0TH) | - Lựa chọn và tích hợp được các nội dung bài học gần giống nhau thành các chuyên đề trên cơ sở tham khảo các giáo án mẫu. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước chương 2, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 3 | Chương 3. Thực hành soạn giáo án dạy học tích hợp môn Giáo dục công dân và tập giảng  3.1. Soạn giáo án  3.2. Tập giảng | (0LT;  2TH) | - Soạn được giáo án tích hợp các chuyên đề môn GDCD.  - Dạy được 1 tiết/SV  - Có tác phong SP | CLO1 CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV hướng dẫn và theo dõi SV tập giảng.  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học tích hợp theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ dạy học…  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| 4 | Chương 3: Tiếp theo  3.1. Soạn giáo án  3.2. Tập giảng | (0LT;  2TH) | - Soạn được giáo án tích hợp các chuyên đề môn GDCD.  - Dạy được 1 tiết/SV  - Có tác phong SP | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV hướng dẫn và theo dõi SV tập giảng.  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học tích hợp theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ dạy học…  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| 5 | Chương 3: Tiếp theo  3.1. Soạn giáo án  3.2. Tập giảng | (0LT;  2TH) | - Soạn được giáo án tích hợp các chuyên đề môn GDCD.  - Dạy được 1 tiết/SV  - Có tác phong SP | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV hướng dẫn và theo dõi SV tập giảng.  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học tích hợp theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ dạy học…  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| 6 | Chương 3: Tiếp theo  3.1. Soạn giáo án  3.2. Tập giảng | (0LT;  2TH) | - Soạn được giáo án tích hợp các chuyên đề môn GDCD.  - Dạy được 1 tiết/SV  - Có tác phong SP | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV hướng dẫn và theo dõi SV tập giảng.  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học tích hợp theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ dạy học…  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| 7 | Chương 3: Tiếp theo  3.1. Soạn giáo án  3.2. Tập giảng | (0LT;  2TH) | - Soạn được giáo án tích hợp các chuyên đề môn GDCD.  - Dạy được 1 tiết/SV  - Có tác phong SP | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV hướng dẫn và theo dõi SV tập giảng.  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học tích hợp theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ dạy học…  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. | A2.1 |
| 8 | Chương 3: Tiếp theo  3.1. Soạn giáo án  3.2. Tập giảng | (0LT;  2TH) | - Soạn được giáo án tích hợp các chuyên đề môn GDCD.  - Dạy được 1 tiết/SV  - Có tác phong SP | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV hướng dẫn và theo dõi SV tập giảng.  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học tích hợp theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ dạy học…  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| 9 | Chương 3: Tiếp theo  3.1. Soạn giáo án  3.2. Tập giảng | (0LT;  2TH) | - Soạn được giáo án tích hợp các chuyên đề môn GDCD.  - Dạy được 1 tiết/SV  - Có tác phong SP | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV hướng dẫn và theo dõi SV tập giảng.  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học tích hợp theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ dạy học…  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| 10 | Chương 3: Tiếp theo  3.1. Soạn giáo án  3.2. Tập giảng | (0LT;  2TH) | - Soạn được giáo án tích hợp các chuyên đề môn GDCD.  - Dạy được 1 tiết/SV  - Có tác phong SP | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV hướng dẫn và theo dõi SV tập giảng.  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học tích hợp theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ dạy học…  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| 11 | Chương 3: Tiếp theo  3.1. Soạn giáo án  3.2. Tập giảng | (0LT;  2TH) | - Soạn được giáo án tích hợp các chuyên đề môn GDCD.  - Dạy được 1 tiết/SV  - Có tác phong SP | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV hướng dẫn và theo dõi SV tập giảng.  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học tích hợp theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ dạy học…  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| 12 | Chương 3: Tiếp theo  3.1. Soạn giáo án  3.2. Tập giảng | (0LT;  2TH) | - Soạn được giáo án tích hợp các chuyên đề môn GDCD.  - Dạy được 1 tiết/SV  - Có tác phong SP | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV hướng dẫn và theo dõi SV tập giảng.  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học tích hợp theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ dạy học…  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| 13 | Chương 3: Tiếp theo  3.1. Soạn giáo án  3.2. Tập giảng | (0LT;  2TH) | - Soạn được giáo án tích hợp các chuyên đề môn GDCD.  - Dạy được 1 tiết/SV  - Có tác phong SP | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV hướng dẫn và theo dõi SV tập giảng.  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học tích hợp theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ dạy học…  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| 14 | Chương 3: Tiếp theo  3.1. Soạn giáo án  3.2. Tập giảng | (0LT;  2TH) | - Soạn được giáo án tích hợp các chuyên đề môn GDCD.  - Dạy được 1 tiết/SV  - Có tác phong SP | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV hướng dẫn và theo dõi SV tập giảng.  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học tích hợp theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ dạy học…  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. | A2.2 |
| 15 | Chương 3: Tiếp theo  3.1. Soạn giáo án  3.2. Tập giảng | (0LT;  2TH) | - Soạn được giáo án tích hợp các chuyên đề môn GDCD.  - Dạy được 1 tiết/SV  - Có tác phong SP | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV hướng dẫn và theo dõi SV tập giảng.  - GV nhận xét, đánh giá, kết luận | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học tích hợp theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ dạy học…  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  |  |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Như Nguyệt | 2021 | Tập Bài giảng Thiết kế các chuyên đề dạy học tích hợp môn Giáo dục công dân | Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình. |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2016 | Tài liệu tập huấn Dạy học tích hợp ở trường THCS - THPT | NXB ĐHSP, Hà Nội |
| 3 | Trần Thị Thanh Thủy | 2016 | Dạy học tích hợp - Phát triển năng lực học sinh (Quyển 2) | NXB Đại học Sư phạm |
| 4 | TS. Nguyễn Văn Tuấn | 2010 | Tài liệu học tập về phương pháp dạy học theo hướng tích hợp (chuyên đề bồi dưỡng sư phạm) | Trường ĐHSP Kỹ thuật TP HCM. |
| 5 | Viện Nghiên cứu Giáo dục | 12/2014 | Kỷ yếu Hội thảo khoa học “*Dạy học tích hợp và dạy học phân hóa ở trường trung học đáp ứng yêu cầu chương trình và sách giáo khoa sau năm 2015* | ĐHSP TP Hồ Chí Minh |
| 6 | Lê Hoàng Hà | 2012 | *“Quản lý dạy học theo quan điểm dạy học phân hóa ở trường trung học phổ thông Việt Nam hiện nay”*, Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục. | Hà Nội |
| 7 | Bộ Giáo dục và đào tạo | 2020 | SGK Giáo dục công dân lớp 10, 11, 12 | NXB Giáo dục Việt Nam |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | **Giảng đường**  **A hoặc C** | *Projector, máy tính cá nhân.* | *1* | *Từ chương 1 đến chương 6* |

**9. Holistic Rubric đánh giá**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |

**9.2** **Rubric 2: Tham gia thực hành (Practice Attendance)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Ý thức, thái độ | Không có ý thức thực hành hoặc thường xuyên vắng mặt | GV còn phải nhở trong thực hiện nhiệm vụ và không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng ít tương tác với GV, SV | Rất có ý thức thực hành và tương tác tốt với GV, SV | **30%** |
|
| Thực hiện nhiệm vụ được giao | Không hoàn thành (<30%) | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 30-50% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 51-70% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 71-90% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt >90% khối lượng công việc thực hành | **70%** |
|
|
|
|

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa**  **TS. Nguyễn Văn Duy** | **Trưởng bộ môn**  **ThS. Lương Thị Lan Huệ** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số:** 7140205 |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Phương pháp dạy học tích hợp và phân hóa** | **1.2. Tên tiếng Anh: Integrated teaching methods and fertilizers** |
| **1.3. Mã học phần:** MLPPDH.120 | **1.4. Số tín chỉ: 02** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 16 tiết |
| - Thực hành: | 14 tiết (14 x 2 = 28 tiết) |
| - Tự học: | 60 |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Lương Thị Lan Huệ  ThS. Phan Thị Thu Hà |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần hệ thống hóa nội dung phương pháp dạy học tích hợp & phân hóa và vận dụng vào dạy học môn GDCD bậc THPT trong môi trường giả định.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Học phần trang bị kiến thức cơ bản cho sinh viên về dạy học tích hợp, dạy học phân hóa, vai trò, quy trình của dạy học tích hợp và phân hóa trong việc hình thành năng lực thực hiện cho người học. Từ đó giúp sinh viên có cơ sở khoa học để xác định cấu trúc các bài dạy tích hợp và phân hóa đối với các môn khoa học xã hội cũng như biết cách vận dụng các phương pháp dạy học tích cực vào quá trình lên lớp.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Hình thành cho sinh viên kỹ năng thiết kế bài dạy tích hợp và bài dạy phân hóa, lựa chọn phương pháp tích hợp và phân hóa vào các bài dạy GDCD cụ thể.

**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành cho sinh viên ý thức tìm tòi, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kỹ năng dạy học, đặc biệt là nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của dạy học tích hợp và phân hóa trong việc phát triển năng lực của người học, góp phần nâng cao chất lượng dạy và học theo chương trình phổ thông mới hiện nay. Bồi đắp lòng yêu ngành, yêu nghề trong học tập. Thực hành đóng vai giáo viên phải có tác phong mô phạm, lịch sự, đúng mực.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Hiểu được khái niệm, vai trò của PPDH tích hợp và phân hóa, xu thế quốc tế về dạy học tích hợp và phân hóa cũng như yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam hiện nay. |
| CLO2 | Nắm vững cách thức tổ chức dạy học tích hợp và tổ chức dạy học phân hóa. Phân tích được nội dung chương trình SGK môn GDCD theo phương pháp tích hợp và phân hóa. |
| CLO3 | Vận dụng sáng tạo các phương pháp dạy học tích cực vào thực tiễn dạy học ở trường phổ thông. Có kỹ năng lắng nghe; kỹ năng giải quyết mâu thuẫn; kỹ năng ra quyết định; Kỹ năng ứng dụng CNTT trong dạy học. |
| CLO4 | Có kỹ năng dạy học, kỹ năng thiết kế bài giảng môn GDCD theo phương pháp tích hợp và phân hóa; Kỹ năng tự học, tự nghiên cứu; Kỹ năng nghiên cứu độc lập; kỹ năng làm việc nhóm. |
| CLO5 | Có ý thức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm cao trong học tập; |
| CLO6 | Có ý thức tự chủ, chủ động trong học tập, có tác phong đạo đức nhà giáo |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M | M | M |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  | M | A | A | A | A | A |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | A | M | M |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M | M |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 6  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6. | Quan sát, theo dõi, điểm danh |
| A2. Kiểm tra thường xuyên | 35% | A2.1. Tuần 7  Chương 4: Những vấn đề chung về dạy học phân hóa | 50% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;  CLO5; CLO6. | - Kiểm tra viết (cá nhân)  - Thực hành dạy học (cá nhân hoặc nhóm) |
| A2.2. Tuần 14  Chương 6. Cách thức tổ chức, quản lí dạy học tích hợp và phân hóa | 50% | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6. |
| A3. Đánh giá cuối kỳ (Thi kết thúc học phần) | 60% | Đánh giá toàn bộ nội dung chương trình  (6 chương) |  |  | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6. | - Thi tự luận  - Thi vấn đáp |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

***Sinh viên phải tham dự > = 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được thi kết thúc HP.***

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/T)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1. Khái niệm và vai trò của phương pháp dạy học tích hợp và phân hóa  1.1. Khái niệm về dạy học tích hợp và phân hóa  1.2. Vai trò của phương pháp dạy học tích hợp và phân hóa  1.3. Xu thế quốc tế về dạy học tích hợp và phân hóa  1.4. Yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông Việt Nam hiện nay | (02LT;  0TH) | - Hiểu được khái niệm dạy học tích hợp và dạy học phân hóa.  - Phân tích được vai trò của PPDHTH&PH, xu thế quốc tế về DHTH&PH cũng như yêu cầu của CTGDPT VN hiện nay | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước chương 1 từ tr4-tr10, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 2 | Chương 2. Những vấn đề chung về dạy học tích hợp  2.1. Xác lập mục tiêu về dạy học tích hợp  2.2. Các đặc trưng cơ bản của dạy học tích hợp và các mức độ tích hợp | (02LT;  0TH) | - Phân tích được các mục tiêu về DHTH.  - Phân tích được các đặc trưng cơ bản của DHTH và các mức độ TH. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước chương 2 từ tr11-tr20, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 3 | Chương 3. Tổ chức dạy học tích hợp  3.1. Lựa chọn nội dung bài học tích hợp  3.2. Quy trình xây dựng bài học tích hợp  3.3. Một số phương pháp, hình thức tổ chức dạy học tích hợp | (02LT; 0TH) | - Biếtlựa chọn nội dung bài học tích hợp  **-** Hiểu được quy trình xây dựng bài học tích hợp.  - Vận dụng một số PP, HT tổ chức dạy học tích hợp. | CLO1 CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước chương 3 từ tr21-tr51, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 4 | - Chương 3: Tiếp theo  3.4. Đánh giá học sinh trong dạy học tích hợp  3.5. Thiết kế bài học tích hợp | (1LT; 1TH) | - Hiểu được cách đánh giá HS trong DH tích hợp.  - Vận dụng kiến thức thiết kế được bài học tích hợp | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước chương 3 từ tr51-tr61, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 5 | - Chương 3: Tiếp theo  3.5. Thiết kế bài học tích hợp | (0LT;  02TH) | - Nêu được các bước thiết kế bài dạy học tích hợp; Vận dụng thiết kế bài dạy học tích hợp GDCD THPT**.** | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | HD PP nghiên cứu tài liệu; PP thiết kế giáo án tích hợp; PP LVN; PP hình mẫu. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc lại toàn bộ kiến thức từ chương 1 đến chương 3.  - Lựa chọn nội dung, vận dụng các PP và thiết kế được 1 bài dạy học tích hợp  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV báo cáo sp đã làm ở nhà; GV nhận xét, góp ý hoàn thiện giáo án. |  |
| 6 | - Chương 3: Tiếp theo  3.5. Thiết kế bài học tích hợp | (0LT;  02TH) | **-** Vận dụng kiến thức để thiết kế bài dạy học tích hợp GDCD THPT**.**  **-** Tập giảng mẫu**.** | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | HD PP nghiên cứu tài liệu; PP thiết kế giáo án tích hợp; PP LVN; PP hình mẫu. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ trục quan, tranh ảnh...  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| 7 | - Chương 4: Những vấn đề chung về dạy học phân hóa  4.1. Cơ sở khoa học của dạy học phân hóa  4.2. Tư tưởng chủ đạo của dạy học phân hóa  4.3. Nội dung của dạy học phân hóa  4.4. Các cấp độ dạy học phân hóa  4.5. Nguyên tắc của dạy học phân hóa | (2LT;  0TH) | - Hiểu được cơ sở KH, TT chủ đạo của DH phân hóa  - Phân tích được nội dung, các cấp độ và nguyên tắc của DH phân hóa. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước chương 4 từ tr62-tr67, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. | A2.1 |
| 8 | - Chương 4: Tiếp theo  4.6. Chức năng cơ bản của dạy học phân hóa  4.7. Tính ưu việt của dạy học phân hóa  - Chương 5: Tổ chức dạy học phân hóa  5.1. Lựa chọn nội dung bài học phân hóa | (02LT;  0TH) | - Trình bày được chức năng cơ bản của DHPH.  - Phân tích được tính ưu việt của DHPH.  - Hiểu được cách lựa chọn ND bài học PH. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước chương 4 từ tr67-tr69, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 9 | - Chương 5: Tiếp theo  5.2. Quy trình xây dựng bài học phân hóa  5.3. Một số phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phân hóa  5.4. Đánh giá học sinh trong dạy học phân hóa  5.5. Thiết kế bài học phân hóa | (02LT;  0TH) | - Hiểu được quy trình XD bài học PH, một số PP, HT tổ chức DHPH.  - Hiểu được cách đánh giá HS trong DHPH.  - Vận dụng kiến thức để thiết kế bài học PH | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước chương 4 từ tr69-tr77, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 10 | - Chương 5: Tiếp theo  5.5. Thiết kế bài học phân hóa | (0LT;  2TH) | - Vận dụng kiến thức, kỹ năng để thiết kế bài học PH môn GDCD THPT. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | HD PP nghiên cứu tài liệu; PP thiết kế giáo án tích hợp; PP LVN; PP hình mẫu. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc lại toàn bộ kiến thức của chương 4 và chương 5.  - Lựa chọn nội dung, vận dụng các PP và thiết kế được 1 bài dạy học phân hóa.  Phần chuẩn bị trên lớp:  - SV báo cáo sp đã làm ở nhà; GV nhận xét, góp ý hoàn thiện giáo án. |  |
| 11 | - Chương 5: Tiếp theo  5.5. Thiết kế bài học phân hóa | (0LT;  2TH) | - Vận dụng kiến thức, kỹ năng để thiết kế bài học PH môn GDCD THPT.  **-** Tập giảng mẫu. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | HD PP nghiên cứu tài liệu; PP thiết kế giáo án tích hợp; PP LVN; PP hình mẫu. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ trực quan, tranh ảnh, tư liệu...  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| 12 | - Chương 5: Tiếp theo  5.5. Thiết kế bài học phân hóa  - Chương 6. Cách thức tổ chức, quản lí dạy học tích hợp và phân hóa  6.1. Các nguyên tắc trong tổ chức dạy học tích hợp và phân hóa | (1BT;  1LT) | - Tập giảng mẫu  - Hiểu được các nguyên tắc trong tổ chức DHTH&PH | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | HD PP nghiên cứu tài liệu; PP thiết kế giáo án tích hợp; PP LVN; PP hình mẫu.  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | **\* Chương 5:**  Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ trực quan, tranh ảnh, tư liệu...  - Đọc trước chương 6 tr78, TL[1].  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học.  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 13 | - Chương 6: Tiếp theo  6.2. Một số giải pháp thực hiện tổ chức quản lí dạy học tích hợp và phân hóa  6.3. Mục tiêu và nội dung chương trình các môn học cấp trung học (hiện hành) | (2LT;  0TH) | - Trình bày được một số giải pháp thực hiện tổ chức QL DHTH&PH.  - Phân tích được mục tiêu và ND CT các môn học cấp trung học (hiện hành) | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn.  - Phương pháp: thuyết trình nêu vấn đề, hỏi đáp, tự học, LVN. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Đọc trước chương 6 từ tr78-tr86, TL [1].  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. |  |
| 14 | Chương 6: Tiếp theo  6.4. Tập giảng | (0LT;  02TH) | Vận dụng sáng tạo, hiệu quả các phương pháp dạy học TH&PH vào giảng dạy môn GDCD THPT. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | HD PP nghiên cứu tài liệu; PP thiết kế giáo án tích hợp; PP LVN; PP hình mẫu. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ trực quan, tranh ảnh, tư liệu...  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. | A2.2 |
| 15 | Chương 6: Tiếp theo  6.4. Tập giảng | (0LT;  02TH) | Vận dụng sáng tạo, hiệu quả các phương pháp dạy học TH&PH vào giảng dạy môn GDCD THPT. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | HD PP nghiên cứu tài liệu; PP thiết kế giáo án tích hợp; PP LVN; PP hình mẫu. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Soạn bài dạy học theo phân công hoặc tự chọn.  - Chuẩn bị dụng cụ trực quan, tranh ảnh, tư liệu...  Phần chuẩn bị trên lớp::  - Thực hành dạy học;  - Nhận xét, rút ra bài học kinh nghiệm trong dạy học. |  |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  |  |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Như Nguyệt | 2021 | TLBG Phương pháp dạy học tích hợp và phân hóa | Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình. |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Bộ Giáo dục và Đào tạo | 2016 | Tài liệu tập huấn Dạy học tích hợp ở trường THCS - THPT | NXB ĐHSP, Hà Nội |
| 3 | Trần Thị Thanh Thủy | 2016 | Dạy học tích hợp - Phát triển năng lực học sinh (Quyển 2) | NXB Đại học Sư phạm |
| 4 | TS. Nguyễn Văn Tuấn | 2010 | Tài liệu học tập về phương pháp dạy học theo hướng tích hợp (chuyên đề bồi dưỡng sư phạm) | Trường ĐHSP Kỹ thuật TP HCM. |
| 5 | Viện Nghiên cứu Giáo dục | 12/2014 | Kỷ yếu Hội thảo khoa học “*Dạy học tích hợp và dạy học phân hóa ở trường trung học đáp ứng yêu cầu chương trình và sách giáo khoa sau năm 2015* | ĐHSP TP Hồ Chí Minh |
| 6 | Lê Hoàng Hà | 2012 | *“Quản lý dạy học theo quan điểm dạy học phân hóa ở trường trung học phổ thông Việt Nam hiện nay”*, Luận án tiến sĩ Quản lý giáo dục. | Hà Nội |
| 7 | Bộ Giáo dục và đào tạo | 2020 | SGK Giáo dục công dân lớp 10, 11, 12 | NXB Giáo dục Việt Nam |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | **Giảng đường**  **A hoặc C** | *Projector, máy tính cá nhân.* | *1* | *Từ chương 1 đến chương 6* |

**9. Holistic Rubric đánh giá**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |

**9.2** **Rubric 2: Tham gia thực hành (Practice Attendance)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Ý thức, thái độ | Không có ý thức thực hành hoặc thường xuyên vắng mặt | GV còn phải nhở trong thực hiện nhiệm vụ và không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng ít tương tác với GV, SV | Rất có ý thức thực hành và tương tác tốt với GV, SV | **30%** |
|
| Thực hiện nhiệm vụ được giao | Không hoàn thành (<30%) | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 30-50% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 51-70% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 71-90% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt >90% khối lượng công việc thực hành | **70%** |
|
|
|
|

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa**  **TS. Nguyễn Văn Duy** | **Trưởng bộ môn**  **ThS. Lương Thị Lan Huệ** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt** | |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự do - Hạnh Phúc** |
| MẪU |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số:** 7140205 |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Kiến tập sư phạm** | **1.2. Tên tiếng Anh:**Pedagogy |
| **1.3. Mã học phần:** KTSPDH.007 | **1.4. Số tín chỉ: 01** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 2 tiết |
| - Thực hành | 28 tiết (28 x2 =56 tiết) |
| - Tự học: | 60 |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Hương Liên |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Phan Thị Thu Hà  ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | **Không** |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức về các cơ sở kiến tập đã được phân công, tìm hiểu về cơ sở kiến tập. Nghe báo cáo chung về cơ sở kiến tập; Sau đó, tìm hiểu và dự hoạt động mẫu về công tác chủ nhiệm lớp, công tác dạy học. Nghe một báo cáo chung về công tác chủ nhiệm lớp. Và dự giờ dạy mẫu về công tác dạy học. Từ đó

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Học phần tạo điều kiện cho sinh viên tìm hiểu làm quen với công việc của một giáo viên. Thông qua việc dự giờ, soạn giáo án, sinh viên nắm được các bước lên lớp, phương pháp truyền thụ kiến thức cho học sinh. Tìm hiểu thực tế, quan sát, dự giờ, tham gia các hoạt động, học tập cách làm công tác chủ nhiệm. Ghi chép các công việc cơ bản ở cơ sở kiến tập làm báo cáo và bảo vệ trước hội đồng chuyên môn trường Đại học Quảng Bình

**2.2.2. Về kỹ năng**

Hình thành cho sinh viên các kỹ năng nghề nghiệp và tạo điều kiện cho sinh viên có thể làm tốt nhiệm vụ được quy định trong đợt thực tập sư phạm cuối khóa sau này. Hơn nữa, vận dụng những kiến thức về tâm lý, giáo dục để tìm hiểu về nhà trường và làm quen với công tác chủ nhiệm

**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành cho sinh viên ý thức, tinh thần trách nhiệm cao trong học tập, có niềm yêu thích và quý trọng nghề nghiệp giáo viên.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO1 | Ghi nhớ được các bước lên lớp, phương pháp truyền thụ kiến thức cho học sinh |
| CLO2 | Trình bày và hiểu được phương pháp làm công tác chủ nhiệm |
| CLO3 | Phân tích và vận dụng vào thực tế những vấn đề sinh viên đã được tiếp cận qua phần giảng dạy trên lớp, gắn lý luận với thực tiễn. |
| CLO4 | Phân tích, tổng hợp những kiến thức đã học, tìm hiểu về Nhà trường, cách thức tổ chức lớp học, soạn giáo án... |
| CLO5 | Ý thức tập thể, tuân thủ tính kỷ luật. |
| CLO6 | Luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, tin tưởng vào nền giáo dục, yêu thích và quý trọng nghề nghiệp giáo viên. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M | M | M |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  | M | A | A | A | A | A |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | A | M | M |
| CLO 6 |  |  |  |  | A | M | R | A | M | M | M | M |

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 30% | - Đánh giá tất cả các bài từ Nội dung 1 đến Nội dung 3  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia Kiến tập sư phạm  + Có ý thức đoàn kết, tinh thần tập thể, tính kỉ luật.  + Hoàn thành báo cáo |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5; CLO6; | Điểm danh, quan sát, đánh giá qua ý thức tích cực tham gia trong đợt kiến tập sư phạm |
| A2. Viết báo cáo thu hoạch | 30% | - Nội dung 1: tìm hiểu về cơ sở kiến tập.  - Nội dung 2: tìm hiểu và dự hoạt động về công tác chủ nhiệm.  - Nội dung 3: tìm hiểu và dự giờ về công tác dạy học. |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;  CLO5; CLO6; | Viết báo cáo |
| A3. Trình bày báo cáo thu hoạch | 40% | - Rút ra một số bài học cho bản thân sau đợt kiến tập sư phạm  - Trách nhiệm của sinh viên trong quá trình kiến tập sư phạm  - Nêu một số tình huống thường xảy ra trong quá trình đi kiến tập sư phạm |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;  CLO5; CLO6; | Vấn đáp |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

***Sinh viên phải tham dự > = 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được thi kết thúc HP.***

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **(3 tiết/b)** | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/T)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR** | **Hoạt động học của SV(\*)** | **Tên bài**  **đánh giá**  **(ở cột 3 bảng 5.1** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Nội dung 1: Tìm hiểu chung về cơ sở kiến tập, nghe báo cáo về cơ sở kiến tập  - Ban Chỉ đạo cơ sở kiến tập cử người báo cáo chung cho sinh viên  Nội dung 2: Tìm hiểu và dự hoạt động mẫu về công tác chủ nhiệm lớp, nghe báo cáo chung về công tác chủ nhiệm lớp  - Ban Chỉ đạo cơ sở kiến tập cử một giáo viên chủ nhiệm lớp có kinh nghiệm báo cáo chung cho tất cả sinh viên thực tập về chức năng, nhiệm vụ, các hoạt động cơ bản của công tác chủ nhiệm lớp, hướng dẫn lập kế hoạch, soạn giáo án mẫu về một tiết sinh hoạt lớp hoặc các hoạt động giáo dục khác. | (01 LT; 10 TH) | - Hiểu biết về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và các hoạt động Đoàn, Hội, Đội của Nhà trường mà mình về kiến tập sư phạm  - Có kĩ năng thiết lập mối quan tốt đẹp.  - Ghi chép các vấn đề liên quan để làm tư liệu viết báo cáo | CLO1  CLO2,CL03;CLO4 | Hình thức: Lên lớp phổ biến kế hoạch kiến tập; Sinh viên đi kiến tập tại các  Phương pháp quan sát; thu thập thông tin; điều tra thực tế. | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Tìm hiểu trước địa điểm, nội dung công việc thực hành tại cơ sở.  - Lập Kế hoạch kiến tập cá nhân  Phần chuẩn bị tại các cơ sở kiến tập:  - Sinh viên chia nhóm về các cơ sở kiến tập |  |
| 2 | Nội dung 2: Tìm hiểu và dự hoạt động mẫu về công tác chủ nhiệm lớp, nghe báo cáo chung về công tác chủ nhiệm lớp (tiếp)  - Dự 2 tiết sinh hoạt chủ nhiệm lớp.  Sinh viên kiến tập được chia thành các nhóm số lượng tùy tình hình thực tế của cơ sở kiến tập để phân về một lớp, giáo viên chủ nhiệm lớp trực tiếp tổ chức nhóm dự đủ 2 tiết, trong đó 1 tiết sinh hoạt lớp và 1 tiết hoạt động ngoài giờ.  Nội dung 3: Tìm hiểu và dự giờ dạy mẫu về công tác dạy học, nghe báo cáo chung về công tác dạy học  + Ban chỉ đạo cơ sở kiến tập cử một giáo viên có nhiều kinh nghiệm báo cáo chung cho tất cả sinh viên kiến tập nghe về chức năng, nhiệm vụ, các hoạt động cơ bản của công tác dạy học, hướng dẫn lập kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án, tổ chức đánh giá, thi, kiểm tra, chấm bài, sử dụng sổ điểm…  + Dự giờ dạy mẫu | (1LT; 10 TH) | - Hiểu biết về công tác chủ nhiệm lớp và tổ chức hoạt động ngoài giờ, về chức năng, nhiệm vụ, các hoạt động cơ bản của công tác dạy học, hướng dẫn lập kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án, tổ chức đánh giá, thi, kiểm tra, chấm bài, sử dụng sổ điểm…  - Ghi nhớ các bài học thực tế khi chủ nhiệm lớp, dạy học  - Có ý thức kỷ luật, theo dõi và ghi chép đầy đủ để làm báo cáo |  |  | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Tìm hiểu trước về công tác chủ nhiệm và hoạt động giáo dục  Lên kế hoạch cho những công việc của tuần sau.  Phần chuẩn bị tại cơ sở kiến tập  - Nêu cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, thực hiện tốt các nội dung trong đợt kiến tập  - Thực hiện tốt nội quy của trường phổ thông  - Khiêm tốn học hỏi, chủ động và sáng tạo  - Hàng tuần tổ chức sinh hoạt đoàn để kiểm điểm, đánh giá và rút kinh nghiệm trong đoàn kiến tập. |  |
| 3 | - Viết báo cáo thu hoạch  - Trình bày báo cáo thu hoạch | (0LT; 8 TH) | - Trình bày được về cơ sở kiến tập.  - Phân tích được hoạt động công tác chủ nhiệm, công tác dạy học, những bài học, khó khăn trong quá trình kiến tập  - Nêu được ý nghĩa của kiến tập sư phạm  - Có kĩ năng viết Báo cáo.  - Có ý thức cầu thị, trách nhiệm trong quá trình tham gia kiến tập  - Trình bày lưu loát, có các phần rõ ràng | CLO1; CLO2;  CLO3;  CLO4; CLO5;  CLO6. | Sinh viên ở nhà viết Báo cáo thu hoạch | Phần chuẩn bị của sinh viên:  - Thu thập thông tin về cơ sở, lịch trình, nội dung công việc...  - Viết Báo cáo thu hoạch theo các nội dung sau:  1. Lý do, thời gian, địa điểm trải nghiệm  2. Vị trí, vai trò, chức năng của cơ sở đến trải nghiệm  3. Nội dung thực tế (nội dung công việc, khó khăn, thuận lợi, kết quả, lịch sử, ý nghĩa của các địa danh, cơ sở kinh tế - xã hội đã đến trải nghiệm  4. Ý nghĩa, vận dụng vào học tập, cuộc sống. |  |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Hương Liên | | 2021 | Kế hoạch Kiến tập sư phạm | Lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Quảng Bình |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | | | |
| 1 | Vũ Đình Bảy (chủ biên) | 2010 | | Phương pháp dạy học môn Giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông, | NXB Giáo dục, Hà Nội |
| 2 | TS. Nguyễn Văn Hòa | 2007 | | Phương pháp giảng dạy môn giáo dục công dân ở trường trung học phổ thông, | Trung tâm Đào tạo từ xa - Đại học Huế. |
| 3 | Vũ Hồng Tiến | 2009 | | Bồi dưỡng nội dung và phương pháp dạy học môn giáo dục công dân lớp 10, 11, 12 | NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | **Giảng đường A, C** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Nội dung 1* |
| *2* | **Cơ sở kiến tập** | *Projector, máy tính cá nhân* | *1* | *Nội dung 2,3* |

**9. Holistic Rubric đánh giá**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Báo cáo (Written Report)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Nội dung báo cáo | Không có hoặc nội  dung được trình bày  trong báo cáo không  phù hợp với yêu cầu. | Nội dung trình bày trong báo  cáo đầy đủ theo yêu cầu.  Tính toán sai, không cụ thể,  không đáp ứng yêu cầu. | Đầy đủ nội dung theo yêu cầu,  còn một số nhầm lẫn trong tính  toán, một số nội dung chưa hợp  lý | Đầy đủ nội dung theo yêu cầu,  trình tự tính toán hợp lý, tính  toán chính xác. Kết quả tính  toán và chọn chưa có giải thích  cụ thể, chưa thuyết phục. | Đầy đủ nội dung theo yêu cầu, tính  toán chi tiết, rõ ràng, logic, trình tự  tính toán hợp lý. Kết quả tính toán và  chọn có sự phân tích, lý giải cụ thể,  rõ ràng và thuyết phục. | **60%** |
| Trình bày báo cáo | Không có hoặc nội  dung được trình bày  trong báo cáo không  phù hợp với yêu cầu. | Trình tự trình bày trong báo cáo không đúng. Nội  dung phù hợp theo yêu cầu.  Hình vẽ, bảng biểu còn nhiều  mâu thuẩn với nội dung. | Nội dung, trình tự trình bày báo cáo phù hợp theo yêu  cầu. Trình bày còn một số lỗi về  chính tả, kích thước, ghi chú  chưa đầy đủ. | Nội dung phù hợp. Trình tự,  cấu trúc logic, rõ ràng đáp ứng  yêu cầu. Hình ảnh, bảng biểu rõ  ràng, logic, ghi chú phù hợp.  Thể hiện kỹ năng soạn thảo văn  bản còn hạn chế. | Nội dung phù hợp. Trình tự, cấu trúc  logic, rõ ràng đáp ứng yêu cầu. Hình  ảnh, bảng biểu rõ ràng, logic, ghi chú  phù hợp. Thể hiện việc sử dụng  thành thạo máy tính trong trình bày  báo cáo. | **40%** |

*Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Trưởng khoa**  **TS. Nguyễn Văn Duy** | **Trưởng bộ môn**  **ThS. Lương Thị Lan Huệ** | **Người biên soạn**  **ThS. Nguyễn Thị Hương Liên** |

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục công dân.** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Thực tập sư phạm** | **1.2. Tên tiếng Anh: Pedagogyc practyce** |
| **1.3. Mã học phần:** | **1.4. Số tín chỉ: 06** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 2 |
| - Bài tập, thực hành: | 90 |
| - Tự học: | 180 |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Phan Thị Thu Hà |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Lương Thị Lan Huệ  ThS. Nguyễn Thị Như Nguyệt |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Sinh viên học xong các học phần chuyên ngành |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Học phần Thực tập sư phạm bao gồm các kiến thức về việc dạy học ở cơ sở thực tập; thực tập công tác chủ nhiệm; thực tập nghiên cứu khoa học giáo dục. Từ đó sinh viên có ý thức trong việc thực hiện và giáo dục.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Thực tập sư phạm cuối khóa trang bị cho sinh viên nâng cao nhận thức về vai trò của giáo dục trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nắm vững những quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của người giáo viên, trên cơ sở đó để người học có hướng phấn đấu vươn lên trong công tác. Tạo điều kiện cho sinh viên chủ động, sáng tạo trong việc vận dụng kiến thức đã học để nâng cao chất lượng giảng dạy, đáp ứng nhu cầu của chuẩn nghề nghiệp giáo viên giáo dục công dân ở trường phổ thông. Giúp nhà trường, các cấp quản lý giáo dục có cơ sở đánh giá chất lượng đào tạo giáo viên, từ đó đề xuất phương hướng để nâng cao chất lượng đào tạo đội ngủ giáo viên của nhà trường. Kết quả thực tập sư phạm là một trong những điều kiện để công nhận tốt nghiệp cho sinh viên.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Hình thành cho sinh viên kỹ năng tiếp cận thực tiễn, có khả năng vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện các tiết giảng của mình.

**2.2.3. Về thái độ**

Hình thành cho sinh viên ý thức tìm tòi, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kỹ năng, bồi đắp lòng yêu ngành, yêu nghề trong học tập. Tin tưởng vào mô hình chủ nghĩa xã hội trong tương lai, vào con đường lãnh đạo của Đảng, có ý chí học tập, bảo vệ nền độc lập của dân tộc.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Mã CLO** | **Nội dung chuẩn đầu ra** |
| CLO1 | Vận dung các phương pháp để tìm hiểu thực tế việc dạy học ở cơ sở thực tập |
| CLO2 | Hiểu được kiến thức cơ bản và rèn luyện các kỹ năng thật tốt để tiến hành thực tập giảng dạy |
| CLO3 | Vận dụng vững kiến thức và thực hành các tình huống sư phạm nhằm thực hiện tốt công tác chủ nhiệm lớp trong suốt thời gian thực tập tại cơ sở |
| CLO4 | Vận dụng thực tập nghiên cứu khoa học giáo dục |
| CLO5 | Thực hiện hoàn chỉnh 1 bài tập nghiên cứu khoa học giáo dục (NCKHGD). Trước khi đến địa điểm thực tập, sinh viên thực tập được chọn đề tài nghiên cứu của mình và làm sẵn đề cương nghiên cứu (có sự hướng dẫn, gợi ý của giảng viên trong khoa) trên tất cả các môn đã học liên quan đến các vấn đề thực hiện ở trường phổ thông. |
| CLO6 | Có kỹ năng tìm, đọc, hiểu và vận dụng các phương pháp nghiên cứu và thực hành để hoàn thành tốt đợt thực tập nghề của mình. |
| CLO7 | Có kỹ năng tư duy logic và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu các vấn đề liên quan đến chuyên ngành của mình để hoàn thành tốt nhiệm vụ thực tập. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2.Mối liên hệ giữa CLOvà PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | I |  | I |  |  |  |  |  |  | I |  | M |
| CLO2 | R |  | R |  |  |  | R |  |  |  |  |  |
| CLO3 |  |  | M |  | M |  |  |  |  |  | M |  |
| CLO4 |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |  |
| CLO5 | M |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO6 |  |  | R |  |  |  |  |  |  |  | M |  |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  | M |  |  |  |
| Tổng hợp học phần | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M | M |

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | **Hướng dẫn phương pháp đánh giá** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 40% | - Đánh giá tất cả các nội dung từ nội dung 1 đến nội dung 4  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia thực tập tại cơ sở.  + Có ý thức đoàn kết, tinh thần tập thể, tính kỉ luật.  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;  CLO5; CLO6; CLO7 | Quan sát, theo dõi, điểm danh |
| A2. Báo cáo thu hoạch (Thay thế thi kết thúc HP) | 60% | - Lý do, thời gian, địa điểm hoạt động thực tập sư phạm tại cơ sở  - Nội dung thực tập sư phạm  - Cảm nghĩ, vận dụng trong học tập, cuộc sống. |  | X | CLO1; CLO2; CLO3; CLO4;  CLO5; CLO6; CLO7 | Viết báo cáo |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

***Sinh viên phải tham dự > = 80% số buổi của HP. Nếu nghỉ > 20% số buổi sẽ không được thi kết thúc HP.***

**6.Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (6 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR*** | ***Hoạt động học của SV(\*)*** | ***Tên bài***  ***đánh giá***  ***(ở cột 3 bảng 5.1*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Nội dung 1: Giảng viên phổ biến kế hoạch thực tập sư phạm tại cơ sở  1.1 Giảng viên thông qua Kế hoạch thực tập sư phạm  1.2 Giảng viên quán triệt các yêu cầu, nhiệm vụ cho từng sinh viên  1.3 Giảng viên và sinh viên thảo luận về nội dung thực tập sư phạm.  Nội dung 2: - Thực tập sư phạm  2.1 - Thực tập sư phạm theo kế hoạch | 2LT-10TH | - Hiểu biết về văn hóa, kinh tế - xã hội ở cộng đồng nơi đến thực tập sư phạm.  **-** Có kĩ năng thiết lập mối quan tốt đẹp.  **-** Áp dụng được lỹ thuyết vào thực tiễn công việc tại cơ sở thực tập sư phạm. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | Hình thức: Lên lớp phổ biến kế hoạch thực hành; Sinh viên đi thực tập sư phạm tại cơ sở  Phương pháp quan sát; thu thập thông tin; điều tra thực tế | Phần chuẩn bị ở nhà:  - Tìm hiểu trước địa điểm, nội dung công việc thực hành tại cơ sở.  - Lập Kế hoạch thực hành.  Phần chuẩn bị trên lớp:  - Sinh viên có 02 tiết tập trung tại lớp để nghe giảng viên thông qua Kế hoạch, nội dung, yêu cầu đối với sinh viên trong quá trình thực hành tại cơ sở. | A1.1 |
| 2 | Nội dung 1*:* Tìm hiểu thực tế việc dạy học ở cơ sở thực tập (tiếp) | 10TH | Hiểu được báo cáo nhiệm vụ năm học, những chủ trương biện pháp về đổi mới công tác giảng dạy của ngành. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | Sinh viên đi thực tập tại cơ sở theo quy định | Sinh viên chia nhóm về các cơ sở thực hành theo quy định của nhà trường | A1.1 |
| 3 | Nội dung 2*:* Thực tập giảng dạy | 10TH | Phân tích được chương trình, tài liệu sách giáo khoa, phòng bộ môn và thiết bị dạy học, kết hợp trao đổi với tổ chuyên môn để soạn giáo án, đúng qui trình đã quy định. Bài soạn phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về mặt sư phạm, phải thể hiện rõ đổi mới phương pháp, chú ý sử dụng các thiết bị và đồ dùng dạy học. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | Sinh viên đi thực tập tại cơ sở theo quy định | Sinh viên chia nhóm về các cơ sở thực hành theo quy định của nhà trường | A1.1 |
| 4 | Nội dung 2: Thực tập giảng dạy (tiếp) | 10TH | Vận dụng được các yêu cầu thực tập giảng dạy.  Trong quá trình thực tập giảng dạy, học viên phải có kế hoạch cụ thể, chuẩn bị đầy đủ đồ dùng dạy học, tài liệu nghiên cứu. Bài soạn phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về mặt sư phạm, phải thể hiện rõ đổi mới phương pháp, chú ý sử dụng các thiết bị và đồ dùng dạy học. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | Sinh viên đi thực tập tại cơ sở theo quy định | Sinh viên chia nhóm về các cơ sở thực hành theo quy định của nhà trường | A1.1 |
| 5 | Nội dung 3: Thực tập công tác chủ nhiệm lớp | 10TH | Vận dụng nội dung thực tập công tác chủ nhiệm. Mỗi nhóm (2 đến 4 sinh viên) thực tập chủ nhiệm tại một lớp phổ thông, dưới sự hướng dẫn của giáo viên đang trực tiếp chủ nhiệm lớp. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | Sinh viên đi thực tập tại cơ sở theo quy định | Sinh viên chia nhóm về các cơ sở thực hành theo quy định của nhà trường | A1.2. |
| 6 | Nội dung 3: Thực tập công tác chủ nhiệm lớp (tiếp) | 10TH | Lập kế hoạch chủ nhiệm lớp một cách cụ thể từng tuần. Bản kế hoạch phải được Hội đồng trường, ký duyệt. Tìm hiểu tình hình lớp, xây dựng đội ngũ cán bộ lớp, tổ chức các phong trào thi đua học tập rèn luyện, giáo dục một số học sinh cá biệt và thăm một số gia đình học sinh, phối hợp với hội cha mẹ học sinh và các đoàn thể trong trường để giáo dục học sinh. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | Sinh viên đi thực tập tại cơ sở theo quy định | Rút ra ý nghĩa, vận dụng vào học tập, cuộc sống. | A1.2 |
| 7 | Nội dung 4: Thực tập nghiên cứu khoa học giáo dục (tiếp) | 10TH | Thu thập số liệu, tư liệu qua điều tra, khảo sát để viết bài tập nghiên cứu. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | Sinh viên đi thực tập tại cơ sở theo quy định |  | A1.3 |
| 8 | Nội dung 4: Thực tập nghiên cứu khoa học giáo dục (tiếp) | 10TH | **-** Nêu được ý nghĩa của hoạt động thực tế.  - Có kĩ năng viết Báo cáo.  - Có ý thứ**c** cầu thi, trách nhiệm trong tham quan thực tế. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 | Sinh viên đi thực tập tại cơ sở theo quy định |  | Nắm được toàn bộ nội dung của học phần. |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì | 8TH | Sau 7 ngày kể từ khi kết thúc đợt TTSP cuối khóa, mỗi sinh viên thực tập phải hoàn thành xong bài tập nộp về khoa để xử lý kết quả tổng hợp đợt TTSP cuối khóa. | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO7 |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Phan Thị Thu Hà | 2021 | Kế hoạch thực tập sư phạm ngành GDCT | Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình. |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Lương Thị Lan Huệ - Phan Thị Thu Hà | 2015 | Bài giảng Lý luận và phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THPT1,2 | Lưu hành nội bộ, Trường Đại học Quảng Bình. |
| 3 | Nguyễn Mạnh Quân | 2007 | Đạo đức kinh doanh và văn hóa công ty | NXB Kinh tế Quốc dân, Hà Nội. |

**8.Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chínhphục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| 1 | Phòng học | Bảng, máy tính,  máy chiếu,  bài giảng powerpoint | 1 | Nội dung 1 |
| 2 | CSTH | Bảng, máy tính,  máy chiếu,  bài giảng powerpoint |  | Nội dung 2 |

**9. Rubric đánh giá**

**9.1 Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |

**9.2** **Rubric 2: Tham gia thực hành (Practice Attendance)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Ý thức, thái độ | Không có ý thức thực hành hoặc thường xuyên vắng mặt | GV còn phải nhở trong thực hiện nhiệm vụ và không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng ít tương tác với GV, SV | Rất có ý thức thực hành và tương tác tốt với GV, SV | **30%** |
|
| Thực hiện nhiệm vụ được giao | Không hoàn thành (<30%) | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 30-50% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 51-70% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 71-90% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt >90% khối lượng công việc thực hành | **70%** |
|
|
|
|

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |

**ThS. Phan Thị Thu Hà**

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật trong trường THPT** | **1.2. Tên tiếng Anh: Ethical education and legal education in high school** |
| **1.3. Mã học phần: MLGDDD.042** | **1.4. Số tín chỉ: 04** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 40 tiết |
| - Thực hành: | 20 tiết (20 x 2) |
| - Tự học: | 120 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Trần Hương Giang |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Lương Thị Lan Huệ  ThS. Phan Thị Thu Hà |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Người học hiểu được những kiến thức lý luận cơ bản cơ bản về giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật cho học sinh trong nhà trường trung học phổ thông, đồng thời trang bị cho người học nội dung, phương pháp giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật, cách thức tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh trung học phổ thông một cách hiệu quả. Từ đó giúp người học có khả năng xây dựng nội dung và tổ chức tốt các hoạt động giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong nhà trường theo yêu cầu nghề nghiệp, cũng như góp phần hình thành, phát triển nhân cách của một nhà giáo dục trong tương lại, phù hợp với chuẩn nghề nghiệp.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

- Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật cho học sinh trong nhà trường trung học phổ thông bao gồm khái niệm, đặc điểm, mục tiêu, vai trò của giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật đối với quá trình giáo dục nhân cách thế hệ trẻ. Đồng thời trang bị cho các em nội dung, phương pháp giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật, cách thức tổ chức hoạt động giáo dục cho học sinh trung học phổ thông một cách hiệu quả. Qua việc trang bị những kiến thức quan trọng này giúp sinh viên hiểu sâu sắc những vấn đề về hoạt động giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật trong nhà trường phổ thông, đáp ứng yêu cầu về năng lực của chuẩn đầu ra ngành Giáo dục chính trị.

**2.2.2. Về kỹ năng**

-Sau khi học xong học phần sinh viên có khả năng xây dựng nội dung và tổ chức tốt các hoạt động giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong nhà trường theo yêu cầu nghề nghiệp.

**2.2.3. Về thái độ**

- Giáo dục cho sinh viên ý thức sống theo chuẩn mực đạo đức và chuẩn mực pháp luật, góp phần hình thành, phát triển nhân cách của một nhà giáo dục trong tương lại, phù hợp với chuẩn nghề nghiệp. Bồi đắp tình yêu đối với đạo đức, pháp luật và trách nhiệm, nhiệt huyết của sinh viên trong việc giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật cho thế hệ trẻ ở trường Trung học phổ thông.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| CLO 1 | Người học có thể nắm được khái niệm và đặc điểm của giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông. Mục đích, vai trò của giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông. |
| CLO 2 | Người học có được kiến thức cơ bản về khái niệm và yêu cầu về nội dung giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông, nội dung môn Giáo dục công dân bậc trung học phổ thông, nội dung hoạt động giáo dục pháp luật ngoài giờ lên lớp. |
| CLO 3 | Người học xác định được các hình thức giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông, các phương pháp giáo dục đạo đức và phương pháp giáo dục pháp luật. |
| CLO 4 | Người học nắm được cách thức xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cũng như các hình thức tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông. |
| CLO 5 | Người học có kỹ năng tìm, đọc, hiểu và vận dụng các vấn đề cơ bản về giáo dục đạo đức, giáo dục pháp luật. Từ đó, vận dụng tốt vào dạy học giáo dục công dân ở trường THPT. |
| CLO 6 | Người học có kỹ năng tư duy logic và giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, trình bày vấn đề, kỹ năng phản biện, tự nghiên cứu để tạo nền tảng cho khả năng học tập suốt đời. |
| CLO 7 | Thái độ đúng đắn và nghiêm túc đối với các vấn đề nảy sinh trong đời sống. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO1 | I |  | I |  |  |  |  |  |  | R | R |  |
| CLO2 |  | R |  |  | A |  |  | M | R |  |  |  |
| CLO3 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  |  |
| CLO4 |  | I |  |  |  | R |  |  | R |  |  |  |
| CLO5 |  |  | A |  |  |  |  | M | M |  |  |  |
| CLO6 |  |  |  | R |  | R | R | A | A |  |  |  |
| CLO7 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | A | R | R |
| Tổng hợp học phần | I | R | A | R | A | R | R | A | A | A | R | R |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ chương 1 đến chương 4  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X | Từ CLO1  đến CLO7 | Điểm danh, quan sát, theo dõi. |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 3: Chương 1. Những vấn đề chung về giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh THPT . | 25% | X | CLO 1  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | Viết, tập giảng |
| A2.2. Tuần 7: Chương 2. Nội dung giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh THPT. | 25% | X | CLO 2  CLO 5  CLO 6  CLO 7 |
| A2.3. Tuần 11: Chương 3. Hình thức, phương pháp giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh THPT. | 25% | X | CLO 3  CLO 5  CLO 6  CLO 7 |
| A2.4 Tuần 15: Chương 4. Tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh THPT. | 25% | X | CLO 4  CLO 5  CLO 6  CLO 7 |  |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài kiểm tra cuối kỳ: Bao quát toàn bộ nội dung các chương |  | X | Từ CLO1  đến CLO7 | Viết hoặc vấn đáp |

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  **(3 tiết/b)** | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Liên quan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR | Hoạt động học của SV | Tên bài  đánh giá  (ở cột 3 bảng 5.1 |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1 Những vấn đề lý luận về giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường THPT  1.1. Khái niệm và đặc điểm của giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông | 4 LT- 0 BT | - Trình bày được khái niệm và đặc điểm của giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông | CLO 1  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr3-5.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 2 | 1.2. Mục đích, vai trò của giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông | 4 LT- 0 BT | - Trình bày được mục đích, vai trò của giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông. | CLO 1  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr5-12.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 3 | Chương 2. Nội dung giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông  2.1. Khái niệm và yêu cầu về nội dung giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông | 4LT- 0BT | - Phân tích được khái niệm và yêu cầu về nội dung giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông. | CLO 2  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr13.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 4 | 2.2. Nội dung môn Giáo dục công dân bậc trung học phổ thông | 4 LT- 0 BT | - Trình bày được môn giáo dục công dân bậc trung học phổ thông từ lớp 10 đến lớp 12 có những nội dung nào, được cấu trúc thành những thành phần nào. | CLO 2  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr13-18.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. | A.2.1 |
| 5 | 2.3. Nội dung hoạt động giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật ngoài giờ lên lớp | 4 LT- 0 BT | - Trình bày được nội dung hoạt động giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật ngoài giờ lên lớp. | CLO 2  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr19.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 6 | Chương 3. Hình thức, phương pháp giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường  3.1. Hình thức giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông. | 4 LT- 0 BT | - Phân tích được các hình thức giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông. | CLO 3  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr20-22.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 7 | 3.2. Phương pháp giáo dục đạo đức và phương pháp giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông. | 4 LT- 0 BT | - Trình bày được phương pháp giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông. | CLO 3  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 3,TL [1], tr22-40.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. | A.2.2 |
| 8 | Chương 4. Tổ chức các hoạt động giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông.  4.1. Xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật | 4 LT- 0 BT | - Phân tích được cách thức xây dựng chương trình, kế hoạch giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật. | CLO 4  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr41-42.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi |  |
| 9 | 4.2. Tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông. | 4 LT- 0 BT | - Trình bày được cách thức tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trung học phổ thông. | CLO 4  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr42-44.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi |  |
| 10 | 4.2. Tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông. | 0 LT – 4 TH | Mỗi sinh viên sẽ chuẩn bị giáo án bài dạy các nội dung đạo đức và nội dung pháp luật trong chương trinh GDCD lớp 10, 12 theo sự phân công của giảng viên.  Sinh viên sẽ giảng dạy tiết do mình chuẩn bị dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sau đó cả lớp nhận xét và giảng viên kết luận. | CLO 3  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr42-44.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  -Thực hành: sinh viên soạn giáo án và tập giảng. |  |
| 11 | 4.2. Tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông. | 0LT – 4 TH | Mỗi sinh viên sẽ chuẩn bị giáo án bài dạy các nội dung đạo đức và nội dung pháp luật trong chương trinh GDCD lớp 10, 12 theo sự phân công của giảng viên.  Sinh viên sẽ giảng dạy tiết do mình chuẩn bị dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sau đó cả lớp nhận xét và giảng viên kết luận. | CLO 4  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr42-44.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi  - Thực hành: sinh viên soạn giáo án và tập giảng. | A2.3 |
| 12 | 4.2. Tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông. | 0 LT – 4 TH | Mỗi sinh viên sẽ chuẩn bị giáo án bài dạy các nội dung đạo đức và nội dung pháp luật trong chương trinh GDCD lớp 10, 12 theo sự phân công của giảng viên.  Sinh viên sẽ giảng dạy tiết do mình chuẩn bị dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sau đó cả lớp nhận xét và giảng viên kết luận. | CLO 4  CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr42-44.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi  - Thực hành: sinh viên soạn giáo án và tập giảng. |  |
| 13 | 4.2. Tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông. | 0LT – 4 TH | Mỗi sinh viên sẽ chuẩn bị giáo án bài dạy các nội dung đạo đức và nội dung pháp luật trong chương trinh GDCD lớp 10, 12 theo sự phân công của giảng viên.  Sinh viên sẽ giảng dạy tiết do mình chuẩn bị dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sau đó cả lớp nhận xét và giảng viên kết luận. | CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr42-44.  - Phần CB trên lớp:GH nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Thực hành: sinh viên soạn giáo án và tập giảng. |  |
| 14 | 4.2. Tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông. | 0 LT – 4 TH | Mỗi sinh viên sẽ chuẩn bị giáo án bài dạy các nội dung đạo đức và nội dung pháp luật trong chương trinh GDCD lớp 10, 12 theo sự phân công của giảng viên.  Sinh viên sẽ giảng dạy tiết do mình chuẩn bị dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sau đó cả lớp nhận xét và giảng viên kết luận. | CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr42-44.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Thực hành: sinh viên soạn giáo án và tập giảng. |  |
| 15 | 4.2. Tổ chức hoạt động giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật cho học sinh trong trường trung học phổ thông. | 0LT – 4 TH | Mỗi sinh viên sẽ chuẩn bị giáo án bài dạy các nội dung đạo đức và nội dung pháp luật trong chương trinh GDCD lớp 10, 12 theo sự phân công của giảng viên.  Sinh viên sẽ giảng dạy tiết do mình chuẩn bị dưới sự hướng dẫn của giảng viên, sau đó cả lớp nhận xét và giảng viên kết luận. | CLO 5  CLO 6  CLO 7 | - PP giảng dạy: nêu vấn đề, thảo luận, đóng vai, trò chơi, thuyết trình, sơ đồ tư duy, máy chiếu...  - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn. | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr42-44.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi.  - Thực hành: sinh viên soạn giáo án và tập giảng. | A.2.4 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  |  |  |  | A3 |

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Trường Đại học Quảng Bình - Khoa Luật | 2021 | Tài liệu bài giảng giáo dục đạo đức và giáo dục pháp luật trong trường trung học phổ thông. | Trường Đại học Quảng Bình |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Nguyễn Văn Cư, Nguyễn Duy Nhiên | 2008 | Dạy và học môn GDCD ở trường THPT những vấn đề lý luận và thực tiễn. | Nxb Đại học sư phạm, Hà Nội. |
| 3 | Nguyễn Đình Đặng Lục | 2004 | Giáo dục pháp luật trong nhà trường | Nxb Giáo dục, Hà Nội. |
| 4 | Nguyễn Đình Đặng Lục | 2005 | Vai trò của pháp luật trong quá trình hình thành nhân cách | Nxb Tư pháp, Hà Nội. |
| 5 | Đặng Cảnh Khanh, Nguyễn Bích Điềm, Nguyễn Đắc Bình | 2007 | Sống và làm việc theo pháp luật | Nxb Thanh Niên, Hà Nội. |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | A, C | Bảng, phấn, máy chiếu | 1 | Chương 1 đến chương 5 |

**9. Rubric đánh giá:**

* 1. **Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Tham gia thực hành (Practice Attendance)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Ý thức, thái độ | Không có ý thức thực hành hoặc thường xuyên vắng mặt | GV còn phải nhở trong thực hiện nhiệm vụ và không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng không có tương tác với GV, SV | Có ý thức thực hành nhưng ít tương tác với GV, SV | Rất có ý thức thực hành và tương tác tốt với GV, SV | **30%** |
|
| Thực hiện nhiệm vụ được giao | Không hoàn thành (<30%) | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 30-50% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 51-70% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt từ 71-90% khối lượng công việc thực hành | Hoàn thành và cho kết quả tốt >90% khối lượng công việc thực hành | **70%** |
|
|
|
|

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày….tháng….năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

TS.GVC. Nguyễn Văn Duy ThS.GVC. Lương Thị Lan Huệ ThS.GVC. Trần Hương Giang

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢNG BÌNH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** |
| **Khoa Luật** | **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc** |
|  |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO** | | |
| **Trình độ đào tạo: Đại học** | **Ngành: Giáo dục chính trị** | **Mã số: 7140205** |

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**   1. **Thông tin chung** | |
| **1.1. Tên học phần: Đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học môn giáo dục công dân** | **1.2. Tên tiếng Anh: innovation, testing and assessment in teaching civic education** |
| **1.3. Mã học phần: MLKTDG.136** | **1.4. Số tín chỉ: 03** |
| **1.5. Phân bố thời gian:** |  |
| **-** Lý thuyết: | 23 tiết |
| - Thảo luận nhóm: |  |
| -Bài tập | 22 tiết |
| - Tự học: | 90 tiết |
| **1.6. Các giảng viên phụ trách học phần:** |  |
| - Giảng viên phụ trách chính: | ThS. Nguyễn Thị Anh Khuyên |
| - Danh sách giảng viên cùng giảng dạy: | ThS. Trần Thị Hương Giang |
| **1.7. Điều kiện tham gia học phần:** |  |
| **-** Học phần tiên quyết: | Không |
| - Học phần học trước: | Không |
| - Học phần song hành: | Không |

**2. Mục tiêu**

**2.1. Mục tiêu chung**

Trên cơ sở cung cấp những nội dung cơ bản về mặt lý thuyết của vấn đề kiểm tra, đánh giá, học phần tập trung vào việc rèn luyện những kỹ năng thực hành trên lớp bài kiểm tra, đánh giá thông qua các giờ giảng tập. Nội dung lý thuyết và thực hành bao gồm những vấn đề chung về đánh giá trong dạy học, thiết kế bài kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn GDCD.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

**2.2.1. Về kiến thức**

Cung cấp những kiến thức cơ bản, cốt lõi nhất, mở rộng và chuyên sâu về hệ thống kiến thức liên quan đến việc đổi mới phương pháp, phương tiện, hình thức kiểm tra, đánh giá quá trình tiếp thu kiến thức và rèn luyện kỹ năng của học sinh trong quá trình dạy học môn GDCD ở trường phổ thông.

**2.2.2. Về kỹ năng**

Cung cấp năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng thực hành tốt các kĩ năng ở tất cả các khâu của quá trình kiểm tra, đánh giá, từ việc xác định mục tiêu, thiết lập ma trận, soạn câu hỏi, xây dựng đáp án, biểu điểm, tổ chức kiểm tra trên lớp, chấm bài và trả bài kiểm tra.

**2.2.3. Về thái độ**

Ý thức được những thuận lợi và khó khăn trong dạy học môn GDCD và CDVTQ để có hướng tự rèn luyện nhằm thực hiện tốt lại bài kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn GDCD ở THPT.

**3. Chuẩn đầu ra (CLO)**

**Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP**

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

|  |  |
| --- | --- |
| **Ký hiệu CLO** | **Nội dung CLO** |
| ***3.1. Về kiến thức*** | |
| CLO1 | Hiểu một cách hệ thống và cốt lõi về các vấn đề về đổi mới kiểm tra đánh giá trong dạy học môn giáo dục công dân. Đó là Cơ sở lý luận về kiểm tra đánh giá trong quá trình dạy học GDCD ở trường THPT; Các hình thức kiểm tra và loại bài kiểm tra trong dạy học GDCD; Các loại câu hỏi kiểm tra môn GDCD; Quy trình thiết kế, sử dụng đề kiểm tra môn GDCD ở trường THPT theo hướng đổi mới; Xử lý, phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá môn GDCD. |
| CLO2 | Phân tích, đánh giá được các vấn đề lý luận kiểm tra đánh giá trong dạy học giáo dục công dân. Đồng thời áp dụng kiến thức liên ngành, công nghệ thông tin, ngoại ngữ để lí giải, đánh giá các hiện tượng thực tiễn phát sinh trong đổi mới phương pháp giảng dạy ở Việt Nam hiện nay. |
| ***3.2. Về kỹ năng*** | |
| CLO3 | Có kỹ năng làm việc nhóm, làm việc độc lập.  Có kỹ năng thuyết trình các sản phẩm, bài tập trong học tập.  Có kỹ năng giao tiếp.  Có kỹ năng tổ chức các hoạt động nhóm.  Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin vào nghiên cứu môn học và công tác sau này.  Có kỹ năng tự học, tự nghiên cứu, thích nghi làm việc trong các môi trường khác nhau.  Có kỹ năng lắng nghe, chọn lọc thông tin và xử lí thông tin. |
| CLO4 | Có kỹ năng vận dụng kiến thức chuyên ngành giáo duc công dân để nhận diện, phân tích, đánh giá những vấn đề thực tiễn một cách khách quan, có cơ sở khoa học.  Có kỹ năng tuyên truyền đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. |
| ***3.3. Về năng lực tự chủ và trách nhiệm*** | |
| CLO5 | Chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.  Có ý thức tự rèn luyện, nâng cao tính kỷ luật, kỷ cương. |
| CLO6 | Có năng lực tham gia vào cuộc đấu tranh tư tưởng, lý luận: biết bảo vệ những quan điểm khoa học và biết phê phán những quan điểm sai trái.  Có ý thức tham gia tích cực các hoạt động cộng đồng và thực thi trách nhiệm xã hội.  Nêu cao trách nhiệm bản thân trong sự nghiệp xây dựng đất nước. |

**4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)**

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

**Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **PLO** | (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) |
| CLO 1 | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 2 |  | R | R |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| CLO 3 |  |  |  | M | M | M | M |  |  |  |  |  |
| CLO 4 |  |  |  |  |  |  |  | R | R |  |  |  |
| CLO 5 |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M | M |  |
| CLO 6 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | M |
| Tổng hợp học phần | R |  | R |  | M | M | R |  |  |  |  |  |

*Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,…; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CĐR CTĐT.*

**5. Đánh giá**

*a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá*

**Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thành phần**  **đánh giá** | **Trọng số** | **Bài đánh giá** | **Trọng số con** | **Rubric**  **(đánh dấu X nếu có)** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***Hướng dẫn phương pháp đánh giá*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | *(7)* |
| A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ) | 5% | - Đánh giá tất cả các bài từ Chương 1 đến Chương 5  - Đánh giá theo tiêu chí sau:  + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài  + Tham gia các hoạt động trong giờ học  + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên |  | X |  | Điểm danh |
| A2. Kiểm tra thường xuyên (KTTX) | 35% | A2.1. Tuần 5  Chương 1 đến chương 2 | 33.3% | X | CLO 1 | *Bài kiểm tra viết cá nhân, bài tập* |
| A2.2. Tuần 10  Chương 3 đến chương 4 | 33.3% | X | CLO3 |
| A2.Tuần 15  Chương 5 | 33.3% |  | CLO 5 |
| A3. Đánh giá cuối kỳ | 60% | Bài ktra cuối kỳ:  Chương 1: Cơ sở lý luận về iểm tra đánh giá trong quá trình dạy học GDCD ở trường THPT  Chương 2: Các hình thức kiểm tra và loại bài kiểm tra trong dạy học GDCD  Chương 3: Các loại câu hỏi kiểm tra môn GDCD  Chương 4: Quy trình thiết kế, sử dụng đề kiểm tra môn GDCD ở trường THPT theo hướng đổi mới.  Chương 5: Xử lý, phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá môn GDCD |  |  | CLO 1  CLO 2  CLO 4 | Thi tự luận, vấn đáp, tiểu luận |

*Ghi chú: Tùy theo yêu cầu, đặc điểm của từng học phần, bộ môn có thể điều chỉnh thành phần và trọng số, trọng số con của các thành phần đánh giá. Tuy nhiên, phải đảm bảo đánh giá cuối kỳ không dưới 50%.*

***b. Yêu cầu đối với học phần***

*Sinh viên phải tham dự >=80% số buổi của HP. Nếu nghỉ >20% số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.*

**6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy**

**Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tuần/**  **Buổi**  (3 tiết/b) | **Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)** | **Số tiết (LT/TH/TT)** | **CĐR của bài học (chương)/ chủ đề** | **Lquan đến CĐR nào ở bảng 4.1** | ***PP giảng dạy , tài liệu và cở sở vật chất, thiết bị cần thiêt để đạt CĐR*** | ***Hoạt động học của SV(\*)*** | ***Tên bài***  ***đánh giá***  ***(ở cột 3 bảng 5.1*** |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) |
| 1 | Chương 1: Cơ sở lý luận về kiểm tra đánh giá trong quá trình dạy học GDCD ở trường THPT  1.1. Một số khái niệm cơ bản  1.1.1. Kiểm tra  1.1.2. Đo lường  1.1.3. Đánh giá  1.1.4. Công cụ kiểm tra - đánh giá  1.1.5. Chuẩn đánh giá  1.2. Vai trò của việc kiểm tra, đánh giá  1.2.1. Học sinh  1.2.2. Giáo viên  1.2.3. Cán bộ quản lý  1.3. Chức năng của việc kiểm tra-đánh giá  1.3.1. Chức năng đánh giá và chẩn đoán  1.3.2. Chức năng định hướng hoạt động dạy và học  1.3.3. Chức năng xác nhận thành tích học tập và hiệu quả dạy học  Bài tập: Làm rõ các chức năng cơ bản của việc kiểm tra đánh giá | 3 | 1.1. Hiểu được khái niệm cơ bản về kiểm tra, đánh giá  1.2. Hiểu được Vai trò của việc kiểm tra đánh giá  1.3. Hiểu được chức năng của kiểm tra đánh giá trong dạy học  BT: Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO1  CLO2  CLO1  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần chuẩn bị ở nhà:  Đọc trước nội dung chương 1, (tài liệu [1] trang 5-9  Chuẩn bị BT  - Phần chuẩn bị trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia xây dựng bài, trao đổi. | A1 |

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 2 | Chương 1: tiếp  1.4. Mục đích, yêu cầu của kiểm tra, đánh giá  1.4.1. Mục đích  1.4.2. Yêu cầu  1.5. Định hướng đổi mới phương pháp kiểm tra, đánh giá trong dạy học môn GDCD ở trường THPT  1.5.1. Đánh giá phải bám sát mục tiêu, nội dung chương trình môn học  Bài tập: Từ thực tiễn, trình bày những xu hướng mới trong kiểm tra đánh giá môn giáo dục công dân | 3 | Hiểu được Mục đích, yêu cầu của hoạt động kiểm tra đánh giá  Phân tích được định hướng đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá  Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO1  CLO2  CLO3  CLO1 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | Chương 1,TL [1], tr10-13.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. | A1 |
| 3 | Chương 1: tiếp  1.5.2. Đánh giá phải căn cứ vào đặc thù tri thức môn GDCD  1.5.3. Đánh giá phải phù hợp với năng lực và trình độ của học sinh  1.5.4. Đánh giá phải bảo đảm tính khách quan và công bằng  1.5.5. Phương pháp đánh giá của GV phải linh hoạt  1.5.6. Hoạt động đánh giá phải đảm bảo phát huy được tính tích cực của học sinh  1.5.7. Kết hợp giữa đánh giá bằng cho điểm và nhận xét kết quả học tập đối với môn Giáo dục công dân  Bài tập:  Vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết các tình huống cụ thể | 3 | Phân tích được định hướng mới trong kiểm tra đánh giá môn giáo dục công dân  Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 1,TL [1], tr15 – 16 chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, trao đổi, phản biện. |  |
| 4 | Chương 2: Các hình thức kiểm tra và loại bài kiểm tra trong dạy học GDCD  2.1. Các hình thức kiểm tra trong dạy học GDCD  2.1.1. Kiểm tra miệng  2.1.2. Kiểm tra viết  2.1.3. Kiểm tra thông qua các hoạt động khác  Bài tập:  Sinh viên tự ra các mẫu đề kiểm tra theo các hình thức cụ thể vừa được học | 3 | Nhớ được cacskhais niệm  Phân tích được Các hình thức kiểm tra  Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr17-19. Chuẩn bị bài tâp  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi. |  |
| 5 | Chương 2: Các hình thức kiểm tra và loại bài kiểm tra trong dạy học GDCD  2.2. Các loại bài kiểm tra trong dạy học GDCD  2.2.1. Bài kiểm tra thường xuyên  2.2.2. Bài kiểm tra định kỳ  Bài tập: Sinh viên xây dựng hoạt cảnh giờ học trên lớp trong đó có hoạt động kiểm tra đánh giá  Kiểm tra tín chỉ 1 | 3 | Hiểu các loại bài kiểm tra  Phân tích và vận dụng các loại bài kiểm tra vào thực tiễn  Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 2,TL [1], tr 19-20; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. | A2.1 |
| 6 | Chương 2: Bài tập  Chương 3: Các loại câu hỏi kiểm tra môn Giáo dục công dân  3.1. Phân loại trắc nghiệm trong giáo dục  3.1.1. Khái niệm  3.1.2. Phân loại trắc nghiệm  Bài tập  So sánh các loại trắc nghiệm | 3 | Hiểu được các khái niệm  Phân tích được các loại trắc nghiêm  I  Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Đọc trước Chương 4,TL [1], tr 20 - 25 ; chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: nghe giảng, ghi chép, tham gia XD bài, trao đổi; thuyết trình, báo cáo, phản biện. | A1 |
| 7. | Chương 3: Các loại câu hỏi kiểm tra môn Giáo dục công dân  3.2. Vận dụng các mức độ nhận thức khác nhau để soạn các câu hỏi trắc nghiệm  3.2.1. Nhận biết  3.2.2. Thông hiểu  3.2.3. Vận dụng  3.2.4. Phân tích  3.2.5. Tổng hợp  3.2.6. Đánh giá  Bài tập: SV vận dụng ra các loại đề kiểm tra ở các mức độ nhận thức khác nhau. | 3 | Vận dụng các mức độ nhận thức khác nhau để soạn các câu hỏi trắc nghiệm  Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. | A1 |
| 8 | Chương 3 tiếp  3.3. Câu hỏi trắc nghiệm tự luận  3.3.1. Khái niệm  3.3.2. Dạng câu hỏi trắc nghiệm  3.4. Câu hỏi trắc nghiệm khách quan  3.4.1. Câu trắc nghiệm nhiều lựa chọn  3.4.2. Câu trắc nghiệm đúng – sai  3.4.3. Câu trắc nghiệm điền khuyết  3.4.4. Câu trắc nghiệm ghép đôi  Bài tập: Phân biệt các dạng câu hỏi trắc nghiệm khách quan, cho ví dụ cụ thể. Phân tích nó | 3 | Hiểu được khái niệm, đặc điểm của câu hỏi trắc nghiệm tự luận  Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO2  CLO4  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. | A1 |
| 9 | Chương 3: tiếp  3.5. So sánh trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan  3.6. Phân tích, đánh giá câu trắc nghiệm và đề thi trắc nghiệm  Bài tập: Ra 1 dạng đề thi cụ thể, phân tích, đánh giá đề thi đó | 3 | Vận dụng, phân tích trắc nghiệm tự luận và trắc nghiệm khách quan  Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả khái niệm để phân tích đánh giá câu trắc nghiệm và đề thi trắc nghiệm | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà:  Khai thác TL, chuẩn bị sẵn BT.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, trao đổi, phản biện. | A2 |
| 10 | Chương 4: Quy trình thiết kế, sử dụng đề kiểm tra môn GDCD ở trường THPT theo hướng đối mới  4.1. Đặc thù của bài kiểm tra môn GDCD ở trường THPT  4.2. Các bước thiết kế đề kiểm tra môn GDCD  Bài tập:  Làm rõ những thuận lợi và khó khăn trong giảng dạy và ra đề kiểm tra môn GDCD ở trường THPT hiện nay  Kiểm tra tín chỉ 2 | 3 | Hiểu được đặc thù của bài kiểm tra môn GDCD ở trường THPT  Vận dụng, phân tích các bước thiết kế đề kiểm tra môn GDCD  Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. | A2.2 |
| 11 | Chương 4 tiếp  4.2. Các bước thiết kế đề kiểm tra môn GDCD  4.3. Sử dụng đề kiểm tra môn GDCD trong đánh giá kết quả học tập của học sinh  Bài tập: vận dụng sử dụng đề kiểm tra môn GDCD trong đánh giá kết quả học tập của học sinh trong một bài học cụ thể | 3 | Hiểu được Các bước thiết kế đề kiểm tra môn GDCD    Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 12 | Chương 4: Tiếp  4.3. Sử dụng đề kiểm tra môn GDCD trong đánh giá kết quả học tập của học sinh (tiếp)  Bài tập: Chia các nhóm thực hành ra đề kiểm tra đánh giá môn GDCD | 3 | Vận dụng được vào thực tiễn bài học cụ thể  Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 13 | Chương 5: Xử lý, phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá môn GDCD  5.1. Xu hướng mới và triết lý đánh giá về sự tiến bộ học tập  5.1.1. Xu hướng đổi mới kiểm tra đánh giá hoạt động học tập theo hướng tiếp cận năng lực người học  5.1.2. Triết lý đánh giá  5.2. Yêu cầu, nguyên tắc kiểm tra đánh giá hỗ trợ cải tiến chất lượng học tập  5.2.1. Phải kiểm tra đánh giá được các năng lực khác nhau của học sinh  5.2.2. Đảm bảo tính khách quan  5.2.3. Đảm bảo sự công bằng  5.2.4. Đảm bảo tính toàn diện  5.2.5. Đảm bảo tính công khai  5.2.6. Đảm bảo tính giáo dục  5.2.7. Đảm bảo tính phát triển  Bài tập  Vận dụng lý thuyết đã học để phân tích các bước thực hành kiểm tra đánh giá trong dạy học GDCD trong từng bài học cụ thể | 3 | Hiểu được Xu hướng mới và triết lý đánh giá về sự tiến bộ học tập  Phân tích được Yêu cầu, nguyên tắc kiểm tra đánh giá hỗ trợ cải tiến chất lượng học tập  Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 14 | Chương 5: tiếp  5.3. Xử lý kết quả kiểm tra đánh giá  5.3.1. Định tính  5.3.2. Định lượng  5.4. Phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá  5.4.1. Dự đoán các khả năng nhận thức sai lầm của học sinh thông qua việc phân tích kết quả trả lời các phương án nhiễu  5.4.2. Yêu cầu học sinh tự thiết kế ra các câu hỏi như là một cách để học tập  5.4.3. Chia sẻ với học sinh bảng ma trận nội dung kiến thức, kĩ năng dùng để ra đề kiểm tra/thi  5.4.4. Trả lời lại các câu hỏi kiểm tra như một cách ôn tập kiến thức  Bài tập: Xây dựng một hoạt cảnh trong đó SV thực hành quá trình kiểm tra đánh giá chất lượng môn học GDCD. Rút ra những thuận lợi và khó khăn trong đánh giá | 3 | - Vận dụng, sáng tạo, hiệu quả trong việc xử lý kết quả kiểm tra đánh giá  - Hiểu được các bước trong quá trình phản hồi kết quả kiểm tra đánh giá  Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện. |  |
| 15 | Chương 5: tiếp  5.5. Các quan điểm và văn bản hiện hành về kiểm tra đánh giá  5.5.1. Các quan điểm chỉ đạo  5.5.2. Những quy định về đánh giá trên lớp của Bộ Giáo dục và Đào tạo  Bài tập: Đánh giá những thuận lợi và khó khăn trong giảng dạy và ra đề kiểm tra GDCD khối 12 hiện nay  Kiểm tra tín chỉ 2 | 3 | Hiểu được các quan điểm và văn bản hiện hành về kiểm tra đánh giá  Vận dụng, lập luận, thuyết trình, kỹ năng lựa chọn và xử lý thông tin, củng cố niềm tin vào các quan điểm khoa học | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6  CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 | - GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector để hướng dẫn | - Phần CB ở nhà: khai thác tài liệu, chuẩn bị bài tập.  - Phần CB trên lớp: thuyết trình, báo cáo, phản biện | A2.3 |
| Theo lịch thi | Kiểm tra cuối kì |  |  | CLO1  CLO2  CLO3  CLO4  CLO5  CLO6 |  |  | A3 |

**(\*) Ghi chú:­**

*- (3) Số tiết (LT/TH/TT): Xác định số tiết lý thuyết, thực hành, thực tập của từng chương*

*- (6) PP giảng dạy đạt CĐR: Nêu tên các PP giảng dạy sử dụng trong từng chương để đạt CĐR*

*- (7) Hoạt động học của SV: Xác định các nội dung SV cần chuẩn bị tại nhà (đọc tài liệu nào, từ trang thứ mấy, LVN để giải quyết BT, làm dự án ……..); Hoạt động tại lớp (thảo luận nhóm, làm BT thường xuyên số.…).*

**7. Học liệu**

**Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên tác giả** | **Năm XB** | **Tên sách, giáo trình,**  **tên bài báo, văn bản** | **NXB, tên tạp chí/**  **nơi ban hành VB** |
|  | **Giáo trình chính** | | | |
| 1 | Nguyễn Thị Anh Khuyên | 2021 | Giáo trình đổi mới kiểm tra đánh g ía trong dạy học môn GDCD | Trường ĐHQB |
|  | **Sách, giáo trình tham khảo** | | | |
| 2 | Vũ ĐÌnh Bảy | 2010 | Phương pháp dạy học môn GDCD ở trường THPT, | NXB Giáo dục Việt NAm,  Hà Nội |
| 3 | Phạm Văn Hùng | 1998 | Phương pháp dạy môn Giáo dục công dân ở trường THCS | NXB Giáo dục, Hà Nội. |
| 4 | Nguyễn Văn Hòa | 2007 | Phương pháp giảng dạy môn GDCD ở trường THPT | Trung tâm ĐTTX, Huế, |

**8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

**Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH** | **Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH** | | **Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương** |
| **Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,…** | **Số lượng** |  |
| *1* | Giảng đường A  Giảng đường C | máy tính, projector | *1* | *Chương 1 đến chương 5* |

**9. Rubric đánh giá**

* 1. **Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendace)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
|
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
|
|
| Chuyên  cần | Đi học < 40% | 40% <= Đi học < 55% | 55% <= Đi học < 70% | 70% <= Đi học < 85% | Đi học >=85% | **60%** |
|
| Đóng góp  tại lớp | Không tham gia  hoạt động gì tại  lớp | Hiếm khi tham gia phát biểu,  đóng góp cho bài học tại lớp.  Đóng góp không hiệu quả. | Thỉnh thoảng tham gia phát biểu,  trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu  ít khi có hiệu quả. | Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học thường hiệu quả. | Tham gia tích cực các hoạt động  tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến  liên quan đến bài học. Các đóng  góp rất hiệu quả. | **40%** |
|
|
|
|

**9.2 Rubric 2: Bài tập (Work Assigment)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **đánh giá** | **Mức độ đạt chuẩn quy định** | | | | | **Trọng**  **số** |
| **MỨC F**  **(0-3.9)** | **MỨC D**  **(4.0-5.4)** | **MỨC C**  **(5.5-6.9)** | **MỨC B**  **(7.0-8.4)** | **MỨC A**  **(8.5-10)** |
| Nộp bài tập | Không nộp bài tập hoặc hoàn thành <30% khối lượng công việc được giao | Nộp bài tập hoàn thành <50% khối lượng công việc được giao. Chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <70% khối lượng công việc được giao. Một số bài tập nộp chưa đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập hoàn thành <90% khối lượng công việc được giao. Hầu hết bài tập nộp đúng thời gian quy định. | Nộp bài tập đầy đủ >=90% số lượng  được giao). Đúng thời gian quy  định. | **20%** |
|
|
|
|
| Trình bày  bài tập | Kém | Còn rất nhiều lỗi | Còn nhiều lỗi | Tương đối tốt | Rất tốt | **30%** |
| Nội dung bài  tập | Không có bài tập | Nội dung bài tập không đầy  đủ, một số không đúng theo  yêu cầu nhiệm vụ. | Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với  yêu cầu nhiệm vụ nhưng chưa  hợp lý. Còn một số sai sót. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp  lý, đúng theo yêu cầu nhiệm  vụ. Nội dung đúng, rõ ràng. | Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý,  đúng theo yêu cầu nhiệm vụ. Tính  toán logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn  toàn hợp lý. | **50%** |

**9.3 Đánh giá kiểm tra viết, vấn đáp, trắc nghiệm**: Theo thang điểm 10 dựa trên đáp án được thiết kế sẳn

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| *Quảng Bình, ngày 23 tháng 06 năm 2021*   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Trưởng khoa** | **Trưởng bộ môn** | **Người biên soạn** | |
|  |

1. Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. [↑](#footnote-ref-1)
2. Một tín chỉ được quy định tối thiểu bằng 15 giờ học lý thuyết và 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 30 giờ thực hành, thí nghiệm, thảo luận và 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn hoặc bằng 45 giờ thực tập tại cơ sở, làm tiểu luận, bài tập lớn, đồ án, khóa luận tốt nghiệp. [↑](#footnote-ref-2)